

Nguyên tác: Watanabe Hooyoo
(Độ Biên Bảo Dương)
Ootani Gyokoo
(Am Cốc Hành Hưởng)

Dịch giả: Sa Môn Thích Như Điển

Giáo chánh: Hoà Thượng Thích Bảo Lạc
Thượng Toạ Thích Đồng Văn

Trang trí bìa sách: Thượng Toạ Thích Nguyên Tạng
Đạo Hữu Quảng Tuệ Duyên

Đánh máy: Đại Đức Thích Hạnh Giả
Trình bày nội dung: Đại Đức Thích Hạnh Bản

Đa Bảo năm 2008 – Sydney Úc Đại Lợi

**Nguyên tác: Watanabe Hooyoo
Ootani Gyokoo
Việt dịch: Thích Như Điền**

Nhật Liên Tông Nhật Bản

**Chùa Viên Giác Hannover Đức Quốc và
Quý Phật Tử tại Mỹ Châu – Úc Châu – Âu Châu ấn tống
năm 2009**

Nhật Liên Tông Nhật Bản

Nguyên tác:
Watanabe Hooyoo
(Độ Biên Bảo Dương)
Ootani Gyokoo
(Am Cốc Hành Hưởng)

Dịch trực tiếp từ tiếng Nhật sang tiếng Việt:
Sa Môn Thích Như Điển
Phương Trượng Chùa Viên Giác
Hannover Đức Quốc

Tác phẩm thứ 54 này được bắt đầu dịch
vào ngày 10 tháng 11 năm 2008
và dịch xong vào ngày 12 tháng 12 năm 2008
nhằm ngày rằm tháng 11 năm Mậu Tý (Phật lịch 2552)
tại Tu Viện Đa Bảo, Úc Đại Lợi nhân nhập thất lần thứ 6.

Lời đầu sách

Năm 1222, Ngài Nhật Liên chào đời tại Nhật và trải qua một cuộc đời tu hành gian nan đầy thử thách suốt 60 năm, Ngài để lại cho Tông Nhật Liên ở Nhật nói riêng, Phật Giáo Nhật Bản nói chung một Phật sử oai hùng của người con Phật, thực hành hạnh nguyện Bồ Tát, theo tinh thần của giáo lý Pháp Hoa mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã dạy, dẫn thân vào đời cứu khổ nhân sinh

Ngài là hiện thân của Bồ Tát Thượng Hạnh, của chư vị Bồ Tát từ dưới đất vượt lên, lãnh hội lời Phật dạy lên đường theo hạnh nguyện cao cả, kế thừa sứ mệnh thiêng liêng phụng sự chúng sanh, cúng dường Chư Phật. Tuy hành trì Kinh Pháp Hoa không phải chỉ có Phật Giáo Nhật Bản, mà các nước Phật Giáo Đại Thừa hiện hữu như Trung Hoa, Đại Hàn, Việt Nam, Mông Cổ, Tây Tạng vẫn có nhiều hành giả nghiên cứu sâu và hành trì cẩn mật để sống trong giáo nghĩa Pháp Hoa và chứng ngộ, nhưng đặc biệt phải nói rằng giáo lý Phật Đà đến Nhật, dường như được người Nhật chế biến làm của riêng của mình hay của Tông phái mình. Ngài Thiên Thai Trí Giả Đại Sư, hành giả thâm tín, thực chứng thật nghĩa Kinh Pháp Hoa, vốn là người Trung Hoa thế kỷ thứ 7, thứ 8 đời thịnh Đường, nhưng hình ảnh của Ngài dường như mờ nhạt hơn Nhật Liên khi tư tưởng Pháp Hoa của Ngài du nhập vào Nhật Bản và tư tưởng Thiên Thai Trí Giả phải nhường vị trí quan trọng cho tín ngưỡng Nhật Liên trong tâm thức những ai hướng về Kinh Pháp Hoa, hành trì Kinh Pháp Hoa tại Nhật.

Tương tự như vậy, Thiền, Trà, Thi Văn, Kiếm, Nghệ Thuật Cắm Hoa v.v... tất cả đều được du nhập từ Ấn Độ, Trung Hoa, Đại Hàn, nhưng trở thành của người Nhật, khi hiện hữu trên xứ sở Hoa Anh Đào. Nói đến Zen, ai cũng liên tưởng đến Thiền của Nhật, dường như không mấy lưu tâm đến xuất xứ của nó vốn từ Ấn Độ hay Trung Hoa, dù Tông Lâm Tế hay Tào Động ở Nhật đã tiếp nhận nguồn nước tinh khiết của dòng chảy Thiền Tông Trung Hoa, bắt nguồn từ Ấn Độ xa xôi. Ngày nay nói về trà đạo (Chado), thi đạo (Shodo), kiếm đạo (Kendo), hoa đạo (Ikebana) v.v... ai ai cũng nhận thấy tất cả đã biến thái theo tinh thần của người Nhật. Về phương diện nhân sinh, phải nhận thức rằng đây là một điều tốt, bởi vì đã là thức ăn dù vật chất hay tinh thần đi nữa cũng phải cần được tái biến “recycle” trở lại để hợp với khẩu vị, và khoái cảm của dân tộc đó, nhưng về phương diện lịch sử, chúng ta thấy điều này có lẽ bị chủ quan hóa, dễ đưa đến cực đoan, bởi vì nói đến Kinh Pháp Hoa, tín đồ của Nhật Liên Tông ở Nhật sẽ không khỏi tự hào một cách sai lầm nước Nhật là sở hữu chủ Kinh Pháp Hoa phát xuất từ kim khẩu của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, một bản kinh vốn có nguyên bản Sanscrit minh chứng. Kinh Pháp Hoa là một trong những bản kinh Đại Thừa, có từ thời nguyên thủy, không phải mới xuất hiện sau này như Kinh Vu Lan, Kinh Báo Ân Phụ Mẫu, Thủy Sám, Lương Hoàng Sám v.v...

Để có một cái nhìn đúng đắn hơn dù ở phương diện lịch sử hay dân tộc, dù văn chương, chữ nghĩa hay giáo điều tư tưởng, thiết tưởng những bậc Thầy của Tông Môn cần hướng dẫn cho tín đồ hiểu rõ từ ngọn đến gốc, chứ không thể biết ngọn mà bỏ quên gốc lịch sử. Dĩ nhiên, về phương diện tín

ngưỡng có thể chấp nhận được, vì là niềm tin, một khi nói đến niềm tin, như Ngài Nhật Liên dạy cú tin! thay cho trí tuệ. Khi tin, tụng đọc cả ngàn, vạn pho kinh sách, trí tuệ sẽ phát sanh, quả là không sai, bởi vì trong lịch sử sự thật đó đã có. Tuy nhiên, như Nhật Áo, là đệ tử của Ngài Nhật Liên, tin vào pháp “*bất thọ bất thi*” một cách quá cực đoan, chỉ nhận cúng dường từ tín đồ và chư Tăng thuộc phái Nhật Liên, không cúng dường cho những ai khác Tông phái mình, thật sự không nên. Khi vị Tướng Quân thời Mạc Phủ thiết trai cúng dường Thiên Tăng Hội tại Kyoto, trong số chư Tăng được cung thỉnh có khoảng 100 vị tăng thuộc Nhật Liên Tông, Nhật Áo khẳng khái không tham dự, còn phản đối Nhật Trọng cùng những vị tăng khác tham dự nữa để rồi sanh ra bất đồng quan điểm giữa huynh đệ trong cùng môn phái với nhau, chưa kể đến bất đồng với những tông phái khác phái như Tịnh Độ hay Thiền.

Thế kỷ thứ 12 và 13 ở Nhật xuất hiện những bậc thánh tăng xuất chúng như: Pháp Nhiên Thượng Nhơn (Hoonen Shonin) Thân Loan Thánh Nhơn (Shinan Shonin) (thuộc Tịnh Độ Chơn Tông) Đạo Nguyên Thiền Sư (Dogen Zenshi) (Thiền Tào Động), Thiền Sư Dinh Tây (Eisai) (Thiền Lâm Tế) trở thành những bậc Đại Đạo Sư đương thời, Nhật Liên Thánh Nhơn (Nichiren Shonin) xuất hiện sau cùng vào giữa thế kỷ thứ 13, nhưng Ngài thổi vào Nhật một luồng sinh khí mới như hành trì Daimoku (Đề Mục) bằng 7 chữ “*Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh*” như đệ trình “*Lập Chánh An Quốc Luận*” cho triều đình Mạc Phủ, phân tích những hiểm họa từ bên trong (chư Tăng, Tông phái) và tai họa mất nước từ bên ngoài (Mông Cổ xâm lăng), dù cuộc đời Ngài phải trả giá bằng lao

đạo khôn khổ đến không lường của bốn lần pháp nạn khó quên. Tuy nhiên, cuối cùng vinh quang không phụ lòng người có chí hướng, Ngài được tôn phong bậc Thánh được gọi là Thánh Nhơn, được thần tượng như vị Đại Bồ Tát.

Thật vậy, suốt cuộc đời Ngài và những đệ tử của Ngài chỉ sống với niềm tin cứu độ của Kinh Pháp Hoa dành cho chúng sanh trong thời mạt pháp. Ngài là hiện thân của Bồ Tát Thượng Hạnh ngày xưa trong pháp hội Linh Sơn dẫn thân vào đời. Bao nhiêu hình phạt, bao nhiêu tội bị gán ghép, bao nhiêu khổ nhục khi bị lưu đày ra Sado hay Long Khẩu hay ở Tùng Nguyên v.v... với Ngài, chỉ là những chương duyên thử tâm hành giả hành Bồ Tát hạnh thôi.

Câu tục ngữ của người Tây phương: *“Thiên Tài và vĩ nhân chỉ một phần trăm; còn chín mươi chín phần trăm là mồ hôi của chính họ”* thật quá đúng với mọi trường hợp dành cho người hành Bồ Tát hạnh dẫn thân vào đời cứu độ nhân sinh.

Chúng tôi vẫn thường hay nói: *“Trong thế gian này, người trí thức thì nhiều nhưng tri thức thì ít”*. Thế nào là người trí thức? Theo chúng tôi, người trí thức sống khôn ngoan, hiểu biết lý sự, có thể nhiều mưu lược kế. Còn người tri thức biết mình, nhận rõ tâm mình, hiểu được tâm mình và sống chân thành với chân tâm. Nói cách khác, trí thức là cái biết bề ngoài, tri thức là cái biết và sống với bên trong. Đôi lúc chúng tôi cũng nói: *“Phải chăng người có kiến thức rất nhiều, nhưng người kiến tánh thì ít”* bởi vì chữ **Kiến** là thấy, **Thức** là biết, là phân biệt, nào là cái này tốt, cái kia xấu, nào là cái này hay, cái

kia dỡ. Còn **Tánh** là bốn tánh trong sáng, thanh tịnh, cho nên thấy được tánh không phải dễ dàng, bởi vì đối tượng của Kiến, ẩn tàng bên trong của mỗi người.

Cuộc đời của các vị Tổ Đức ngày xưa ít ai đỗ bằng Cử Nhân, Cao Học, Tiến Sĩ nhưng “**Trụ tích chân vương kỳ**” như Vạn Hạnh Thiền Sư đời Lý, một bậc Cao Tăng, một không hai trong lịch sử Việt Nam. Vua Lý Thái Tổ (1010) xây nghiệp đế, nhưng nếu không nhờ cây tích trượng của Thiền Sư Vạn Hạnh chống giữ để đô Thăng Long làm gì mà Triều Lý có được hơn 200 năm lịch sử huy hoàng ấy. Những bậc Chân Tăng của Trung Hoa, Đại Hàn, Nhật Bản xưa cũng như nay đều dụng công miên mật chốn A Lan Nhã, không phải đi tu hình thức. Có như thế Chứa Nguyễn Phúc Chu mới thọ Bồ Tát Giới tại gia với Ngài Thạch Liêm Thích Đại Sán vào cuối thế kỷ thứ 17 (1694) tại Kinh Đô Phú Xuân với Pháp hiệu Thiền Túng Đạo Nhân. Quốc Chứa có nói một câu rất thâm thúy: “**Ta cầm guơm vàng chốn triều đình không bằng vị Tăng chống tích trượng ở Thiền Môn**”. Khi Hoàng Thượng Trần Thái Tông vào núi Yên Tử cầu giải thoát thốt lên câu nói bất hủ: “**Trẫm xem ngai vàng như đôi dép bỏ**”. Hoàng Đế Khang Hy đầu thế kỷ thứ 17 ở Trung Hoa, từng bảo rằng: “**Cả cuộc đời làm vua của Trẫm chưa bằng sống nửa ngày và nửa chiếc y của một người xuất gia**”. Quả là đời sống của bậc xuất gia là đời sống rất cao cả. Sâu thẳm bên trong tâm thức mới chính là điều cần phải tìm chứ không phải ở bên ngoài.

Chúng tôi được may mắn từng du học ở Nhật từ năm 1972 đến năm 1977. Lúc ấy, thật sự chúng tôi không nghĩ có

hôm nay được thuận duyên dịch những tác phẩm từ Nhật ngữ sang Việt ngữ để cống hiến quý độc giả Phật Tử Việt Nam đó đây. Âu cũng là nhân duyên báo ân nước Nhật, đã trao cho tôi cơm, gạo, nước và tinh thần trong thời gian gần sáu năm trên. Vừa rồi (năm 2008), chúng tôi hướng dẫn một phái đoàn hành hương gồm 32 vị từ Âu Châu và Mỹ Châu đến Nhật, thăm Chùa Honryuji (Bồn Lập Tự) tại Hachioji, nơi tôi tá túc tu niệm trong thời gian du học, tham dự lễ đặt đá đầu tiên xây Chùa Việt Nam tại Nhật, thăm trường Đại Học ngày xưa, nơi tôi đèn sách và đặc biệt viếng thăm Đức Địa Tạng linh thiêng không có đầu tại Fuchu, Hiroshima thật cảm động.

Hồi đó, ở Chùa Honryuji thuộc Nhật Liên Tông, hằng ngày chúng tôi cùng với chư Tăng sinh viên vị Trụ Trì tụng Kinh Pháp Hoa phẩm Phương Tiện thứ 2, phẩm Như Lai Thọ Lượng thứ 16 bằng tiếng Nhật, xem quý Thầy tu khổ hạnh (Aragyoo), tắm nước lạnh tại Chùa v.v... dọn dẹp vườn Chùa, quét mộ, đi đám ma, viết Toba v.v... nhưng chúng tôi nghĩ, vẫn chưa làm được gì cho Chùa. Năm nay, ngày 9 tháng 10 năm 2008 được gặp Hoà Thượng Trụ Trì Oikawa Shinkai cùng Tăng chúng bồn tự cũng như gia đình, sau hơn 30 năm (từ năm 1977) xa Nhật, chúng tôi thấy dường như có cái gì đó rất gần gũi, thiện cảm và đạo tình.

Đặc biệt, phái đoàn đến Fuchu vào ngày 14 đến 16.10.2008 tại Hiroshima, đánh lễ Đức Địa Tạng Vương không có đầu, mà chúng tôi được biết Ngài đã cứu chữa hằng trăm ngàn căn bệnh ngặt nghèo khác nhau cho người Nhật. Sở dĩ chọn hành hương tham quan địa phương này vì chúng tôi nhân

duyên dịch tác phẩm: “*Những mẫu chuyện linh ứng của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát ở Fuchu*” từ Nhật ngữ sang Việt ngữ.

Chúng tôi phát nguyện dịch 5 Tông phái chính của Nhật Bản từ Nhật ngữ sang Việt ngữ cho đến hôm nay đã xong 4 Tông phái: Lâm Tế Tông, Tịnh Độ Tông, Tào Động Tông và Nhật Liên Tông. Chỉ còn một Tông Chơn Ngôn nữa có thể sang năm 2009 chúng tôi sẽ dịch nốt. Dĩ nhiên, vẫn còn nhiều Tông khác nữa như: Hoa Nghiêm Tông, Pháp Tướng Tông, Thời Tông v.v... nhưng xin chỉ dịch 5 Tông phái chính này thôi.

Sở dĩ chúng tôi phát nguyện dịch như thế vì muốn thế hệ sau có tài liệu mà tham cứu, học hỏi, nếu muốn nghiên cứu về Phật Giáo Nhật Bản, không như ngày xưa cách đây 40 năm về trước, chúng tôi hầu như không biết gì về nước Nhật trước khi đi Nhật. Đó là nguồn động lực chính để chúng tôi làm việc này.

Chúng tôi đọc qua tác phẩm này lần đầu vào ngày 6 tháng 6 năm 2008 và đọc xong vào ngày 18 tháng 7 năm 2008 tại Niệm Phật Đường Thảo Đường, Moscow – Nga Sô, nhưng phải được đến thời gian tịnh tu nhập thất lần thứ 6 tại Tu Viện Đa Bảo – Úc Đại Lợi, chúng tôi mới thực hiện việc phiên dịch. Tác phẩm này chúng tôi bắt đầu dịch sang Việt ngữ ngày 10 tháng 11 năm 2008 và đến ngày 12 tháng 12 năm 2008 nhằm ngày rằm tháng 11 năm Mậu Tý hoàn thành bản dịch 270 trang đánh máy chữ nhỏ A5, chuyển sang lối viết tay độ hơn 330 trang cỡ A4 hơn một tháng miệt mài làm việc, mỗi ngày 5 đến 6 tiếng đồng hồ. Đại Đức Thích Hạnh Giả, đệ tử thị giả của chúng tôi phát tâm đánh vào computer và chuyển cho Thượng

Toạ Thích Đồng Văn giáo chánh phần văn phong trước khi gửi đến Hoà Thượng Thích Bảo Lạc hiệu đính. Cuối cùng Đại Đức Thích Hạnh Bồn trình bày layout. Riêng phần trang trí bìa sách, chúng tôi nhờ Đại Đức Thích Nguyên Tạng và Đạo Hữu Quảng Tuệ Duyên.

Điều đáng ngạc nhiên là Đại Đức Thích Hạnh Giả, dù sinh tại Việt Nam, nhưng sang Đức tuổi còn rất nhỏ, lớn lên và đi học tốt nghiệp Cao Học tại Đức, hẳn nhiên tiếng Đức, tiếng Anh là ngôn ngữ chính, tuy nhiên dù không học tiếng Việt nhiều nhưng vẫn đọc được tất cả chữ viết ngoằn ngoèo, xấu xí của chúng tôi, đánh máy không có lỗi chính tả nhiều, khiến cho không những chúng tôi mà Thượng Toạ Thích Đồng Văn ngạc nhiên vô cùng.

Năm nay có Đại Đức Thích Phổ Tấn, đệ tử của Hoà Thượng Thích Chơn Thành trụ trì Chùa Liên Hoa ở Garden Grove, California, Hoa Kỳ tháp tùng đi hành hương chiêm bái những thánh tích Phật Giáo với phái đoàn chúng tôi từ Nhật Bản, sang Ấn Độ, qua Lào rồi Thái Lan và cuối cùng sang Tu Viện Đa Bảo cùng nhập thất và chăm sóc cho chúng tôi mọi phương diện, để chúng tôi có đầy đủ thời giờ cũng như sức khoẻ mà phiên dịch và tịnh tu. Ân ấy xin vô vàn tri ân và niệm tưởng.

Mỗi một cánh hoa mọc lan màu trắng thơm phức hay những cành hoa màu tím, tôi không biết tên, vì ở Âu Châu không có hoa đó, mà mỗi lần quý Thầy về Pháp Bảo, quý Sư Cô gửi lên Đa Bảo cúng dường Phật, tỏa ngát hương thơm trong và ngoài tịnh thất. Những lo lắng, hỏi han, thăm viếng,

những trái cây nhiệt đới, những rau cải Việt Nam v.v... là những cánh thư không lời gửi đi từ Pháp Bảo sang Đa Bảo mà ít khi nhận được hồi âm là những giọt mật dưỡng sinh cho Thầy trò chúng tôi trong những ngày mưa nhiều hơn nắng tại Đa Bảo trong năm này. Xin niệm ân tất cả quý Sư Cô: Giác Anh, Giác Duyên, Giác Trí, Giác Niệm và sư chú Giác Thuần.

Cảm niệm công đức Đại Đức Thích Phổ Huân, Trụ Trì Chùa Pháp Bảo mỗi tuần đều mang đến cho tôi những món ăn tinh thần như báo chí, sách vở để chúng tôi ghi nhận những thông tin thế giới chung quanh mình đang đã và đang xảy ra.

Đồng thời, chúng tôi cũng xin cảm ơn tất cả quý Đạo Hữu, quý Phật Tử gần xa hỗ trợ ấn tống để dịch phẩm được ra mắt quý độc giả đó đây. Nếu không có phần đóng góp của quý vị tại Đức, Âu Châu, Úc Châu và Mỹ Châu thì tác phẩm hẳn không đủ nhân duyên đến với mọi người. Xin chân thành cảm niệm tất cả về những phước báu cúng dường ấn tống này.

Thành kính niệm ân Hoà Thượng Sư Huynh Thích Bảo Lạc, nếu không có sự bảo bọc của Hòa Thượng cũng như hiệu đính, chắc chắn tác phẩm không được mỹ mãn. Hẳn nhiên, chúng tôi không quên sự phát tâm của Thượng Tọa Thích Đồng Văn góp phần vào công việc nhuận văn để người đọc không cảm thấy văn phong Nhật ngữ trong dịch phẩm. Cảm niệm công đức Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng khuyến khích Cô Quảng Tuệ Duyên, đệ tử của mình tạo một bìa sách thật đẹp, có giá trị tri thức và tâm linh. Tận tâm khảm của mình, chúng tôi xin chân thành tri ân những hình ảnh đẹp ấy.

Lời cuối xin niệm ân tất cả Thầy Tổ, huynh đệ, học trò, đệ tử, y chỉ, Phật Tử v.v... người ở xa cũng như người ở gần cho tôi có được nhiều thuận duyên trong công việc dịch thuật. Để báo ân đáp nghĩa cao cả ấy, chúng tôi xin trang trải những sợi tơ đạo tình đạo vị của mình qua chữ nghĩa văn chương dệt nên những trang lụa tâm linh cho đời, ngõ hầu may thêm những chiếc áo mới trang sức cho nội tâm cũng như hình thức và làm đẹp cho chính mỗi người.

Tu Viên Đa Bảo – Úc Đại Lợi
nhân mùa tịnh tu nhập thất lần thứ 6
Phật lịch 2552, ngày 12 tháng 12 năm 2008
Dịch giả: Sa Môn Thích Như Điển

Mục Lục

Chương Mở Đầu	23
Watanabe Hooyoo	23
I. Văn hóa Nhật Bản và truyền thống Kinh Pháp Hoa	23
I.1 Tín ngưỡng Kinh Pháp Hoa phát triển rộng lớn	25
I.2 Truyền Thống Kinh Pháp Hoa và Văn Hoá Nhật Bản	27
I.3 Nhật Liên Thánh Nhơn xuất hiện	31
I.4 Lý tưởng Kinh Pháp Hoa đối với cuộc sống	33
Chương Một.....	35
Watanabe Hooyoo	35
II. Cuộc đời và nơi sinh của Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn	35
II.1 Nơi sinh và pháp môn thọ trì Đề Mục	38
II.2 An Phòng Tiểu Thấu – Nơi đản sinh	40
II.3 Chùa Thanh Trùng – Nơi xuất gia	41
II.4 Tỉ Duệ Sơn – Nơi tham học	42
II.5 Chùa Thanh Trùng – Nơi khai Tông lập Giáo	44
II.6 Đổi đạo hiệu thành Nhật Liên	46
II.7 Lập Chánh An Quốc Luận	48
II.8 Bốn thời kỳ đại pháp nạn	49
II.9 Những ngày tại Đảo Sadoo	54
II.10 Tu tại núi Minobu	57
II.11 Tín Đồ của Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn	60
II.12 Ikegami – Nơi Nhập Diệt	61
Chương Hai	63
Watanabe Hooyoo	63
III. Kinh Pháp Hoa và Tư Tưởng Căn Bản Nhật Liên Tông	63
III.1 Pháp môn căn bản của Nhật Liên Thánh Nhơn.	65
III.2 Giáo lý 5 phương diện cơ bản của Ngài Nhật Liên	78

III.3	Niềm tin của Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn và sự thể nghiệm	83
Chương Ba		91
Ootani Gyookoo.....		91
IV.	Bút Tích của Nhật Liên Thánh Nhơn	91
IV.1	Lướt qua những bút tích của Nhật Liên Thánh Nhơn	93
IV.2	Giáo Huấn của Nhật Liên Thánh Nhơn trong bản văn lưu lại	94
Chương Tư		123
Ootani Gyookoo.....		123
V.	Sự phát triển môn hạ của Nhật Liên Thánh Nhơn	123
V.1	Nhật Trì truyền đạo ở Hải Ngoại	125
V.2	Nhật Hưng lia khỏi Minobuzan	128
V.3	Nhật Tượng hoằng dương Phật Pháp tại Kyoto	131
V.4	Nhật Thân (Nitsushin) có nhiều pháp nạn	135
V.5	Nhật Triều cải cách tại Minobuzan	140
V.6	Quan điểm về Nhật Liên Tông đối với người Thiên Chúa	143
V.7	Nhật Áo - sự kiện Bất Thọ Bất Thí	146
V.8	Nguyên Chính - giới trí thức văn nghệ	150
V.9	Tân cư Nhật Tát – thời Minh Trị Duy Tân	154
V.10	Hoạt động và lý tưởng của Nhật Liên thời cận đại	158
Chương Năm		161
Ootani Gyookoo.....		161
VI.	Tín Ngưỡng và Tác Pháp	161
VI.1	Phật sự trong năm của Nhật Liên Tông	163
VI.2	Phật sự trong năm tại các chùa thuộc Nhật Liên Tông	173
VI.3	Những việc làm cần mẫn hằng ngày	186
Chương Sáu		205
Ootani Gyookoo.....		205

VII.	Những Phật Sự Tâm Đắc	205
VII.1	Tang Nghi (Nghi lễ chôn cất)	207
VII.2	Ý nghĩa của tán thán công đức (Truy Thiện Pháp Yếu)	222
Chương Bảy.....		229
Watanabe Hooyoo		229
VIII.	Hình thức cầu nguyện	229
VIII.1	Đàn gia (Danka) và Tín đồ (Shinto)	231
VIII.2	Lễ xuất gia và lễ nhập đạo	232
VIII.3	Lễ Quy Y (Kiseishiki)	233
VIII.4	Lời hứa hẹn và tư tưởng tự nhiên	234
VIII.5	Việc thọ trì tin thực hành là căn bản	235
VIII.6	Giảng giải Đề Mục và múa theo Đề Mục	237
VIII.7	Tham bái những thánh tích (Reiseki)	238
VIII.8	Việc tu hành đánh trống xướng đề mục	240
VIII.9	Tu tắm nước lạnh	241
VIII.10	Xướng Đề và đọc Kinh	242
VIII.11	Xướng Đề và nhắm mắt để tư duy	244
VIII.12	Cầu nguyện cho Đại Hoang Hạnh	245
VIII.13	Việc cầu nguyện và việc Thần bí	247
Chương Tám.....		251
Ootani Gyookoo.....		251
IX.	Tiếp xúc với các tự viện	251
IX.1	Tham bái Thánh tích	253
IX.2	Những ngôi Chùa thuộc về tín ngưỡng của bình dân	281
Chương Chín.....		289
Watanabe Hooyoo		289
X.	Những người sống với Kinh Pháp Hoa	289

Chương cuối.....	313
XI. Nhật Liên Tông ngày nay và tương lai	315
XII. Những sách cần tham khảo thêm	321
XII.1 Kinh Pháp Hoa	321
XII.2 Nhật Liên Thánh Nhơn Di văn	322
XII.3 Nhật Liên Thánh Nhơn truyện	323
XII.4 Những lời dạy của Nhật Liên Thánh Nhơn	324
XII.5 Những môn đệ của Nhật Liên Thánh Nhơn	325
XII.6 Lịch sử Nhật Liên Tông	326
XII.7 Nhật Liên Tông tự viện	326
XII.8 Nghi lễ của Nhật Liên Tông	327
XII.9 Sách giảng có tính cách chung chung về Nhật Liên Tông	327
XII.10 Từ Điển	329
XII.11 Những sách tham khảo chính	330
XIII. Lời cuối	349
XIV. Tiểu Sử Tác Giả	351
XIV.1 Wanatabe Hooyoo,	351
XIV.2 Ootani Gyookoo,	351

Nhật Liên Tông Tôn Giáo của chúng ta

Chương Mở Đầu

Watanabe Hooyoo

I. Văn hóa Nhật Bản và truyền thống Kinh
Pháp Hoa

I.1 Tín ngưỡng Kinh Pháp Hoa phát triển rộng lớn

Trực tâm mà nói Phật Giáo đóng vai trò vô cùng quan trọng trong Xã Hội và Tôn Giáo ở Nhật Bản, bởi từ thời đại Bình An (Heian) đến thời đại Kiềm Thương (Kamakura), sự việc Phật Giáo Nhật Bản phát triển thành Phật Giáo Tông Phái là một hiện thực cho những ai quan tâm đến, mà trong đó, Nhật Liên Tông cũng được quan tâm không kém.

Tác phẩm này một khi được xuất bản sẽ trực tiếp trả lời những nghi vấn về Nhật Liên Tông, đặc biệt cuộc đời tu hành nghiêm tịnh và cuộc sống tâm linh huyền diệu của Nhật Liên Thánh Nhơn, mà thật chẳng sai chút nào nếu chọn vùng đất Thánh Minobuzan (Thân Diên Sơn) làm biểu tượng trọng tâm tín ngưỡng.

Thế nhưng, từ cái nhìn đại chúng, chúng tôi nhận thấy Nhật Liên Thánh Nhơn là vị Tổ duy nhất được rất nhiều tín đồ không những Nhật Liên Tông mà các tông phái khác đều tôn kính và ngưỡng mộ. Nói cách khác, thật không sai nếu cho rằng hiện nay những ai, trong tâm thức họ hiện hữu niềm tin đối với Kinh Pháp Hoa, người đó quy hướng Nhật Liên Tông, bởi vì tin Kinh Pháp Hoa nghĩa là trong tư duy họ đã dung chứa quan điểm của Nhật Liên. Tại sao vậy?

Lý do thứ nhất, Ngài Nhật Liên Thánh Nhân là Tông Tổ xuất hiện sau cùng vào cuối đời Phật Giáo thời Kiềm Thương (Kamakura), sau quý Ngài Pháp Nhiên Thượng Nhơn (Hoonen

Shoonin), Thân Loan Thánh Nhơn (Shinran Shoonin) và Đạo Nguyên Thiền Sư (Doogen Zenji).

Lý do thứ hai, căn cứ tình trạng Phật Giáo Nhật Bản hiện nay, chúng ta thấy rằng Nhật Liên Thánh Nhơn là người xiển dương Giáo Lý Kinh Pháp Hoa trong thời mạt Pháp này, thiết lập pháp môn quán đề mục (Daimoku) và kiến tạo Phật Giáo Nhật Bản thành hai trường phái lớn đó là: tín thọ câu niệm Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh và tín thọ câu niệm Phật Nam Mô A Di Đà Phật.

Lý tưởng tu hành của Tịnh Độ Tông cũng như những Tông Phái ngoài Tịnh Độ Chơn Tông như : Thiên Thai Tông (Tendaishuu), Chơn Ngôn Tông (Shingonshuu), Lâm Tế Tông (Rinzaishuu) và Tào Động Tông (Sootooshuu) đều chung mục đích mang lại tâm an cho con người trong đời này và đời sau. Thế nhưng ảnh hưởng của pháp môn niệm Phật ngày càng rộng lớn hơn, cho nên những tông phái khác cũng chấp nhận pháp niệm Phật, bởi vì niệm Phật dung thông tất cả các pháp môn, trong khi đó, tín đồ Nhật Liên Tông lại niệm Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, cho nên bị người niệm Phật cự tuyệt, bị xem là một dị phái, dù Kinh Pháp Hoa là một bản Kinh được kết tập từ lời dạy của Đức Thích Ca Mâu Ni, được truyền bá từ Ấn Độ đến Trung Quốc và Nhật Bản, mà tín đồ Thiên Thai Tông, Tào Động Tông đều trì tụng.

Tuy nhiên, pháp môn tín thọ Đề Mục vẫn được truyền bá rộng rãi trong đại chúng, dần dần khẳng định tín ngưỡng Kinh Pháp Hoa như là tín ngưỡng Daimoku (niệm danh hiệu Kinh),

vì thế Tông Nhật Liên để lại ấn tượng sâu sắc trong niềm tin của mọi người cho đến ngày nay.

I.2 Truyền Thống Kinh Pháp Hoa và Văn Hoá Nhật Bản

Nếu thế, Kinh Pháp Hoa chiếm vị trí như thế nào trong văn hoá Nhật Bản?

Thánh Đức Thái Tử (Shootoku taishi) (574-622) là người đầu tiên giảng Kinh Pháp Hoa, mà ngày nay còn truyền lại bản văn “Pháp Hoa Nghĩa Sớ”, nguồn gốc chính thành hình “Ba Kinh Nghĩa Sớ” gồm “Pháp Hoa Nghĩa Sớ”, “Duy Ma Kinh Nghĩa Sớ” và “Thắng Man Kinh Nghĩa Sớ”. Ngay cả, Hiến Pháp 17 điều của Thánh Đức Thái Tử ghi rằng: “Hãy lấy chữ Hoà làm quý” cũng là minh chứng rõ ràng xuất phát từ nền tảng căn bản của giáo lý Phật Giáo.

Thứ nữa, phải nói rằng ở Nhật Bản, kinh Pháp Hoa được xiển dương nhờ công đức Ngài Truyền Giáo Đại Sư Tối Trùng (767-822), người sống cùng thời với Ngài Hoàng Pháp Đại Sư Không Hải (774-835) là vị cao tăng sang Trung Hoa du học và lãnh hội giáo lý Tông Thiên Thai Pháp Hoa. Khi về nước, Ngài được Hoàn Vũ Thiên Hoàng và Tha Nga Thiên Hoàng tôn kính, thọ pháp và hành trì.

Trước đó, Phật Giáo Nhật Bản nằm trong sự điều hành của chư vị Tăng Cang trú trì các chùa lớn tại Nara (Nại Lương) như Đông Đại Tự (Toudaiji), Trúc Tử Quán Thế Âm Tự, Hạ Dã Dược Sư Tự, thế nhưng cho đến thời gian này, người xuất

gia sau khi thọ giới, theo sắc chỉ của nhà vua, phải thọ thêm giới đàn Viên Đốn, núi Tỉ Duệ, vừa được thành lập tại địa phương, nơi mà Ngài Truyền Giáo Đại Sư trụ trì, để nhận giới Đại Thừa Bồ Tát nữa.

Ngoại trừ chùa trung tâm Toodaiji (Đông Đại Tự) và bảy chùa ở Nara, Tông Thiên Thai Pháp Hoa truyền bá vô cùng rộng rãi thuộc các chùa nhỏ của Tăng Ni trong cả nước, bởi trước đó, các chùa Ni đã có quan niệm rằng tụng Kinh Pháp Hoa để sám hối diệt tội, phải nói rằng đó là những bước đi đầu tiên của tín đồ tín ngưỡng Kinh Pháp Hoa, trước khi Tông Thiên Thai được hoàng truyền rộng rãi.

Niềm tin Kinh Pháp Hoa của người dân được ghi lại ít nhiều qua những câu chuyện trong các tác phẩm văn học như:

- “Nhật Bản quốc hiện báo thiện ác linh dị ký” (viết tắt là “Nhật Bản linh dị ký”) viết vào khoảng 810-823.
- “Bổn Triều Pháp Hoa nghiệm ký” (vào thời kỳ Trường Cửu 1040-1044 được hình thành).
- “Kim Tích Vật Ngữ Tập” (hình thành vào khoảng thế kỷ thứ 12) v.v...

Trong những tác phẩm ấy, chúng ta thấy hình ảnh những con người mang tâm nguyện tìm cầu Phật Đạo. Ai đó, dù học cao đến đâu đi nữa nhưng nếu có những hành vi bất thiện trong kiếp này hoặc kiếp trước, chắc chắn phải đọa vào đường ác trong đời này và sẽ tiếp tục thọ nhận trong đời sau.

Người ta nhắc đi nhắc lại những câu chuyện bất tư nghì đại loại như thế, đồng thời những câu chuyện ấy rất có hiệu

quả và linh nghiệm trong đời này cũng như đời sau như Kinh Pháp Hoa đã dạy.

Núi Tỉ Duệ được xem là trung tâm giảng giải giáo nghĩa Kinh Pháp Hoa, đồng thời kinh Pháp Hoa được truyền bá rộng trong xã hội bởi vì phù hợp với trình độ của người dân, ở đó từ tác phẩm văn chương cao siêu cho đến ca dao bình dân mộc mạc cũng đều ảnh hưởng ít nhiều tín ngưỡng kinh Pháp Hoa, sẽ có ví dụ sau. Tín ngưỡng kinh Pháp Hoa được tường thuật trong những câu chuyện dân gian của Nguyên Thị chúng ta có thể tìm thấy trong tác phẩm nổi tiếng của Thiên Thai Đại Sư như: “Thiên Thai Tam Đại Bộ”, “Pháp Hoa Huyền Nghĩa”, “Pháp Hoa Văn Cứ”, “Duy Ma Chỉ Quán”. Kinh Pháp Hoa được giải thích trong những câu chuyện dân gian ấy cũng ảnh hưởng sâu đậm trong giai cấp quý tộc thời Bình An (Heian). Ngược lại có những bài ca tán dương giáo lý của Phật Đà Thích Ca cũng được sửa thành những bài ca dao dân gian. Có nhiều bài ca ngâm vịnh với chủ đề trình bày 28 phẩm kinh Pháp Hoa, xin thử trích ra đây một phần nhỏ để biết.

*Ngày mông năm của tháng năm,
Nên đem phẩm vật kính dâng cúng dường.*

Tử Thức Bộ

*Vừa ra khỏi cửa nghe ba việc,
Quả báo như vậy nghĩ không ra.*

Đặng Nguyên Công Nhiệm

*Đường giải thoát một khi ta cất bước,
Chón Niết Bàn chắc chắn sẽ đến thôi.*

Đặng Nguyên Công Nhiệm

*Tâm như ngọc càng tu càng sáng,
Thân vô thường tỏ ngộ thoáng mây qua.*

Tây Hành Pháp Sư

*Như lá thu rơi lả tả trên đồng,
Sương trắng phủ quanh mặt hồ sen lạnh.*

Tây Hành Pháp Sư

*Dẫu cuộc đời có ra ngoài giới hạn,
Giáo Pháp này không dễ để được nghe.*

Đặng Nguyên Tuấn Thành

*Mùa xuân mưa thấm cỏ cây,
Tươi xanh muôn vật, không gì tốt hơn.*

Đặng Nguyên Tuấn Thành

Thiền Sư Đạo Nguyên, vị khai sáng Tông Tào Động (1200-1253) sáng tác bài ca (***Tản Tùng Đạo Vịnh***) vịnh Kinh Pháp Hoa như sau:

*Đêm qua vang vọng nẻo Như Lai,
Thánh thoát thanh âm quá tuyệt vời,
Ai rõ ý Kinh đời hiện tại,
Vẫn còn hạn lượng Pháp tương lai,
Sông núi không sao bằng chí nguyện,
Đời đời xung tán mãi không thôi.*

Không phải chỉ có vậy mà hầu như những trước tác chính của Ngài Đạo Nguyên Thiền Sư như: “Chánh Pháp Nhãn Tạng” cũng giải thích cặn kẽ về sự ngộ đạo của Phật Thích Ca Mâu Ni theo quan điểm của Kinh Pháp Hoa nữa.

1.3 Nhật Liên Thánh Nhơn xuất hiện

Nhật Liên Thánh Nhơn sanh gần phía nam bán đảo Phòng Tổng khoảng 30 năm sau thời Kamakura Bakufu (Kiêm Thương Mạc Phủ). Làng ấy ngày nay vẫn còn, tuy nhiên có thể lúc bấy giờ Ngài Nhật Liên sinh ra gần đó thôi, bởi vì có ý kiến cho rằng nơi Ngài sanh là vùng tiếp giáp với ven biển Thái Bình Dương, mà người ta có thể chọn lầm, vì các địa phương có sự sinh hoạt ngày đó như Bạch Tân, Thắng Bồ, Tứ Quốc, Nam Kỳ, Phòng Tổng v.v... dính liền với nhau, ngay cả ngày nay người ta vẫn còn lui tới những nơi này, nhưng không thể tìm ra một điểm chung nào cả, bởi vì Kamakura là một thời đặc biệt, trên phương diện nào đó, khó có thể tưởng tượng nơi nào Ngài đã sanh ra, cho nên nơi đó vẫn còn trong sự nghi vấn và hoàn toàn bí mật.

Nhật Liên Thánh Nhơn nhận được Kinh Pháp Hoa khi Ngài phát nguyện tu học tại Chùa Thanh Trừng thuộc Thiên Thai Mật Giáo. Tại đây, Ngài không những tinh cần nỗ lực hành trì, mà còn thiết tha cầu học giáo lý Phật Đà thậm thâm vi diệu nữa. Thời đó, vì kinh đô của triều đại Kamakura nằm ở miền Nam, cho nên Ngài phải lặn lội đến Kyoto, Nara lưu học trong các chùa ở Tỉ Duệ, chính nơi này đã hội đủ cơ duyên để Ngài tiếp nhận Kinh Pháp Hoa khi tham cứu ở đây. Thật ra, Ngài tiếp nhận Kinh Pháp Hoa không phải vì tham cứu Kinh điển thuộc Thiên Thai Pháp Hoa Tông, mà vì lúc bấy giờ tình hình chính trị, xã hội lẫn văn hóa tại Nhật đang bị dao động. Những ngôi làng độc lập mà Kamakura Bakufu thành lập ở phía đông Kinh đô không còn tự lập nữa. Sống trong hoàn

cảnh ấy Nhật Liên Thánh Nhơn trực diện với những khổ tâm của con người, khó khăn của cuộc sống, cho nên phải tìm một phương thức sống mới phù hợp với thời đại mới. Kết quả, Ngài đọc Kinh Pháp Hoa, cảm nhận rằng sứ mệnh của Ngài phải tiếp tục duy trì và xiển dương Kinh Pháp Hoa, chính Ngài áp dụng giáo lý thâm thâm vi diệu trong Kinh vào xã hội đương thời. Điều này giúp chúng ta có thể chấp nhận rằng việc tiếp nhận Kinh Pháp Hoa của Ngài thật là ý nghĩa, bởi vì giáo lý thâm thâm vi diệu của Kinh Pháp Hoa không phải chỉ nhằm vào đối tượng là những người xuất gia mà trình bày sự thoát khổ cho con người trong mọi thời đại một cách trực diện nhất (Phẩm Vị Lai - dự ngôn). Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn đã phát đại nguyện hoàn thành sứ mệnh cứu khổ độ sanh trong thời mạt pháp như Kinh Pháp Hoa đã dạy.

Năm 32 tuổi, nhằm năm Kiến Trường thứ 5 (1253), trở về An Phòng, cố hương của mình, Ngài trú tại Chùa Thanh Trừng trình bày tín ngưỡng này, nhưng gặp Pháp Nạn ngay lập tức. Thật ra, sau thời Kamakura, những nạn khổ liên tục xảy ra trong cuộc đời của Ngài khi đi hoằng pháp, mà những việc này sẽ được tường thuật sau. Tóm lại, Ngài lấy Kinh Pháp Hoa làm trung tâm giải thích giáo lý Phật Đà, cho dù trước đó Kinh Pháp Hoa đã được truyền thừa nhưng mãi đến bây giờ, những việc Ngài làm mới là dấu hiệu tinh hoa của một bông hoa bắt đầu hé nở.

I.4 Lý tưởng Kinh Pháp Hoa đối với cuộc sống

Phải nói rằng Phật Giáo Pháp Hoa của Nhật Liên Thánh Nhơn có khuynh hướng trình bày phương diện đặc thù này, nếu nghiên cứu kỹ, chúng ta nhận thấy không những điều ấy vẫn còn lưu lại không phải là ít trong sách vở, mà còn trong những bản văn quan trọng, trong những bài thuyết pháp, và trong các tác phẩm văn học. Dù cho rằng Tôn Giáo của Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn rất nổi bật, nhưng chúng ta không được phép quên sự truyền thừa của Kinh Pháp Hoa và có thể nói rằng giáo lý Kinh Pháp Hoa của Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn còn vượt lên cao hơn vấn đề này, ở một phương diện nào đó. Đồng thời, tùy theo thời đại, những tín đồ của Nhật Liên Tông đã phát huy thêm để đóa hoa kia nở mãi. Điều này chính là việc kế thừa thật ý nghĩa trong đời sống văn hóa cũng như tinh thần vậy.

Từ quan điểm của tín đồ Nhật Liên Tông, điều trước tiên có thể đưa ra ở đây là chí hướng của việc cải cách, mà có thể cũng là sự kế thừa tinh thần của Lập Chánh An Quốc trong phần “Phá Tà Hiểm Chánh”. Dù ở thời đại Showa (Chiêu Hoà), những người như Thạch Kiều Thâm Sơn, Thổ Quang Mẫn Phu, Vũ Kiến Thái Lang v.v... vẫn nhận ra tinh thần cải cách trong cuộc sống của con người. Điều thứ hai như trên đã nói phương diện tinh thần và văn hoá hình thành nhiều con người mang nhiều quan điểm dị biệt về thế giới. Nếu từ cái nhìn kiến thiết về nghệ thuật thôn xóm của Bồn A Di Quang Duyệt thời đại Edo (Giang Hộ), Cung Trạch Hiền Trị biết rõ những hoạt động cộng đồng của nông dân. Từ đó, chúng tôi có cái nhìn về Nhật

Liên Tông, Tôn Giáo của chúng ta một cách đúng đắn, không chỉ để tăng trí thức, mà phải xem như một công việc không thể dừng nghỉ được. Ở nơi thâm sâu, lý tưởng Nhật Liên Tông như mạch nguồn đang cuộn cuộn chảy, chúng tôi mong muốn mọi người cố gắng thấm nhuần tinh thần Kinh Pháp Hoa. Đó thật sự mới là đáng quý.

Chương Một

Watanabe Hooyoo

II. Cuộc đời và nơi sinh của Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn

Hằng ngày, tất cả chúng ta có cuộc sống luôn luôn tương quan tương duyên với xã hội chung quanh. Cũng vậy, thế giới của Tôn Giáo không thể tách rời mối tương quan tương duyên ấy. Phải có thời gian tư duy, chúng ta mới cảm nhận được năng lực nhiệm mầu đang hiện hữu làm cho thân tâm chúng ta tràn đầy an lạc. Tham bái nơi Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn sinh ra, chúng tôi đã cảm nhận được ân đức gia hộ đó, làm cho chúng tôi thấy như có một đời mới mà không thể nói được, chúng tôi nghĩ, nhờ nhân duyên đó mà tiếp thọ được giáo lý Kinh Pháp Hoa. Sau đây, cuộc đời của Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn sẽ được tường thuật lại theo dạng truyện kể và nơi Ngài sinh ra cũng được giới thiệu.

Từ trước đến nay, Đàn Tín Đồ của Nhật Liên Tông quan niệm rằng hành hương lễ bái Thánh Tích Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn sinh ra là một trong những pháp môn tu tập để cho niềm tin được tăng trưởng. Mỗi khi chiêm bái Thánh Tích về, họ lại loan truyền sự nhiệm mầu và lợi lạc mà họ có được cho mọi người, bởi vì theo họ, việc hành hương tham bái này không chỉ khẳng định họ tin Kinh Pháp Hoa là đúng, mà còn chứng tỏ ảnh hưởng cứu độ của Kinh Pháp Hoa đối với cuộc đời trong thời mạt pháp này.

II.1 Nơi sinh và pháp môn thọ trì Đề Mục

Với Đàn Tín Đồ của Nhật Liên Tông, nơi sinh ra của Ngài rất ấn tượng. Mỗi khi nhắc lại cuộc đời của Ngài trước và sau khi thuyết pháp, họ thường xướng lên Đề Mục một cách đồng mãnh.

Làng An Phòng,
 Phó Tiểu Thấu (Kominatoora),
 Đất trời Nam,
 Ngài đản sinh.

Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh

Được Song thân,
 Cho Xuất Gia,
 Chùa Thanh Trùng,
 Ngài theo Phật.

Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh

Thời Kiến Trường,
 Năm thứ năm,
 Không chấp Kiến,
 Ngài hoằng Pháp.

Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh

Nạn giữa đêm,
 Đèn tuệ sáng,
 Ngài giải thoát,
 Bất khả nghì.

Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh

Bị lưu đày,
Nơi Ito,
Vẫn giữ thân,
Vẫn tu tập.

Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh

Trong lưu đày,
Ngài hướng tâm,
Mong thiên hạ,
Sống thái hòa.

Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh

Dù gặp nạn,
Ngài vì nước,
Soạn cách ngôn,
An Quốc Luận.

Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh

Việc lo sợ,
Tại Đông Triều,
Tiểu Tùng Nguyên,
Làm sáng tỏ.

Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh

Đất nước này
Thành ác quỷ
Nên làm ngơ
Không hay biết

Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh

Lỗi từ thân,
 Lỗi từ miệng,
 Với kiếm tuệ,
 Dứt tất cả.

Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh

Căn cứ từ Daimoku (Đề Mục) tại Chùa Bốn Hành thuộc Huyện Chiba, Thăng Phố).

II.2 An Phòng Tiểu Thấu – Nơi đản sinh

Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn sinh ngày 16 tháng 2 năm Trinh Ứng (Jyo) nguyên niên (1222) tại một ngôi làng nằm gần bờ biển Tiểu Thấu (Kominato) tên là An Phòng Quốc, Đông Điều Hương, Tiểu Thấu (hiện tại thuộc Huyện Chiba (Thiên Diệp) quận An Phòng (Awano), Thiên Tân (Amatsu) Tiểu Thấu Đình (Kominatocho). Ngày nay, có một ngôi chùa Tiểu Thấu Đản Sanh Tự được xây dựng tại đó. Chính nơi Ngài sinh ra ngày xưa là ruộng lúa, nhưng bây giờ đã bị lấn vào trong biển.

Tương truyền rằng, khi Ngài sinh mây ngũ sắc bao phủ bầu trời, mặt đất rung động, hoa sen nở đầy, nước suối tuôn chảy cho đến ngày Đản Sanh của Đức Phật Thích Ca vào năm sau, dường như báo hiệu một bậc Thánh Nhơn ra đời, thật bất khả tư nghì, không sao diễn tả hết được.

Một việc bất khả tư nghì khác Thánh Nhơn sinh vào ngày 16 tháng 2 sau ngày Phật Thích Ca Mâu Ni Nhập Diệt (rằm tháng 2) một ngày vừa là điềm ứng hiện Nhật Liên Thánh

Nhơn, người lãnh hội Kinh Pháp Hoa, bản Kinh cứu độ nhân thế, vừa là biểu thị thật tế hiển nhiên rằng phải vận dụng Kinh Pháp Hoa để cứu khổ độ sanh trong mật pháp.

II.3 Chùa Thanh Trừng – Nơi xuất gia

Năm 12 tuổi, Nhật Liên Thánh Nhơn vào chùa Thanh Trừng tu với Ngài Đạo Thiện Phòng nhưng mãi đến năm 16 tuổi mới chính thức xuất gia. Chùa Thanh Trừng là một ngôi chùa danh tiếng của Tông Thiên Thai, nằm trên ngọn đồi cao 383 mét thuộc phía Nam của đồi Phòng Tổng thuộc bán đảo Phòng Tổng, về sau thành chùa của Tông Chơn Ngôn lúc nào không rõ, nhưng sau đệ nhị thế chiến (1945) vì chùa có liên hệ với Ngài Nhật Liên nên bây giờ trở thành Chùa của Nhật Liên Tông.

Điều đặc biệt, không ai phủ nhận, việc vào chùa tu là ước vọng và tâm nguyện của cậu bé Nhật Liên thưở đó. Khi Nhật Liên Thánh Nhơn vào núi, trú tại bán đảo Phòng Tổng, ở đó chỉ có một Chùa này thôi, nhưng Chùa đã sáp nhập vào Tông Thiên Thai Mật Giáo, mà pháp môn chính thuộc Thiên Thai Mật Giáo, cho nên chắc chắn, có một sự thật là bà Mai Cúc (Umegiku), người mẹ tiền thân con đến núi Thanh Trừng phải dừng chân và lặng lẽ chia tay con dưới núi, bởi vì chùa không cho phép người nữ bước vào.

Sau khi trở thành người xuất gia, trước tôn tượng Bồ Tát Hư Không Tạng thờ trong chánh điện, Ngài Nhật Liên thành kính phát nguyện “*Con nguyện sống như bậc Trí của nước Nhật*” rồi chuyển lên núi Tỉ Duệ, một trung tâm Phật Học nổi

tiếng, để tham học Phật Pháp. Thật không sai nếu nghĩ rằng không phải chỉ có Ngài Nhật Liên cảm thấy rằng mình phải có sứ mệnh cứu độ chúng sanh từ thưở còn niên thiếu mà bên cạnh đó mọi người cũng mong muốn được cứu độ cho nên Ngài phát nguyện tham cứu giáo lý Phật Đà và nghiên tâm tinh hoa Phật Học.

Sự tinh cần tu học của Nhật Liên Thánh Nhơn còn lưu dấu trong các tác phẩm “*Thọ Quyết Viên Đa La Nghĩa Tập*”, “*Đương thời 17 tuổi*”, “*Thị Thánh Phòng*”... được lưu giữ trong văn khố Kanazawa thời Kamakura (Kiêm Thương) như những bút tích tuyệt vời của Nhật Liên Thánh Nhơn viết lúc 17 tuổi về Thiên Thai Mật Giáo. Bút tích rất đẹp đến nỗi ai nhìn vào một lần nhớ mãi như nét bút còn phảng phất đâu đây.

Thời niên thiếu, những câu hỏi liên quan đến việc tu học của Nhật Liên Thánh Nhơn chỉ giải thích được qua trí tuệ của chư Phật, còn hiểu biết của con người không thể giải đáp được, như vết máu còn lưu lại trong vườn chùa Thanh Trừng chẳng hạn, người ta tin rằng đó là vết máu của Ngài còn lưu lại khi Ngài chí thành cầu nguyện đến lệ tuôn ra huyết trước tôn tượng Bồ Tát Hư Không Tạng để được ban cho bảo châu trí tuệ vô giá.

II.4 Tỉ Duệ Sơn – Nơi tham học

Dù việc học của Ngài ngày càng tiến bộ hơn, nhưng trong Ngài vẫn cứ mang hoài bão tìm cầu Phật Pháp sâu hơn, rộng hơn cho nên năm 20 tuổi Nhật Liên Thánh Nhơn lên đường đến Kamakura tham học, nhưng cuối cùng Ngài trở về

núi Tỉ Duệ tu học tại chùa Diên Lịch (*Hieizan Enryaku*). Ngày nay, thật dễ dàng có tài liệu trong tay để đọc nhưng vào thời Kamakura muốn đọc một bản Kinh nào đó trong Đại Tạng Kinh, phải đến các chùa lớn hoặc trong Bát Thiên Cung mới có. Dĩ nhiên, phải hiểu thời đó vấn đề in ấn không được rõ ràng mà chỉ có một cách duy nhất phải sao chép lại để đọc, vì thế nhiều học tăng muốn tra cứu tường tận phải đến núi Tỉ Duệ mà thôi.

Từ thời Bình An, Truyền Giáo Đại Sư Tối Trùng (*Dengyoo Daishi Saicho*) từ Trung Hoa đến Nhật Bản khai mở Thiên Thai Pháp Hoa Tông tại núi Tỉ Duệ rồi. Núi này rất yên tĩnh, nằm ở gần phía Đông Bắc Kyoto, ngày nay đi tàu lửa tốc hành (*Shinkansen*) người ta có thể thấy. Núi được xem là linh địa của người tu hành nên Truyền Giáo Đại Sư xây dựng chùa Diên Lịch, đón nhận những người xuất gia tu hành từ khắp nơi đến. Hai bên đông, tây đều có Tháp và Chùa để cho chư Tăng ở. Chính nơi này, Nhật Liên Thánh Nhơn lãnh hội ý nghĩa thâm sâu của Kinh điển. Tương truyền rằng Ngài đã lưu trú tại phòng thứ nhứt của Yakogawa thuộc Định Quang Viện (*Jookooin*), nằm ở phía Bắc núi Tỉ Duệ, hiện tại người ta đã xây Pháp Hoa Đường và dựng tượng Nhật Liên Thánh Nhơn bằng đồng để tôn thờ và tưởng niệm. Có một điều không thể nghĩ được là trước Nhật Liên Thánh Nhơn, chư vị Tổ Sư thời Kamakura như *Pháp Nhiên Thượng Nhơn*, *Thân Loan Thánh Nhơn*, *Đạo Nguyên Thiên Sư* cũng có thời gian tu học tại vùng Yokogawa này.

Nhật Liên Thánh Nhơn chọn Định Quang Viện ở Yakogawa làm trung tâm, để lui tới các Chùa lớn ở Kyoto, Nara v.v... bởi vì trước đó không lâu Chùa Đông Đại (*Todaiji*) được trùng tu. Ngày nay tại chùa Trung Sơn Pháp Hoa Kinh Tự vẫn còn lưu giữ bút tích của Nhật Liên Thánh Nhơn, những nét chữ còn đậm màu mực như, “*Kyoto Ngũ Điều Phòng Môn Phú Tiểu Lộ, nằm phía Nam Phòng Môn và thuộc phía Tây Phú Tiểu Lộ*”, những văn bản kỳ bí thuộc Chơn Ngôn Mật Giáo như: “*Ngũ Luân Cứu Tự Minh Bí Mật Thích*”.

Rất nhiều học giả Phật Giáo hoài nghi và đặt nghi vấn trước vấn đề Nhật Liên Thánh Nhơn đọc liên tục hàng vạn quyển kinh, nhưng không ai không đồng ý chỉ có một người, là Nhật Liên Thánh Nhơn, mà không ai khác cư mang trong tâm nỗi thống khổ của con người và mong muốn cứu thoát con người ra khỏi khổ đau trong thời mạt pháp này. Chắc chắn, giáo lý Pháp Hoa của Phật giúp cho Ngài Nhật Liên nghe được tiếng kêu cầu đau thương của chúng sanh trong thời mạt pháp, cho nên ngày đêm hoài mong cứu độ. Chính điều đó thúc đẩy Ngài lên đường tìm đến Định Quang Viện ở Yokogawa thuộc Tỉ Duệ Sơn tham cứu, để rồi có những thành quả to lớn sau một thời gian nghiên tâm giáo điển, trước khi trở lại Chùa xưa, Thanh Trừng Tự ở An Phòng.

II.5 Chùa Thanh Trừng – Nơi khai Tông lập Giáo

Một buổi bình minh, mặt trời vừa ló rạng ngày 28 tháng 4 năm Kiến Trường thứ 5 (1253) trong rừng cây cạnh Chùa

Thanh Trùng, Nhật Liên Thánh Nhơn ngồi xoay về hướng đông thiên tọa tụng 10 biến Đề Mục (Daimoku): *Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh* dưới ánh thái dương đang từ từ ló dạng cao dần. Đây là lần đầu tiên Đề Mục được xướng lên trên thế giới này. Thật là ý nghĩa làm sao! Thật là đặc biệt làm sao!

Từ giờ ngộ hôm ấy, Tăng chúng trong Chùa, tín đồ quanh vùng thông tin cho nhau tề tựu về Chùa Thanh Trùng để nghe Nhật Liên Thánh Nhơn thanh thân trao cho họ những thành đạt từ nghiên cứu của mình và thao thao bất tuyệt giảng thuyết giáo lý Phật Đà. Dù số lượng người nghe không đông, nhưng họ là những người đại diện cho Tăng tín đồ bấy giờ, trực tiếp nghe Ngài Nhật Liên thuyết giảng.

Lúc ấy, Ngài Truyền Giáo Đại Sư đang ở Chùa Diên Lịch, núi Tỉ Duệ nghe việc này tâm chấn động, vì điều này đánh mất truyền thống cổ hữu xưa nay, mà truyền thống đó là cầu vãng sanh Cực Lạc Tịnh Độ, nằm ở phương Tây cách đây hàng 10 vạn ức Phật độ. Xa hơn nữa, rồi đây truyền thống giáo lý Tịnh Độ Tông của Tỉ Duệ Sơn về niệm danh hiệu Phật, *Nam Mô A Di Đà Phật*, sẽ bị thay đổi. Thật không thể chấp nhận được bởi vì việc này đụng chạm đến niềm tin của Ngài Truyền Giáo Đại Sư, người xiển dương giáo lý niệm Phật, mà lúc bấy giờ từ Kamakura truyền đi khắp các xứ phía Đông, cho dù đối với chúng ta ngày nay, giáo lý cứu khổ ấy được rút ra từ giáo lý Phật Đà trong Kinh Pháp Hoa nhằm cứu độ chúng sanh trong thời mạt pháp chứ không có gì khác.

Ngài Nhật Liên vẫn tiếp tục có những buổi thuyết pháp như thế trong không khí căng thẳng ngày càng bao phủ chung quanh. Cho đến một ngày nọ trong một thời thuyết pháp, có những người tin Pháp Môn Niệm Phật như Địa Đầu Cảnh Tín (Kagenobu) ở làng Đông Điều tham dự, đột nhiên có tiếng quát của Cảnh Tín rằng: *Hãy chấm dứt ngay. Nói gì vậy?* Bởi vì lâu nay ông để bụng những lời thuyết giảng của Nhật Liên Thánh Nhơn, nên bất ngờ thốt lên lời thét dao búa như thế khiến cho Chư Tăng đang tham dự thời Pháp hoảng vía đoán rằng sẽ có những điều bất an đến với chùa này. Thế nhưng, Ngài Nhật Liên không đợi bị đuổi xuống núi trở về phố thị, còn tìm cách vượt qua vịnh Tokyo đi Kamakura, nơi mà Ngài lưu tâm hướng đến.

II.6 Đổi đạo hiệu thành Nhật Liên

“Một làn sóng sinh ra vạn làn sóng”.

Thật sự, suy cho cùng Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn không chỉ phổ biến giáo lý Phật Đà vô cùng hùng dũng này lan truyền khắp nước Nhật, mà còn cho cả thế giới sau đó nữa. Thế nhưng trong và ngoài chùa Thanh Trừng vẫn giữ thái độ im lặng rõ ràng pháp nạn đã đến. Vì sao? Vì liễu ngộ giáo lý cứu khổ của Kinh Pháp Hoa mà sợ pháp nạn không truyền trao, cũng dễ rơi vào địa ngục. Thế cho nên muốn khỏi rơi vào địa ngục, dù đời này phải chịu pháp nạn, nhưng đời sau sẽ thành tựu con đường Phật đạo.

Rời Kamakura, Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn đến Matsubagayatsu, không xa Mạc Phủ, lấy cớ tranh kết cốc để tu.

Kamakura, như đã biết là trung tâm chính trị và văn hoá của Đông Quốc, ở đó có rất nhiều người lưu ý đến Ngài. Những vị Phật tử thuần thành thấy được thế gian này hoàn toàn bất an, dễ dàng chấp nhận và truyền đạt cho nhau giáo lý cứu độ chúng sanh trong thời mạt pháp của Kinh Pháp Hoa, thậm chí ở nhiều địa phương có sự thật rằng nhiều người hằng ngày đi quanh phố loa vào trong nhà để phổ biến rộng khắp. Về sau có những bức tranh vẽ lại cảnh thuyết pháp ngoài đường như thế. Có một vị tăng sĩ thuộc Tông Thiên Thai đồng tình với lời dạy của Nhật Liên Thánh Nhơn đến cầu Pháp và trở thành người đệ tử chân thành, dành trọn đời mình hỗ trợ Thánh Nhơn hoạt động đó đây, cuối cùng trở thành một vị A Xà Lê, Nhật Chiêu Thượng Nhơn (*Nishoo Shoonin*).

Thườ ậy, Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn đổi tên Thị Thánh Phòng thành Nhật Liên, một đạo hiệu mang ý nghĩa như là sứ mệnh cứu độ chúng sanh trong thời mạt pháp của Kinh Pháp Hoa. Chữ “**Nhật**” xuất phát một chữ thật ý nghĩa trong câu Kinh: “*giống như ánh sáng của nhật nguyệt, trừ khử sự tối tăm, mà người này (Bồ Tát Địa Dũng) hay làm cho chúng sanh trong thế gian này mất đi sự tối tăm*”, phẩm Như Lai Thần Lực, thứ 21. Còn chữ “**Liên**” có từ câu Kinh: “*Ngài Bồ Tát Trì Địa như đoá sen nở tuyệt đẹp trong bùn nhơ. Ngài giống như hoa sen vượt lên khỏi mặt nước*” phẩm Tùng Địa Dũng Xuất thứ 15.

Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất cho rằng Bồ Tát Địa Dũng là những vị Bồ Tát, những đệ tử chính của Đức Phật Thích Ca trong quá khứ, từ đất hiện ra một cách đồng mãnh, số lượng nhiều gấp sáu vạn lần số cát sông Hằng ở Ấn Độ, trong số đó,

Ngài Thượng Hạnh Bồ Tát là đại biểu. Thật không có gì là khoa trương khi Ngài Nhật Liên cho rằng những người theo Ngài như những Bồ Tát Đông Xuất, mang giáo lý phổ biến gần xa.

II.7 Lập Chánh An Quốc Luận

Thời gian năm năm Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn cư ngụ trong một thảo am tại Kamakura, có nhiều thiên tai xảy ra như động đất dữ dội vào năm Chánh Gia nguyên niên, bão lớn vào năm thứ hai, nạn đói vào năm thứ ba, dịch hạch vào năm Chánh Nguyên nguyên niên và nhiều trận cháy lớn vào năm thứ hai làm cho đời sống người dân lâm vào cảnh khổ đau khốn đốn thất thường. Bệnh tật lan tràn khiến cho tình trạng đời sống ngày càng tệ hơn và con người ngày càng khổ hơn. Xương người chết chất cao như núi, xác người chết như bè trôi lênh bênh trên sông, thật là bi thảm.

Trước tình cảnh như vậy, Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn nghiên tầm trong Đại Tạng Kinh (Daizookyoo), tìm phương pháp hóa giải những bi thảm ấy. Pháp môn hóa giải được tìm thấy rõ ràng qua lời tựa hiển bày trong Kinh Pháp Hoa. Với mục đích lý tưởng đó, Ngài soạn thảo một số vấn đề và tóm lược thành: **Lập Chánh An Quốc Luận** (*Risshoo Ankokuron*) và tại Chùa Tối Minh (*Saimyooji*) Ngài trao tận tay tác phẩm này cho **Nhập Đạo Thời Lại** (*Nyuudoo Tokiyori*), người đang có nhiều ảnh hưởng với Mạc Phủ.

Lập Chánh An Quốc Luận là bản luận giải rõ ràng những bi thảm cuộc đời qua hư cấu nhân vật người khách cố

gắng làm sao vượt qua biển khổ với một vị Tăng, như là am chủ. Trong bản luận này, Ngài dùng Kinh Điển đưa ra những nguyên nhân căn bản về hiện trạng bi thảm này, thế nhưng minh chứng của Ngài bị Tịnh Độ Tông và Phật Giáo truyền thống đang thịnh hành phủ nhận hoàn toàn, bởi vì Ngài cho rằng Kinh Pháp Hoa khẳng định rằng: “*Hãy thay đổi niềm tin trong tâm và mau mau quay về nẻo thiện*” thế nên điều quan trọng là mỗi người hãy an định tâm bên trong, sống an ổn, thì xã hội mới hoà bình được.

II.8 Bốn thời kỳ đại pháp nạn

Có nhiều sự kiện gần như là “*Pháp Chiến*” thật náo lòng xảy ra liên tục nhiều tháng, nhiều năm, nhiều ngày trong suốt cuộc đời Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn. Năm 37 tuổi, nhằm năm Văn Ứng nguyên niên (1260) Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn trình bày tác phẩm “*Lập Chánh An Quốc Luận*” cho đến năm 50 tuổi, nhằm năm Văn Vĩnh năm thứ 8 (1271) là thời kỳ pháp nạn *Long Khâu* (Ryuukoo) kéo dài khoảng 13 năm cộng thêm 2 năm rưỡi hoạt động tại đảo *Sado* nữa. Dưới đây sẽ trình bày chi tiết về bốn đại pháp nạn ấy như sau.

Thật ra, “*Những nạn nhỏ không thể kể hết. Chỉ nói đến bốn đại nạn thôi*”. Theo *Chủng Chủng Ngự Chấn Vũ Ngự Thơ* tường thuật, Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn thấy đời sống con người quá ư khổ sở, phát tâm cấp tốc cứu độ. Trong khi, giáo lý Tịnh Độ Tông dường như né tránh, chán ghét và từ bỏ, còn chủ trương của Ngài dẫn thân vào đời để cứu khổ độ sanh ngay trong thời mạt pháp. Ngài áp dụng giáo lý thậm thâm của

Kinh Pháp Hoa đối lại với Phật Giáo truyền thống, tạo ra những làn sóng mới vượt qua giới hạn của nó không ai có thể ngăn chặn được.

II.8.1 Thảo am bị đốt cháy

Trong “*Lập Chánh An Quốc Luận*” Ngài kịch liệt phê phán tín đồ Tịnh Độ Tông. Một tháng sau khi trình bày tác phẩm “*Lập Chánh An Quốc Luận*”, vào ngày 16 tháng 7 năm Văn Ứng nguyên niên (1260), có kẻ lạ đột nhập vào đốt thảo am của Ngài tại Tùng Diệp Cốc (Matsubagayatsu) cháy tiêu vào ngày 27 tháng 8. Thật may mắn, Ngài tránh thoát vào hang cộp, không bị chết thiêu. Tương truyền rằng, có một con vượn trắng báo cho Ngài biết trước và dẫn Ngài tránh vào chỗ an toàn. Sau đó không lâu thảo am được xây dựng lại, ngày nay là Chùa Diệu Pháp, nhưng cũng có thuyết cho là Chùa Trường Thắng, gần Chùa Lập Quốc Luận. Dù thảo am ở chùa nào đi nữa đệ tử và tín đồ vẫn xem Tùng Diệp Cốc là linh địa.

II.8.2 Pháp Nạn Ito

Một năm sau, vào ngày 12 tháng 5 năm Hoảng Trường nguyên niên (1261) Mạc Phủ cho rằng Nhật Liên Thánh Nhơn là nhân vật nguy hiểm, khiến cho xã hội ngày càng bất an, ra lệnh gông Ngài bằng gỗ kéo trôi trên biển, từ bờ Kamakura đày ra đảo Ito, không cho đệ tử Nhật Lãng (*Nichiroo*) đi theo, khiến cho thầy trò chia tay nhau trong vô vàn sầu khổ. Ngày nay, Danh Trường Điện, bài thuyết pháp đó vẫn còn những đoạn văn thật cảm động như:

“Đứng tại bờ Tây Kamakura nhìn sang ngách sông phía Đông Ito, dưới đêm trăng vơi vơi đang từ từ di chuyển, lòng người đệ tử man mác nghĩ thương và mong rằng Sư phụ Nhật Liên đến bờ Đông Ito bình an. Đứng bên bờ Đông Ito nhìn về bên bờ kia Tây Kamakura, thấy bình minh chiếu từ hướng Đông, Sư Ngài Nhật Liên cũng an tâm nghĩ rằng Nhật Lãng, người đệ tử mình cũng đã về Kamakura bình an.”

Khi gần đến đảo Ito, thuyền kéo Ngài Nhật Liên đụng vào đá ngầm, phải neo thuyền lại, sau đó kéo đến Di Tam Lang (*Yasaburoo*) để sửa thuyền lại.

Theo *Ikeda Yasaburoo*, cô giáo sư đại học Keioo, đây chính là nguyên nhân để người ta đặt niềm tin vào Ngài. Lúc đó tại Đông Ito bệnh thương hàn tự nhiên giảm nhanh. Cảm sự linh ứng đó, *Tả Vệ Môn Bát Lang* ở Ito phát nguyện Quy Y với Ngài. Không đầy hai năm sau, vào ngày 22 tháng 2 năm Hoàng Trường thứ 3 (1263) Ngài được miễn tội đưa trở về Kamakura.

Trong thời gian bị dày đó, Ngài sáng tác “*Giáo Cơ Thời Quốc Sao*” (*Kyookijikokushoo*), bình giải lý do tại sao Ngài đem Kinh Pháp Hoa để cứu độ như Kinh điển Phật Giáo lý giải, mà trong “*Ngũ Nghĩa*” (*Gogi*) sẽ nói rõ về điều này, (xin đọc thêm trong sách tiếng Nhật, trang 56)!

Những linh địa ở Ito vẫn được truyền tụng tới ngày hôm nay gồm các chùa: **Phật Hiện** (*Butsugenji*), **Phật Quang** (*Butsukooji*) và **Diệu Trường** (*Myoochooji*) chỗ bị đóng gông ở Kamakura.

II.8.3 Pháp Nạn Tiểu Tùng Nguyên

Thánh Nhơn trở lại hoạt động bình thường tại Kamakura cho đến năm Văn Vĩnh nguyên niên (1264) Ngài có ý trở về An Phòng, nơi cố hương của Ngài. Biết được điều này, vào giờ hội đêm 11 tháng 11 **Cảnh Tín** cho người phục kích phái đoàn Ngài và những đệ tử tùy tùng tại đầu làng Đông Điều. Ngài Nhật Liên bị thương ở chân mày, nhưng sinh mệnh không hề gì. Pháp nạn này được gọi là **Đông Điều Pháp Nạn** (*Toojoohoonan*), còn gọi là Tiểu **Tùng Nguyên Pháp Nạn** (*Komatsubara Hoonan*). Thật ra, Thánh Nhơn đã tiên đoán Pháp Nạn này trong phẩm Dự Ngôn của Kinh Pháp Hoa rồi, vì chính Ngài tự nói rằng: “**Đây là hành giả duy nhất về Kinh Pháp Hoa của Nhật Bản**”. Tương truyền **Chùa Kính Nhãn** (*Kyooninji*) ở Tiểu Tùng Nguyên là chỗ bị nạn, ngày nay vẫn còn.

II.8.4 Pháp Nạn Long Khẩu

Ngài thì vậy nhưng còn tín đồ thì sao? Càng ngày càng đông người quy y với Ngài sau khi lãnh hội giáo huấn cao siêu của Nhật Liên Thánh Nhơn đã tập trung lại không chỉ ở **Kamakura**, mà còn ở **Vũ Tạng Quốc** (*Musashinokuni*), **Tokyo**, **Kanagawaken**, **Saitamaken**; **Tương Mạc Quốc** (*Sagamikuni*) thuộc **Kanagawaken** gồm: **Hạ Tổng** (*Shimosa*), **Thượng Tổng** (*Kazusa*) và các nước thuộc **An Phòng** (*Awa*); thuộc **Chibaken** (*Huyện Thiên Diệp*) như **Tuấn Hà** (*Suruga*); hai nước thuộc **Ito** và các nơi ở huyện **Sizuokaken** (*Huyện Tịnh Cương*)... Ở đâu cũng có đạo tràng giảng dạy như: **Đại Sư Giảng** (*Daishikoo*) nghĩa là tập trung nghe giảng vào ngày 24, ngày

của Ngài Thiên Thai đại sư. Bát Nhựt Giảng (Yookakoo), tức là tập trung nghe giảng vào ngày mùng 8, ngày Đản Sanh của Đức Thích Ca.

Thời đó, Mông Cổ đã là một Đại Đế Quốc, được gọi là nhà Nguyên bành trướng thế lực khắp thế giới, đã thống trị toàn đất nước Trung Quốc, Triều Tiên, đang muốn tấn công tiến chiếm Nhật Bản, Mạc Phủ thường xuyên nhận được những văn thư khiêu chiến, do những sứ giả người Mông Cổ mang đến. Trước tình hình dầu sôi lửa bỏng như vậy, Mạc Phủ ra lệnh thiết lập hệ thống phòng thủ chắc chắn ở *Cửu Châu* (*Kyushu*), thành lập quân đội biên phòng hùng mạnh, tuyển chọn võ sĩ lực lưỡng và tinh nhuệ và tung đi khắp nơi, sắc lệnh tất cả Chùa chiền trong toàn quốc nhất tâm cầu nguyện chiến thắng ngoại xâm và muốn lưu đày Ngài Nhật Liên ra đảo trở lại.

Ngày 12 tháng 9 năm Văn Vĩnh thứ 8 (1271) Mạc Phủ ra chiếu bắt Nhật Liên Thánh Nhơn ở Kamakura ngay nửa khuya đêm ấy đày Ngài ra giữa sông định đim Ngài xuống sông như đâm vào cổ rồng. Đột nhiên giữa sông, có một đạo hào quang thiêng liêng sáng rực phát lên bề gẫy xiềng xích làm cho các võ sĩ hoảng hốt xin quy y làm đệ tử Ngài Nhật Liên. *Lục Lang Tả Vệ Môn* phải đưa Ngài về tá túc tại nhà của Ông Bản Gian (hiện tại thuộc phố Hậu Mộc) thuộc *Tướng Mô Quốc Y Trí* (*Sagaminokuniechi*) chờ đến sáng ngày 10 tháng 10 đi tiếp ra đảo *Sado* (*Tả Độ*). Phải nói rằng trong các pháp nạn đây là pháp nạn lớn nhất của Nhật Liên Thánh Nhơn, mà đặc biệt trong pháp nạn này, Ngài an tâm chấp nhận bị bắt an trí đưa

đến **Thiếu Phụ Phòng** (*Shooboo*), để thể nghiệm lời dự báo trong Kinh Pháp Hoa và dưới đầu Ngài thường có Phẩm Khuyển Trì thứ 5 của Kinh Pháp Hoa.

Khi đi ngang qua trước Bát Phiên Cung (Đền Thờ Thần), vị Thần bảo hộ cho Mạc Phủ ở Kamakura, Ngài Nhật Liên xuống ngựa nói lớn rằng: “**Ô Bồ Tát Bát Phiên!** Ngài là vị Thần, cũng đã được nhắc tên ở Linh Thứu Sơn trong Kinh Pháp Hoa, Ngài đã phát nguyện hộ trì hành giả Kinh Pháp Hoa mà!” khiến ai nghe đều kinh ngạc, nhất là những tín đồ của Ngài nghe như thể phát tâm theo Nhật Liên Thánh Nhơn. **Tứ Điều Kim Ngô** nghĩ rằng: “**Nếu Thánh Nhơn bị chặt đầu, chắc mình cũng chết theo quá**” bèn buông cương ngựa, từ nhiệm những việc làm của Thánh Nhơn và từ duy cuộc đời của mình. Ngày nay, người ta xây tại Chùa Long Khẩu nơi thánh địa **Long Khẩu** (*Ryuukooji*) để lưu dấu Pháp Nạn này. Lúc đó, các tín đồ bị bắt được thả, nhưng các đệ tử Ngài đều bị nhốt vào ngục. **Chùa Quang Trắc** (*Koosokuji*) chính là nơi giam giữ những vị đệ tử của Ngài. Có thuyết cho rằng **Chùa Diệu Thuần** (*Myoojunji*) ở Y Trĩ là nhà ở của Ông Bổn Gian ngày trước.

II.9 Những ngày tại Đảo Sadoo

Nơi lưu đày trên đảo Sadoo là **Tam Muội Đường** (*Sanmaidoo*), nơi này dùng để thiêu người chết, có một tấm bảng qua thời gian bị tuyết phủ kín mít. Chính nơi này, Ngài sống những tháng ngày thật bình thản với cuộc sống tù đày của mình. Sau một năm bị lưu đày ở đảo, vào tháng giêng năm Văn

Vĩnh thứ 9 (1272) có khoảng 100 vị Tăng sĩ từ Bắc Lục kéo lên đảo đến trước **Tam Muội Đường** gặp Ngài, đặt nhiều câu hỏi tranh luận, nhưng chẳng có ai trình bày rõ ràng tội trạng của Nhật Liên Thánh Nhơn, cuối cùng họ tự giải tán.

Sau cuộc tranh luận đó, **Bổn Gian**, vị chủ đảo cũng ra về. Lúc ấy, Thánh Nhơn nói với theo: “**Ông Bổn Gian! tại Kamakura bắt đầu có nội loạn, Ông không nên đi Kamakura làm gì**”. Hai tháng sau điều đó thành sự thật làm cho **Ông Bổn Gian** kính phục vô vàn.

Ở trong tình thế nghiêm trọng khó khăn như vậy, nhưng Ngài Nhật Liên không ngừng sáng tác. Tháng 2 năm sau Ngài hoàn thành tác phẩm “**Khai Mục Sao**” (*Kaimokushoo*) để giới thiệu cho môn hạ ở **Tứ Điều Kim Ngộ, Kamakura**. Nội dung tác phẩm hãy mở mắt Trí Tuệ ra để cứu độ chúng sanh trong thời mạt pháp, như Kinh Pháp Hoa dạy. Thật đúng như thế! **Khai Mục Sao** bao hàm cả giáo nghĩa Phật Giáo Ấn Độ, Nho giáo Trung Quốc và Bà La Môn giáo Ấn Độ, có thể được xem là tác phẩm nổi tiếng, xứng đáng, siêu việt, nhân bản và văn hóa. Tinh thần văn hoá ấy sáng ngời ý nghĩa giải thoát, không những cho đến ngày nay vẫn còn ấn tượng tinh thần cứu độ của Kinh Pháp Hoa trong đời mạt pháp, mà còn thể nghiệm lời dự ngôn trong Kinh Pháp Hoa đối với Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn, khi lãnh thọ phước chúc của Đức Phật Thích Ca trong quá khứ mà phát lên ba điều nguyện lớn: “**Lấy nước Nhật Bản làm cột trụ, mở ra con mắt Tuệ cho người Nhật Bản và làm chiếc thuyền lớn cho dân tộc Nhật**”.

Có nhiều người phát tâm quy y với Ngài, khi cảm nhận nhân cách siêu phàm của Ngài Nhật Liên, hiến thân phụng sự Đạo pháp rất nổi tiếng, trong đó có những tín đồ của Tịnh Độ Tông như **A Phật Phòng Nhựt Đắc** (*Abutsuhoo Nitsutoku*) cùng vợ **Thiên Nhựt Ni** (*Sennichiamama*). Năm sau thuộc năm Văn Vĩnh thứ 10, Ngài chuyển đến nơi gọi là **Nhứt Cốc** (*Ichinosawa*) dựng am tranh để ở và bắt đầu soạn thảo “**Như Lai Diệt Hựu Ngũ Bách Tuế Thử Quán Bản Tâm Tôn Sao**” (*Nyorai Metsugo Googoohyakusai Shikanjinhon Zonshoo*), nói gọn là “**Quán Tâm Bản Tôn Sao**” cho đến ngày 25 tháng 4 hoàn thành bản thảo. Ngài bí mật gửi bản gốc cho **Phú Mộc Thường Nhân** (*Toki Joonin*) ở Hạ Tông, còn những môn hạ khác chỉ đọc qua thôi. Trong đó, nội dung chính là: “*Sau khi Đức Thích Ca nhập diệt 500 năm, thời kỳ mạt pháp bắt đầu, con người sống với niềm tin Phật Giáo, tôn sùng Bản Tôn (Honzon) một cách rõ ràng*”. Tác phẩm giải thích thêm ý nghĩa cũng như nội dung của “**Khai Mục Sao**” và thuật lại rõ ràng tỉ mỉ về lý luận của giáo nghĩa Đề Mục của **Bổn Môn** (*Daimoku Honmon*) hay nói đúng hơn, ý nghĩa nhiệm mầu của câu: **Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh**. Còn Bản Tôn của Bổn Môn ấy là tường thuật rõ ràng sự cứu độ của Đức Thích Ca trong quá khứ. Ngoài ra cũng còn có ý nghĩa về “**Bổn Môn của Giới Đàn**” nữa.

Sau 3 tháng soạn “**Quán Âm Bản Tôn Sao**”, ngày 8 tháng 7, Ngài viết chữ lớn trên giấy về sự cứu độ Bổn Môn của Kinh Pháp Hoa đó là: “**Đại Mạn Trà La Bản Tôn**” (*Daimandara Honzon*). Đây chính là chỗ sâu sắc, mà Ngài Nhật Liên nhập hồn mình vào đó. Ngoài ra, một năm sau vào

năm Văn Vĩnh thứ 11, Ngài được thả tự do và ngày 13 tháng 3 Ngài rời khỏi Sado, ngày 26 đến tận Kamakura. Trước đây không có ai được ân xá trở về, Ngài được trở lại Kamakura là một kỳ tích.

II.10 Tu tại núi Minobu

Từ Sado trở lại Kamakura, ngày 7 tháng 4 Ngài Nhật Liên gặp *Bình Tả Vệ Môn Úy* (*Heinosa Emonjoo*), một người có địa vị trọng yếu của Mạc Phủ tại Kamakura. Lúc ấy triều đình Mạc Phủ rất quan tâm đến vấn đề khi nào quân Mông Cổ đến, Ngài Nhật Liên trả lời chắc chắn năm nay sẽ đến. Trong khi triều đình Mạc Phủ lưu tâm lời tiên đoán của Nhật Liên, ngược lại Ngài Nhật Liên muốn những người đang tham chính quan tâm đến nội dung tác phẩm “*Lập Chánh An Quốc Luận*”, trong đó Ngài bình giải căn kẽ và chủ trương quan tâm nhiều hơn đến những vấn đề tinh thần văn hoá và tinh thần quốc gia loạn động, cũng như áp dụng giáo lý Kinh Pháp Hoa điều chỉnh về chính trị. Ngày nay, có sự quan hệ hỗ tương gắn bó giữa chính trị và văn hoá, còn thời Mạc Phủ Kiêm Thương chỉ có duy nhất một chính sách và một thể chế mà thôi. Chủ trương của Nhật Liên Thánh Nhơn mang tính dung hợp và dân chủ hơn, mà ngày nay, ý nghĩa căn bản và siêu việt ấy, chúng ta sao mà không lãnh hội!

Với Ngài Nhật Liên, đây là lần thứ 3 trần tình việc này: lần thứ nhất là bản hiến trình Lập Chánh An Quốc Luận, lần thứ hai là lời trần tình tại pháp nạn Long Khẩu và lần thứ ba là đây. Thế nhưng, triều đình Mạc Phủ ở Kamakura chẳng hề lưu

tâm lãnh hội những quan điểm vô cùng siêu việt của Ngài, thế cho nên Nhật Liên Thánh Nhơn tự thấy không cần thiết để lưu lại Kamakura nữa, nhưng phải làm sao bây giờ. Hướng đến viễn ảnh tương lai để hy vọng ư! Ngài cảm thấy cô độc lạ thường, cuối cùng quyết định vào núi ẩn tu vào ngày 10 tháng 5. Từ Kamakura Ngài đi thẳng đến Thân Diên Sơn, ở **Giáp Bù Quốc** (*Kainokuni*). Thân Diên bao gồm phần đất phía nam, ở đó có **Ba Mộc Tinh Thật Trưởng** (*Haki Isanenaga*), người thọ giáo với Ngài ở Kamakura.

Ngày 17 tháng 5, Ngài đến nhà của **Thật Trưởng** lưu trú chừng một tháng, Ngài cất thảo am tại phía Tây, được gọi là **Thân Diên Sơn Tây Cốc** (*Minobuzan Nishidani*), hiện tại là thánh địa, có Tổ Miếu thờ Ngài Nhật Liên. Ngài đã sống ở đây để đọc kinh Pháp Hoa và chiêm nghiệm giáo nghĩa thậm thâm vi diệu và lý tưởng giải thoát cao vời của Kinh Pháp Hoa.

Sau khi vào núi **Thân Diên** (*Minobuzan*) Ngài tiếp tục viết đoạn sau của: **Quán Tâm Bốn Tôn Sao** cũng như giải thích rộng hơn về việc cứu độ của Kinh Pháp Hoa ở phần sau qua các tác phẩm như: **Pháp Hoa Thu Yếu Sao** (*Hokkei Shuyooshoo*) và **Tăng Cốc Nhập Đạo Điện Hứa Ngự Thơ** (*Soyanyuudoo Donogarigoshoo*). Ngài cũng soạn thêm: **Soạn Thời Sao** (*Senjishoo*). Trong Soạn Thời Sao có ghi bằng nét bút rõ ràng rằng: **“Phàm người muốn học Phật, trước tiên bắt buộc phải học Pháp”**, một đề mục mà thời mạt pháp này xiển dương ý nghĩa và giáo lý Kinh Pháp Hoa về việc hoằng pháp. Những điều như vậy bây giờ nói không biết bao nhiêu lần mới lãnh hội được.

Vào năm Văn Vĩnh thứ 11 (1274) những người lính canh phòng báo tin rằng quân Mông Cổ chuẩn bị lên bờ *Hakata* (*Bát Đa*) ở *Kyushu* (*Cửu Châu*); nhưng gặp bão lớn bị tan rã. Triều Đình Mạc Phủ ra lệnh xây dựng phòng thủ ở bờ biển *Kyushu*, gửi nhiều võ sĩ từ *Kanto* (*Quan Đông*) đến. Do vậy, xuất phát từ những nỗi buồn xa cách vợ con khi chia tay, họ gửi niềm tin vào Kinh Pháp Hoa giúp cho họ ít bị dao động hơn. Trước tình cảnh như thế, Nhật Liên Thánh Nhơn sáng tác “*Soạn Thời Sao*” gởi đến những môn hạ của Ngài.

Năm sau, năm thứ hai Kiến Trị (1277) *Đạo Thiện Phòng* (*Doozenhoo*) người Thầy dạy dỗ Ngài Nhật Liên thời niên thiếu qua đời tại Chùa Thanh Trùng. Ngày 21 tháng 7 mùa Vu Lan năm đó Ngài soạn thảo hai tác phẩm “*Báo Ân Sao* (*Hoonjoo*) sai *Nhật Hưóng* (*Nikoo*), người đệ tử mang vào trong rừng lần thứ hai đọc lớn trước mộ của *Ngài Đạo Thiện*. Không sao nói hết được những giáo lý căn bản về sự báo ân đầy đạo tình mà Ngài Nhật Liên muốn trao gởi cho mọi người.

Đầu tiên, *Báo Ân Sao* bằng giọng văn kể chuyện, Ngài kể câu chuyện báo ân của con rùa trắng đối với ông già cô độc và người già khác, mà không ai không thể quên được ân này. Tuy nhiên, Ngài đưa ra quan điểm báo ân chân thật là sự cứu khổ độ sanh của Đức Thích Ca trong quá khứ. Ngài truy tìm lịch sử của Phật Giáo để giải thích với ý niệm rằng nếu thế gian lãnh hội điều này, ắt hẳn thấy được công việc của Ngài đối với Ngài Đạo Thiện. Thật ra, Ngài đã đem công đức hoàng dương tín ngưỡng Pháp Hoa trong đời mạng pháp này là những công đức của mình hồi hướng cho Ngài Đạo Thiện Phòng. Dù

nơi cổ hương không hoan hỷ chấp nhận Ngài Nhật Liên, nhưng cứ mỗi mùa Vu Lan tháng bảy, nội dung bản văn **Báo Ân Sao** vẫn được mọi người trì tụng trong nhà.

II.11 Tín Đồ của Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn

Lúc Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn ở Minobu (Thân Diên), số đệ tử ban đầu khoảng 40 người, dần dần lên 60 người, dừng lại ở số 100 người. Chúng ta có thể tưởng tượng rằng thật không đơn giản đối với vấn đề thực phẩm cung cấp cho một số lượng người như thế ở Minobuzan lúc bấy giờ, nhưng may thay những tín đồ ở những địa phương khác lần lượt gửi đồ cúng dường đến. Đáp lại tấm thịnh tình cúng dường đó, Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn gửi nhiều lá thơ niệm ân họ, trong hiện tại những lá thơ như thế vẫn còn lưu lại cẩn trọng. **Trung Thôn Đông Kinh Lão Sư** cho biết những lễ vật thường được gửi đến cúng dường Ngài Nhật Liên đủ thứ như: gạo, nếp, muối, dầu, củ cải, rong biển, trái hồng, rượu, áo ngắn, giấy, bút, mực v.v...

Ngay cả, thời gian ở tại núi Minobu, Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn hy vọng có thể đối trước công chúng để tranh luận về giáo nghĩa. Năm Hoàng An nguyên niên (1278) Ngài Nhật Liên có trả lời cho một lá thơ gửi từ Kamakura nghi vấn về vấn đề tâm linh. Thế nhưng, chưa có cuộc tranh luận nào giữa công chúng để cho rõ đen trắng, dù Ngài chờ đợi rất lâu, nhưng chẳng thực hiện được. Ngay cả vấn đề lòng tin, mà gia đình của **Ikegami** cũng nổi lên sự tranh cãi giữa hai cha con, kế tiếp là sự chiếm đóng đất đai giữa **Tứ Điều Kim Ngô**

(*Shijoogingo*) và **Chủ Quân Giang Mã** xảy ra trong một thời gian rất lâu. Sự kiện **Nhiệt Nguyên** (*Asuwara*) ở Tuấn Hà (ngày nay thuộc di tích của **Chùa Bồn Chiếu**, thuộc vùng **Nhiệt Nguyên, Fujishi, Sizuokaken**) là cả hàng trăm người bị **Thần Tứ Lang** sát hại. Những người liên hệ với việc bạo loạn này phải bị tử hình. Đây cũng còn gọi là **Nhiệt Nguyên Pháp Nạn**. Tất cả những điều trên có thể tìm đọc trong các văn bản xác thực, còn lưu giữ tại Minobuzan.

II.12 Ikegami – Nơi Nhập Diệt

Năm Kiến Trị thứ 3 (1277), Ngài Nhật Liên cảm thấy triệu chứng thân thể yếu dần sau một thời gian dài Pháp Chiến (chiến đấu với giáo pháp) như thế. Tuy nhiên, nhờ Tứ Điều Kim Ngô săn sóc có lúc Ngài khoẻ lại, nhưng trạng thái hồi phục chẳng được bao nhiêu, mà dần dần ngày càng nặng hơn. Mọi người chung quanh đều lo lắng. **Thường Lục** (*Hitachi*), lãnh chủ Minobu cũng như **Ông Ba Mộc Tỉnh** muốn chuyển Ngài đến một suối nước nóng gần đó. Không biết Ngài có cảm nhận gì không khi phải lìa Minobuzan, bởi vì Ngài sống tại đây suốt 9 năm trường.

Ngày 19 tháng 9 năm Hoàng An thứ 5 (1282) Ngài đến tư gia ông Ikegami ở Vũ Tạng Quốc, **Nhật Hưng** (*Nitsukoo*), người đệ tử thay Ngài chấp bút viết thư gởi **Ông Ba Mộc Tỉnh** cảm tạ trước **Ông Ba Mộc Tỉnh** “*Chôn cất dùm ở Minobu sau khi viên tịch. Thân thể yếu lắm nếu có điều gì không may, hãy mai táng ở Minobuzan cũng được*”. Sau đó, Ngài Nhật Liên

lên ngựa *Kurikage* di chuyển, nhiều người trong nhà vọng theo đánh lễ tiễn đưa.

Ngày mùng 8 tháng 10 Nhật Liên Thánh Nhơn viết di chúc cho sáu người đệ tử đại diện đã được định trước đó là: **Nhật Chiêu** (*Nisshoo*), **Nhật Lãng** (*Nichiroo*), **Nhật Hưng** (*Nitsukoo*), **Nhật Hương** (*Nikoo*), **Nhật Đảnh** (*Nitsuchoo*) và **Nhật Trì** (*Nichiji*). Sau này, cả 6 người đều một lòng theo lời di chúc để lại cứu khổ độ sanh, theo tinh thần Kinh Pháp Hoa, còn gọi là sáu Lão Tăng.

Giờ Thìn (8 giờ sáng) ngày 13 tháng 10 Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn thu thần thị tịch. Tương truyền rằng mặt đất tại Ikegami rung động, hoa Anh Đào cũng nở khắp núi dù trái thời. Đệ tử và tín đồ tề tựu đông đủ trong không khí trang nghiêm, nghe từng tiếng đại hồng chung trầm buồn báo tin Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn đã Nhập Diệt. Theo di chúc, lễ trà tỳ (thiêu xác) thực hiện tại Ikegami. Sau 100 ngày, ngôi mộ được hoàn thành tại Minobuzan. Cốt của Ngài an trí trong ngôi mộ này. Chùa Bồn Môn tại Ikegami bây giờ là ngôi nhà của Ông Ikegami ngày xưa. Nơi Ngài nhập diệt nằm trong khuôn viên Chùa Bồn Môn, đó là **Đại Phường Bồn Hành Tự** (*Daiboo Hongyooji*). Tại đây, cũng có thờ cây gậy của Ngài Nhật Liên thường sử dụng lúc tuổi già. Còn nơi trà tỳ ngày nay là toà tháp **Đa Bảo** (*Tabootoo*) được xây tại đây.

Từ đó, lần lượt những vị đệ tử mang lời dạy của Ngài Nhật Liên truyền đến các nơi như: **Kiên Thương** (*Kamakura*), **Vũ Tạng**, **Thượng Tổng**, **Hạ Tổng**, **An Phòng**, **Giáp Bù**, **Tuần Hà**, **Tả Độ** v.v...

Chương Hai

Watanabe Hooyoo

III. Kinh Pháp Hoa và Tư Tưởng Căn Bản Nhật Liên Tông

III.1 Pháp môn căn bản của Nhật Liên Thánh Nhơn.

Trước nhất, để lãnh hội được Pháp môn căn bản của Nhật Liên Thánh Nhơn là cần phải hiểu rõ tiếp cận hằng ngày, Giáo lý: **Tam Bí** (*Sanbi*) và **Ngũ Nghĩa** (*Gogi*) hình thành tư tưởng của Nhật Liên Tông. Thật ra, Pháp môn căn bản của Nhật Liên Thánh Nhơn có năm điểm quan trọng đó là:

- 1) Vì cứu độ chúng sanh trong đời mạt pháp, Nhật Liên Thánh Nhơn áp dụng giáo lý Kinh Pháp Hoa dùng vào cuộc đời qua câu niệm: **Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh**, mà Ngài hành trì và thể nghiệm được.
- 2) Nội dung **Lập Chánh An Quốc Luận** là tư tưởng chỉ đạo để cứu độ chúng sanh.
- 3) Chú trọng vấn đề **Báo Ân** xuất phát trực tiếp từ giáo lý Phật Đà.
- 4) Hồi hướng chúng sanh hiện tại an ổn, sau khi mạng chung vãng sanh thiện cảnh
- 5) Thế giới Ta Bà này là nơi cần được cứu độ.

Về điểm thứ nhất, Kinh Pháp Hoa hình thành với mục đích cứu độ chúng sanh trong thời Mạt Pháp. Không có Kinh Pháp Hoa, Phật Giáo khó hoàn thành bổn nguyện cứu độ chúng sanh. Nói cách khác, nội dung Kinh Pháp Hoa không ra ngoài mục đích cứu độ chúng sanh trong thời Mạt Pháp, như phẩm Dự Ngôn trình bày. Thế nên, thưở ấy, khi thuyết giảng: **Pháp Hoa Huyền Nghĩa** (*Hotsuke Gengi*), **Pháp Hoa Văn Cú** (*Hotsuke Mongu*), **Ma Ha Chỉ Quán** (*Maka Shikan*) tại Chùa Ngọc Tuyền (Gyokusenji), núi Ngọc Tuyền, Kinh Châu, huyện

Đương Dương, Nhật Liên Thánh Nhơn căn cứ vào **Đại Tạng Kinh** (*Daizookyoo*), kho tàng Kinh Điển của Phật Giáo và những chú giải có hệ thống, rõ ràng và minh bạch của **Tổ Thiên Thai Trí Khải** (*Chigi*) **Đại Sư**, người Trung Hoa (538-597), người từng vào nơi thâm sơn cùng cốc ẩn tu, tư duy, và thể nhập thế giới Pháp Hoa tại núi Thiên Thai, huyện Thiên Thai, Chiết Giang, Trung Hoa.

Thật ra, suốt cuộc đời hoằng pháp độ sanh, Đức Phật cũng dựa vào nội dung cơ bản của Kinh Pháp Hoa, mà thuyết giảng các bộ kinh lớn như **Kinh Hoa Nghiêm** (*Kegongyoo*), **A Hàm Kinh** (*Agongyoo*) và các bộ Kinh Đại Thừa, đặc biệt **Kinh Bát Nhã** (*Hannyagyoo*), xiển dương triết học tánh không.

Trong những thời thuyết pháp ấy, Kinh Pháp Hoa được xác nhận là bộ Kinh vừa siêu việt về mặt triết học, vừa thực tiễn cho hành trì, hẳn nhiên có nhiều điểm khác biệt với Pháp Môn Niệm Phật, của **Ngài Pháp Nhiên Phòng Nguyên Không** (*Hoonenboogenku*), được trình bày trong: **Tuyển Trạch Bản Nguyên Niệm Phật Tập** (*Senshaku Hongan Nenbutsushuu*) v.v... như là:

Thời mạt pháp, có người cho rằng khó thể tu hành thành tựu, cho nên phải buông bỏ Kinh Pháp Hoa, quay về thế giới tín ngưỡng của bậc trí, phát nguyện vãng sanh Tịnh Độ, ở phương Tây của Đức Phật A Di Đà.

Thế thì, chúng ta thử tìm hiểu xem quan niệm về cứu độ của Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn như thế nào?

Trước hết, Ngài đem ánh sáng tư tưởng thậm thâm vi diệu bất khả tư nghì của Kinh Pháp Hoa chiếu soi và mở bày trí tuệ cho kẻ phàm phu ngu tối trong thời Mạt Pháp, đồng thời dựa vào giáo lý “**Nhứt Niệm Tam Thiên**” (*Ichinensanzen*) trong **Kinh Pháp Hoa của Ngài Thiên Thai Đại Sư**, đổi lại pháp tu hành môn **Ma Ha Chỉ Quán** (*Makashikan*) để tịnh hóa thế giới này bằng **Thiền Định** (*Zengoo*). Với Ngài Nhật Liên, “**Nhứt Niệm Tam Thiên**” nghĩa là cúng dường từ tâm của mỗi chúng ta lên ba ngàn thế giới; tuy nhiên cao siêu hơn lý giải của Ngài Thiên Thai Đại Sư, từ tâm của mỗi chúng ta chắc chắn có khả năng thâm nhập vào cảnh giới Phật. Ngoài ra, Ngài còn lý giải tư tưởng “**Bổn Môn Nhứt Niệm Tam Thiên**” xưng tán tâm từ vô lượng của Phật cứu độ chúng sanh, để sáng tỏ ý nghĩa căn bản của Nhứt Niệm Tam Thiên.

Hơn nữa, những vấn đề này không thể giải thích và bình luận một cách duy lý, mà cần phải hành trì và thể nghiệm, chỉ cần **Đề Mục** (*Daimoku*): **Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh** cũng hàm chứa giáo lý căn bản “**Nhứt Niệm Tam Thiên**” rồi. Chỉ cần tịnh tín và tâm từ bi cứu độ của Đức Phật Thích Ca là giá trị rồi.

Thiên Thai Đại Sư	Lý <i>Nhứt Niệm Tam Thiên</i>	Quán Niệm Quán Pháp <i>(Thiền-định quán chiếu thâm sâu)</i>
Nhật Liên Thánh Nhơn	Sự <i>Nhứt Niệm Tam Thiên</i>	Pháp Môn Trì Đề Mục <i>(tu pháp môn trì đề mục)</i>

Nhứt Đại Ngũ Thời

<i>Năm thời thuyết giáo</i> (<i>Goji</i>)	<i>Năm vị</i> (<i>Gomi</i>)
<i>Thời Hoa Nghiêm</i> (<i>Kinh Hoa Nghiêm</i>)	<i>Sữa lỏng</i> (<i>Nyuumi</i>)
<i>Thời A Hàm (Lộc Uyển)</i> (<i>Kinh A Hàm</i>)	<i>Sữa đặc</i> (<i>Rakumi</i>)
<i>Thời Phương Đẳng</i> (<i>Ba Kinh Đại Nhứt, Ba Kinh Tịnh Độ</i>)	<i>Váng sữa</i> (<i>Shoosomi</i>)
<i>Thời Bát Nhã</i> (<i>Kinh Bát Nhã</i>)	<i>Sữa chín</i> (<i>Jukusomi</i>)
<i>Thời Pháp Hoa, Niết Bàn</i> (<i>Kinh Pháp Hoa, Kinh Niết Bàn</i>)	<i>Vị đề hồ</i> (<i>Daigomi</i>)

Ngũ vị là năm ẩn dụ về mức độ cao dần của Giáo Pháp mà Đức Thích Ca tuyên thuyết: lần đầu như sữa, kế tiếp trở thành yaourt, cuối cùng rất nhuận nhuyễn như đề hồ, dù khác nhau về hình thức, mức độ cao thấp nhưng tất cả vẫn cùng chung một vị, là sữa.

III.1.1 Dự báo của Kinh Pháp Hoa – Những thể nghiệm thực chứng

Như thế, chúng ta thấy rằng việc Nhật Liên Thánh Nhơn xiển dương giáo lý Pháp Hoa, cứu độ chúng sanh trong thời mạt pháp, không chỉ hoằng dương giáo lý Phật Đà mà còn

minh chứng tiên đoán Kinh Pháp Hoa sẽ cứu độ chúng sanh (vị lai ký), cứu độ những hành giả Pháp Hoa, cứu độ những ai đang chờ đợi cứu độ. **Phẩm Hiện Bảo Tháp** (*Kenhootoo*) thứ 11 trình bày “**sáu việc khó và chín việc dễ**”¹, mà hành giả Kinh Pháp Hoa đối diện với muôn vàn khó khăn **Thử Kinh Nan Trì** (*Shigyoo Nanji*). **Phẩm Khuyến Trì** (*Kanji*) thứ 13 nhắc đến những vị Tăng công cao, ngã mạn, **chưa chứng mà cho là chứng**, gọi là **Tăng Thượng Mạn** (*Đạo Môn Tăng Thượng Mạn*), còn đối với người phàm phu, ngu tối chỉ thấy và nghe mà không thể giải thích trọn vẹn nghĩa lý cao siêu của Phật Giáo, mà cho rằng mình là người thông hiểu, gọi là **Tục Chúng Tăng Thượng Mạn**.

Tuy nhiên, ai tin **Kinh Pháp Hoa** cũng có thể bị khảo nghiệm dữ dội như trong lời Dự Ngôn có đề cập trong phẩm **Thường Bất Khinh Bồ Tát** (*Joobogyoo Bosatsu*) thứ 20 như trường hợp **Đức Thích Ca Mâu Ni** cho mọi người biết về Ngài ở trong một kiếp quá khứ xa xôi. Cũng vậy, cuộc đời đầy kịch

¹ Sáu việc khó, Chín việc dễ: Sau khi Đức Thích Ca nhập diệt, việc hoằng dương Kinh Pháp Hoa trải qua nhiều thời kỳ thật khó khăn. Sáu việc khó có thể thực hiện được một cách dễ dàng đó là: **thuyết Kinh, chép Kinh, đọc tụng, gìn giữ, lãnh hội và phụng trì**. Có chín việc, được nêu ra để so sánh với sáu việc khó đó là:

- Dời núi Tu Di sang cõi Phật khác.
- Dùng ngón chân chấn động đại thiên thế giới.
- Giảng Kinh ở cõi trời Hữu Đảnh, không thể kể xiết.
- Tay nắm hư không thế giới trong khi du hành.
- Từ đất bằng nhún chân vọt lên cõi Phạm Thiên.
- Mang cỏ vào nhà lửa, cỏ không cháy.
- Thần thông giảng thuyết 84.000 pháp môn.
- Giáo hóa vô lượng chúng sanh đắc thần thông, chứng quả A La Hán.
- Sau khi Phật nhập diệt, có người hoằng dương, thọ trì Kinh Pháp Hoa.

tính của Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn kể từ lúc bị lưu đày ra đảo Sado cho đến khi trở thành rường cột Phật Giáo, có thể là minh chứng của sự phát nguyện cứu độ chúng sanh trong chương đầu.

Trong “*Khai Mục Sao*“ có ba lời thệ nguyện, hoàn toàn không khác với bản thệ của Đức Thích Ca nguyện độ tất cả chúng sanh:

- “Xin làm rường cột của Nhật Bản,
- Xin làm Pháp Nhãn của Nhật Bản và
- Xin làm Đại Từ Thuyền cho Nhật Bản”.

III.1.2 Tư tưởng Lập Chánh An Quốc Luận

Thứ hai là tư tưởng *Lập Chánh An Quốc Luận* (*Risshoo Ankokuron*). Với Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn, không phải chỉ phát nguyện cứu độ chúng sanh, như chương thứ nhất trình bày. Một sự kiện lớn không thể không biết đó là thời Ngài Nhật Liên, ai ai cũng ý thức thế giới là của chung, khi quân Mông Cổ xâm lăng Nhật Bản, ý thức đó bùng lên dữ dội, như đề mục của Nhật Liên Thánh Nhơn thưở thiếu thời lưu tâm, bởi vì mọi người đều mong được cứu độ, trước hoàn cảnh vô cùng bi đát. Phải nói rằng đây là tư tưởng căn bản của Lập Chánh An Quốc Luận. Nói cách khác, cứu độ không phải cho riêng ai mà cho toàn thể quốc gia. Đây là một phần của tư tưởng *Nhất Quốc Đồng Quy*² (*Ikkoku Doogi*) bị hành giả thâm tín Pháp Môn

² Tư tưởng Nhất Quốc Đồng Quy là tư tưởng căn bản của Lập Chánh An Quốc Luận. Phật Giáo cứu độ chúng sanh không phân biệt thân sơ, kẻ vô minh, bậc trí tuệ mà dựa trên lập trường tất cả chúng sanh cùng khổ trên nước Nhật, cần phải cứu độ. Lý tưởng Lập Chánh An Quốc Luận được thực hiện nghĩa là tất

Tịnh Độ phản đối kịch liệt, bởi vì họ muốn từ bỏ thế giới này, cầu nguyện vãng sanh Tịnh Độ, mà thực tế khó có thể cứu độ được.

Từ nền tảng đó phát sinh ra những lời lẽ phê bình không khoan nhượng như là: “*Niệm Phật vào Vô Gian Địa Ngục, Thiên lạc vào Thiên Ma, Chơn Ngôn là vong quốc, Luật là Quốc tặc v.v...*”³ Ngay cả, hôm nay ngôn từ có thể khác đi, nhưng thật tế không ngoa để nhận định rằng, giáo đoàn Phật Giáo của Nhật Liên Thánh Nhơn có khuynh hướng cho rằng cứu độ là hiện thực, mà đó cũng là tư tưởng chính thống của Ngài được minh chứng rõ ràng. Thật sự, khó mà tìm được sự hòa hợp thuần nhất trước đặc tính cực đoan như thế. Đã từng có lúc để đạt được lý tưởng, Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn kêu gọi hành giả tín đồ tín ngưỡng Pháp Hoa không thọ Pháp và không cúng dường chư Tăng không tịnh tín Kinh Pháp Hoa. Về sau, chính trong nội bộ của Giáo Đoàn, đã từng có người phê phán giáo điều cực đoan Bất Thọ Bất Thí⁴, hình thành từ lâu trong Nhật Liên Tông⁵.

cả chúng sanh tại nước Nhật cùng quy về một tín ngưỡng chung và chủ trương rằng họ là những người nhận sự cứu độ vô biên của Phật.

³ Niệm Phật vô gian, Thiên thiên ma, Chơn vong quốc, Luật quốc tặc là những ngôn từ phê phán kịch liệt. Ý chính là Ngài Nhật Liên muốn chứng minh rằng Giáo Lý chân như của Phật Đà được sáng tỏ qua Kinh Pháp Hoa. Dù thời gian đã dày lên, nhưng chân lý ấy vẫn sáng mãi, không có Tông phái nào như: Niệm Phật, Thiên Tông, Chơn Ngôn Tông, Luật Tông v.v... có thể xiển dương được. Thật ra, tất cả các Tông phái đều có đủ các kinh điển Phật Giáo nhưng những Tông Phái trên không chủ trương cứu khổ độ sanh, cho nên bị phê phán và chỉ trích, mà ở đây còn gọi là bốn loại Cách Ngôn.

⁴ Bất thọ bất thí: nghĩa là không thọ nhận, không bố thí. Không thọ nhận Pháp từ chư Tăng, không thuộc Nhật Liên Tông, bởi vì họ được xem là những kẻ

Với Nhật Liên Tông, muốn có tín ngưỡng thuần túy, phải làm sao cho không khí Pháp Hoa được thấm nhuần trong từng hơi thở như thói quen. Một khi được mời thỉnh đến chùa viện khác, khi đi tham bái, tín đồ Nhật Liên Tông thường tụng Đề Mục Kinh Pháp Hoa một cách chân thành, không sanh nhị tâm: **“Đối với kẻ trí thì bỏ cái ta và đừng phá bỏ cái nghĩa”**, (nghĩa là nghe Ngài Nhật Liên thuyết giảng, bậc trí đã thoát lên lời chân thật rằng đây là triết lý khó bẻ gãy, khó phá bỏ được và niềm tin của họ quyết không thay đổi), mà đó là giáo huấn của Ngài Nhật Liên, có rất nhiều người tuân phục vâng giữ. Ngược lại, đối với những ai có thái độ khinh khi, chê bai và bỡn cợt, cần phải dứt khoát đoạn giao.

huỷ báng Pháp, không có niềm tin, vì thế Bất thí có nghĩa là không cúng dường cho những vị Tăng, thuộc tông phái khác.

⁵ Nhật Liên Tông bất thọ bất thí phái. Là một phái riêng thuộc Nhật Liên Tông, có liên quan đến vấn đề cúng dường Thiên Tăng tại tượng Đại Phật của Phú Thần Tú Kiệt. Duyên do Tổ Nhật Áo (Nichioo) thành lập một phái riêng ở Viện Phật Tánh, chùa Diệu Giác (Myookakuji), huyện Okayama làm trung tâm chính, chủ trương phản đối việc Bất Thọ Bất Thí. Thời Giang Hộ, Mạc Phủ đàn áp Tông Phái này liên tục cho nên phải truyền thừa một dòng Pháp mang tín ngưỡng Thổ Thần. Năm Minh Trị thứ 9, chính phủ mới thành lập, họ mới hoạt động trở lại và tên của Phái ấy được công khai thừa nhận thành một phái độc lập.

Chiết phục: Nghĩa là phá bỏ, điều phục. Nhiếp thọ (Nhiếp Dẫn Dung Thọ) để giáo hoá dễ dàng. Quy phục là chuyển đổi tâm tà vạy của người khác, làm cho họ quy phục. Như Đức Thế Tôn thời Chánh Pháp vẫn không thể phổ biến giáo pháp dễ dàng, Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn ở vào thời Mạt Pháp phải chủ trương Hoằng Thông trong Kinh Pháp Hoa để phá tà hiển chánh, phủ nhận mọi quan điểm sai lầm, mà thiết lập Phật Độ theo Kinh Pháp Hoa. Nếu không hiển chánh như thế, thì vấn đề hàng phục không còn thiết thực chút nào.

III.1.3 Tôn giáo của sự báo ân

Thứ ba, Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn rất chú trọng đến việc báo ân. Trong phẩm đầu của tác phẩm *Báo Ân Sao* (*Hoonjoo*), Ngài kể câu chuyện “*Ông già goá vợ không nhà cửa. Có một con rùa trắng⁶, một con vật không hề biết luân lý là gì, mang ngọc đến đền ơn*”. Chuyện kể rằng, trong lúc ông hướng về cố hương, nhảy xuống sông tự vẫn, tự nhiên, có một con rùa trắng, vốn là Mao Bảo tướng quân, được ông cứu mạng trong một lúc nguy cơ, bơi đến cứu ông, không cho ông chết, để đền ơn cho ông.

Nho Giáo có những câu chuyện đền ơn, đáp nghĩa hoàn toàn theo tinh thần trung và hiếu. Còn Ngài Nhật Liên cho rằng, luân lý của con người từ thưở nguyên sơ xuất phát từ xã hội con người. Phật Giáo dù ảnh hưởng sâu đậm văn hóa tín ngưỡng Bà La Môn của Ấn Độ nhưng vẫn không đi ra ngoài luân lý đạo đức xã hội. Tác phẩm “*Khai Mục Sao*” viết từ nơi lưu đày Sado có nhắc đến câu chuyện “*vì chữ Hiếu Bái Công* (*Haikoo*) dù làm vua, nhưng vẫn phải về lễ bái *Đại Công* (*Daikoo*). *Hoàng Diễn* (*Kooin*) muốn có lá gan để dùng, *Ý Công* vì chữ *Trung*, phải mổ bụng lấy gan dâng lên rồi chết”.

Bái Công nhà Hán sau khi dựng nghiệp đế về quỳ lạy. Đại Công cha của mình vì chữ Hiếu. Thời Xuân Thu Chiến Quốc, Hoàng Diễn nghe lời siểm nịnh muốn giết trung thần,

⁶ Con rùa trắng vốn là Mao Bảo, người nhà Tấn bên Trung Quốc. Có một người nọ lúc còn nhỏ thấy một con rùa trắng bị câu được, bèn mua thả rùa vào nước trở lại. Khoảng 20 năm, người ấy bị nạn, con rùa trắng hiện ra và chở ông trên lưng, đưa qua bờ bên kia để đền ơn ngày trước.

bằng yêu cầu cần gan, Ý Công tự mổ bụng lấy nội tạng của mình và dâng gan cho vua rồi chết, vì hai chữ trung thần. Nhật Liên Thánh Nhơn dù vẫn một mực theo tinh thần báo ân của Phật Giáo, nhưng đã kết nối Kinh Pháp Hoa với những sự kiện lịch sử như thế để xiển dương giáo lý Báo Ân nhưng vẫn không ra ngoài tâm Phật, theo nền tảng căn bản của Kinh Pháp Hoa đó là Phật đã giác ngộ, tu chứng thành Phật, chúng sanh là Phật sẽ thành trong tương lai.

Hơn nữa, giáo lý Pháp Hoa còn siêu việt và ra khỏi tục đế, nhưng dung hợp tất cả mọi pháp môn đền ân đáp nghĩa cho những ai thuần tín Tam Bảo, nương vào Bồ Đề Tâm, tâm chân chánh của Đức Thích Ca, thực hiện, tu tập và hành trì.

III.1.4 Đời này an ổn và đời sau sanh vào chỗ lành

Thứ tư, về tinh thần hiện thực cứu độ của Ngài Nhật Liên, chúng ta thấy rằng theo Đại Thừa Phật Giáo, mọi hiện tượng tồn tại trong sự tương quan tương duyên với nhau và cũng theo *Nhân-duyên (Innen)* mà hoại diệt. Đó là tư tưởng *Không (Kuu)*. Thế nhưng, theo quan niệm Kinh Pháp Hoa, Không không bị giới hạn trong nhân sinh quan của con người khi quán chiếu, bởi vì khác với quan niệm thông thường các Pháp bị vô thường chi phối, Kinh Pháp Hoa cho rằng sự tồn tại của các pháp là Không. *Chơn lý Không, không năng, không sở vượt lên trên tất cả mọi chân lý, kiến lập một cách toàn hảo.* Với *Kinh Pháp Hoa*, Không là giác ngộ, không còn chấp trước *Thanh Văn (Shoomon)*, *Duyên Giác (Engaku)*, *Bồ Tát (Bosatsu)*. Theo giáo lý *Phật Đà*, muốn chuyển hóa con người một cách thực tiễn, phải hóa hiện ra con đường Bồ Tát, do vậy

thực hành hạnh Bồ Tát rõ ràng là vượt qua sanh tử. Đôi lúc, Ngài Nhật Liên dẫn Kinh Pháp Hoa làm thí dụ như: “*Đây là loại thuốc tốt, nên gìn giữ nó*”. Hay: “*Đối với người ở cõi Diêm Phù Đề (Enbudai), Kinh Pháp Hoa là một thang thuốc tốt để chữa bệnh*”. Những lời Kinh được ca ngợi tán thán như thế được viết lên trong *Đại Mạn Trà La Bản Tôn (Daimandara Honzon)*. Thế nhưng điều này chẳng phải giới hạn trong ý nghĩa chữa bệnh cho từng cá nhân, mà còn rộng lớn hơn vượt qua những bệnh trạng thời đại của xã hội, mà tinh thần này được trình bày trong *Lập Chánh An Quốc Luận* như: *Có một người đàn bà bị bệnh sợ hãi suốt một năm dài, bởi vì nghe tin người Mông Cổ chém giết rất nhiều người ở đảo Tha Kỳ (Iki) và Đới Mã (Tsushima), căn bệnh của bà là bệnh thời đại (Cao Cảo Điện Ngự Phán Sự)*.

Mặt khác, về sự tiếp độ của Kinh Pháp Hoa, chúng ta thấy có một bảo chứng của Nhật Liên viết cho bà góa phụ *Thiên Nhật Ni (Sennichiama)* khắc trên mộ của *A Phật Phòng Nhựt Đắc (Abutsuboo Nitsutoku)*, người được xem là thành Phật, nằm bên phía trái đền thờ Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn tại Minobuzan.

Cho dù khi Nhật Liên Thánh Nhơn bị đày ra đảo Sado, A Phật Phòng là một tín đồ Tịnh Độ thuần thành, kịch liệt đả kích tinh thần nhập thế phụng sự của Nhật Liên Thánh Nhơn, nhưng cuối cùng A Phật Phòng vẫn được tiếp dẫn về Tịnh Độ Linh Thứu, bằng chứng là sau khi A Phật Phòng chết, bà Thiên Nhựt Ni muốn biết kết quả tu hành của ông ra sao, bèn hỏi

Ngài Nhật Liên. Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn viết thư bảo chúng về sự thành Phật của A Phật Phòng như sau.

“Trên tấm kính Kinh Pháp Hoa, Nhật Liên thấy rõ ông A Phật Phòng đã chứng được Thánh Linh (Shooryoo) đang ngự trong bảo tháp Đa Bảo Phật, ở phía đông núi Linh Thứu (Ryojusen), tuy bây giờ vẫn có người nghi ngờ”.

Nếu vậy, làm sao biết được con người sau khi chết được tiếp dẫn và thành Phật? Xin đơn cử lời cầu nguyện của Nhật Liên Thánh Nhơn khi hành lễ, trong *Soạn Thời Sao* (Senjishoo), một biên khảo về *Ngũ Đại*.

“Nguyện đức Thế Tôn, giáo chủ cõi Linh Sơn Tịnh Độ, đức Phật Đa Bảo ở Thế Giới Bảo Tịnh. Tất cả phân thân của chư Phật trong mười phương cùng Chư vị Bồ Tát Địa Dũng, Chư Thiên trong cõi Trời Phạm Thích, Trời Nhật Nguyệt, Trời Tứ Thiên Vương v.v... từ bi gia hộ cứu độ chúng sanh từng giờ từng ngày luôn được an ổn”.

Ai thực hành giáo lý Phật Đà được Phật gia hộ, được tiếp độ về Linh Sơn Tịnh Độ và được sanh về thế giới Tịnh Độ của Kinh Pháp Hoa. Ai tịnh tín Kinh Pháp Hoa nhận thức rằng: sanh và tử trong thời quá khứ, thời hiện tại và thời vị lai đều giống nhau. Như vậy, hiểu một cách nhất quán là *Hiện Thế An Ổn* (Gense Annon) và *Hậu Sanh Thiện Xứ* (Goshoozensho) nghĩa là sau khi chết được sanh về thiện xứ, Linh Sơn Tịnh Độ.

III.1.5 Cứu độ Thế giới Ta Bà

Thứ năm, cứu độ chúng sanh nơi thế giới Ta Bà. **Ta Bà** là âm tiếng Phạn, **Saha**. Chữ **Saha** có nghĩa là **Nhẫn Khổ**. Thế giới Ta Bà là thế giới hiện thật chúng ta đang sống, thế giới đầy khổ đau, mà chúng ta phải kham nhẫn để tồn tại. Tuy rằng đang ở Nhật Bản, nhưng Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn trước đây vẫn thực hành pháp môn niệm Phật truyền thống từ Trung Hoa, bởi vì hầu như tất cả người Nhật đều có ý nghĩ khó có thể thành Phật sau khi Đức Phật Thích Ca nhập diệt, cho nên nương vào câu niệm danh hiệu A Di Đà Như Lai mới được vãng sanh về thế giới Cực Lạc Tịnh Độ, phương Tây cách đây khoảng 10 vạn ức Phật độ, mà giáo lý này đã có trước đó từ lâu khuyên mọi người chọn con đường như thế để được an lạc. Pháp môn Tịnh Độ Niệm Phật rất thịnh hành trong xã hội qua tác phẩm: **Tuyển Trạch Bản Nguyên Tập của Ngài Pháp Nhiên Phòng Nguyên Không (Hoonen Boogenkuu)** phổ biến khắp nước Nhật.

Thật ra, mỗi khi hoàng pháp Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn thường chỉ trích pháp môn Tịnh Độ này rất nhiều. Theo Ngài, Đức Phật Thích Ca là giáo chủ, sao không lấy giáo lý cứu khổ của Ngài làm căn bản để tu tập. Và lại, Nhật Liên Thánh Nhơn là người đang sống trong thế giới Ta Bà hiện thực, đang nghiên tầm sự cứu khổ trong giáo lý Phật Đà, chọn pháp môn cứu khổ của Phật Giáo làm nền tảng căn bản cứu độ chúng sanh nơi thế giới Ta Bà này, dĩ nhiên điều này có liên quan mật thiết với tư tưởng Lập Chánh An Quốc Luận. Ngay cả người viết cũng nghĩ rằng hoạt động của Ngài mang ý nghĩa vô cùng trọng đại,

bởi vì Ngài Nhật Liên sanh tại Phong Thổ Đông Quốc, vào thời điểm chính quyền đang bị giai cấp công gia (công quyền và quốc gia) chi phối tại Kyoto, thủ đô nước Nhật, Mạc Phủ dựa vào thế lực võ sĩ ở Kamakura, còn Đông Quốc chỉ là chính quyền cơ sở hành chánh mà thôi, cho nên xã hội vô cùng phức tạp, dân chúng sống trong cảnh lầm than cực khổ. Trước hoàn cảnh xã hội như thế Nhật Liên Thánh Nhơn không thể làm ngơ và người dân không thể câm miệng không rên rĩ. Họ cần có sự cứu độ cho nên chỉ có giáo lý cứu khổ độ sanh của Phật Giáo theo Kinh Pháp Hoa mới giúp họ được. Nhật Liên Thánh Nhơn không thể chọn Kyoto, trung tâm của văn hóa lúc bấy giờ, mà Ngài đảo mắt nhìn về Đông Quốc, nơi có đầy đủ những yếu tố xã hội hiện thực đang chiếu rõ ràng minh bạch trên tấm kính Kinh Pháp Hoa.

Với ý nghĩa đó, chúng tôi nghĩ phải cảm tạ tinh thần tri kiến căn bản được áp dụng cứu khổ độ sanh nơi thế giới Ta Bà này.

III.2 Giáo lý 5 phương diện cơ bản của Ngài Nhật Liên

Thật đơn giản cho thấy rằng giáo lý cơ bản của Nhật Liên Tông là đặt niềm tin vào tinh thần cứu khổ độ sanh của Đức Thích Tôn một thời trong quá khứ. Tinh thần cứu độ đó thể hiện nơi tâm chí thành quy y vào Đại Mạn Trà La Ngự Bồn Tôn, và đặt niềm tin vào pháp môn xướng Đề Mục: ***Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh***, vừa cầu nguyện chúng sanh an lạc trong kiếp này, vừa nguyện thành Phật trong đời vị lai.

Như trên đã tường thuật căn bản tôn chỉ của Nhật Liên Thánh Nhơn, bây giờ xin lần lượt lập lại sự hình thành giáo lý ấy và những đề tài giáo nghĩa. Hẳn nhiên, nếu đề cập giáo nghĩa của Ngài Nhật Liên, trước tiên phải đề cập đến năm nghĩa. Ngoài ra, ba đại bí pháp cũng là điểm quan trọng sẽ được trình bày thêm.

III.2.1 Năm nghĩa

Theo Kinh Pháp Hoa, bây giờ chúng ta đang sống trong thời kỳ mạt pháp, muốn cần cầu cứu độ qua kinh điển cho nên có năm phương diện khác nhau để luận chứng về giáo nghĩa. Năm phương diện đó là:

- 1) Kiểm chứng nội dung giáo điển.
- 2) Kiểm chứng căn cơ, đời sống phàm phu của chúng sanh trong thời mạt pháp.
- 3) Kiểm chứng nhân duyên giáo hóa chúng sanh trong thời mạt pháp.
- 4) Kiểm chứng hoàn cảnh xã hội Nhật Bản trong thời mạt pháp.
- 5) Kiểm chứng tuần tự hoằng dương giáo Pháp (thuận tự thứ đệ).

Vả lại, những giáo huấn này đã được **Bồ Tát Thượng Hạnh** (*Joongo Bosatsu*), vị đạo sư trình bày rõ ràng trong Kinh Pháp Hoa, chúng ta kiểm chứng đối chiếu và thực tuần tự theo tinh thần Phật Giáo.

Năm nghĩa gồm có: **Giáo** (*kyoo*), **Cơ** (*ki*), **Thời** (*ji*), **Quốc** (*koku*) và **Tự** (*jo*) hay **Sư** (*shi*); mà chúng ta sẽ rõ biết ý nghĩa của năm loại này.

III.2.2 Rõ biết về Giáo”

Rõ biết về giáo nghĩa là căn cứ nhiều kinh điển trong Đại Tạng Kinh, nhận ra rằng giáo lý Kinh Pháp Hoa xác thật nhất. Thật ra, tuy Nhật Liên Thánh Nhơn tư duy về giáo nghĩa Phật Giáo, nhưng bao gồm cả Nho Giáo, Bà La Môn Giáo và các tôn giáo khác liên quan đến những vấn đề tâm linh, văn hóa v.v... Trong đó, Phật Giáo vẫn được xem như là tôn giáo căn bản đóng vai trò cứu khổ độ sanh nhất quán cả ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai.

Ngoài ra, khảo sát ý nghĩa cơ bản của những bộ kinh lớn Phật Giáo theo từng giai đoạn từ *Kinh Hoa Nghiêm* → *Kinh A Hàm* → các *kinh Đại Thừa* → *Kinh Bát Nhã* → *Kinh Pháp Hoa*, *Niết Bàn Kinh* v.v... (Điều này đã được trình bày, xin tham khảo trang 42 thuộc chương thứ nhất - tiếng Nhật), để đưa đến kết luận, Kinh Pháp Hoa là bản kinh, chính Đức Thích Ca tuyên thuyết qua sự giác ngộ một cách minh bạch rõ ràng.

Với Nhật Liên Thánh Nhơn, như đã tường thuật về những điểm đặc biệt cứu độ chúng sanh trong thời kỳ mạt pháp đó là:

Thứ nhất, lấy phẩm thứ 16 thuộc *Như Lai Thọ Lượng* (*Nyorai juuryoo*) làm trọng tâm, trong đó vấn đề ý nghĩa nhất là tôn kính Đức Thích Ca là giáo chủ giáo hoá trong quá khứ, phát nguyện cứu độ chúng sanh. Thứ nữa, từ Đức Thích Ca truyền đến những vị đệ tử của Ngài, như ngôn ngữ đã dùng ở trước, là “*Vì chúng sanh trong thời mạt pháp*” thật là ý nghĩa

minh chứng tinh thần cứu khổ độ sanh của Kinh Pháp Hoa trong thời mạt pháp hay mạt thế.

Thứ hai, lấy phẩm Phương Tiện, thứ 2 làm trung tâm, để giảng rộng ý nghĩa trí tuệ Phật. Nếu phần trên nói về thọ lượng vĩnh viễn của Đức Thích Ca, phần này nêu lên lòng từ bi bao la, trí tuệ vô hạn cứu khổ độ sanh. Đó là những điểm căn bản đề cập trong Kinh Pháp Hoa thật rõ ràng cho chúng sanh ở đời mạt pháp.

III.2.3 Hiểu rõ về “cơ” và rõ biết về “thời”

“**Cơ**” đây có nghĩa là căn cơ trình độ chúng sanh. Hiểu rõ “**Cơ**” mới có thể xác định mối tương quan trong việc cứu khổ độ sanh, mới thấy được tầm quan trọng của Kinh Pháp Hoa trong việc cứu khổ độ sanh vào thời mạt pháp.

Rõ biết về “**thời**” nghĩa là biết được thời điểm trong dòng chảy thời gian kể từ khi Phật Giáo được truyền bá. Dù điểm thời gian ở đâu cũng phù hợp với giáo lý cứu khổ độ sanh của Kinh Pháp Hoa. Nói chung thời gian được chia làm ba thời kỳ chính đó là:

Chánh Pháp (*Shoboo*), thời đại của những người tu Phật chơn chánh, như thời Đức Thích Ca (việc chúng đặc giống nhau), kéo dài 1.000 năm kể từ khi Đức Thích Ca nhập diệt.

Tượng Pháp (*Zooboo*), thời đại mà người tu chỉ giống thời đại trước về hình thức tu hành mà thôi, kéo dài 1.000 năm tiếp theo.

Mạt Pháp (*Matsuboo*), thời kỳ mà niềm tin đối với Phật Giáo ngày càng suy yếu và dẫn đến thời kỳ hủy diệt, kéo dài 10.000 năm đang tiếp diễn.

Theo Kinh Pháp Hoa, chúng ta nên hiểu rằng cần phải phát huy tinh thần cứu khổ độ sanh nhiều hơn, rộng hơn trong thời mạt pháp này.

III.2.4 Hiểu rõ về “Quốc”, rõ biết về sự lưu truyền trước sau của giáo pháp

“**Hiểu rõ về Quốc**” nghĩa là xác nhận nước nào là quốc gia có nhân duyên với Phật Giáo. Theo kinh điển của Phật Giáo Trung Hoa, Kinh Pháp Hoa có nhân duyên với các nước ở vùng Đông Bắc, mà trong số đó nước Nhật có nhân duyên nhiều nhất với Kinh này. Và lại, từ khi Phật Giáo được truyền bá khắp mọi nơi, phải công nhận rằng sự hoằng dương Kinh Pháp Hoa ở Nhật là thành công nhất.

III.2.5 Rõ biết về sự lưu truyền trước sau của giáo pháp

Cũng có thể gọi là “**biết rõ trình tự**”. nghĩa là nội dung giáo pháp được xiển dương theo một trình tự từ thấp đến cao, từ cạn đến sâu và từ từ minh bạch. Về phương diện lịch sử, thời mạt pháp cần phải xiển dương Kinh Pháp Hoa rộng hơn nữa. Nhật Liên Thánh Nhơn được xem là **ứng thân Bồ Tát Thượng Hạnh** (*Yoongoo Bosatsu*) của Kinh Pháp Hoa, vận dụng cả thân và tâm để xiển dương Kinh Pháp Hoa trong thời mạt pháp, như trong phần Dự Ngôn của Kinh. Cũng có thể nói cách khác Bồ Tát Thượng Hạnh ứng vào trong Ngài Nhật Liên

để giảng Phật Pháp cho chúng sanh trong thời mạt pháp này, mà tinh túy của Kinh Pháp Hoa được thể hiện rõ ràng qua hình ảnh bậc Đại Đạo Sư trong thời mạt pháp, được trình bày qua những thuật ngữ như “*sư giác*” hay “*rõ biết của Sư*”.

III.2.6 Làm sáng tỏ Năm Nghĩa

Rõ ràng, từ phương diện Năm Nghĩa nhìn cuộc đời của Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn, chúng ta thấy rằng Ngài áp dụng và thực hành tôn chỉ cứu độ của Kinh Pháp Hoa một thời gian thật dài để chiêm nghiệm ý nghĩa cao siêu của Kinh. Ngoài ra, như trước đã tường thuật, cũng cần phải chú trọng đến bối cảnh được thể nghiệm uyển chuyển qua cái nhìn thông thoáng của tinh thần văn hóa.

III.3 Niềm tin của Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn và sự thể nghiệm

Nói về “*Tam Đại Bí Pháp*” (*Sandaihihoo*).

III.3.1 Tam Đại Bí Pháp là gì?

“*Tam Đại Bí Pháp*” gồm có ba pháp:

- 1) “*Bổn Tôn (Honzon)* của *Bổn Môn (Honmon)*”,
- 2) “*Giới Đàn (Kaidan)* của *Bổn Môn*” và
- 3) “*Đề Mục (Daimoku)* của *Bổn Môn*”.

Tại sao gọi là bí pháp? Bí pháp là thuật ngữ chuyên môn, như trước đã trình bày, ba đại bí pháp này là những dự đoán của Kinh Pháp Hoa mà Nhật Liên Thánh Nhơn, ứng thân của Bồ Tát Thượng Hạnh minh chứng giáo lý này.

“**Bốn môn**” cũng là thuật ngữ chuyên môn dùng trong bất cứ trường hợp nào. Từ phẩm đầu cho đến phẩm thứ 14 của Kinh Pháp Hoa gọi là phần **Tích Môn** (*Shakumon*). Còn nữa phần còn lại từ phẩm thứ 14 trở về sau gọi là **Bốn Môn** (*Honmon*).

Trong phẩm Như Lai Thọ Lượng thứ 16, Đức Thích Ca thuyết về tinh túy của giáo lý Pháp Hoa thật tỉ mỉ, rõ ràng và minh bạch, cho nên nửa phần sau gọi là “**Bốn Môn**”, ngược lại nửa phần trước, như phẩm Phương Tiện thứ hai, Đức Phật nói về sự giáo hóa của Ngài đối với các đệ tử cho nên gọi là pháp môn đó là **Thụy Tích** (*Suiyaku*), cũng còn gọi là Tích Môn.

Ngoài ra, giáo lý Bốn Môn được Đức Thích Ca thuyết giảng là những sự kiện trong quá khứ, những việc đó phù hợp với pháp môn tôn giáo thọ dụng năng lực (dung nạp dễ dàng năng lực và tinh thần Tôn Giáo), để giáo hóa chúng sanh trong thời mạt pháp đó là: **Bốn Tôn**, **Giới Đàn** và **Đề Mục**.

Nếu suy nghĩ một cách đơn giản chắc chắn không thể giải thích, thực hành và hiểu ba đại bí pháp này, bởi vì căn cứ vào ba đại bí pháp, điều chính yếu của Kinh Pháp Hoa là giáo hóa một cách nhất quán phù hợp với tinh thần cứu độ trong quá khứ, hiện tại và vị lai.

III.3.2 Bốn Tôn của Bốn Môn

Bốn Tôn của Bốn Môn còn gọi là: “**Sự giáo hoá trong quá khứ của Đức Thích Ca**” nghĩa là Đức Thích Ca đã thành Phật từ lâu xa, mà ý nghĩa này giống như ý nghĩa trên, chúng ta cần nên suy nghĩ, thế thì Phật cứu độ chúng sanh trong quá

khứ thế nào, Ngài Nhật Liên cũng phụng sự chúng sanh như thế. Ngài tôn kính Phật không phải chỉ là pho tượng gỗ nguyên đứng đó. Ngày mùng 8 tháng 7 năm Văn Vĩnh thứ 10 (1273), trong lúc bị lưu đày nơi đảo Sado, Ngài Nhật Liên đã viết bằng giấy trắng mực đen dán ở cột mình chữ “**Đại Mạn Trà La Ngự Bản Tôn**”. Sau đó, Ngài còn viết thêm vào nhiều tờ giấy nhỏ nữa, tổng cộng đến 28 tờ lớn nhỏ mà hiện tại còn truyền những bản phụ của 120 bản chữ viết về Đại Mạn Trà La Ngự Bản Tôn của Nhật Liên Thánh Nhơn. Suy cho cùng, chúng ta phải niệm ân Ngài, mặc dù đã hơn 700 năm dài được lưu truyền trải qua không biết bao nhiêu phong sương, tuế nguyệt mà vẫn còn lưu lại như vậy.

Nơi đây vẫn còn lưu lại hai bảo vật: Pho tượng Đức Thích Tôn bằng gỗ và Bốn vị Bồ Tát Địa Dũng: **Thượng Hạnh Bồ Tát** (*Yoogyoo Bosatsu*), **Vô Biên Hạnh Bồ Tát** (*Muhengoo Bosatsu*), **Tịnh Hạnh Bồ Tát** (*Yoogyoo Bosatsu*) và **An Lập Hạnh Bồ Tát** (*Anryuugyoo Bosatsu*).

Đại Mạn Trà La Ngự Bản Tôn vừa là lời tuyên bố Đức Giáo Chủ Thích Tôn đã thành Phật trong quá khứ, vừa là giáo lý cứu khổ độ sanh của Phật trong quá khứ, mà tất cả được trình bày trong Kinh Pháp Hoa. “**Bản Tôn của Bản Môn**” còn được xem là thế giới cứu độ trong quá khứ của Kinh Pháp Hoa.

III.3.3 Giới đàn của Bản Môn

Trong tác phẩm Quán Tâm Bản Tôn Sao, Nhật Liên Thánh Nhơn có viết rằng: “**Sau khi Như Lai nhập diệt độ 550 năm, Phật Giáo được truyền từ Ấn Độ vào Trung Quốc, xây**

dựng những tu viện rất lớn, cho nên về phương diện nào đó cần phải có “giới” qua một hình thức một Giới Đàn”.

Nhật Bản cũng vậy, khi Thánh Đức Thái Tử cho xây chùa Tứ Thiên Vương. Thánh Vũ Thiên Hoàng xây chùa Đông Đại, Truyền Giáo Đại Sư sáng lập Diên Lịch Tự ở Tỷ Duệ Sơn, không có nơi nào không thờ Bồ Môn mà Giáo Chủ Thích Tôn là Bồ Tôn. Riêng Nhật Liên, Ngài muốn thờ Bồ Môn Kinh Pháp Hoa của Giáo Chủ Thích Ca ở trong một cái tháp vừa để cho chúng sanh trong thời mạt pháp có chỗ nương tựa tâm linh, vừa cũng là đối tượng của hình thức cầu nguyện. Về sau, các đệ tử tín đồ cố gắng hoàn thành ước nguyện của Ngài Nhật Liên và hiện tại chúng ta đang là những người kế thừa tinh thần đó, nên đã nỗ lực ngày càng nhiều hơn để tạo dựng như ngày hôm nay những Tổng Bồ Sơn như ***Thân Diên Sơn Cửu Viễn Tự (Ikegami Honmonji)***, một trung tâm của 5.500 ngôi chùa phái Nhật Liên Tông đang có mặt khắp đó đây.

Thế nhưng chúng ta thành tâm phản tỉnh rằng: Truyền thống Thầy Tổ để lại là mong muốn chúng ta đạt được “***Nhứt Thiên Tứ Hải Giai Quy Diệu Pháp***” (một trời, bốn biển đều trở về với Diệu Pháp) vẫn còn xa lắm. Thệ nguyện cần phải đạt thành là sứ mệnh của “***Bồ Môn Giới Đàn***”, cụ thể là thành lập “***Bồ Môn Giới Đàn***”, vừa là mục tiêu to lớn vừa là sứ mệnh thiêng liêng, mà tương lai phải đạt được.

Chúng ta lãnh thọ truyền thống thanh tịnh của đức Phật, thọ sự giáo huấn cao siêu từ đấng Giáo Chủ, thực hành bồ nguyện cứu độ chúng sanh và tịnh hóa tự viện theo tinh thần Bồ Môn Giới Đàn. Thế cho nên thành tựu Bồ Môn Giới Đàn

là linh địa, mà Ngài Nhật Liên đã đạt được tinh hoa ấy ở linh địa Thân Diên Sơn, Cửu Viễn Tự, nơi giống trống kỳ nguyện cứu độ chúng sanh một cách hiện thực đầy đủ theo Kinh Pháp Hoa.

Không chỉ **Đại Bản Sơn** (*Ikegami Honmonji*) là nơi linh địa, mà các tự viện khác cũng cầu nguyện để trở thành linh địa. Nơi nào cầu nguyện cứu độ bằng Kinh Pháp Hoa, nơi đó việc cứu độ sâu rộng.

III.3.4 Sự cầu nguyện Đề Mục (Daimoku) của Bản Môn

Chữ Đề Mục, gọi một cách thông thường là Đề Danh, nhưng chữ Đề Mục của Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh không như vậy. Đọc tụng Kinh Pháp Hoa, chính là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, nghĩa là tuyên dương giáo lý Diệu Pháp Liên Hoa, nội dung của bản Kinh. Trước tụng đủ **Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh**, sau đọc hay truyền giảng nội dung của Kinh, để làm sáng tỏ câu niệm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Thế nên, Daimoku, như đã trình bày là làm cho rõ giáo lý của Kinh.

Theo thuật ngữ, Daimoku là **Ngũ Trọng Huyền Cự Túc** (*Gojungen Gusoku*). Năm nghĩa huyền đầy đủ đó là:

Danh huyền nghĩa,
 Thể huyền nghĩa,
 Tông huyền nghĩa,
 Dụng huyền nghĩa
 Giáo huyền nghĩa.

Chữ Huyền trong Huyền Nghĩa đồng nghĩa với chữ Huyền của Huyền Mễ, không chỉ có nghĩa là màu đen mà còn có nghĩa là căn bản. Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh gồm 7 chữ nhưng dung hợp tất cả giáo pháp thâm sâu. Danh ấy chính là bản thể, là nhơn và quả mà công việc chính là sự cứu độ chúng sanh, là pháp căn bản dùng để giáo hóa chúng sanh.

III.3.5 Công đức của việc thọ trì xướng đề

Lãnh thọ giáo nghĩa Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh nghĩa là thọ trì và xướng đề mục Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, còn gọi là **Xướng Đề** (*Shodai*). Giáo lý Đề Mục là ứng hiện của Bồ Tát Thượng Hạnh qua Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn, mà khổ nạn được trình bày trong Kinh Pháp Hoa. Chúng ta tâm niệm ơn Đức Thích Tôn đã giáo hóa, cứu độ chúng sanh trong quá khứ, mà chúng ta, những phàm nhơn ở đời mật pháp này hưởng được ân phước ấy.

Xin đọc tiếp Quán Tâm Bản Tôn Sao như vậy:

“Đức Thích Tôn có hai đặc tính đó là nhơn hạnh và quả đức mà trong 5 chữ Diệu Pháp Liên Hoa Kinh hàm đủ. Nếu thọ trì 5 chữ này, tự nhiên Phật đem nhơn quả và công đức gia hộ cho. Và lại, trong nhiều kiếp lâu xa, Đức Thích Ca tu hành và chứng đắc giác ngộ hoàn toàn, là một bậc giải thoát viên mãn, chân Phật. Sau đó, suốt thời gian lâu dài, Ngài đã giáo hóa không biết bao nhiêu, thế nhưng với Phật, đức ấy bao hàm trong Đề Mục Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh”.

Với những tín đồ môn hạ của Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn, được giáo hóa và thọ trì đề mục chính là công đức tu hành tối cần thiết khi đang sống và lãnh thọ giáo lý Kinh Pháp Hoa. Đọc tụng, giảng giải, biên chép v.v..kinh Pháp Hoa tạo được công đức, cùng hộ trì sự nghiệp tu hành của chúng ta.

Một lần nữa, chữ Diệu nghĩa là khai mở bày tỏ và làm sống lại. Thật dễ dàng cho chúng ta cảm nhận công đức vi diệu để bổ túc thêm cho Daimoku, càng hiểu rõ càng tôn trọng việc thọ trì Đề Mục. Chương ba sẽ trình bày những bút tích của Nhật Liên Thánh Nhơn còn lưu lại và giải thích rõ ràng giáo nghĩa Kinh Pháp Hoa.

Chương Ba

Ootani Gyookoo

IV. Bút Tích của Nhật Liên Thánh Nhơn

IV.1 Lướt qua những bút tích của Nhật Liên Thánh Nhơn

Suốt 60 năm ở đời, Nhật Liên Thánh Nhơn biên soạn rất nhiều sáng tác để lại cho đời nhiều bút tích vô cùng giá trị. Trước tác, thi phẩm v.v... của Ngài Nhật Liên gọi chung là Di Cảo, môn hạ của Nhật Liên Thánh Nhơn cho những tác phẩm này là Ngự Di Cảo, Ngự Thơ, Ngự Diệu Phán, Ngự Thánh Giáo v.v... giữ gìn cẩn thận và truyền lại cho hậu thế đến hôm nay. Trong những trước tác và thi phẩm đó, Ngài Nhật Liên viết về con người, tín ngưỡng, những hình thức sinh hoạt của tín đồ, những hoạt động của môn hạ, đàn việt, một cách cơ bản, cụ thể và hiện thực, được xem là những tư liệu vô cùng quý hiếm trình bày hình thái xã hội lúc bấy giờ.

Hiện tại, còn giữ lại khoảng 493 tác phẩm gồm những trước tác, thi phẩm, của Ngài Nhật Liên. Ngoài ra, còn có 357 bài viết ngắn, 65 bức thư họa, trong đó có 23 tờ thư pháp đại tự, 140 áng văn quan trọng và 123 bản chú giải Kinh Pháp Hoa, Mạn Trà La Bản Tôn, tất cả đều được đóng thành sách gồm:

- “**Chiêu Hòa Đỉnh Bản Nhật Liên Thánh Nhơn Di Văn**”, 4 quyển.
- “**Định Bản Chú Pháp Hoa Kinh**”, 2 quyển.
- “**Nhật Liên Thánh Nhơn Chơn Tích Tập Thành**”, 10 quyển.

Từ những di cảo của Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn, chúng ta sẽ hiểu tư tưởng tín ngưỡng của Thánh Nhơn (*căn cứ từ nguồn: Chiêu Hoà Đỉnh Bản Nhật Liên Thánh Nhơn Di Văn -*

*Đại Học Lập Chánh - Nhật Liên Giáo Học Nghiên Cứu Sở Biên
- Thân Diên Sơn Cửu Viễn Tự phát hành)*

IV.2 Giáo Huấn của Nhật Liên Thánh Nhơn trong bản văn lưu lại

IV.2.1 Lịch sử Hệ Phổ tư tưởng của Nhật Liên Thánh Nhơn (viết về những vị Phật trong tương lai)

Năm Thánh Nhơn 52 tuổi, nhằm năm Văn Vĩnh thứ 10 (1273), vào ngày 11 tháng 5 nhuận, thuật lại tác phẩm này ở Sado Ichinosawa. Cũng vào tháng 4 năm đó chính Thánh Nhơn nói rằng “*Vì sanh tử trọng đại, nên soạn thuật: **Quán Tâm Bản Tôn Sao** (Kanjin Honzonshoo), thuần túy thuộc phổ hệ tín ngưỡng Pháp Hoa Kinh và chính mình*”. Trong tác phẩm này, tác giả xác định rõ ràng sự hóa độ của bậc Đạo Sư hoằng truyền Kinh Pháp Hoa trong thời mạt pháp.

(Phần nguyên văn Hán Nhật không dịch)

Dịch theo lối văn hiện đại.

“Trong “*Pháp Hoa Tú Cú*”, *Truyền Giáo Đại Sư Tối Trừng* cho rằng: “*Thiên Thai Đại Sư* tín thuận giáo huấn *Thích Tôn* truyền bá Kinh Pháp Hoa ở tại Trung Quốc. Chúng ta thừa ý chỉ của *Thiên Thai Đại Sư*, hoằng dương Kinh Pháp Hoa ở núi *Tỳ Duệ, Nhật Bản*”. *Nhật Liên* sinh ra ở *An Phòng Quốc* (Awanokuni) thừa tiếp ý chỉ của *Đức Thích Ca*, của *Ngài Thiên Thai* và của *Ngài Truyền Giáo* truyền rộng Kinh Pháp Hoa. Đã có 3 vị *Đại Sư* trước đây, nay thêm *Ngài Nhật Liên* nữa là 4 vậy.”

Như vậy, Nhật Liên Thánh Nhơn lãnh hội tư tưởng chánh thống của Kinh Pháp Hoa từ Ấn Độ qua Trung Quốc rồi Nhật Bản. Trong 3 nước có tất cả là 4 vị: Đức Phật Thích Ca, Thiên Thai Đại Sư, Truyền Giáo Đại Sư và Nhật Liên. Nhật Liên Thánh Nhơn là người chánh thống theo phổ hệ truyền thừa Kinh Pháp Hoa từ Đức Thích Ca, Ngài Thiên Thai Đại Sư và Ngài Truyền Giáo Đại Sư. Phải nói rằng đối với Kinh Pháp Hoa, Nhật Liên tự mình tiếp nhận bổn hoài của Đức Thích Tôn, theo sự truyền thừa lịch sử trên.

Xuất hiện vào thời Tượng Pháp, kể từ khi Đức Thích Tôn tịch diệt, Thiên Thai Đại Sư chia ra Thánh Giáo của Đức Thích Tôn thành ngũ thời bát giáo một cách logic, để làm rõ giáo pháp tối thắng, qua bổn ý của Đức Thích Tôn trong Kinh Pháp Hoa.

Ngài Truyền Giáo Đại Sư kế thừa và truyền bá Phật Giáo Pháp Hoa ở Trung Hoa và Nhật Liên Thánh Nhơn phát nguyện, kế tục, truyền thừa và hoằng dương giáo lý Pháp Hoa từ Ngài Thiên Thai Đại Sư và Truyền Giáo Đại Sư ở Nhật Bản. Phát nguyện hoằng dương thuần túy Kinh Pháp Hoa trong thời mạt pháp của Nhật Liên không chỉ là phụng sự Tam Bảo mà còn áp dụng giáo lý cứu khổ độ sanh rất thực tiễn của Kinh Pháp Hoa trong cuộc đời.

IV.2.2 Nội Dung Hệ tư tưởng của Nhật Liên Thánh Nhơn (Quán Tâm Bốn Tôn sao)

Sau 500 năm kể từ khi Như Lai diệt độ, mới có tác phẩm Quán Tâm Bốn Sao ra đời” Ngài Nhật Liên biên soạn tác phẩm

này vào ngày 25 tháng 4 năm Văn Vĩnh thứ 10 (1273) năm Ngài 52 tuổi, ở Sado Ichinosawa. Đây là tác phẩm trình bày giáo lý căn bản, tư tưởng tín ngưỡng của Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn, trong đó, Ngài khai sáng những pháp môn mật yếu như: Đề Mục của Bồ Môn, Bồ Tôn của Bồ Môn và giới đàn của Bồ Môn. Phải nói rằng đây là một tác phẩm rất quan trọng hiển bày sự khai mở giáo pháp.

(Lược bớt phần Hán Nhật)

Dịch theo ngôn ngữ hiện đại.

“Tâm yếu của Bồ Môn nằm trong 5 chữ Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Đức Phật không phó chúc cho những vị Bồ Tát như Văn Thù Bồ Tát và Dược Vương Bồ Tát và ngay cả cũng không phó chúc cho những vị Hộ Pháp, mà chỉ triệu những vị Bồ Tát Địa Dũng (từ dưới đất vọt lên. Trong Kinh Pháp Hoa, tám phẩm từ phẩm thứ 15, Dũng Xuất đến phẩm Chúc Lũy thứ 22 đều đề cập đến vấn đề phó chúc”.

Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh là thang thuốc quan trọng chữa bệnh cho chúng sanh trong thời mật pháp, mà chính Đức Thích Tôn đã giảng. Trong Kinh Pháp Hoa, có phẩm Dũng Xuất nhắc đến những vị Đại Bồ Tát, những đệ tử được Đức Thích Ca giáo hoá trong quá khứ, từ mặt đất vọt lên đến trước Phật, cầu xin được phó chúc đại pháp nhưng đến phẩm Thần Lực thứ 21, những vị Bồ Tát từ đất vọt lên này được phó chúc riêng biệt cho 5 chữ hay 7 chữ Diệu Pháp.

Kể từ khi Phật diệt độ, chỉ có Nhật Liên Thánh Nhơn hoằng truyền phần Bồ Môn của Kinh Pháp Hoa, thuộc phẩm

thứ 8 như lời hứa của Đức Thích Ca với những vị Bồ Tát từ mặt đất vọt lên. Trong Quán Tâm Bốn Sao chép rằng: **“Cao quý thay các vị Đại Bồ Tát được ba đời chư Phật phó chúc, nên giữ gìn cho đến đầu đời mạt pháp sẽ xuất hiện”**. Rõ ràng đề cập đến sự xuất hiện của các vị Bồ Tát từ mặt đất vọt lên trong thời mạt pháp.

Riêng bản thân Nhật Liên Thánh Nhơn phải chịu không biết bao nhiêu đại nạn khi hoằng truyền Kinh Pháp Hoa. Với Ngài, hành trì Kinh Pháp Hoa là kết nối nhân duyên và xác chứng sự nhiệm mầu của Kinh (Pháp Hoa Như Thuyết). Xác chứng tự nhiên vấn đề phó chúc cho những vị Bồ Tát từ mặt đất vọt lên của Đức Thích Ca đang cứu độ chúng sanh trong thời mạt pháp, được diễn tả như sau: **“Trong quá khứ, Đức Thích Tôn bảo Bồ Tát Thượng Hạnh tuyên dương Diệu Pháp 5 chữ 7 chữ. Bồ Tát ấy chính là Nhật Liên”**.

IV.2.3 Quan điểm của Nhật Liên Thánh Nhơn đối với Đại Sư Thiên Thai (Quán Tâm Bốn Tôn sao)

Quán Tâm Bốn Tôn Sao.

(lược bớt phần giải thích theo lối Hán Nhật)

Dịch theo văn hiện đại.

“Bồ Tát Quan Thế Âm, Bồ Tát Dược Vương, Nam Nhạc Đại Sư (Nangaku), Thiên Thai Đại Sư xuất hiện vào thời tượng pháp 1.000 năm ấy thuộc về Tích Môn, mà Kinh Pháp Hoa chia làm hai phần đó là: 14 phẩm đầu thuộc về Tích Môn và 14 phẩm sau thuộc về Bốn Môn. Về lý, thật nghĩa của Kinh Pháp Hoa đã được sáng tỏ với những pháp môn trọng tâm như Bách

Giới Thiên Như, Nhất Niệm Tam Thiên, nhưng về sự, hành trì (hành Pháp Hoa, Kinh Bản Môn) mãi đến bây giờ câu Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh (bảy chữ của Bản Môn) vẫn chưa được truyền bá rộng rãi. Thời Tượng Pháp, dấu cho có Viên Giáo nhưng căn cơ người thọ Pháp còn thấp, việc hoằng truyền Bản Tôn của Kinh Pháp Hoa vẫn không thích hợp.

Trong ***năm thời bát giáo***, Thiên Thai Đại Sư (538-597), người xuất hiện ở Trung Hoa, vào thời Tượng Pháp đã chứng minh rõ ràng Kinh Pháp Hoa là bản hoài của Đức Thích Ca. Đại Sư Thiên Thai như một vị tiên phuông luận chứng về giáo lý thực tiễn của Kinh Pháp Hoa như ***Nhứt Niệm Tam Thiên (pháp môn thành Phật)***. Nhật Liên Thánh Nhơn nhìn thấy được việc lấy Tích Môn kinh Pháp Hoa của Thiên Thai Đại Sư làm trung tâm luận chứng về sự cứu độ chúng sanh thuộc về lý (truy tìm về khả năng của con người).

Tại sao vậy? Vì xuất hiện vào thời tượng pháp, Thiên Thai Đại Sư giáo hoá phần Tích Môn của Kinh Pháp Hoa để đem lại lợi ích cho mọi người. Nếu trong lịch sử, Đức Thích Ca thuyết Kinh Pháp Hoa, thì Ngài Thiên Thai là người liễu ngộ Kinh Pháp Hoa, cho nên không phô diễn rộng rãi phần Bản Môn. Còn Nhật Liên Thánh Nhơn ra đời vào thời mạt pháp, cuộc đời đầy dẫy khổ đau, nhiều kẻ ác tâm, lắm người tà kiến, cho nên phải dựa vào Bản Môn Kinh Pháp Hoa để mà cứu độ những kẻ cần phải cứu độ.

IV.2.4 Quan điểm của Nhật Liên đối với Đại Sư Truyền Giáo (Báo Ân Sao)

Năm 55 tuổi, ngày 21 tháng 7 năm Kiến Trị thứ 2 (1276) Ngài Nhật Liên biên soạn tác phẩm “**Báo Ân Sao**” tại *Minobuzan (Thân Diên Sơn)*, để đền ân đức **Ngài Đạo Thiệu Ngự Phòng (Doozen Gooboo)**, người Thầy cũ của mình vừa viên tịch tại chùa Thanh Trừng. Tác phẩm này được Thầy Nhật Hưởng, đệ tử của Nhật Liên Thánh Nhơn đọc trước mộ Ngài Đạo Thiệu ở An Phòng. Trong đó, Ngài trình bày đến sự niệm ân chân chánh của người học trò đệ tử, đề cập những luận chứng tất nhiên của lịch sử ba nước Phật Giáo đang lưu hành Kinh Pháp Hoa trong thời mạt pháp, xiển dương Tam Đại Bí Pháp, tán dương công đức truyền bá Kinh Pháp Hoa và hồi hướng đến ân sư Đạo Thiệu Ngự Phòng.

Tư tưởng và văn phong của Thánh Nhơn còn lưu lại trong những tác phẩm lớn như: “**Lập Chánh An Quốc Luận**”, “**Khai Mục Sao**”, “**Quán Tâm Bản Tôn Sao**”, “**Soạn Thời Sao**”.

(Lược bỏ phần giải thích theo lối Hán Nhật)

Dịch theo văn hiện đại.

“Truyền Giáo Đại Sư xuất hiện ở nước Nhật, sau Phật nhập diệt khoảng 1.800 năm. Theo tài liệu chú thích về Thiên Thai Đại Sư, vào thời Khiêm Minh Đế (Kinmeitei) Phật Giáo vào Nhật được 260 năm có một thời hưng thịnh ở Nara, hình thành được 6 tông phái. Những học giả của 6 tông phái đó cùng thời với Truyền Giáo Đại Sư nói rằng: “Thườ Phật còn tại thế, ngoại đạo và Đạo Sĩ Trung Hoa đã xuất hiện tại đất

Nhật Bản. Thế nhưng, thời của Ngài Truyền Giáo Đại Sư, sau Phật nhập diệt 1.800 năm, Ấn Độ, Trung Quốc và Nhật Bản vẫn chưa thành lập được Đại Giới của Viên Đốn (giới của Kinh Pháp Hoa) Ở Nhật, những giới đàn của Đông Đại Tự thuộc Trung Quốc Đại Hoà, chùa Dược Sư Tự Đông Quốc Hạ Giả, chùa Quan Thế Âm thuộc Tây Quốc Trúc Tiên, tất cả đều bị chê giống như gói sỏi đồ bất tịnh của Tiểu Thừa và những giới mà giới sư mang đến như cáo, vượn vầy”.

Tiếp nhận tôn chỉ của Giám Chân Hòa Thượng (Ganjin) và Thiên Thai Đại Sư, Truyền Giáo Đại Sư (768-822) khuyến khích tương lai nên áp dụng ý chỉ Phật Giáo Pháp Hoa, du nhập vào đời Đường năm Diên Lịch thứ 23 (804), để tương thừa **Bốn tôn: Viên, Mật, Thiên, Giới** tại Tỷ Duệ Sơn. Để khai mở Tông Thiên Thai Pháp Hoa, Truyền Giáo Đại Sư thọ học thêm Chỉ Quán Nghiệp (tác phẩm giáo khoa nói về sự tu hành Kinh Pháp Hoa), Giá Na Nghiệp (tác phẩm giáo khoa về sự tu hành của Mật Giáo). Nhờ Truyền Giáo Đại Sư xiển dương giáo lý Pháp Hoa, cộng với sự suy yếu của sáu tông ở Nam Đô, thêm phần ngoại hộ của Hoàn Vũ Thiên Hoàng, Tông Phái Pháp Hoa Nhưt Thừa lần đầu tiên được thành lập tại Nhật. Tuy nhiên, tông Pháp Hoa phải tranh quyền lực với tông Pháp Tướng Đức Nhất của Đại Sư Hoàng Pháp Không Hải cho nên phải đối đầu với vô vàn khó khăn, sau khi Hoàn Vũ Thiên Hoàng băng hà (Diên Lịch năm thứ 25 nhằm năm 806). Trong hoàn cảnh như vậy, Truyền Giáo Đại Sư minh chứng sự thành công về Nhưt Thừa Chơn Thật, mơ ước kiến lập Đại Giới Đàn thật nghiêm tịnh và thuần túy, mà các chương **“Thủ Hộ Quốc Giới”**, **“Pháp Hoa Tứ Cứ”**, **“Hiển Giới Luận”**, **“Y Bằng Thiên Thai Tập”**, thuật

rõ và nêu cao việc hoằng dương Nhứt Thừa Phật Giáo trong cuộc sống. Thật nhiệm màu, chỉ khoảng 7 ngày sau, có sắc lệnh được phép kiến lập giới đàn.

Nhật Liên Thánh Nhơn cũng sanh vào thời Tượng Pháp, lúc Ngài Truyền Giáo Đại Sư hoằng dương giáo pháp, cho nên lãnh hội và mang trọn vào tim những xung tán và mô phạm hành trì thực tiễn theo tinh thần Kinh Pháp Hoa của Ngài Truyền Giáo Đại Sư.

IV.2.5 Bốn Môn của Tông Pháp Hoa - Khai Mục Sao (Kaimokushoo)

Năm 51 tuổi, vào tháng 2 năm Văn Vĩnh thứ 9 (1272), tại Tả Đạo Trùng Nguyên (Sado Tsukahara), Nhật Liên Thánh Nhơn bắt đầu biên soạn tác phẩm này cho đến ngày 12 tháng 9 năm Văn Vĩnh thứ 9, Thánh Nhơn bị bắt tại Kamakura. Mãi ngày hôm sau, 13 tháng 9 vẫn biệt vô âm tín, về sau mới biết Ngài bị đưa ra pháp trường Long Khẩu (Tatsunokuchi) với tội chém đầu. Tuy nhiên, Nhờ Y Trí (Echi) dẫn trốn vào hang cộp, Ngài thoát chết đến nghỉ tại một ngôi chùa ở Việt Hậu cho đến ngày 28 tháng 10, Ngài đến Sado. Không chỉ một mình Ngài bị bắt, mà nhiều đệ tử tăng và tín đồ cũng bị vạ lây đã làm cho nhiều người thối tâm.

Với Nhật Liên Thánh Nhơn, Pháp Nạn vào năm Văn Vĩnh thứ 9 thật nguy hiểm, lẽ ra Ngài bị giết ở Long Khẩu nhưng nhờ Kinh Pháp Hoa, Ngài được cứu sống. Do vậy tại Sado, Ngài quyết định viết một tác phẩm về thời kỳ quan trọng này. Trong tác phẩm đó, Ngài chú trọng tinh thần tự giác giúp cho

những hành giả Kinh Pháp Hoa trong thời mạt pháp liễu ngộ. Phải nói rằng “*Quán Tâm Bồ Sao*” là tác phẩm vô tiền khoáng hậu mở lối chỉ đường cho nhân loại.

(Lược bỏ phần giải thích theo lối văn Hán Nhật)

Dịch theo văn hiện đại.

Phẩm Phương Tiện, phần Tích Môn, trong Kinh Pháp Hoa trình bày tư tưởng Nhất Niệm Tam Thiên, Nhị Thừa Tác Phật (Thanh Văn và Duyên Giác đều thành Phật), mà đó là hai điểm kiém khuyết lớn của những kinh điển trước, vì không đề cập đến. Thật ra, như bóng trong nước, như bèo trôi sông, nếu Kinh không có phần Phát Tích Hiện Bồ (phát ra Tích Môn và hiển bày Bồ Môn), không hiển bày Nhất Niệm Tam Thiên và không đề cập đến Nhị Thừa Tác Phật

Phần Bồ Môn Kinh Pháp Hoa gọi là Thử Thành Chánh Giác (nói về Đức Phật Thích Ca lịch sử đã giác ngộ), Phật khai mở, hiển thị con đường thành Phật của Đức Phật trong quá khứ, trình bày quả vị Phật của Nhị Thừa, Tứ Giáo (Tạng Giáo, Thông Giáo, Biệt Giáo, Viên Giáo). Giới thiệu quả vị Phật của Tứ Giáo cũng có nghĩa là trình bày Nhân Phật của Tứ Giáo vậy. Giống vậy, căn cứ tư tưởng Phát Tích Hiện Bồ của Bồ Môn, giới thiệu Nhân Quả Thập Giới của Tích Môn có nghĩa là trình bày Nhơn Quả Thập Giới Bồ Môn.

Bồ Nhơn Bồ Quả (Honin Honga) là pháp môn (Nhơn Quả Phật của Bồ Môn). Khi Nhơn Quả của Bồ Môn Thập Giới hiển phát, Cửu Giới đầy đủ. Nếu Phật Giới có từ vô thỉ, Cửu Giới cũng có vô thỉ. Vì thế, Thập Giới đầy đủ và hỗ tương

cho nhau. Bách Giới Thiên Như (10 cảnh giới nhân lên 10 cảnh giới thành 100 cảnh giới; rồi 100 cảnh giới ấy nhân lên 10 thành 1.000; rồi nhân lên cho 3 cõi thành 3000 vậy, thế cho nên gọi là một niệm ba ngàn cõi.

Phần **Tích Môn** (*Shakumon*) Kinh Pháp Hoa hiển bày thế giới Pháp Hoa, thế giới giác ngộ của Phật (Nhứt Phật Thừa), và chư Thánh Chúng trong cõi đời này (những đệ tử của Phật). Còn Bản Môn (*Honmon*) trình bày vấn đề trọng yếu đó là sự thường trụ của Phật và sự cứu độ chúng sanh sau khi Phật diệt độ. Phật thường trụ nghĩa là đời sống vĩnh cửu của Đức Phật, còn đức Phật xuất hiện ở Ấn Độ, thành đạo dưới cội cây Bồ Đề và chuyển pháp luân là Đức Phật lịch sử, **Phật Thừa Tích** (*Suijaka*). Đức Phật thị hiện vào đời với mục đích cứu độ chúng sanh và tuyên thuyết những yếu chỉ của Bản Môn gọi là khai cận hiển viễn (*kaigon kennon*) (mở gần hiển xa), mở ra con đường giác ngộ thành Phật với nhục thể hữu hạn này, thế nhưng khi Thành Đạo, Phật là đấng giác ngộ có sanh mạng vô hạn (viễn thành) cũng có nghĩa là Phật đã thành đạo trong quá khứ (Phật của Bản Môn) mà kinh Pháp Hoa trình bày rõ ràng. Còn cận thành nghĩa là Phật Thành Đạo có tính cách lịch sử (mở bày ra sự giác ngộ). Phật Bản Môn luôn luôn hiện hữu qua thời gian 3 đời (quá khứ, hiện tại và vị lai) để cứu độ chúng sanh. Khai hiển bản môn gọi là **Phát Tích Hiển Bản** (*Hotsushaku Genbon*). Với thế giới Bản Môn, tất cả giáo pháp của chư Phật đều thống nhất ở kinh Pháp Hoa.

Tư tưởng giáo lý của Nhật Liên Thánh Nhơn là đứng trên căn bản thế giới Bản Môn nhìn tổng quát Phật Giáo.

IV.2.6 Cứu nguy thời mạt pháp - Pháp Hoa Thủ Yếu Sao

Năm 53 tuổi, vào ngày 24 tháng 5 năm Văn Vĩnh thứ 11 (1274) Ngài bắt đầu biên soạn tác phẩm này ở Giáp Bùi Quốc, thuộc Ba Mộc Tỉnh (Gagii). Khởi thảo tác phẩm này trong thời gian Ngài ở đảo Sado, nhưng chúng ta có thể nghĩ rằng phải đến Ba Mộc Tỉnh, Ngài mới hoàn thành bản thảo. Nội dung tác phẩm trình bày yếu pháp của Kinh Pháp Hoa (Diệu Pháp 5 chữ), giáo pháp được Đức Thích Tôn tuyên thuyết vì lợi ích chúng sanh trong thời kỳ mạt pháp. Ngoài ra, không có gì để nghi ngờ, Bồ Tát Thượng Hạnh xuất hiện để tuyên lưu giáo pháp ấy rộng thêm theo tinh thần Nhứt Thiên Tứ Hải trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

(Lược bớt phần giải thích theo lối Hán Nhật)

Dịch theo ngôn ngữ hiện đại.

“Nếu được hỏi Kinh Pháp Hoa thuyết cho ai? Câu trả lời sẽ có hai ý nghĩa. Thứ nhất 8 phẩm từ phẩm Phương Tiện thứ 2 đến phẩm Thọ Học Vô Học Nhơn Ký thứ 9 nói về phần chánh của Tích Môn. Đức Phật vì ba hạng chúng sanh theo thứ tự từ trên xuống, đầu tiên là Bồ Tát, thứ nhì là Nhị Thừa, phàm phu thứ ba, mà tuyên thuyết Kinh Pháp Hoa. Còn nếu đọc ngược trở lại từ phẩm thứ 14 An Lạc Hạnh, phẩm thứ 13 Khuyến Trì, phẩm thứ 12 Đề Bà, phẩm thứ 10 Pháp Sư, chúng ta sẽ thấy sau khi Phật diệt độ, đối tượng Kinh Pháp Hoa là con người. Trong kinh Pháp Hoa, con người trở thành phụ nhưng nếu đứng trên lập trường sau khi Đức Phật nhập diệt để luận cứ,

con người trở thành chánh vì thời chánh pháp chỉ có 1.000 năm, thời tượng pháp chỉ có 1.000 năm còn lại là thời mạt pháp”.

Thật là vô cùng ý nghĩa, với tâm đại từ đại bi, Đức Thế Tôn khuyến khích chúng sanh trong thời mạt pháp sau khi Ngài diệt độ nên tụng đọc kinh Pháp Hoa để liễu ngộ Phật tâm. Ngài quán chiếu pháp môn chơn chánh vi diệu để cứu độ chúng sanh trong đời mạt pháp, giáo hóa những con người đầy khổ đau trong cuộc sống ô trược và nghịch ác này. Tuy nhiên, thiện pháp chìm dần chìm dần theo thời gian rất là bi thảm.

Nói chung, với Đại thiện pháp, Diệu Pháp 5 chữ 7 chữ này, Đức Thế Tôn trải lòng từ vô biên cho tất cả chúng sanh trong thời mạt pháp, Mạt Pháp Vi Chánh (Matsuboo Ishoo), làm cho thời đại sống lại.

IV.2.7 Niềm tin duy nhất tuyệt đối - Tứ Tín Ngũ Phẩm Sao (Shishin Gohonshoo)

Năm 56 tuổi, vào ngày mùng 10 tháng 4 năm Kiến Trị thứ 3 (1277), Ngài biên soạn tác phẩm này tại Thân Diên Sơn. Ngày 23 tháng 3 năm Kiến Trị thứ 3, Nhật Liên Thánh Nhơn gửi thư Bất Thảm Trạng (Bushinjoo) cho ông Phú Mộc Thường Nhãn, người có nhiều nghi vấn trong sự hành trì Kinh Pháp Hoa. Được giới thiệu của Nhật Chiêu, Nhật Liên Thánh Nhơn đến với ông Phú Mộc Thường Nhãn và đứng trên lập trường Mạt Pháp Vi Chánh, Tứ Tín Ngũ Phẩm thuộc Phân Biệt Công Đức, phẩm thứ 17 của Kinh Pháp Hoa, Ngài giải thích về các loại chúng sanh trong thời mạt pháp như *Nhứt Niệm Tín Giải, Sơ Tuỳ Hỷ, Danh Tự Tức Vị* (Myoji Sokui) (Phật dạy tiếp xúc

với những người sơ tâm). Niềm tin thay cho trí tuệ. Chỉ cần có niềm tin cũng đủ làm cho người ta chứng quả rồi.

(Lược bớt phần dịch giải thích theo lối Hán Nhật)

Dịch theo ngôn ngữ hiện đại.

“Cuối cùng, sau khi diệt độ, trong 5 phẩm gồm Sơ Phẩm (Tùy Hỷ), đệ nhị phẩm (Độc tụng), đệ tam phẩm (Thuyết Pháp) Phật đã chế ra hai học nữa là Giới Luật và Thiên Định, còn trí tuệ rất giới hạn, chỉ hướng đến mà thôi. Bởi vì trí tuệ không đủ để tin, cho nên phải thay trí tuệ bằng niềm tin. Chữ Tín chỉ có một chữ duy nhất, nhưng rất quan trọng cho con đường Phật Đạo. Bất Tín sẽ trở thành Nhứt Xiển Đề (Isendai) (tức là người cắt mắt cắn lành, không thể thành Phật), rơi vào chỗ huỷ báng giáo pháp. Tín là nhơn của trí tuệ, chính là Lục Tức (Rokusoku) và nói riêng ở Danh Tự Tức Vị”.

Công đức tu tập, với kẻ sơ tâm là nhơn giải thoát có thể so sánh với 4 niệm tin trong hiện tại và 5 phẩm sau khi diệt độ, mà trong phần **Bốn Môn Lưu Thông**, cuối phẩm **Phân Biệt Công Đức, thứ 17** của Kinh Pháp Hoa giải thích như dưới đây.

Phật tại thế

Sơ Tín: Nhứt Niệm Tín Giải
 Nhị Tín: Lược Giải Ngôn Thú
 Tam Tín: Quảng Vị Tha Thuyết
 Tứ Tín: Thâm Tín Quán Thành

Phật diệt độ

Sơ Phẩm: Tùy Hỷ
 Nhị Phẩm: Độc Tụng
 Tam Phẩm: Thuyết Pháp
 Tứ Phẩm: Kiêm Hành Lục Độ
 Ngũ Phẩm: Chánh Hạnh Lục Độ

Tứ Tín (Shishin): địa vị chúng sanh phàm phu, khi thời Phật còn tại thế.

Ngũ Phẩm: địa vị chúng sanh phàm phu, khi Phật diệt độ.

Nhứt Niệm Tín Giải: nghe thọ mạng của Phật lâu dài, khởi tâm hoan hỷ tạo nhiều công đức nhờ sự giải thích đạo lý của thọ mạng Phật ấy.

Quảng Vị Tha Thuyết: công đức của người nghe Kinh, thọ trì, biên chép, cúng dường và giảng thuyết Kinh Pháp Hoa.

Thâm Tín Quán Thành: nghe tuổi thọ của Phật lâu dài, khởi tâm thâm tín và tạo công đức giải rộng.

Sơ tùy hỷ: công đức khởi tâm tùy hỷ khi nghe Kinh Pháp Hoa.

Độc tụng: công đức tụng đọc Kinh.

Thuyết pháp: công đức thuyết pháp.

Kiểm Hành Lục Độ: công đức tu hành sáu pháp Ba La Mật.

Chánh Hành Lục Độ: chuyên tâm hành sáu pháp Ba La Mật, công đức gần Đẳng Chánh Giác.

Thiên Thai Đại Sư lập năm ngôi vị gọi là Lý Tứ (Risoku) gồm có:

Danh Tự Tứ (Myojisoku),

Quán Hành Tứ (Kangjoosoku),

Tương Tợ Tứ (Soojisoku),

Phân Chơn Tứ (Bunshinsoku)

Cứu Cánh Tứ (Kugyoosoku).

Nhật Liên Thánh Nhơn cho rằng sau Phật diệt độ vào thời mạt pháp, trí tuệ của chúng sanh quá yếu kém (yoochi), không thể giác ngộ, chỉ có lòng tin mới có thể đi vào con đường Phật Đạo, mà đó chính là pháp môn: **Dĩ Tín Đối Huệ (Ishintaiie)**. Thời mạt pháp chúng sanh có thể thay trí tuệ bằng niềm tin cho nên Danh Tự Tứ là vị trí mới vào, phối hợp bốn Tín năm Phẩm thuộc phần Nhứt Niệm tin hiểu và Sơ Tùy Hỷ.

Nhật Liên Thánh Nhơn nhận thức rằng Đức Thế Tôn vì những chúng sanh cực nghịch ác trong thời mạt pháp, trang trải tâm từ bi quảng đại, phóng ánh quang minh, chỉ cần chúng sanh tinh tin mãnh liệt sẽ được cứu độ. Điều quan trọng là tin hay không mà thôi, còn gọi là ***Dĩ Tín Đắc Nhập*** nghĩa là tin có thể vào được.

IV.2.8 Pháp Môn Khởi Hiện Cảnh (Kikengyoo) - Tân Ni Ngự Tiền Ngự Phán Sự (Shinoama Gozen Gohenji)

Năm 54 tuổi, vào ngày 16 tháng 2 năm Văn Vĩnh thứ 12 (1275), Ngài bắt đầu biên soạn tác phẩm này tại Minobuzan (Thân Diên Sơn). Tân Ni và Đại Ni ở Lãnh Gia (Ryooke) gửi phẩm vật cúng dường Thánh Nhơn đến Minobuzan. Thánh Nhơn viết thư cảm niệm và nói về nguyên nhân tôn kính của Bản Môn Bản Tôn. Ngài cho biết Đại Ni cần phải tô bồi và tăng trưởng niềm tin và phải qua nhiều giai đoạn thử thách chưa được thấu nhận, còn Tân Ni được Bản Tôn thọ nhận qua những lời dạy rất rõ ràng.

(Lược bớt phần giải thích theo lối Hán Nhật)

Dịch theo ngôn ngữ hiện đại.

“Phần đầu Tích Môn trong Kinh Pháp Hoa không đề cập đến việc này nhưng phẩm Bảo Tháp thứ 11 bắt đầu đề cập đến, đến phẩm thứ 16 Thọ Lượng phẩm, trình bày rõ ràng hơn. Từ phẩm Thần Lực thứ 21 đến phẩm thứ 22 Chúc Lũy, nghi thức này được thành lập rõ ràng”.

Với 28 phẩm kinh Pháp Hoa, Nhật Liên Thánh Nhơn phân tích từ phẩm Pháp Sư thứ 10 đến phẩm Chúc Lũy thứ 22, lấy Hư Không Hội (Kokuue) làm trung tâm trình bày pháp môn tín thọ. Còn những phẩm Pháp Sư, phẩm Bảo Tháp, phẩm Dũng Xuất, phẩm Thọ Lượng trình bày sự hiển thị rõ ràng. Phẩm Thần Lực, phẩm Chúc Lũy nói về các cảnh giới, ở những nơi đó có những trận mưa pháp lớn của Đức Thế Tôn, những quả vị chính (Đức Thế Tôn nói về quả vị Phật trong quá khứ) và phó chúc cho sau Phật diệt độ, gọi là pháp môn **Khởi Hiển Cảnh** (*Kikenkyoo*).

Khởi - Phẩm Pháp Sư
- Phẩm Bảo Tháp

Hiển - Phẩm Dũng Xuất
- Phẩm Thọ Lượng

Cảnh - Phẩm Thần Lực
- Phẩm Chúc Lũy.

Phẩm Pháp Sư bắt đầu phần lưu thông của Tích Môn, tán dương người thọ trì Kinh Pháp Hoa về sau. Phẩm Bảo Tháp nhắc lại sự kiện Đức Thế Tôn ngự trên hư không tuyên bố ba vấn đề thỉnh cầu hoàng dương giáo pháp sau khi Phật diệt độ. Ngoài ra, những phó chúc, mà Thánh Nhơn đề cập trong hai phẩm ở **Bổn Môn** (*Quán Tâm Bổn Môn*). Tất cả gọi là “**Khởi**”.

Phẩm Dũng Xuất mô tả chư vị Bồ Tát, vốn là đệ tử được Phật giáo hóa trong quá khứ từ dưới mặt đất vọt lên xuất hiện giữa đời làm cho đại chúng có nhiều nghi vấn. Phẩm Thọ Lượng cho biết thọ mạng của Đức Thích Tôn vô lượng. Nội

dung của hai phẩm như một pháp lớn (Diệu Pháp 5 chữ 7 chữ) cho chúng ta thấy rõ nguyện ước giữa thầy và trò trong quá khứ, như lương y mang an lạc hết khổ đau cho chúng. Thánh Nhơn gọi hai phẩm này là “**Hiển**”.

Phẩm Như Lai Thần Lực trình bày 10 thần lực thọ nhận những phát nguyện của chư vị Đại Bồ Tát Địa Dũng, được phó chúc những vai trò trọng yếu trong việc hoằng dương giáo pháp sau khi Phật diệt độ. (phó chúc phần pháp yếu của kinh Pháp Hoa). Phẩm Chúc Lụy phó chúc chung cho vô lượng vô số chư vị Đại Bồ Tát (nghĩa là phó chúc hết cho tất cả các vị Bồ Tát). Như vậy, sau khi hiển bày giữa hư không, Ngài phó chúc chư vị Bồ Tát hoằng dương kinh Pháp Hoa sau khi Phật diệt độ, mà Thánh Nhơn cho hai phẩm này là “**Cảnh**”.

Sau khi Như Lai diệt độ, chư vị Đại Bồ Tát Tùng Địa Động Xuất mang đến cho mọi người Diệu Pháp 5 hay 7 chữ của kinh Pháp Hoa, một loại thuốc quý vô cùng lợi ích, cứu độ chúng sanh. Một trong những vị Bồ Tát Tùng Địa Dũng Xuất đó là Bồ Tát Thượng Hạnh, người đã giác ngộ từ lâu, dùng thân mạng của mình hoằng dương giáo lý Pháp Hoa.

IV.2.9 Lời dạy về Năm Nghĩa

Giáo, Cơ, Thời, Quốc, Sư.

Năm 41 tuổi, vào ngày mùng 10 tháng 2 năm Hoằng Trường thứ 2 (1262) tại Y Đông thuộc Y Đậu Quốc, Ngài biên soạn tác phẩm này. Năm Hoằng Trường nguyên niên (1621), Nhật Liên Thánh Nhơn bị bắt ở Kamakura và bị đày đi Ito vào ngày 12 tháng 5. Trước khổ đau vô vàn đó, Ngài thấp lên ngọn

được giác ngộ qua thể nghiệm tâm linh về kinh Pháp Hoa của một hành giả của kinh Pháp Hoa như nêu trên.

Nội dung của tác phẩm này đề cập đến vấn đề hoằng dương giáo pháp tùy thuộc vào căn cơ của chúng sanh. Đến bất cứ quốc gia nào, giáo pháp cũng trọn vẹn năm nghĩa, như Thánh Nhơn đã trình bày năm nghĩa và giải thích theo chủ quan của Thánh Nhơn về tính thực tiễn của kinh Pháp Hoa trong các tác phẩm: “**Hiển Báng Pháp Sao**”, “**Nam Điều Bình Vệ Thất Lang Điện Ngự Thơ**”, “**Quán Tâm Bồn Tôn Sao**”, “**Tằng Cốc Nhập Đạo Điện Hứa Ngự Thơ**”.

(Lược bớt phần giải thích theo lối Hán Nhật)

Dịch theo ngôn ngữ hiện đại.

Thứ nhất “**Giáo**” – những lời dạy của Thế Tôn gọi là Kinh, gồm có:

Kinh: Giáo pháp của Đức Phật,

Luật: Những quy tắc sinh hoạt của đệ tử Phật,

Luận: Những luận thuyết của các Tổ thuộc đệ tử Phật.

Tổng cộng gồm có 5.048 quyển và 480 pho sách (lược bớt).

Thứ hai “**Cơ**” là biết rõ căn cơ của những người thọ nhận pháp khi hoằng truyền những lời Phật dạy (lược bớt).

Thứ ba “**Thời**” là thời điểm lưu bố Phật Pháp. Khi lưu truyền Phật Pháp, hành giả phải biết rõ “thời” (lược bớt).

Thứ tư “**Quốc**” là quốc độ. Khi đem Phật Pháp lưu bố đến nước nào, phải có duyên và người hoằng truyền giáo pháp, hành giả phải biết rõ về quốc độ ấy (lược bớt).

Thứ năm “**Sư**”, người hoằng truyền giáo pháp rõ biết trước sau tường tận, biết rõ pháp sẽ truyền, sau đó mới có thể hoằng pháp được”. Ngay cả bây giờ có nhiều quốc độ, mà Phật Giáo

chưa truyền đến, có nhiều người chưa nghe được lời Phật. Do vậy, nước nào có Phật Pháp truyền đến, là có người tin.

Năm Nghĩa là 5 trụ cột quan trọng trong giáo nghĩa Nhật Liên Thánh Nhơn, được lãnh thọ từ phó chúc của Đức Thế Tôn cho chư vị Đại Bồ Tát từ đất vọt lên. Thế nhưng, bồn hoại Thế Tôn cứu độ chúng sanh trong đời ác thế gói trọn trong Diệu Pháp của 5 chữ 7 chữ, mà chính Thế Tôn nói kinh Pháp Hoa cũng vì chúng sanh trong thời mạt pháp. Nhật Liên Thánh Nhơn là người lưu bố pháp môn Năm Nghĩa này ở Ito.

Tụng đọc, phổ biến kinh Pháp Hoa cũng là thể nghiệm tâm linh, liễu ngộ tâm tư của thánh chúng qua: **Giáo, Cơ, Thời, Quốc, Sư**, mà “**Sư**” là người đã liễu ngộ sáng tỏ các pháp như thật, mà Ngài trình bày trong các tác phẩm viết ở **Sado** như “**Khai Mục Sao**”, “**Quán Tâm Bồn Tôn Sao**”.

“**Năm Nghĩa**” thể hiện nhận thức vị trí của pháp môn được ghi trong “**Tàng Cốc Nhập Đạo Điện Hứa Ngự Thơ**” viết tại **Monibuzan (Thân Diên Sơn)**, mà đại cương của Năm Nghĩa có thể tạm hiểu như sau:

Giáo: Diệu Pháp 5 chữ (Pháp Hoa Kinh thời mạt pháp)

Cơ: Bảng Pháp Nghịch Cơ (đời mạt pháp thật ấu trĩ)

Thời: Mạt Pháp Sơ (sau khi Như Lai diệt độ, ở đời ác trước)

Quốc: Nước Nhật Bản (là nước có duyên với kinh Pháp Hoa)

Sư: Địa Dũng Đại Bồ Tát (Những Đại Sĩ được hoá hiện ra)

“**Giáo**” là lời dạy của Thế Tôn suốt thời gian ở đời như những thang thuốc giá trị mang lại lợi ích cho chúng sanh. Diệu Pháp 5 chữ là thể hiện vi diệu lời Phật dạy trong thời mạt pháp,

mà những ai thọ trì Diệu Pháp 5 chữ hay 7 chữ sẽ tăng trưởng niềm tin, luôn luôn được gia hộ, nhận thức sự hiện hữu của mình và làm chủ hành động của mình. Vì 5 chữ có trong 7 chữ cho nên gọi là Diệu Pháp 5 chữ 7 chữ. Giáo không chỉ đơn thuần là giáo pháp kinh điển, mà còn là chân lý bao hàm ý nghĩa khách quan cũng như chủ quan nữa như là: **Nhị Nhi Bất Nhị** (*tuy 2 mà chẳng phải 2*). **Như Thị Quán Tâm** (*Kanshin*) (*sự thực tiễn về tâm đối với Kinh Pháp Hoa*), cũng chính là lời dạy. Giáo không đơn thuần giải thích trong phạm vi của **Giáo, Tương, Phán, Thích**, mà còn là sự biểu hiện của quán tâm ở Diệu Pháp 5 chữ 7 chữ ấy.

“**Cơ**” là người thọ nhận **Giáo**. Ngay từ lúc xuất hiện, kinh Pháp Hoa đã chỉ bày sự giáo hóa chúng sanh trong đời ác thời mạt pháp rồi, bởi vì tinh thần cứu độ chúng sanh trong kinh Pháp Hoa luôn luôn tùy vào căn cơ của chúng sanh, nhất là hướng đến những người hủy báng pháp trong thời mạt pháp, mà sự hủy báng đó không chỉ đơn thuần là phá hoại Phật Pháp mà đang hủy hoại Chánh Pháp, hủy hoại Kinh Pháp Hoa. “**Cơ**” trong thời mạt pháp là **Bổn Vị Hữu Thiện** (*Honmi uzen*) (là những người không có duyên với Kinh Pháp Hoa trong quá khứ), còn gọi là **Quá Khứ Hạ Chứng** (*nghĩa là có thời gian gieo Phật Pháp vào tâm nhưng đã đánh mất hoặc đang thối lui*). Dù tâm hạ liệt thọ nhận Daimoku (Đề Mục), dù hủy báng Phật Pháp thọ nhận hạ chứng, dù đến với Kinh Pháp Hoa dưới hình thức nghịch duyên, hủy báng Chánh Pháp, tất cả có thể chúng đắc quả vị Phật.

“**Thời**” là thời gian thích hợp lưu bố kinh Pháp Hoa. Nhật Liên Thánh Nhơn tóm lược thuyết 500 năm trong 5 thời của **Kinh Đại Tập** (*Daisitsukyoo*) trình bày niên biểu sau khi Phật nhập diệt trong “**Mạt Pháp Đăng Minh Ký**”. Theo tác phẩm đó, thời kỳ mạt pháp bắt đầu sau 2.000 năm Đức Phật nhập diệt. Đức Thế Tôn tuyên thuyết thời mạt pháp là lúc thích hợp để lưu bố kinh Pháp Hoa và khuyên các vị Đại Bồ Tát từ đất vọt lên, khi Ngài còn tại thế, hãy xuất hiện vào thời mạt pháp để mang lại lợi ích cho chúng sanh bằng Diệu Pháp 5 chữ 7 chữ, mà giáo pháp của Thế Tôn như lương dược, “**sắc hương mỹ vị**” “**đào đào hoà hợp**” (trộn lẫn điều hoà các vị thuốc với nhau). Lãnh hội về “**thời**” rõ ràng, chúng ta liễu ngộ nhiều điểm trọng yếu trong giáo huấn của Nhật Liên Thánh Nhơn.

“**Quốc**” là quốc độ, nơi lưu bố giáo pháp, nơi đang có mặt nhiều vị Thầy. Quốc ám chỉ nước Nhật nhỏ bé, nằm ở phía Đông Bắc có duyên với kinh Pháp Hoa. Trong quá trình hoằng dương kinh Pháp Hoa, Nước Nhật là quốc độ có vị trí rất quan trọng và rất ý nghĩa khi mặt trời mọc lên tất cả các nước khác đều ở phía Tây. Nước Nhật có nhiều người hủy báng giáo pháp đương nhiên là nơi cần lưu bố kinh Pháp Hoa, bằng chứng Ngài Nguyệt Thị, người Ấn Độ đã hướng về phía Đông truyền bá Phật Pháp. Ngài thành lập “**Pháp Hoa Nhứt Thừa**”, dùng kinh Pháp Hoa, tư tưởng thực tiễn của giáo lý Phật Đà để phá tà hiển chánh. Ngài khuyến khích toàn cõi **Diêm Phù** (*Enbu*) phải quy về Daimoku 5 chữ.

“**Sư**” là chư vị Đại Bồ Tát từ đất vọt lên và phát nguyện ở phẩm Dũng Xuất và phẩm Thần Lực của Kinh Pháp Hoa như

Bồ Tát Thượng Hạnh được Thế Tôn phó chúc hoàng dương Diệu Pháp 5 chữ 7 chữ của Kinh Pháp Hoa sau khi Phật diệt độ vào thời mạt pháp ác thế này.

Nhật Liên Thánh Nhơn rất khách quan khi biên soạn phần tựa của tác phẩm này lúc bị lưu đày ở Ito, thể nghiệm cuộc đời qua sự thọ nạn khi hoàng truyền kinh Pháp Hoa, giác ngộ bản tâm, hi hiển đời mình một cách tự nhiên, không tiếc thân mạng. Thánh Nhơn ví mình như chư Bồ Tát Địa Dũng, mà trong những bản văn còn để lại, Ngài tự cho mình là hành giả thọ trì kinh Pháp Hoa trong thời mạt pháp để xác chứng lời Phật hoàn toàn đúng khi nói về tương lai.

IV.2.10 Pháp môn Nhất Niệm Tam Thiên - Khai Mục Sao (Kaimokushoo)

(Lược bớt phần giải thích theo lối Hán Nhật)

Dịch theo ngôn ngữ hiện đại.

“Pháp môn Nhất Niệm Tam Thiên vốn nằm gọn trong Bốn Môn của phẩm Thọ Lượng, kinh Pháp Hoa. Bồ Tát Long Thọ, Bồ Tát Mã Minh thấp sáng tư tưởng nhưng chưa kịp xiển dương, mãi đến thời Ngài Thiên Thai Trí Giả Đại Sư mới giảng diễn tư tưởng này. Pháp môn Nhất Niệm Tam Thiên là căn bản của “Thập Giới Hồ Cự”.

Pháp môn Nhất Niệm Tam Thiên vốn do Ngài Thiên Thai Trí Giả Đại Sư đề xướng rất được quan tâm như một học thuyết cơ bản về **Thập Như Thị** của **phẩm Phương Tiện**, kinh Pháp Hoa đó là: **như thị tướng, như thị tánh, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhơn, như thị duyên, như thị quả,**

như thị báo, như thị bổn mật cứu cánh. Sự tồn tại của các pháp vẫn như thế, bất biến như chơn lý. Trong chương Chánh Quán, Ma Ha Chỉ Quán phần 5, Thiên Thai Đại Sư giải thích: “Một khi nhất tâm là đầy đủ thập pháp giới. Một pháp giới đầy đủ 10 pháp giới trở thành 100 pháp giới. Một cảnh giới trong thế gian đầy đủ 30 loại cùng với 100 pháp giới tức thành 3.000 loại thế gian. Thế nhưng 3.000 thế gian vốn có trong một niệm. Dù tâm không chút dao động vẫn đủ 3.000, mà tư tưởng luận trong một niệm vốn đủ 3.000 thế gian này chính là **Mười cảnh giới Kinh Hoa Nghiêm**; 10 Như Thị Kinh Pháp Hoa, Đại Trí Độ Luận kế thừa Tam Thế Gian.

Nhật Liên Thánh Nhơn lãnh hội tâm yếu tư tưởng Nhất Niệm Tam Thiên, nguyên lý căn bản thành Phật, **Bổn Tôn Định Định** (*Bổn Tôn được định*) của kinh Pháp Hoa. Tuy nhiên, Thiên Thai Đại Sư không chú trọng về lý, chỉ thiên về phân Tích Môn của Nhất Niệm Tam Thiên thời Tượng Pháp. Vì đương thời là thời mật pháp, cho nên Nhất Niệm Tam Thiên về Sự của Bổn Môn (việc của Nhất Niệm Tam Thiên) là giáo pháp thành Phật thích hợp, vì đây là mật yếu nằm ở câu văn cuối của phẩm Bổn Môn Tôn Thọ Lượng đem đến lợi ích, ngay cả kẻ huỷ báng giáo pháp trong thời mật pháp. Dù chư vị luận sư rõ biết thời kỳ các thời kỳ chánh pháp, tượng pháp trong kinh Pháp Hoa, nhưng không đề cập đến sự hoằng dương trong thời kỳ mật pháp.

Nhất Niệm Tam Thiên của Sự Bổn Môn còn gọi là Sự Nhất Niệm Tam Thiên xuất phát từ **Quá Thượng Hiện Hiện** và dựa trên căn bản **Phát Tích Hiện Bổn** (Nhất Niệm Tam Thiên

của Phật trong quá khứ) và (Nhất Niệm Tam Thiên của Phật trong hiện tại). Sự Nhứt Niệm Tam Thiên biểu hiện tất cả thế giới Phật, mà trong “*Soạn Thời Sao*” đề cập đến ý nghĩa “*Cửu giới tức Phật giới, Phật giới tức cửu giới*”, tất cả gồm đủ 10 thế giới hỗ tương nhau, hiện thật và chân thật này, mà một khi chúng sanh viên mãn Nhất Niệm Tam Thiên là thành tựu Phật quốc và chứng đắc Phật quả.

Nhật Liên Thánh Nhơn là người áp dụng nguyên lý thành Phật theo Nhất Niệm Tam Thiên, kết hợp với tư tưởng vốn sẵn có hạt giống Phật rất thực tiễn của kinh Pháp Hoa. Trong tác phẩm “*Quán Tâm Bốn Tôn Sao*”, Ngài trình bày việc lãnh thọ Phật chủng khi thọ trì Đề Mục 5 chữ, biểu hiện “*giống Phật của Nhất Niệm Tam Thiên*”. Trong tác phẩm “*Soạn Thời Sao*” Ngài trình bày pháp môn Nhất Niệm Tam Thiên rất thực tiễn trong kinh Pháp Hoa. Như vậy, Nhật Liên Thánh Nhơn thành lập Nhất Niệm Tam Thiên từ giáo thuyết Bốn Môn kinh Pháp Hoa của Thiên Thai Đại Sư, nhưng cao hơn Ngài tín thọ Nhất Niệm Tam Thiên của Phật, lãnh hội ý nghĩa từ nơi thậm thâm vi diệu của Sự Bốn Môn kinh Pháp Hoa và hiểu rằng nguyên lý thành Phật, chánh nhơn thành Phật rất thực tiễn của kinh Pháp Hoa là pháp vi diệu cứu độ chúng sanh trong thời mạt pháp.

IV.2.11 Tam Đại Bí Pháp - Báo Ân Sao (Hoonjoo)

(Lược bớt phần giải thích theo lối Hán Nhật)

Dịch theo ngôn ngữ hiện đại.

“Thứ nhất, Nhật Bản nằm trong cõi Diêm Phù Đề mà Bốn Tôn là Bốn Môn của Phật Thích Ca, đấng giáo chủ (Bốn

Tôn của Bốn Môn). Và lại, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Phật Đa Bảo đều ở trong Bảo Tháp, còn có chư Phật, chư Bồ Tát, bốn vị Hộ Pháp của Bồ Tát Thượng Hạnh ở bên ngoài.

Thứ hai, giới đàn của Bốn Môn.

Thứ ba, Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ đều nằm trong cõi Diêm Phù Đề. Một khi mọi người không phân biệt có trí hay vô trí, cùng xướng lên Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, là xả bỏ tất cả”.

Bốn Tôn của Bốn Môn, Đề Mục của Bốn Môn là hai pháp vô cùng quan trọng trong tư tưởng ***Tam Đại Bí Pháp*** của Nhật Liên Thánh Nhơn. Cả 2 phần ấy cùng một thể bất nhị vốn là chủ thể của tín ngưỡng, còn ***Giới Đàn của Bốn Môn*** là đối tượng tín ngưỡng, thuộc cảnh giới cảm ứng đạo giao.

Năm Kiến Trường thứ 5 (1253), Nhật Liên Thánh Nhơn dựa trên niềm tin kinh Pháp Hoa thuần túy mà lập giáo khai tông, cho biết con đường duy nhất để cứu độ chúng sanh trong thời mạt pháp là chuyên xướng đề mục ***Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh*** và khuyến khích hành trì một cách thực tiễn như Ngài, mà trong các tác phẩm của mình, Thánh Nhơn lập đi lập lại nhiều lần về ***Bốn Tôn của Bốn Môn, Đề Mục của Bốn Môn và Giới Đàn của Bốn Môn*** và giảng thuyết tính tất yếu của niềm tin qua Diệu Pháp 5 chữ 7 chữ.

Năm Văn Vĩnh thứ 9 (1272), Ngài soạn tác phẩm ***Khai Mục Sao*** đề cập đến sự mâu nhiệm của Bốn Tôn của Bốn Môn và Đề Mục của Bốn Môn. Năm sau, năm thứ 10 Ngài viết tác phẩm ***Quán Tâm Bốn Tôn Sao*** hoàn thành viên mãn cả ba

phần Đề Mục của Bồn Môn, Bồn Tôn của Bồn Môn và Giới Đàn của Bồn Môn.

Năm Văn Vĩnh thứ 11 (1274) Ngài soạn “**Pháp Hoa Hành Giả Trục Nan Sự**” và “**Pháp Hoa Thâu Yếu Sao**” trình bày Tam Đại Bí Pháp rất rõ ràng qua “**Ba pháp của Bồn Môn**”

Như đã đề cập ở trên “**Báo Ân Sao**” được viết theo thể Di Văn, chỉ rõ việc hoằng truyền Tam Đại Bí Pháp trong 3 thời Chánh, Tượng và Mạt Pháp.

Pháp Thân (Hotsushin) là Bồn Tôn của Bồn Môn (chọn lý pháp thân vô thi vô chung).

Báo Thân (Hoojin) là kết quả phước báo từ nhân hạnh tu trì (nhơn, hạnh, quả, đức vô thi vô chung) tu nhơn cảm quả thân) và

Ứng Thân (Oojin) là ứng hiện giống như thân chúng sanh (hữu thi hữu chung).

Tất cả được gọi là **Tam Thân Tứ Nhứt** (3 thân tứ một) của Phật (nghĩa là vô thi vô chung của 3 thân; 3 thân đã có từ lâu), mà trong “**Khai Mục Sao**” tư tưởng này được biểu hiện qua “**Phát Tích Hiện Bồn**” và “**Cửu Viễn Thập Thành**” của Phật. Hơn nữa, Bồn Môn của Bồn Tôn chính là thật thành, thật tu, thật chứng trong quá khứ của Đức Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Năm Văn Vĩnh thứ 10, trong tác phẩm “**Quán Tâm Bồn Tôn Sao**”. Thánh Nhơn chỉ rõ Thể Tướng của Bồn Tôn. Ngày 8

tháng 7 năm ấy Ngài biểu thị bằng hình vẽ **Đại Mạn Trà La** của **Thập Giới Khuyến Thỉnh**.

Có bốn di cảo được xem là **Thủ Đề Bồ Tôn** liên quan đến hình thức của Bồ Tôn còn sót lại đó là **Một Tượng Thích Ca, Đại Mạn Trà La, Một Tượng Hộ Pháp và Hai Tượng Hộ Pháp**. Tất cả phô diễn ý nghĩa **Bổ Nhon Bồ Quả**, Đức Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật trong quá khứ bằng Diệu Pháp 5 chữ 7 chữ vậy. Ở đây chúng ta cũng nên hiểu rằng Pháp Phật là chân lý không hai, Pháp Thể của Bồ Tôn vốn chỉ có một. Đề Mục của Bồ Tôn là câu **Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh** đầy đủ **Nhon, Hạnh, Quả, Đức** của Đức Thích Tôn, vì lợi ích của chúng sanh trong thời mạt pháp mà giáo hoá và lấy Diệu Pháp 5 chữ 7 chữ làm đại lương dược cho mọi người.

Đại Pháp thời Mạt Pháp – Diệu Pháp 5 chữ 7 chữ – Đại Lương Dược của Chúng Sanh thời mạt pháp – Đại Huỷ Báng Pháp – Đại Trọng Bệnh.

Phẩm Như Lai Thọ Lượng thứ 16, Kinh Pháp Hoa nói đến Lương Dược và Lương Y (thuốc chữa bệnh tốt và Thầy thuốc giỏi) ẩn dụ về Đức Như Lai và hạnh từ bi cứu độ chúng sanh như vậy:

Có một người cha hiền là một thầy thuốc giỏi, đi đến địa phương xa để chữa bệnh cho bệnh nhân. Ở nhà, những người con của ông không may uống nhầm phải thuốc độc, bị thuốc hoành hành đau đớn vô cùng đến nỗi phải lăn quay trên đất. Trở về thấy con mình như thế, thầy thuốc liền tìm thuốc tốt đầy sắc hương mỹ vị điều trị cho con của mình, tuy nhiên vì chất

độc đã thấm sâu vào đến tim, điên đảo cuồng loạn, có những người con không nhận thuốc tốt của cha. Biết không làm sao khuyên dụ các con uống thuốc, cha bèn nói rằng cha có công việc phải đi xa nữa, thuốc cha đã sắc rồi, các con nên tự lấy uống. Từ phương xa, cha nhờ người sứ giả trở về nhắn tin với các con rằng cha đã chết. Lúc bấy giờ, những người con cảm thấy lo sợ rầu buồn, nhớ cha mà uống thuốc. Chẳng bao lâu, những người ấy khỏi hẳn không còn bệnh tật, người cha lại trở về. Người cha, vị lương y ấy dụ cho Đức Phật. Những người con dụ cho chúng sanh (những đứa con đánh mất bản tâm chính là những chúng sanh sanh ra sau Phật diệt độ). Lương dược chính là Diệu Pháp 5 chữ 7 chữ. Sứ giả là chư vị Bồ Tát sau khi Phật đã nhập diệt (Đại Bồ Tát từ đất vọt lên). Cái chết của người cha là sự nhập Niết Bàn của Phật. Dùng lương dược là thọ trì 5 chữ (tin thọ kinh Pháp Hoa và niệm đề mục). Người cha trở về là Đức Phật thường trụ. Cha con gặp nhau là thầy trò trong quá khứ (Tịnh Độ ở nơi đây). Đó là những thí dụ cho bây giờ, thời kỳ Phật diệt độ đến thời mạt pháp, Diệu Pháp 5 chữ 7 chữ là lương dược, là đạo pháp. Hành trì duy nhất trong thời mạt pháp là thực hành và thọ trì 5 chữ. Tín thọ Đạo Sư qua hoá hiện của chư vị Bồ Tát từ đất vọt lên, còn Đức Thích Tôn vẫn thường trụ trong ba đời. Ngoài ra, tình thầy trò trong quá khứ biểu hiện thế giới Tịnh Độ bây giờ.

Đề Mục của Bản Môn là lương dược “*sắc hương mỹ vị giai tất cụ túc*”, mà tất cả Như Lai đều viên mãn những pháp yếu, không gì hơn được, trọn vẹn công đức. Thọ trì Đề Mục là việc lãnh thọ phước đức và trí tuệ của tất cả Đức Như Lai một cách tự nhiên.

Giới Đàn⁷ của Bồ Môn thuộc Bồ Tôn của Bồ Môn là niềm tin của hành giả, là cảnh địa cảm ứng đạo giao (kannoodoogyoo), là đương xứ thọ trì 5 chữ Diệu Pháp. Giới Đàn còn có nghĩa là đạo tràng thọ giới, mà Nhật Liên Thánh Nhơn có biên soạn nhiều tác phẩm trình bày và tán dương công đức những Giới Đàn Đại Thừa Viên Đốn của Truyền Giáo Đại Sư. Đồng thời, Nhật Liên Thánh Nhơn cũng phân tích rõ tâm nguyện kiến lập giới đàn trong thời mạt pháp, nhưng rất tiếc những nguyên bản nói về Sự, Tướng không còn nữa, chỉ còn Sự thọ trì 5 chữ tức là Giới Đàn. Có nhiều thuyết cho rằng Giáo Đoàn tức là Giới Đàn được thành lập để quảng bố Đề Mục của Bồ Tôn. Cũng có người giải thích về Lý Đàn và Sự Đàn. Cả Lý lẫn Sự chính là ý nghĩa của Giới Đàn thuộc Bồ Môn. Như vậy những gì được giải thích đều cần thiết có tính cách tổng hợp và tin nhận Thánh Ý.

⁷ Chú thích của dịch giả: Phần giải thích Giới Đàn như trên theo Nhật Liên Tông Nhật Bản. Chư Tăng Ni Việt Nam nên nghiên cứu phần Luật Tạng và nghi thức truyền giới để rõ biết về Giới Đàn.

Chương Tư

Ootani Gyookoo

V. Sự phát triển môn hạ của Nhật Liên
Thánh Nhơn

V.1 Nhật Trì truyền đạo ở Hải Ngoại

Nhật Trì (Nichiji: sinh năm 1250 ~ ?) vừa là một trong những cao đệ của Nhật Liên Thánh Nhơn vừa là danh tăng Nhật Bản, người đầu tiên truyền giáo ra hải ngoại.

Nhật Trì sanh năm Kiến Trường thứ 2 (1250) tại Tùng Giã, Am Nguyên Quận (Iharagun), Huyện Tỉnh Cương (Sizuoka) Tuần Hà Quốc. Ngài là con trai của Tả Vệ Môn Lục Lang ở Tùng Giã. Lúc nhỏ được gọi là Tùng Thiên Đợi, thông minh tài giỏi. Trong cuộc đời xuất gia của Ngài theo học với ba vị Thầy nổi tiếng, thứ nhất là Luật Sư Nghiêm Dự, Chùa Thật Tướng ở Iwamoto, thứ hai ở Tỷ Duệ Sơn, học giáo lý Thiên Thai, giải tỏa những nghi vấn về pháp nghĩa của Mật Giáo rồi trở về Chùa Thật Tướng, thứ ba những khi đi tham cứu 49 viện xa gần của Tông Thiên Thai, gặp Nhật Hưng (Nitsukoo), đệ tử của Nhật Liên Thánh Nhơn (còn gọi là Bạch Liên A Xà Lê) giúp đỡ chỉ dẫn.

Lưu tâm đến việc giảng dạy của Nhật Liên Thánh Nhơn, Ngài tìm đến Kamakura, nơi Ngài Nhật Liên ở để nghe giảng pháp và các nghi hoặc trong Ngài được giải tỏa, tan ra như nước. Sau đó Ngài chính thức quy y với Nhật Liên Thánh Nhơn, được phong đạo hiệu Liên Hoa A Xà Lê (Renge Ajari) vào năm Văn Vĩnh thứ 7 (1270) lúc Ngài 21 tuổi.

Nhật Trì lập tức phát khởi niềm tin kinh Pháp Hoa, nghe và thọ trì pháp môn tu của Ngài Nhật Liên. Năm Hoảng An thứ 5 (1282) Nhật Liên Thánh Nhơn hạ sơn chữa bệnh nên phải rời

Minobuzan (Thân Diên Sơn), đến Ikegami (Thượng Trì) Nhật Trì được tháp tùng theo hầu hạ Thánh Nhơn rất tận tâm. Ngày mồng 8 tháng 10, Khi Nhật Liên Thánh Nhơn biết mình sắp lâm chung, Ngài là một trong sáu người đệ tử được ủy thác việc hậu sự.

Căn cứ di ngôn, di cốt của Nhật Liên Thánh Nhơn sẽ được an táng tại Minobuzan. Nhật Trì lo việc phân công huynh đệ lo việc chăm sóc mộ phần Thánh Nhơn, tuy nhiên thời gian này bị Mạc Phủ ức chế, tình hình xã hội không an ổn. Khi Ngài trở về Thân Diên Sơn đối đầu với nhiều việc khó khăn chẳng bao lâu để lại cho Nhật Hưng thường trụ tại Minobuzan. Sau Nhật Hưng, Nhật Hướng (Nikoo) trở về núi dạy học (Sado A Xà Lê và Dân Bộ A Xà Lê) và chăm sóc giữ gìn Thân Diên Sơn.

Thế nhưng, **Nam Bộ Thật Trường** (*Nanbu Sanenaga*), người cúng Thân Diên Sơn (Minobuzan) cho Thánh Nhơn không thích và có nhiều quan điểm trái nghịch với Nhật Hướng, cho nên Nhật Trì xuống núi đi khỏi Thân Diên Sơn vào năm Chánh Ứng nguyên niên (1288).

Nhật Trì lìa bỏ tranh chấp trở về Tùng Giả, quê cũ xây dựng Chùa Liên Vĩnh (Reneiji), Huyện Sizuoka, phát nguyện tạc tượng Nhật Liên Thánh Nhơn cúng vào Chùa Bồn Môn, ở Ikegami, để khuyến tấn đạo hữu tăng trưởng niềm tin nơi kinh Pháp Hoa.

Năm Vĩnh Nhân thứ 2 (1294) Nhật Trì làm lễ huý kỵ Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn lần thứ 13, rồi lên đường sang

nước khác để hoằng dương kinh Pháp Hoa. Ngài uỷ thác Đại Phu Phòng Nhật Giáo, người đệ tử của mình trụ trì Chùa Liên Thủy và đi khỏi Tuần Hà Quốc vào ngày mồng một tháng giêng năm Vĩnh Nhân thứ 3 (1295).

Nhật Trì đi bộ về hướng Đông Bắc qua khỏi Áo Châu và Hà Di (Ezo), Hokkaido (Bắc Hải Đạo), ngày nay, ở vùng Đông Bắc Hokkaido vẫn còn lưu lại nhiều di tích của Nhật Trì. Ngài lên thuyền ra khỏi Bắc Hải Đạo, đến Duyên Hải Châu, qua Kiệt Lâm Mãn Châu, đến Sơn Hải Quan, vào Vĩnh Lai. Tương truyền rằng Ngài đã qua mặt được quân Mông Cổ ở Khố Luân và Hòa Lâm.

Không rõ nơi nào ở Trung Hoa, Ngài Nhật Trì đặt bước chân đầu tiên khi xuống thuyền, nhưng gần đây Giáo Sư Tiền Đảo Tín Thứ của Đại Học Keio (Khánh Ứng) cho biết qua khảo cứu những vật dụng của Nhật Trì được tìm thấy hầu hết là thổ sản xác định có xuất xứ tại Tuyên Hoá, nhưng phải cần thời gian khảo nghiệm mới quyết định. Tuy nhiên, căn cứ nghiên cứu khoa học, có thể kết luận rằng di tích của Nhật Trì lưu lại ở **Nhãn Nan Hoằng Kinh** (*Ninnan Gogyoo*).

Dù đến Trung Hoa ở nơi nào đi nữa, Nhật Trì vẫn là người đầu tiên truyền giáo tại hải ngoại. Tấm lòng nhiệt thành, tâm nguyện thiết tha cộng với niềm tin bất động đối với kinh Pháp Hoa của Ngài tạo thành năng lực vô lượng tác động vào lịch sử truyền giáo ở hải ngoại của Nhật Bản tiếp tục kéo dài hơn. Giáo đoàn Nhật Liên Tông chọn ngày mồng một tháng giêng, ngày ra đi truyền giáo của Nhật Trì làm ngày giỗ kỵ.

V.2 Nhật Hưng lia khỏi Minobuzan

Nhật Hưng (*Nitsukoo: 1246-1333*) là cao đệ của Nhật Liên Thánh Nhơn sinh tại Thu Trạch (Kaji Kazawa) thuộc Giáp Bùi Quốc, vào tháng 3 năm Khoan Nguyên thứ 4 (1246), sau khi Thánh Nhơn viên tịch, hoằng dương kinh Pháp Hoa tại núi **Phú Sĩ** (*Fujisan*), nơi đây về sau xây dựng cơ sở chính cho môn đồ của Fuji. Nhật Hưng là con của Đại Tỉnh Quất Lục (Ooi Kichiroku), học Nho học và Quốc học từ nhỏ, từng tham cứu 49 viện của Thiên Thai Giáo Học. Năm 13 tuổi, Ngài đi tìm kinh điển nghiên cứu, được gặp Nhật Liên trong lúc biên soạn tác phẩm Lập Chánh An Quốc Luận tại Chùa Thật Tướng, Iwamoto, được Thánh Nhơn cảm hóa và trở thành đệ tử, được đặt tên là Bá Kỳ Phòng (Hookiboo), sau này đổi thành Nhựt Hưng (Bạch Liên A Xà Lê).

Ngày 16 tháng 7 năm Văn Ứng nguyên niên (1260), Nhật Liên trình Lập Chánh An Quốc Luận lên cho Tiền Cháp Quyền (Sakino Sitsuken), Bắc Điều Thời Lại ở Chùa Tối Minh, bị đòi hỏi tiền bạc khiến tư tưởng phê phán người niệm Phật trong Ngài bộc phát dữ dội.

Ngày 27 tháng 8 thảo am tại **Tùng Diệp Cốc** (*Matsuba Gayatsu*) bị đốt cháy. Vào tháng 5 năm Hoằng Trường nguyên niên (1261) Nhật Liên bị đày đến Y Đông thuộc Y Đậu Quốc. Nhật Hưng chọn núi Phú Sĩ làm trung tâm hoằng dương giáo pháp. Khi Thánh Nhơn còn ở Kamakura, ngày nào Ngài cũng đến thăm viếng nhiều lần, thậm chí lúc Thánh Nhơn bị lưu đày

ở Ito, Ngài cũng tìm đến thăm Thánh Nhơn và lãnh thọ lời giáo huấn.

Vào tháng 5 năm Văn Vĩnh thứ 11 (1274) Ngài Nhật Liên vào núi Minobu, theo Ngài, đây là nơi hữu duyên có thể truyền bá giáo lý cho học trò đệ tử và tín đồ. Từ đó, phạm vi giáo hóa ngày càng rộng hơn. Nhật Hưng là người hy sinh hoằng dương giáo hóa nhiều Tăng sĩ ở những chùa khác và các nông dân hiền hòa chất phát tại địa phương ngày thêm đông hơn. Vì lý do này mà các trưởng lão ở các tự viện khác không vui, khiến cho có cuộc đàn áp những người tu theo Pháp Hoa, phụng trì lời dạy của Nhật Liên Thánh Nhơn.

Vào tháng 9 năm Hoằng An thứ 2 (1279) hai mươi vị trụ trì 49 viện gồm **Đội Bình Tả Cận, Nhập Đạo Hành Trì và Thần Tứ Lang v.v...** bị tổng giam tại Kamakura. Tả Vệ Môn Lại Cương, tên cai ngục tra khảo ba người và bức họ phải từ bỏ tín ngưỡng kinh Pháp Hoa, nhưng cả ba người đều xướng lên Daimoku một cách kiên trì, nên bị Lại Cương chém đầu. Còn lại 17 người trong đó, có Nhật Liên được tín đồ của kinh Pháp Hoa vận động miễn tội, cuối cùng được tha. Pháp nạn này được gọi là **Nhiệt Nguyên Pháp Nạn** (*Atsuwara Hoonan*).

Ngày mồng 8 tháng 10 năm Hoằng An thứ 5 (1282), trước ngày viên tịch của Nhật Liên Thánh Nhơn, Ngài tập trung những môn nhơn đệ tử tại Ikegami ủy thác cho sáu người lo việc hậu sự. Di cốt của Nhật Liên được an táng tại Minobuzan và các đệ tử được chỉ định luân phiên chăm sóc phần mộ của Thầy, nhưng việc luân phiên giữ mộ gặp nhiều trở ngại cho nên sau lần giỗ kỵ thứ 3 của Thánh Nhơn năm Hoằng An thứ 7

(1284) ngôi mộ trở nên hoang phế. Nhật Hưng phát tâm ở tại Minobuzan để chăm sóc phần mộ của Thầy, được Nam Bộ Thật Trường (Nanbu Sanenaga), người cúng dường đất cho Thánh Nhơn cảm thông cho nên Nhật Hưng ở luôn Minobuzan vào năm Hoằng An thứ 8 (1285). Vì phát tâm ở tại Minobuzan, Nhật Hưng được Nhật Hưóng (Nikoo) (Sado A Xà Lê, Dân Bộ A Xà Lê), người lãnh đạo và giáo huấn môn hạ, đàn việt tán phong Nhật Hưng làm viện chủ Chùa Cửu Viễn, Minobuzan. Nhật Hưng tính tình cương trực, không chịu thỏa hiệp, thái độ rất cứng rắn ngay cả phương diện tín ngưỡng, không dễ gì thay đổi, ngược lại Nhật Hưóng rất ôn hoà nhã nhặn, thái độ rất khoan dung về mặt tín ngưỡng tạo thành hai thái cực khác nhau trên phương diện giáo hóa cho Môn Hạ và Đàn Việt. Hai sư bắt đầu đối lập với nhau.

Nam Bộ Thật Trường là đại đàn việt của Thân Diên Sơn từ lâu tắm mình trong sự giáo hoá của Nhật Hưng, nhưng thân thiện với Nhật Hưóng hơn, nghe lời Nhật Hưóng hơn. Những việc như tạo tượng, thăm viếng Thần Xã Tam Đảo và cúng dường tháp Phú Sĩ (ví dụ như bố thí ngựa v.v...), Thật Trường không làm theo ý của Nhật Hưng, vì ông cho rằng Nhật Hưng làm sai lời Nhật Liên dạy và phê phán nghiêm khắc. Trong khi đó, Nhật Hưóng có thái độ kiên nhẫn đối lập khiến cho Thật Trường lúc nào cũng xem Nhật Hưóng là thầy mình và thông báo những việc của Nhật Hưng làm. Do vậy, vào tháng 12 năm Chánh Ứng nguyên niên (1288), Nhật Hưng quyết định rời Minobuzan với các đệ tử chuyển đến Fuji.

Nhật Hưng lập một thảo am trên đá được chấp nhận của Nam Điều Thời Quang (Nanjoo Tokimitsu) (sau này thành Đại Thạch Tự). Đến năm Vĩnh Nhân thứ 6 (1298) Ngài trùng tu Chùa Bồn Môn. Ngày mùng 7 tháng 2 năm Chánh Khánh thứ 2 (1333) Ngài nhập diệt và thọ 88 tuổi. Trong hơn 30 năm, Nhật Hưng trùng tu nhiều chùa và dạy dỗ cho môn đồ đệ tử nhiều vô số kể. Trong đó, sau này môn hạ của Phú Sĩ được hình thành, được xem là nơi có tiềm năng bồi đắp nhân tài.

V.3 Nhật Tượng hoằng dương Phật Pháp tại Kyoto

Nhật Tượng (1269-1342), đệ tử hàng cháu của Nhật Liên Thánh Nhơn là người đầu tiên theo di chúc của Thánh Nhơn, đến Kyoto xiển dương giáo huấn Nhật Liên Thánh Nhơn tại Đế Đô và trở thành Tổ Sư khai giáo tại đây.

Nhật Tượng sanh năm 1269 tại Bình Hạ (Hiraga) thuộc Hạ Tổng Quốc dưới thời Khang Vĩnh nguyên niên (1269). Lúc nhỏ có tên là Vạn Thọ Ma Lữ. Cha là Bình Hạ Trung Thanh, mẹ xuất gia pháp hiệu Diệu Lang Ni. Năm Kiến Trị nguyên niên (1275), Ngài lên bảy, đầu sư với Nhật Lang (Đại Quốc A Xà Lê), đệ tử của Ngài Nhật Liên, được Thầy cho tháp tùng lên Minobuzan đánh lễ Nhật Liên Thánh Nhơn. Thấy Vạn Thọ Ma Lữ cốt cách phi phàm, pháp khí tương lai, Nhật Liên cho thân cận và đổi tên là Kinh Nhứt Hoàn (Kyooichimaru). Từ đó về sau được ở bên cạnh Nhật Liên Thánh Nhơn, được lãnh thọ sự giáo huấn, Ngài trở thành một hành giả uyên thâm giáo lý kinh Pháp Hoa.

Ngài Nhật Liên viên tịch, Kinh Nhứt Hoàn được đổi tên là Nhật Tượng (Nichizoo), về Đế Đô để hoằng pháp theo di chúc Tông Nghĩa Thiên Tấu (Shungi Tenso) (nghĩa là đem pháp môn thượng tấu với Thiên Hoàng). Ngài phụng dưỡng sư phụ Nhật Lang, nghiên tâm giáo điển và nghiêm mật hành trì.

Năm Vĩnh Nhân nguyên niên (1293), Ngài 25 tuổi, theo di chúc của Nhật Liên Thánh Nhơn, quyết định lên Kinh Đô hoằng dương giáo pháp. Để nguyện cầu Phật sự thành tựu, Ngài phát tâm chép kinh Pháp Hoa chữ rất nhỏ và đẹp. Từ ngày 26 tháng 10, Ngài đến bờ biển Do Tỉnh tại Kamakura tu khổ hạnh (Aragyo) mỗi 100 ngày cho đến tháng 2 năm sau mãn nguyện. Nhật Tượng tin rằng việc hoằng pháp tại Đế Kinh sẽ thành tựu như nguyện. Ngài phát nguyện tuần du chiêm bái các di tích của Nhật Liên Thánh Nhơn. Ngài qua Bắc Lục đi bộ đến Kinh Đô (Kyoto), giữa đường gặp Chùa Thiên Bình ở Năng Đăng thuộc Tông Chơn Ngôn, Ngài cải tên là Nhật Thừa (Nichijoo) để tranh luận kinh điển. Những di tích của Ngài vẫn còn lưu lại ở các nơi như: Chùa Diệu Thành (Myoojooji), Gia Hạ, Nhược Hiếp, Cận Giang v.v... cho đến ngày 14 tháng 4, Ngài vào được kinh thành.

Nhật Tượng hết lòng hoằng dương giáo pháp tại các phố xá ở Kyoto, ở đó có nhiều hăng buôn đầy thế lực như: Liễu Tử Ốc Trung Hưng (Yanagizakaya Nakaoki), Phú Thương Tiểu Giả Diệu Giác v.v... quy y với Ngài. Từ đó, tín đồ ở Kyoto ngày càng đông khiến cho các Tông phái khác phải ra tay đàn áp.

Đầu tiên, Duệ Sơn và các Tông khác cùng sàm tấu, cho nên dù được Viện Tuyên (Inzen) che chở nhưng Ngài vẫn bị đày ra Thổ Tá Phiên Đa vào ngày 20 tháng 5 năm Đức Trị thứ 2 (1307), tuy nhiên khi được xét tội lưu đày tại Sơn Kỳ (Yamayaki), Nhật Tượng được miễn tội vào ngày 28 tháng 8 năm Diên Khánh thứ 2 (1309). Năm sau (1310) một lần nữa dù được Viện Tuyên che chở, nhưng Ngài lại bị lưu đày sang Kỳ Y Sư Tử cho đến ngày mồng 7 tháng 3 năm Ứng Trường nguyên niên (1311) Ngài lại được miễn tội về sống đời Tăng Sĩ ở Lăng Tiểu Lộ Đại Cung (Ayano Kooji). Trong thời gian này, Ngài lại bị Thật Nhân Chùa Hoan Hỷ, Thật Hiền ở Kê Mão Tỉnh (Kaide) và Lương Quế Chùa Cực Lạc v.v... chỉ trích xâm phạm niềm tin và hoằng pháp tự tiện cho nên vào ngày 25 tháng 10 năm Nguyên Hưởng nguyên niên (1321) Ngài bị buộc ra khỏi Kyoto lần thứ 3. Đến mồng 8 tháng 11 cùng năm Ngài được thả ra. Như vậy, Nhật Tượng bị bắt đến ba lần buộc rời khỏi Kyoto và ba lần được phóng thích, gọi là Tam Truất Tam Xích (Sanchitsu Sansha) (3 lần giáng (phế) 3 lần phục hồi). Thật sự, Nhật Tượng bị bách hại rất nhiều lần như thế! Năm Nguyên Hưởng nguyên niên (1321) Ngài chính thức nhận sắc lệnh được phép hoằng pháp tại Kyoto, được cấp đất ở Kim Tiểu Lộ (Imanokooji), có con lạch chảy bên cạnh rất đẹp để khai mở chùa Diệu Hiền (Myookenji).

Ngày 14 tháng 4 năm Kiến Vũ nguyên niên (1334), Ngài nhận được sắc chỉ tấn phong (giấy báo) của Vua và Chùa Diệu Hiền trở thành Chùa Sắc Nguyên, ngôi chùa đầu tiên của giáo đoàn. Nội dung tờ sắc chỉ tấn phong là Chùa Diệu Hiền thành chùa Sắc Nguyên, tại đây chỉ hoằng dương Tông Chỉ Nhứt

Thừa Viên Đôn, chuyên tâm cầu thế giới hòa bình, gió hòa mưa thuận, muôn dân an lạc.

Nhật Tượng trải qua hơn 40 năm ở Kinh Đô, cuối cùng Nhật Liên Tông chính thức được công nhận là một Tông phái hoàng pháp. Sau đó Chùa Diệu Hiền gọi là Chùa Sắc Nguyên chuyên tu kỳ đảo (cầu nguyện) cho gia đình của các tướng quân trở thành một nơi chỉ lo kỳ nguyện mà thôi.

Năm Lịch Ứng thứ 4 (1341) Viện Tuyên (Inzen) che chở, Ngài được phong đất để làm chùa ở Tứ Điều Tiết Câu Tây Giáp (Shijoo Kushige Nishitsura). Chùa dời khỏi Kim Tiểu Lộ. Từ đó, các chi nhánh của giáo đoàn Nhật Liên lần lượt kéo về Kinh Đô, bắt đầu mở rộng phạm vi truyền giáo. Chùa Diệu Hiền bao trùm tất cả những hoạt động ở đây, trở thành trung tâm điều hành mọi Phật sự của giáo đoàn Nhật Liên tại Kyoto.

Tháng 7 năm Lịch Ứng thứ 4 (1341) Ngài ra quyết định bằng văn bản “Cấm chế điều điều lục lục điều”. Năm Vĩnh Nguyên nguyên niên (1342) khoảng tháng 11, Ngài nhường ngôi vị Trụ Trì Chùa Diệu Hiền cho đệ tử là Đại Giác (Diệu Thật ? - 1364) vào ngày 13 tháng 11 và viên tịch năm 74 tuổi.

Năm Diên Văn thứ 3 (1358), Đại Giác cầu mưa hiệu nghiệm, xin Vua sắc phong Nhật Liên Thánh Nhơn là Đại Bồ Tát và Nhật Lang, Nhật Tượng là Bồ Tát, dù thật tế, chỉ được thừa nhận như là những vị Đại Tăng Chánh, nhưng kể từ đó, Nhật Tượng vẫn được xưng là Nhật Tượng Bồ Tát.

Môn hạ của Nhật Tượng lấy Chùa Diệu Hiền ở Tứ Điều Tiết Câu Tây Giáp làm trung tâm để xiển dương giáo pháp

ngày càng tiếng tăm lừng lẫy cho nên địa danh đó được gọi là Tứ Điều Môn Lưu.

V.4 Nhật Thân (Nitsushin) có nhiều pháp nạn

Nhật Thân (1407-1488) là một hành giả điển hình gặp nhiều pháp nạn, nhưng cho đến cuối đời vẫn giữ vững niềm tin kiên cố, có khí phách phi thường, thuần tín kinh Pháp Hoa, được xưng tụng là “*chắc như vàng ròng*”.

Nhật Thân (Cửu Viễn Thành Viện) (Kuonjoojin) sanh tại Thượng Tổng Quốc Trục Cốc (Haniya) năm Ứng Vĩnh thứ 14 (1407). Thờ nhỏ thường gọi là Dàn Cúc Hoàn (Toragikumaru), cùng họ với Thiên Diệp Thị, là con nuôi của Trục Cốc Tả Cận Tướng Lam (Haniya Sakonshookan), Ngài cùng với Thiên Đợi Thọ Long Hoàn (Chiyo Zurumaru), người anh ruột đến Chùa Diệu Tuyên đầu sư với Nhật Anh. Nhật Anh mất, đầu sư với Nhật Tiến (Nitsuzen). Nhật Tiến mất, nhận Nhật Tát (Nitsusatsu) làm nghĩa Thầy trò và tên Dàn Cúc Hoàn được đổi lại thành Nhật Thân.

Năm Ứng Vĩnh thứ 34 (1427) mang chí nguyện lớn, muốn hoá độ những nhà tham chính, lên đường đến Kyoto, bắt đầu khai pháp truyền đạo. Thỉnh thoảng, Ngài thường lui tới Kamakura, chọn chùa Diệu Long làm trung tâm giáo hóa để cảm niệm ân đức giáo hóa của Nhật Anh.

Ngài là người có khả năng rất nhiều khi giáo hóa tại Kyoto và Kamakura. Giáo Đoàn của Ngài cũng đặc sắc khiến cho nhiều người chú ý đến. Năm Vĩnh Hưởng thứ 5 (1433), vì

lúc nào cũng kỳ vọng trong tương lai sơn môn tinh chuyên thanh tịnh, cho nên Ngài được tuyển vào chức vị Tổng Đại Sư (Soodooshi) ở Cửu Châu (Kyushuu). Tại chùa Quang Thắng thuộc Tùng Vĩ, Quận Thiểu Thành (Ogigun), Phì Hậu Quốc, Ngài chủ trương chỉ đạo giáo đoàn lúc mới có 27 tuổi.

Tư tưởng bất thọ bất thí của Nhật Thân và thái độ hoàn toàn tin tưởng vào Cường Nghĩa Chiết Phục làm cho người địa phương khó thông cảm và chấp nhận. Thỉnh thoảng, Nhật Thân trở về Hạ Tông, đối diện với Nhật Hữu, Quán Chủ (Kanjuu) Trung Sơn Chùa Pháp Hoa mong đứng về phía mình để ủng hộ tư tưởng mình. Thế nhưng hành động của Nhật Thân làm cho Thiên Diệp Thị, đại đàn việt của Trung Sơn Pháp Hoa và Quán Thủ Nhựt Hữu không ưng ý cho nên ngày mùng 7 tháng 7 năm Vĩnh Hưởng thứ 9 (1437) Nhật Thân đột nhiên bị Nhật Hữu tuyên bố là kẻ phá hại tông môn, bị môn đồ ruồng đuổi và Nhật Thân không còn chức Tổng Đại Sư nữa. Tất cả các chùa viện để hoằng dương Phật Pháp và đệ tử tín đồ v.v... của Ngài đều bị chiếm đoạt. Ngài phải nhận lấy sự đả kích vô cùng thậm tệ.

Thế nhưng, lui về Kyoto Nhật Thân điều chỉnh lại những tư tưởng sai trái ấy, ngày 26 tháng 3 năm Vĩnh Hưởng thứ 10 (1438) Ngài thảo “**Chiết Trạng Chánh Nghĩa Sao**” (*Shakubuku Shoogishoo*) gửi cho Tăng lữ và tín đồ ở Kyushuu (Cửu Châu) trình bày tư tưởng “**Thân Khinh Pháp Trọng**” (*Shingyoo Hoojuu*) (*thân này lấy làm nhẹ, pháp ấy mới quý trọng*) của Nhật Liên Thánh Nhơn và quyết hy sinh vì đạo pháp “**Tử thân hoằng pháp**” (*Shishin Guhoo*) (*Thí thân mạng này để*

hoằng pháp). Nội dung “Chiết Trạng Chánh Nghĩa Sao” chứa đựng những trần trình của Ngài để thiên hạ hiểu rõ ý nghĩa chân chánh của sự nghiệp hoằng dương Phật Pháp, nhận thấy việc toa rập không hay của giáo đoàn và sự hiểu lầm của Thầy Quản Thủ Nhựt Hữu.

Ngày mồng 6 tháng 5 năm thứ 11 (1439) Nhật Thân đến gặp Tướng Quân Túc Lợi Nghĩa Giáo (Yorinori) và bằng tâm nhiệt thành của giáo đoàn Nhật Liên, đề nghị Tướng Quân không làm việc nữa, mà vấn đề này được xem như ngăn cản quốc gia, kể từ Tông Tổ đến bây giờ. Ngài thật bạo dạn, chẳng kể đến thân mạng trình bày tất cả các vấn đề quan yếu cần phải sáng tỏ. Sau đó Ngài đến thăm và rất toại nguyện được lưu trú trong vườn nhà của Túc Lợi Nghĩa Giáo. Nhờ sự thân cận này, Ngài tiếp xúc trực tiếp với Tướng Quân, hướng dẫn Tướng Quân lãnh hội giáo pháp của Tông Tổ Nhật Liên Thánh Nhơn, khuyến khích tướng quân Giáo Nghĩa tin tưởng vào kinh Pháp Hoa, chuyển hóa triều đình Mạc Phủ cai trị thật là chánh đạo.

Dù bị triều đình Mạc Phủ điều tra, nhưng Nhật Thân vẫn muốn bãi bỏ những lệnh cấm nghiêm khắc. Tuy nhiên Nhật Thân không đạt được mục đích. Ngài chờ đợi đến ngày mồng 6 tháng 5 năm Vĩnh Hường thứ 12 (1440) là ngày kỵ lần thứ 33 của Lộc Uyển Viện Điện (Rokuon) (tức là Tướng Quân Túc Lợi Nghĩa Mãn đời thứ 3), Ngài sẽ trình bày chí nguyện một lần nữa, cho nên Ngài viết “**Lập Chánh Trị Quốc Luận**” (*Rissoo Chikokuron*) với ý định sau khi hoàn thành, Ngài gởi sách này đến cho các đệ tử tăng tục tại Kyushuu (Cửu Châu) để làm sáng tỏ vấn đề.

Thế nhưng, ngày mồng 6 tháng 2 năm Vĩnh Hưởng thứ 12 (1440) triều đình Mạc Phủ biết được kế hoạch của Ngài, sắc lệnh bắt và giam Ngài vào ngục. Trong ngục, Ngài bị tra tấn vô cùng dã man không thể diễn tả được, bằng tất cả hình phạt kinh khiếp như: bị đốt lửa, bị trắn nước trong đêm đông, bị hình phạt đánh bằng búa, bị tra tấn đổ nước vào miệng, bị lấy tre chĩa vào da thịt chỗ kín, bị hơ đốt hai bên hông, bị bỏ lửa trên đầu, bị kéo lưỡi ra. Dù bị tra tấn như vậy, nhưng vẫn không bức Ngài từ bỏ niềm tin và kính ngưỡng đối với kinh Pháp Hoa. Ngài xứng đáng được xưng tán về đức hạnh, tinh thần và niềm tin mãnh liệt. Người sau gọi Ngài Nhật Thân là “Nhật Thân - người ngậm chặt vành môi”.

Ngày 24 tháng 6 năm Gia Kiết nguyên niên (1441) Tướng Quân Túc Lợi Nghĩa Giáo bị sát hại tại Quán Xích Tùng Mãn Hữu. Ngày mồng một tháng 7, Nhật Thân được phóng thích khỏi tù.

Được tự do, Nhật Thân thường lui tới Kyoto, Kamakura, đôi khi đi từ Kyoto đến Kyushuu và đặt chân lên tất cả những nơi như Cận Giang, Gia Hạ, Bị Hậu, Bị Trung, Đán Mã, Xuất Vân v.v... Ngài bắt đầu đi truyền giáo ở phạm vi rộng rãi hơn. Khi đi, Ngài cũng bị nhiều thành phần có quyền lực và những Tôn Giáo khác ám hại. Nhưng với Nhật Thân, một bước cũng chẳng thối lui. Nơi nào cũng lưu lại những dấu tích hoằng hoá. Ngài sáng lập hơn 30 tự viện. Trong đó, có người được Ngài giáo hoá trong ngục thất như Bồn A Di Bồn Quang (Thanh Tín), về sau Ngài nhận được sự hộ trì từ ông này rất đặc lực.

Trong năm Khang Chánh Ngài xây dựng Chùa Bồn Pháp (Honbooji) ở Tứ Điều Lăng Tiểu Lộ, Kyoto. Ngài xiển dương giáo pháp khắp toàn quốc, quy y cho Thiên Diệp Thị. Vì thế địa vị của giáo đoàn Nhật Thân lại một lần nữa chiếm ưu thế phần lớn tại đây.

Thế nhưng thái độ hoằng pháp của Nhật Thân vẫn không thay đổi là sự thách thức lớn đối với Mạc Phủ, cho nên năm Khoan Chánh nguyên niên (1460) Mạc Phủ quyết định xử phạt Nhật Thân, nhưng nhờ Thiên Diệp Thị can thiệp được giảm nhẹ hình phạt. Tháng 11 năm Khoan Chánh thứ 3 (1462), Nhật Thân bị bắt nhốt vào ngục một lần nữa.

Ngày mùng 8 tháng 8 năm Khoan Chánh thứ 4 (1463) Mẫu Phát Thắng Viện, mẹ của Tướng Quân Túc Lợi Nghĩa Chánh qua đời cho nên Ngài tạm thời không bị giam giữ, cuối cùng Nhật Thân lại được phóng thích.

Sau đó, Ngài chọn Chùa Bồn Pháp tại Kyoto làm trung tâm điều hành và phát triển mạnh mẽ sự giáo hoá trong bối cảnh lấy những người trong phủ làm ngoại hộ. Đến năm Văn Minh thứ 2 (1470) Ngài gởi sách “**Trực Cốc Sao**” (*Haniyashoo*) đến **Trực Cốc Thứ Tử Vệ Môn**, tiếp theo Ngài biên soạn “**Truyền Đăng Sao**”. Bây giờ Ngài chú tâm hết mình vào sự nghiệp sáng tác. Năm Văn Minh thứ 16 (1448) Ngài viết “**Bồn Pháp Tự Pháp Thức**”. Năm Văn Minh thứ 19 (1451), Ngài viết “**Bồn Pháp Tự Duyên Khởi**”.

Tháng 9 năm Trường Hưởng thứ 2 (1488) Ngài lâm bệnh. Trước khi vào cõi giác ngộ lâm chung, Ngài viết di chúc để lại

cho đệ tử như những câu văn mà ông đã viết như: quyết thân thà chết để hồng pháp. Cuối cùng cánh cửa cuộc đời khép lại khi Ngài 82 tuổi.

V.5 Nhật Triêu cải cách tại Minobuzan

Nhật Triêu (Nitsuchoo: 1422-1500) đại biểu cho giới học thức thời Thất Đinh, chọn Chùa Cửu Viễn làm trung tâm để chỉnh đốn và phát triển rộng rãi Minobuzan. Ngài sử dụng nhiều tài liệu, sách vở trong vấn đề giáo dục.

Nhật Triêu sinh vào năm Ứng Vĩnh thứ 29 (1422) tại Vũ Tả Mỹ, thuộc Y Đậu Quốc. Thân phụ qua đời từ thuở Ngài còn ấu thơ, cho nên năm lên 8, nhằm năm Vĩnh Hưởng nguyên niên (1429) Ngài đến đầu sư với Nhứt Thừa Phòng Nhựt Xuất (Nitsushuu) ở Chùa Bốn Giác (Hongakuji) tại Tam Đảo.

Pháp tự của Ngài là Kính Trường, cũng gọi là Gia Hạ A Xà Lê. Pháp hiệu là Bảo Tự Viện, sau này đổi thành Hành Học Viện. Sau khi tu học ở Chùa Bốn Giác, Ngài đến học tại Tiên Ba Đàn Lâm (Senba Danrin) ở Chùa Vô Lượng Thọ tại Tỉnh Giả Sơn. Ngài tu theo giáo học Thiên Thai, tham cứu các nơi như Tỷ Duệ Sơn, Kyoto và Nara v.v... Ngài thông đạt về học vấn của những tông phái khác. Với thành quả nghiêm tu ấy, Nhật Triêu lấy Chùa Bốn Giác ở Tam Đảo làm trung tâm để du hoá các nơi khác mở rộng phạm vi giáo hoá của mình. Mồng 9 tháng 4 năm Trường Lục thứ 3 (1459), Nhật Xuất, vị giáo thọ của Ngài, viên tịch, cho nên Ngài kế thừa pháp đăng ở Chùa Bốn Giác. Năm Khoan Chánh thứ 3 (1462) đời thứ 11, Cần

Học Viện Minobuzan Nhật Diên viên tịch, cho nên Ngài đảm nhận trụ trì đời thứ 11 của Thân Diên Sơn, lúc Ngài 41 tuổi.

Tại Thân Diên Sơn, Nhật Triều mở rộng việc hộ trì Tam Bảo, chấn hưng giáo học, giáo hóa môn đồ đệ tử, mở rộng phạm vi hoằng pháp lớn hơn nhiều. Ngài dùng hết khả năng của mình hoạt động trên nhiều lãnh vực khác nhau. Ngài cũng là người cấu trúc cơ bản việc phát triển giáo đoàn của Nhật Liên Tông.

Khi vào núi Minobu, Nhật Triều phát nguyện chấn chỉnh đạo tràng và phát triển Thân Diên Sơn rộng lớn, điều chỉnh thế núi cho cân đối và từ Tây Cốc (Nishidani) chuyển đến nơi này, với vườn tược đẹp đẽ, đất đai rộng rãi, điện đường hũng vĩ v.v... Phải nói rằng cả một đại sự nghiệp Ngài thực hiện được.

Năm Khoan Chánh thứ 7 tức là năm Văn Chánh nguyên niên (1466) Ngài bắt đầu di chuyển cho đến năm Văn Minh thứ 7 (1474) toàn bộ toà nhà được di chuyển thành công, có tháp gỗ 2 tầng, có Sát Nữ Đường, có Vũ Điện v.v... Ngài điều chỉnh thế núi ở Minobu bị hỏng xung quanh trong vòng 10 năm, vừa thay đổi vừa tạo dựng mới lại. Phải nói rằng nhìn đại sự nghiệp này không ai tưởng tượng ngày ấy Nhật Triều khổ nhọc như thế nào. Hiển nhiên, chắc chắn có sự gia hộ của Nhật Liên Thánh Nhơn, mới di chuyển chỗ đất ấy được. Tuy nhiên, Nhật Triều cũng là người có dũng khí và quyết đoán mới có thể làm được như vậy.

Nhờ cái nhìn rộng và hiểu nhiều của Nhật Triều, Thân Diên Sơn từ một nơi thế đất hẹp, xấu ở Tây Cốc di chuyển đến hiện tại và phát triển một cách nhanh chóng vượt bậc, mà

những ai đến thăm đều thán phục Nhật Triều trong vấn đề kiến trúc xây dựng vào thời kỳ đầu của Thất Đinh. Theo Ngài Nhật Liên, Thân Diên Sơn là đất Thế Thần (Seishin), sẽ có rất nhiều người tề tựu về tu tập và nguyện cầu.

Sau khi hoàn thành việc xây dựng Già Lam đại quy mô, Nhật Triều bắt đầu viết sách giáo khoa dạy các môn đệ. Ngài sưu tập:

Những tác phẩm, bút tích và biên khảo chú thích của Nhật Liên Thánh Nhơn như: ***Ngự Thơ Kiến Văn*** (*Goshokenmon*) gồm 49 quyển.

Những câu chuyện màu nhiệm về Nhật Liên Thánh Nhơn như: ***Nguyên Tổ Hoá Đạo Ký*** (*Ganso Kedooki*) gồm 2 quyển.

Tác phẩm liên hệ đến Kinh Pháp Hoa như: ***Bổ Thí Tập*** (*Fuseshuu*) gồm 112 quyển; ***Pháp Hoa Diễn Giảng Sao*** gồm 36 quyển, ***Pháp Hoa Thảo Án Sao*** gồm 12 quyển.

Tông Nghĩa Thơ như ***Hoàng Kinh Dụng Tâm Sao*** (*Gukyoo Yuujinshoo*) gồm 5 quyển. ***Đương Gia Triều Khẩu Truyền*** (*Tookechokuden*) gồm 2 quyển v.v...

Như vậy, Ngài Nhật Triều đã tuyển tập được một số lượng tác phẩm khá lớn đến ngạc nhiên. Đồng thời, Ngài được xem là bậc đệ nhất tu học, rất siêng năng cho đến bây giờ vẫn còn lưu tích. Ngoài ra, Ngài còn viết thêm một số tác phẩm như: ***Tam Nhựt Giảng*** (*Mitsugankoo*), ***Lập Chánh Hội Vấn Đáp*** (*Risoei Montso*); ***Lệ Giảng Vấn Đáp*** v.v... làm cơ sở giáo hóa

đệ tử. Số lượng tác phẩm của Ngài đạt đến con số kỷ lục vĩ đại, hiện tại vẫn còn bảo quản ở Minobuzan.

Nhật Triêu không chỉ nỗ lực tạo dựng, phát triển nội tự của Minobuzan, mà còn hướng đến toàn thể giáo đoàn, tích cực ngoại giao đối ứng. Ở Thân Diên Sơn, có một cuộc tranh luận nổi tiếng về pháp phục, chính Nhật Triêu đã nghị hòa, giao hảo và kết nối với Nhật Viện, trụ trì Chùa Trung Sơn Pháp Hoa đời thứ 8 để hòa hợp đôi bên thật là toàn hảo, không những chỉ được tiếng thơm cho Thân Diên Sơn mà còn mang lại thanh danh cho toàn thể giáo đoàn, mà những ai là đệ tử đều cố gắng giữ gìn.

Ngày 25 tháng 6 năm Minh Ứng thứ 9 (1500), Nhật Triêu viên tịch ở Thân Diên Sơn, trụ trì được 38 năm và thọ 79 tuổi. Ai ai cũng tiếc thương ngưỡng vọng uy đức và tôn xưng Nhật Triêu là Tổ Trung Hưng của Minobu.

V.6 Quan điểm về Nhật Liên Tông đối với người Thiên Chúa

Trong lịch sử, Thiên Chúa Giáo truyền vào Nhật giữa thế kỷ thứ 16 vào thời kỳ chiến quốc. Năm Thiên Văn thứ 18 (1549) nhà truyền Giáo Franco de Sabiel người Tây Ban Nha đến Nhật khai giáo đầu tiên, chỉ trong vòng một thời gian ngắn một năm thôi, có rất nhiều người trở thành tín đồ Thiên Chúa Giáo. Năm thứ 19, Đảo Tân Quý Cửu được phép truyền đạo. Đầu tiên ông muốn đến Kinh Thành để tấu bạch Thiên Hoàng, nhưng không có kết quả, tuy nhiên, ông gửi dâng Thiên Hoàng những phẩm

vật mới lạ của Âu Châu như đồng hồ, nhạc khí, v.v... Chính những người trí thức văn hóa, có tên tuổi trong thời chiến tranh như *Đại Thân Thuần Trung, Hữu Mã Trấn Quý, Đại Hữu Nghĩa Trấn, Cao Sơn Tả Cận, Nội Đẳng Gia An, Tiểu Tây Hành Trưởng* v.v... liền có cảm tình, trở thành tín đồ Thiên Chúa Giáo, hỗ trợ việc chuyển bánh xe truyền giáo đi khắp các địa phương. Văn hóa Tây Phương như ngôn ngữ, y học, âm nhạc, hội họa, kỹ thuật ấn loát v.v... dưới ảnh hưởng của Thiên Chúa Giáo làm mê hoặc người Nhật Bản. Từ Kyushuu Thiên Chúa Giáo nhanh chóng truyền đến Kinh kỳ, mở trường College (trường dạy cho những nhà truyền giáo), lập bệnh viện, xây trường tiểu học v.v... ở khắp mọi nơi.

Cùng thời đó, Nhật Liên Tông chiếm một phạm vi truyền giáo vô cùng rộng lớn, có nhiều tín đồ và thế lực ở Kyoto khiến cho môn đồ của Tỷ Duệ Sơn không thể bắt kịp. Năm Thiên Văn thứ 5 (1536), họ len lỏi vào Kinh Đô để phá hoại 21 bồn sơn của Nhật Liên Tông, gọi là Thiên Văn Pháp Nạn. Tại Kyoto, giáo đoàn của Nhật Liên bị đánh phá kịch liệt đến nỗi gần hoại diệt, nhưng Nhật Liên Tông cố gắng hòa hoãn với Sơn Môn (Sanmon) của Tỷ Duệ Sơn. Cuối cùng cả hai hòa hợp lại và cùng lưu tâm đến việc phục hưng. Năm Thiên Văn thứ 15 (1546) một số các Chùa được trùng tu, đặc biệt 21 Bồn Sơn tái kiến thiết được 15 ngôi chùa.

Sau pháp nạn Thiên Văn, giáo đoàn Nhật Liên Tông thay đổi phương thức giáo hóa từ thái độ kịch liệt bẻ dẹp trở thành khoan dung hơn và ôn hòa hơn, bên ngoài hòa dịu với các sơn môn khác, còn bên trong hòa hợp giữa các môn sinh.

Người Thiên Giáo cho rằng đây là thời kỳ quá độ của Nhật Liên Tông, họ liên tục đưa các thương thuyền mang những thiết bị kỹ thuật, văn hóa nhập vào Nhật hẳn nhiên kèm theo sự truyền đạo Thiên Chúa Giáo. Nhật Liên Tông là đối thủ lớn nhất, họ viết những báo cáo gửi về quê hương, xin trích một đoạn như sau:

- Có một giáo phái xưng là Pháp Hoa Tông, không cầu đạo lý, chỉ sùng bái 5 chữ.
- Tăng lữ của Pháp Hoa Tông và tín đồ hầu hết thuộc giai cấp trung lưu Nhật Bản rất cứng rắn.
- So với các Tông khác, họ không bị nhiễm dục và tội ác. Những tu sĩ của Pháp Hoa Tông rất khó chịu với lời dạy của Jesus chúng ta.

Như vậy, khảo sát những bản báo cáo này chúng ta thấy những vị tu sĩ và tín đồ Tông Pháp Hoa, (Nhật Liên Tông ngày nay), đều kịch liệt phản đối sự truyền đạo tà mị của Thiên Chúa Giáo, nhất là tích cực truyền tai nhau bằng những câu chuyện đầu môi để giữ vững niềm tin nơi Nhật Liên Tông.

Dù bị pháp nạn Thiên Văn phá hoại khá nhiều, nhưng lúc bấy giờ Nhật Liên Tông may mắn được sắc phong trở lại Kinh Đô, phục hưng chùa viện ở đây, củng cố niềm tin của tín đồ tạo thành một bức tường thành kiên cố đối đầu nguy hiểm với Jesus và đối trị sự truyền đạo của Thiên Chúa Giáo. Cả trong lẫn ngoài giáo đoàn Nhật Liên Tông ở Kyoto hòa hợp thanh tịnh đáng được tán dương công đức.

V.7 Nhật Áo - sự kiện Bất Thọ Bất Thí

Nhật Áo (Nichioo) (1565-1630) là vị Tổ có tư cách và thái độ rất cương quyết dương cao phương châm **Bất Thọ Bất Thí**, đối đầu với quyền lực của chính quyền.

Nhật Áo sinh ngày mùng 8 tháng 6 năm Vĩnh Lạc thứ 8 (1565) tại Kyoto, con của **Vệ Bình Phú Thương Tuân Đẳng**. Năm Thiên Chánh thứ 2 (1574), Ngài đầu sư xuất gia với **Thành Thật Viện Nhật Điển**, trụ trì thứ 18 Diệu Giác Tự ở Kyoto được gọi là **An Quốc Phòng Nhật Chân (Nitsusen)** về sau được đổi lại thành An Quốc Viện Nhật Áo cũng có lúc gọi là **Phật Tánh Viện Nhật Áo**.

Được Ngài Nhật Điển, sư phụ của mình thừa nhận, năm 28 tuổi, Ngài nhậm chức trụ trì chùa Diệu Giác vào năm Văn Lạc nguyên niên (1592) kế truyền đời pháp thứ 19.

Năm Văn Lạc thứ 4 (1595) **Phú Thần Tú Kiết** mời được tất cả các đại diện Tông phái và khoảng 100 vị Tăng thuộc giáo đoàn của Nhật Liên Tông đến dự lễ cúng dường Thiên Tăng (1000 vị Tăng) tại Chùa Đông Sơn Phương Quảng Tự (Hookooji) thuộc Kyoto. Lúc đầu, quý Ngài thuộc Nhật Liên Tông định giữ truyền thống **Bất Thọ Bất Thí** của Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn, nhưng bị chống đối, bởi vì **Bổn Mãn Tự Nhứt Như Viện Nhật Trọng (Ichinyoin Nichiyuu)** và những vị trưởng lão tại Kyoto, ai ai cũng e ngại trước quyền thế của Tú Kiết và Quốc Chủ.

Bất Thọ Bất Thí là không nhận đồ cúng dường của những người cúng không phải là tín đồ phái Kinh Pháp Hoa và cũng không cúng dường cho những vị không có niềm tin Kinh Pháp Hoa, nguyên tắc này chung cho cả tăng lẫn tục.

Nếu Nhật Áo đến tham dự buổi cúng dường thiên tăng hội của Tú Kiết, không phải là tín đồ Kinh Pháp Hoa, mọi người sẽ suy nghĩ rằng Ngài trái với truyền thống **Bất Thọ Bất Thí** rồi.

Lúc đầu, người ta định mời Ngài nhận sự cúng dường riêng, nhưng Nhật Áo không hứa khả vì Ngài kiên trì giữ chặt truyền thống **bất thọ bất thí**, tuy nhiên hầu hết ý kiến đều nghiêng về phía Nhật Trọng, vì thế ngày 25 tháng 9 năm Văn Lục thứ 4, Ngài phải lên đường rời khỏi Chùa Diệu Giác.

Rời khỏi Chùa Diệu Giác, Nhật Áo đổi chỗ ở liên tục từ Sa Nga đến Mai Vĩ rồi Kê Mảo Tinh (Kaide). Chính trong thời gian này, Ngài biên soạn tác phẩm “**Pháp Hoa Tông Gián Trạng**” vào ngày 13 tháng 11, nhờ Tiền Điền Huyền Dĩ trao tận tay Tú Kiết. Vào ngày 15 tháng 11 Ngài chọn một con suối nhỏ tại Đan Ba Quốc ẩn cư.

Năm Văn Lục thứ 5 (1596) Nhật Áo dựa vào Lập Chánh An Quốc Luận của Nhật Liên Thánh Nhơn viết tấu trạng “**Pháp Hoa Tông Tấu Trạng**” trong thời gian Ngài lâm bệnh, dâng lên Vua Dương Thành. Ngài cho biết lý tưởng của những pháp phái của các Tông phái, những vấn đề cần yếu cần phải phụng hành trước tiên, cần phải chấm dứt lại những tiền ngôn của Tiền Điền Huyền Dĩ vì thiên hạ đang phản đối bằng thái độ yên lặng. Nhà vua rất quan tâm đến lời văn tấu của Nhật Áo.

Ngày 18 tháng 8 năm Khánh Trường thứ 3 (1598) Phú Thần Tú Kiệt qua đời, thọ 63 tuổi, quyền lực tập trung vào nơi Đức Xuyên Gia Khang. Thái độ của Nhật Áo được mọi người ủng hộ và duy trì ở Kyoto, ngược lại Nhật Trọng bị phê phán đưa đến tình trạng cả hai lâm vào cảnh đối lập nhiều hơn. Thời gian ấy, Phật Thừa Viện Nhật Tinh (Nichisei) ở Chùa Bồn Môn tại Ikegami và mẹ của Đoan Long Viện Nhật Tú là Quan Bạch Tú Thứ ra công tạo sự hoà hợp, nhưng vẫn không được. Ngày 13 tháng 11 năm Khánh Trường thứ 4 (1599) Nhật Trọng và Nhật Áo bị Gia Khang tố cáo. Nhật Áo chống đối, viết tờ trần tình phản bác luận cứ của Nhật Trọng.

Ngày 20 tháng 11 năm, Gia Khang mời hai bên đến Đại Phán Thành đối luận với nhau. Nhật Áo vẫn không thay đổi chủ trương nghiêm khắc với việc **Bất Thọ Bất Thí** khiến Gia Khang giận dữ cho nên lưu đày Ngài ra Đồi Mã vào tháng 6 năm sau.

Ở nơi lưu đày Nhật Áo có thời gian nhiều cho việc viết sách. Lần lượt Ngài hoàn thành các tác phẩm như: **Tam Cá Điều Vấn Đáp**; **Đoạn Ác Sanh Thiện**; **Viên Chân Chơn Ngụy Quyết**; **Gián Thiện Thần Minh Ký** v.v... để quảng bá ý nghĩa **Bất Thọ Bất Thí**.

Tháng 5 năm Khánh Trường thứ 17 (1612) Ngài được tha trở lại kinh thành, nhưng không vào Chùa Diệu Giác, yêu cầu tăng tục ở đó phải cải hối (Kaige). Hạ Thủ Thắng Trọng, đại diện cho chánh quyền làm trung gian cả Đại chúng của Diệu Giác Tự làm lễ cải hối vào ngày 25 tháng 3 năm Nguyên Hoà thứ 2 (1616) Nhật Áo mới chịu trở lại Chùa Diệu Giác tiếp tục

cải hồi chư sơn. Ngày 27 tháng 5 tại Diệu Giác Tự các môn phái thực hiện pháp hòa đồng dung hợp với nhau.

Năm Nguyên Hòa thứ 9 (1623) nhằm ngày 13 tháng 10, Mạc Phủ gửi sắc chỉ thừa nhận việc **Bất Thọ Bất Thí** là truyền thống. Thế nhưng lúc ấy giáo đoàn vùng Kansei tiến đến Kanto bị giáo đoàn ở đó phản đối khiến cho giữa giáo đoàn Kansei và Kanto sinh ra bất bình vì Kanto lấy Trường Viễn Viện Nhật Thụ (Nichijuu) của Chùa Bồn Môn ở Ikegami làm trung tâm, kiên trì với truyền thống **Bất Thọ Bất Thí, Cường Nghĩa Chiết Phục** (kịch liệt triệt hạ) phê phán thái độ buông thả của giáo đoàn Kansei.

Thái độ của Nhật Áo vẫn một mực duy trì và ủng hộ khiến cho các đệ tử của Nhật Trọng ở Minobu như: **Nhật Càn** (*Nichiken*) (*Tịch Chiếu Viện*), **Nhật Viễn** (*Nichiou*) (*Tâm Tánh Viện*) càng lên án kịch liệt định kiến Nhật Áo chủ trương, cho nên thêm một lần nữa trong giáo đoàn xảy ra sự đối lập nhau kịch liệt xung quanh vấn đề **Bất Thọ Bất Thí** này.

Ngày 21 tháng 2 năm Khoan Vĩnh thứ 7 (1630) Mạc Phủ mời cả hai bên Minobu và Ikegami đến thành Giang Hộ đối luận với nhau. Mạc Phủ không căn cứ trên vấn đề pháp lý mà lấy căn bản vấn đề cấm chỉ của Gia Khang năm trước đàn áp phái Ikegami, đày các Sư Tăng, đem Ikegami Bồn Môn Tự giao cho phía Minobu Diệu Giác Tự tại Kyoto. Sự kiện này gọi là **Thân Trì Đối Luận** (*Shinchi Tairon*).

Trong lúc luận tranh như thế, Nhật Áo viên tịch ngày mùng 10 tháng 3 ở tuổi 66. Kết quả của Thân Trì Đối Luận

buộc Ngài vào tội tái phạm, dù chết vẫn bị lưu đày ra Đới Mã và suốt 6 năm dài cho đến năm Khoan Văn thứ 5 (1665), **Bất Thọ Bất Thí** vẫn bị cấm ngặt, nhưng phái của Nhật Áo vẫn tiếp tục truyền thừa và giữ mãi truyền thống **Bất Thọ Bất Thí** đó.

V.8 Nguyên Chính - giới trí thức văn nghệ

Nguyên Chính (Gensei) (1623-1668) không những rất nổi tiếng trong giới văn nghệ, vừa là một thi sĩ, vừa là một học giả Hán ngữ và Nhật ngữ ưu tú, mà còn là một bậc Thầy mô phạm, giới luật tinh nghiêm, chủ trương trì luật, thành lập một tông phong mới theo pháp môn trì Luật.

Nguyên Chính sanh ngày 23 tháng 2 năm Nguyên Hoà thứ 9 (1623) tại Kyoto, con trai thứ 5 của Gia Thân Thạch Tĩnh Hảo, thuộc Nguyên Mao Lợi Huy Nguyên. Lúc nhỏ tên là Nguyên Bát Lang Nguyên Chính. Xuân Quang Viện, người chị cả làm dâu của Ngạn Căn Thành Chủ Tĩnh Y Trục Hiếu. Nguyên Tú, người anh làm việc với Trục Hiếu. Năm Nguyên Chính 13 tuổi cũng ở dưới trướng của Trục Hiếu. Năm Khoan Vĩnh thứ 18 (1641), Ngài được 18 tuổi bị té lâm bệnh phải trở lại Kyoto. Nguyên Chính hành hương với mẹ đến Chùa Diệu Tuyên ở Tuyên Châu. Ngài muốn được xuất gia ở đó nhưng phải làm tròn đạo hiếu, bổn phận làm con phụng dưỡng mẹ cha khi tuổi già, Ngài phát nguyện tụng đọc ba bộ Kinh lớn của Thiên Thai Tông trong thời gian phụng sự Tĩnh. Năm Chánh Bảo thứ 4 (1647), tâm nguyện xuất gia càng quyết liệt hơn. Năm Khánh An nguyên niên (1648) Ngài rời gia đình Tĩnh Y trở lại Kyoto đầu sư với Tăng Na Viện Nhật Phòng, cao đệ của

Tâm Tánh Viện Nhật Viễn (Shinshooin Nichion) đời thứ 22 của Thân Diên Sơn, vị trụ trì đời thứ 14 Chùa Diệu Hiền. Năm Nguyên Chính 26 tuổi được sư phụ Nhật Phòng đề cử trách nhiệm đại diện giáo đoàn Nhật Liên tại Kyoto. Cơ hội này giúp cho Nguyên Chính phát huy tài năng hầu Thầy. Học thức của Ngài sâu sắc và nhân cách của Ngài cao khiết, cả kinh thành Kyoto ai ai cũng biết. Năm Minh Lịch nguyên niên (1655) Nhật Phòng được tấn sơn (Shinzan) tại Chùa Bồn Môn ở Ikegami, Nguyên Chính kết thảo am để ẩn cư tại Xung Tâm Cốc (Shooshinan).

Với học thức uyên thâm, Nguyên Chính thông suốt tất cả tông nghĩa, giáo nghĩa từ Hán ngữ cho đến Nhật ngữ. Ngài sáng tác nhiều tác phẩm nổi tiếng cả phương diện văn thơ lẫn hòa ca (những bài ca của Nhật Bản). Dù Ngài ở trong một thảo am, nhưng có rất nhiều người kéo đến thỉnh vấn Phật Pháp và nghe giáo huấn không dứt.

Về phương diện giáo đoàn, Nguyên Chính chú tâm đến việc kiến tạo tăng đường mô phạm, tôn trọng thể giới chung quanh và quy luật xã hội. Năm Thừa Ứng thứ 3 (1652), Ngài biên soạn tác phẩm *Thảo Sơn Yếu Lược* (*Soozanyooro*), kim chỉ nam cho những người cầu đạo. Năm Khoan Văn nguyên niên (1661) Ngài xây Phật điện gọi là *Đoan Quang Tự* (*Zuikooji*), đạo tràng Pháp Hoa Tam Muội. Với sự hành trì nghiêm mật, Nguyên Chính được tôn xưng bậc mô phạm của tông lâm, đạo phong của giới luật, uy nghi của thảo sơn hay Thảo Sơn Luật (Pháp Hoa luật và Bồn Hoá luật).

Với Nhật Liên Tông, Ngài là một ngọn gió mới thổi đến, được đánh giá rất cao. Nhiều môn hạ của Nguyên Chính được đào tạo nghiêm mật, có khả năng sáng tác văn thơ v.v... trở thành những bậc thạc học trong tông môn. Ngài còn giao du với từng lớp văn nhân đương thời nữa.

Có một sự kiện quan trọng của sơn môn là cảm niệm và tán dương uy đức của Tuyên Ông Nhật Khả, bậc Thượng Tọa lâm bệnh chết khi còn trẻ, Nguyên Chính viết tác phẩm ***Thân Diên Đạo*** (*Minobunmichi*), được Thượng Hoàng Nguyên Hoà duyệt lãm.

Sau khi Nguyên Chính viên tịch, Tây Cốc Đàn Lâm hoá chủ (Keshu); Phạn Cao Đàn Lâm hoá chủ, Cốc Trung Đoan Luân tự (Zuirinji) Tiểu Thấu Đản Sanh tự (Kominato Tanzooji) công cử Từ Nhẫn Nhật Hiếu, phụng trì di chúc của Thầy, nhận lãnh trách nhiệm đệ nhị trụ trì của Chùa Đoan Quang. Như Thầy mình, Nhật Hiếu tiếp tục thấp sáng ngọn đèn trí tuệ, xiển dương pháp môn Pháp Hoa Luật.

Những ngôi chùa tuy không thuộc sơn môn nhưng liên hệ rất mật thiết như: Lập Bồn Tự Nhật Phiên (Ryuhonji), Bồn Pháp Tự Nhật Đức, Tam Bảo Tự Nhật Hộ, Diệu Tâm Tự Thái Nhạc, Kiến Nhon Tự Thông Hiến, Tuyền Dũng Tự Thiên Giai v.v...

Trần Nguyên Vũ, (Chingenbin) một văn nhân đương thời, người vùng Minh Hồ Lâm, sinh ra trong gia đình làm đồ gốm sứ, sáng tác thơ, viết văn, vẽ tranh v.v... rất nổi tiếng, được Nguyên Chính mời đến Ikegami bởi vì năm Vạn Trị nguyên

niên (1658), Ngài 36 tuổi thân phụ qua đời, năm sau thân mẫu đem hài cốt thân phụ về mai táng ở Thân Diên Sơn. Trong chuyến đi này, Nguyên Vũ viết tác phẩm Minobumichi. Nguyên Chính giới thiệu người chị kế là Phu Xuyên Trường Chánh Kiệt cho Trần Nguyên Vũ. Hai người giao hảo rất thâm tình. Năm Khoan Văn thứ 2 (1662), cả hai người tập trung các bài thơ và tuyển tập thành thi phẩm nhan đề là “*Nguyên nguyên xướng họa tập*” (*Gengen Shoowashuu*).

Ngoài ra Ngài còn kết thân với những vị khác như: Thạch Trượng Sơn, một thi sĩ Hán ngữ rất giỏi, Dương Minh, một học giả uyên thâm. Thái Trạch Phan Sơn, vừa là một học giả cổ điển, vừa là thi sĩ thơ Hải Cú như Bắc Thôn Tú Vịnh v.v... Khi lâm bệnh, Ngài vẫn không ngừng sáng tác và để lại rất nhiều tác phẩm văn thơ giá trị cho đời sau.

Năm Khoan Văn thứ 7 (1667) mẹ Ngài (hiệu Diệu Chung) qua đời thọ 87 tuổi. Ngài lo phần tang lễ cho mẹ xong. Năm sau, năm Khoan Văn thứ 8, Ngài viên tịch vào ngày 15 tháng 2, hưởng dương 46 tuổi.

Huệ Minh Nhật Đăng, đệ tử của Ngài đã kết tập lại tất cả giáo huấn của Nguyên Chính, tạo ra phong trào giáo dục mạnh mẽ. Ngoài ra còn có những vị như Bản Diệu Nhật Lâm (Honmyoo Nichirin) và Ưu Đà Na Nhựt Huy (Udana Nichigi) v.v... hỗ trợ Ngài xây dựng nền giáo học Nhật Liên căn bản, trọng yếu và thật tiến thời cận đại.

V.9 Tân cư Nhật Tát – thời Minh Trị Duy Tân

Tân Cư Nhật Tát (Arai Nitsusatsu) (1830-1888) là vị quản trưởng đầu tiên của Nhật Liên Tông, điều hành tất cả các tông pháp trong Tông Môn vào thời kỳ Phật Giáo bị áp bức của Minh Trị Duy Tân. Ngài thiết lập nền móng vững chắc cho giáo đoàn trước sự biến đổi của thời đại mới. Sự nghiệp vĩ đại đó vẫn còn sót lại đến ngày nay.

Văn Minh Viện (Bunmyooin) Nhật Tát sinh ngày 25 tháng 12 năm Thiên Bảo nguyên niên (1830) tại Đổng Sanh thuộc huyện Gunma, là con trai thứ 6 của vệ môn Tân Cư Tông. Lúc nhỏ gọi là Lâm Chi Trợ. Năm lên 9, Ngài theo hầu Đại Xa Viện Nhật Quĩ ở Chùa Tịnh Liên tại Trật Phụ thuộc huyện Saitama vào tháng 2 năm Thiên Bảo thứ 9 (1838). Ngày mồng 8 tháng 4 năm sau, Ngài được xuất gia với tên là Văn Gia (Bunka).

Năm Thiên Bảo thứ 11, Ngài học đạo với Phan Cao Đàn Lâm (Iidakadanrin). Năm Gia Vĩnh nguyên niên (1848), Ngài được Sung Hợp Viện (Yungooen). Chùa Lập Tượng ở Kanazawa dạy, Ngài lãnh hội trí tuệ sáng suốt Ưu Đà Nà Viện Nhật Hứa, vị thầy uyên bác thiết lập chương trình căn bản của Nhật Liên giáo học thời cận đại.

Năm An Chính nguyên niên (1854) Ngài tu trì tại Chùa Liên Cửu tại Câu Nhập ở Giang Hộ suốt 6 năm tóm lược và nghiên cứu sâu hơn những giáo huấn căn bản mà Ngài đã học được từ Nhật Huy. Năm Gia Vĩnh thứ 4 (1851), Ngài thay cho Nhật Huy thăng tòa thuyết pháp, năm 22 tuổi.

Nhờ vốn luyện Hán ngữ và Nho học, học ở Đàng Sum Hoàng Am trong thời gian tu ở Chùa Liên Cửu, Nhật Tát xây dựng Khê Khê Tinh xá (Keikei Shooja) để giảng dạy, kẻ tăng người tục đến thọ học rất đông. Ngài còn đi đây đó để thuyết giảng dưới tên của Hội tại Chùa Bản Môn, Ikegami suốt thời gian Cửu Bảo Điền Nhựt Qui, Quản Trưởng thứ 15 và Thủ Bản Văn Tịnh, đời thứ 69. Ngài còn được Tiểu Tuyên Nhật Tử suy cử trách nhiệm trụ trì Chùa Cửu Viễn Thân Diên Sơn, đời thứ 79, để bồi đắp nhân tài cho Nhật Liên Tông.

Năm Nguyên Trị nguyên niên (1864) Ngài lại được đề cử trách nhiệm Chùa Thiện Quốc, Thần Lạc Phấn, nhưng nhận thấy Phật sự đa đoan nên từ chối và một lần nữa trở về Liên Cửu Tự, trở thành giảng sư của Nam Cốc Đàn Lâm (Nangoku) tại Ikegami.

Khoảng thời gian ấy, nước Nhật có khuynh hướng kiến thiết một thể chế xã hội mới, Ngài báo động cho biết gió mây bao phủ làm cho nhiều nơi bị quần thảo. Thật vậy, ngay cả trung tâm đế đô cũng bị quần chúng loạn động chẳng còn thể thống gì nữa, mồ mã của Đức Xuyên Mạc Phủ bị đào bới lên cho đến Minh Trị Duy Tân, đêm tối vừa qua để bắt đầu cho những ngày mới. Vào tháng ba, Tân chính phủ của Minh Trị nguyên niên (1868) công bố sắc lệnh “**Tế Chính Nhất Trĩ**” phục cổ và Thần Phật Phân Ly làm cho cơ hội để Phế **Phật Huỷ Thích** (*Haibutsu Kishaku*) càng lên cao hơn. Nhiều chùa chiền bị phá hủy tại các địa phương. Nhật Liên Tông cũng bị nạn. Các Tông Phái Phật Giáo trong thời đại này đều chịu chung số phận đắng cay. Trước tình trạng như thế, chùa nào

cũng phải nỗ lực vươn lên để tồn tại. Tháng 10 năm Minh Trị nguyên niên có 30 ngôi đền thờ Thần được thông báo đình chỉ (đẹp bỏ).

Tháng 3 năm Minh Trị thứ 5 (1872) chính phủ thành lập Giáo Bộ Tỉnh để kiểm soát và quản lý tôn giáo. Tất cả các thần xã và tự viện đều nằm trong sự quản lý của giám đốc Giáo Bộ Tỉnh, một cơ quan tuyên truyền giáo dục cho Thần Phật (nơi thờ Thần và các nơi thờ Phật).

Chính phủ thiết lập Trung Ương thành Đại Giáo Viện yêu cầu các giáo đoàn Thần Phật phải cử những giáo sư đại diện tham dự vào thành phần giáo thọ. Nhật Liên Tông đề cử những chức vị giáo thọ như: *Tân Cư Nhật Tát, Kiệt Xuyên Nhật Giám, Hà Đa Nhật Nhơn, Cửu Bảo Điền Nhật Qui v.v...* Dù vừa bị chính phủ Minh Trị quản lý, vừa bị thể chế mới điều hành, Nhật Tát lên kế hoạch chỉ đạo Tông Môn uyển chuyển đổi phó.

Đầu tiên, Nhật Tát mở Tông Giáo Viện dành riêng cho Nhật Liên Tông tại hai chùa Hạ Thừa Giáo để tiếp tục điều hành tông môn theo thể chế mới vào năm Minh Trị thứ 5. Sau đó, Ngài liên lạc nối kết hòa hoãn với các tông khác để đối phó với tân chính phủ. Thật vậy, Nhật Tát hoàn thành việc chỉ đạo cũng như phát huy cả trong lẫn ngoài trong thời kỳ khó khăn lớn như thế!

Tháng 3 năm Minh Trị thứ 7 (1874) Nhật Tát được vị trụ trì đời thứ 65 của Chùa Cửu Viễn ở Minobuzan tiến cử trách nhiệm Quản Trưởng. Tháng 4 năm ấy, tất cả các phái của Nhật

Liên Tông đều đồng loạt bầu Ngài làm Quản Trưởng đầu tiên năm Ngài vừa 45 tuổi. Nhật Tát xứng đáng với tín nhiệm của các tông phái, vừa điều hành Thân Diên Sơn vừa đảm nhận trách vụ Quản Trưởng. Thế nhưng, ngày mùng 10 tháng giêng năm Minh Trị (Meiji) thứ 8 (1875), một cơn hỏa hoạn bất thành linh thiêu rụi Thân Diên Sơn Cửu Viễn Tự gồm điện chính cùng với 12 tầng viện. Nhật Tát đang bận rộn việc chuẩn bị giỗ kỵ Nhật Liên Thánh Nhơn, lần thứ 600, Ngài ủy thác Kiệt Xuyên Nhật Giám lo việc trùng tu Thân Diên Sơn, còn Ngài giữ chức Quản Trưởng mà thôi.

Ngày 27 tháng 2 năm Minh Trị thứ 9 (1876) Nhật Tát công bố danh xưng chánh danh Nhật Liên Tông, như vậy trong thời kỳ dù vô cùng hỗn loạn của Minh Trị duy tân, nhưng Nhật Tát như một con sư tử hăng say và rất linh hoạt lao vào tất cả mọi Phật sự, lo tròn bổn phận giáo dục của Tông Môn, đảm nhận việc hành chánh. Cuối cùng Ngài viên tịch tại Ikegami Vĩnh Thị Viện năm Ngài 59 tuổi, vào ngày 29 tháng 8 năm Minh Trị thứ 21 (1888).

Nếu Nhật Huy tạo những con đường căn bản và chân chánh của Tông Môn, được nhiều người hàm ân giáo dưỡng ở *Sung Hạp Viên* (Yuugosen), thì Nhật Tát và những vị đồng môn như Nhật Giám bước đi trên con đường đó và xây dựng những cơ sở trên đó trong thời cận đại, và Nhật Tu là người trùng hưng Nhật Liên Tông. Phải nói rằng thành quả đạt được của ba vị này đã mang đến sự hình thành giáo đoàn mới đáp ứng với thời đại và tạo trung tâm điều hành mọi Phật sự của Tông Môn hữu hiệu vậy.

V.10 Hoạt động và lý tưởng của Nhật Liên thời cận đại

Điền Trung Trí Học

Điền Trung Trí Học (Tanaka Chigaku: 1861- 1939) không những là một nhà hoạt động ngoại giao kết nối giữa Quốc Trụ Hội (Kokuchuukai) và Nhật Liên Tông, mà còn vận động chủ nghĩa tại gia Phật Giáo của Nhật Liên nữa.

Điền Trung Trí Học sinh ngày 13 tháng 11 năm Minh Cửu nguyên niên (1861) tại Edo, Nihonbashi, Hinishicho, con trai thứ 3 của Đa Điền Huyền Long và Vũ Lý Tử. Lúc nhỏ gọi là Ấp Chi Trợ. Tháng 9 năm Minh Trị thứ 2 (1869) và tháng 2 năm sau hai đấng sanh thành của Ngài lần lượt qua đời, Ấp Chi Trợ vừa tròn 10 tuổi đến hầu Trí Cảnh Viện Nhật Tiến thuộc Nhứt Chi Giang Thôn Đẳng Giác Viện ở Tokyo và được đổi tên là Trí Học.

Năm Minh Trị thứ 4 (1871) Ngài được 11 tuổi vào học trường Phan Cao Đàn Lâm và được Đẳng Nguyên Nhật Ca, Kiệt Xuyên Nhật Giám v.v... dạy dỗ. Trường Phan Cao Đàn Lâm bị bãi bỏ năm Minh Trị thứ 7 (1874) và thay thế bằng trường Nhật Liên Tông Đại Đàn Lâm xây dựng ở 2 nơi Nhị Bản Hạ.

Ở đây, Ngài học với Tân Cư Nhật Tát và Vĩnh Giá Nhật Đình v.v... thế nhưng khi học đến học phần Thiên Thai học, Ngài đưa ra nhiều nghi vấn tranh luận với những vị Đàn Lâm Giáo Học. Trong khi học phong của Đài Đàn Lâm, do Nhật Tát

chủ trương phải khoan dung, vị tha nhưng thái độ của Ngài lại bất mãn và đối lập với quan điểm của Tân Cư Nhật Tát. Năm Minh Trị thứ 9 (1876) Ngài không nhẫn nhịn được bèn phản đối kịch liệt và phê phán quan điểm của Nhật Tát, trở về lại Đẳng Giác Viện học với Tân Xuyên Nhật Tế. Tháng 10 năm ấy bốn sư lâm trọng bệnh, từ chức giáo học ở Đại Đàn Lâm về Yokohama ở với anh ruột dưỡng bệnh.

Sau đó, Ngài lưu trú tại Đẳng Giác Viện nghiên tâm tông nghiệp, Ngài rất tự tin và xác tín con đường tiến thân của mình cho nên Ngài quyết định hoàn tục vì không hợp quan điểm của Nhật Tát lần thứ ba. Ngài rời tông môn bắt đầu chương trình vận động quan điểm tại gia Phật Giáo của Nhật Liên Tông.

Năm Minh Trị thứ 13 (1880), Ngài bắt đầu thành lập Liên Hoa Hội. Năm Minh Trị thứ 17 (1884) thành lập Lập Chánh An Quốc Hội. Quan điểm Nhật Liên ngày càng được mở rộng và phát triển mạnh mẽ. Ngài đi giảng các địa phương và phát hành những tờ báo cho Hội, cho Giáo Đoàn. Ngài in ấn phát hành nhiều tài liệu quý giá để tuyên truyền về quan điểm và niềm tin của Nhật Liên Thánh Nhơn.

Trong các tác phẩm của mình, Ngài phê phán và phân tích lý tưởng của giáo đoàn Nhật Liên Tông qua các tác phẩm như: *Tông Môn Chi Duy Tân và Bản Hoá Nhiếp Chiết Luận* (*Honge Shooshakuron*), trở thành một trong những đề tài sôi nổi và ý nghĩa của tông Nhật Liên cũng như Nhật Liên Giáo Học.

Hơn nữa, từ năm Minh Trị thứ 36 (1903) đến năm 37 Ngài mở đại hội tại Osaka nghiên cứu về Bản Hoá Tông Học và Lập Chánh Các và giảng về Bản Hoá Diệu Tông Thức Mục cũng như thể hệ hoá Nhật Liên Giáo Học. Những bài giảng như thể đệ tử Sơn Xuyên Trí Ứng ghi chép và biên tập thành tác phẩm: **“Bản Hoá Diệu Tông Thức Mục Giảng Nghĩa Lục”**.

Năm Đại Chánh (Taisho) thứ 3 (1914) dưới danh nghĩa của Lập Chánh An Quốc Hội, Ngài thiết lập các giáo đoàn thành Quốc Trụ Hội, chính là tại gia Phật Giáo giáo đoàn phát triển mạnh mẽ để xiển dương chủ nghĩa Nhật Liên.

Tiến triển về nghiên cứu Nhật Liên Giáo Học công hiến tài liệu và tạo ảnh hưởng rất lớn đối với những nhà văn học như Cao Sơn Xư Nguu (Takayama Chogyuu), Cung Trạch Hiền Trị v.v...

Ngày 17 tháng 4 năm Chiêu Hoà (Showa) thứ 13 (1938) đột nhiên Ngài bị xuất huyết não lão đảo mê mang và viên tịch vào ngày 17 tháng 11 năm thứ 14 (1939) với tuổi đời là 79.

Vận động về tại gia Phật Giáo của Ngài mang ý nghĩa rằng tông môn không chỉ đóng khung những lời dạy của Nhật Liên, mà phải quảng bá rộng rãi ra ngoài xã hội nữa. Kết quả thật rất khả quan! Tuy chưa phát triển viên mãn học phong truyền thống Nhật Liên Tông, trang nghiêm giáo học thuộc Sung Hợp Viên, nhưng Ngài Trí Học chuyên ngược thế cờ, thực hiện cụ thể và áp dụng lời dạy của Nhật Liên Thánh Nhơn vào xã hội hiện đại. Cũng có thể nói quan điểm Nhật Liên là mục tiêu hiện thật của quốc gia cần phải thực hiện.

Chương Năm

Ootani Gyookoo

VI. Tín Ngưỡng và Tác Pháp

VI.1 Phật sự trong năm của Nhật Liên Tông

Những hoạt động Phật-sự trong năm.

VI.1.1 Lễ Đức Thích Tôn Niết Bàn (Nehane)

Pháp hội cử hành lễ Đức Thích Tôn nhập diệt vào ngày rằm tháng hai. Đức Thích Tôn nhập diệt vào ngày 15 tháng 2 năm 380 trước Thiên Chúa (có nhiều thuyết khác nhau nói về việc này). Ngài an nhiên nhập diệt tại rừng Sa La Song Thọ, bên cạnh giòng sông A Lợi La Phật Đề tại thành Câu Thi Na năm Ngài 80 tuổi. Ngài nằm với tư thế đầu quay về hướng Bắc, mặt xây về hướng Tây, nằm nghiêng về bên tay mặt trước sự hiện diện của rất đông đệ tử, khiến nhiều người cảm động than khóc không ngừng, cây trong rừng cũng thương đau biến thành màu trắng như lông chim hạc.

Tất cả các giáo phái Phật Giáo đều chọn ngày 15 tháng 2 làm lễ vía ngày Đức Thích Tôn nhập diệt để ngưỡng vọng uy đức của Thế Tôn. Các chùa đều treo tranh Niết Bàn và cử hành pháp hội⁸ để xưng tán báo ân Ngài.

VI.1.2 Giỗ Tổ giáng sanh (Gootane)

Pháp hội kỷ niệm ngày đản sanh của Nhật Liên Thánh Nhơn tổ chức vào ngày 16 tháng 2 hằng năm. Nhật Liên Thánh Nhơn sanh vào ngày 16 tháng 2 năm Trinh Ứng nguyên niên (1222) tại Tiểu Thấu thuộc An Phòng Quốc (Awanokuni) nay

⁸ Chú thích của dịch giả: Tất cả những lễ hội của Phật Giáo tại Nhật Bản đều tính theo dương lịch, chứ không tính theo âm lịch như Việt Nam chúng ta.

thuộc huyện Chiba (Thiên Diệp). Tương truyền rằng, khi Thánh Nhơn chào đời có nhiều hiện tượng lạ như hoa sen nở trên mặt biển, đồi cát hiện lên cao, nước từ dưới đất phun lên trong khu vườn trước nhà.

Thật ra, chúng ta chỉ biết Nhật Liên Thánh Nhơn qua những tác phẩm của Ngài, nhưng chưa thấy Ngài viết về ngày sinh của mình. Cổ truyện “*Ngự Truyền Thổ Đại*” (*Godendodai*) của Bá Kỳ A Xà Lê Nhật Đạo, vị trụ trì Chùa Đại Thạch đời thứ 4 viết là ngày 16 tháng 2, nghĩa là sau ngày Thích Tôn nhập diệt một ngày. Cũng có thuyết cho rằng theo di chúc của Thế Tôn, Nhật Liên Thánh Nhơn thị hiện ở nơi này.

VI.1.3 Lễ Bỉ Ngạn (Higane)

Pháp Hội Bỉ Ngạn cử hành vào tháng 3 và tháng 9 (mùa xuân và mùa thu), cúng dường ông bà cha mẹ nhiều đời.

Tiếng Phạn gọi *Bỉ Ngạn* là *Paramita* (*Ba La Mật Đa*) dịch là đáu bỉ ngạn có nghĩa là những người mê ở bờ bên này, chư Phật ở bờ bên kia nên gọi là Bỉ Ngạn. Phật Giáo cho rằng xa rời những phiền não vọng tưởng và đến được cảnh giới giác ngộ giải thoát là Đáo Bỉ Ngạn. Người Nhật gắn bó niềm tin cúng dường tổ tiên theo truyền thống đó cho nên cử hành nghi thức cúng dường hương linh của ông bà cha mẹ quá vãng nhiều đời nhiều kiếp.

Lễ Bỉ Ngạn mùa xuân vào khoảng tháng 3. Lễ Bỉ Ngạn mùa thu nhằm vào tháng 9. Tổng cộng mỗi lần 7 ngày. Ngày giữa của ba ngày trước và sau là xuân phân và thu phân. Lễ vật

cúng dường chư hương linh cha mẹ tổ tiên đã quá vãng trong vào thời gian đó.

VI.1.4 Lễ Thích Tôn Giáng Sinh

Pháp Hội Phật Đản Sinh tổ chức vào ngày mùng 8 tháng 4 hằng năm còn gọi cách khác như: Quán Phật Hội (Kanbutsue), Phật Sinh Hội (Butsushooe), Long Hoa Hội (Ryuugee), Dục Phật Hội (Yokubutsue). Người bình dân gọi là lễ Hanamatsuri⁹.

Đức Thích Tôn là một vương tử ở Ấn Độ, đản sanh vào thế kỷ thứ 5 trước kỷ nguyên trong dòng tộc Thích Ca. Căn cứ vào lịch sử Phật, Ma Gia phu nhơn, mẹ Ngài một hôm nằm mộng thấy con voi trắng chun vào bụng, bà có thai. Sắp đến ngày sanh nở, bà phải về quê cũ, trên đường đi bà nghỉ chân tại vườn Lâm Tỳ Ni, tại đó bà đưa tay vịn vào cành cây Vô Ưu và hạ sanh Thái tử. Khi vừa hạ sinh, Long Vương vui mừng mang nước cam lồ tắm gội cho Thái tử, vì thế trong ngày lễ Phật Đản, thường bài trí một tượng Phật Đản Sinh và tắm bằng nước trà thơm từ trên đầu.

VI.1.5 Lễ Lập Giáo Khai Tông

Pháp Hội kỷ niệm ngày Nhật Liên Thánh Nhơn tuyên bố khai Tông tổ chức vào ngày 28 tháng 4 hằng năm.

Sau một thời gian dài Nhật Liên nghiên cứu giáo lý Phật Đà tại núi Thanh Trừng thuộc An Phòng Quốc, nay thuộc huyện Chiba muốn thông tri cho nhân loại biết niềm tin cứu độ

⁹ Chú thích của dịch giả: Hanamatsuri là lễ xem hoa Anh Đào nở vào ngày mùng 8 tháng 4 đến rằm tháng 4 dương lịch mỗi năm.

chúng sanh trong thời mạt pháp mà Ngài đã đạt được. Niềm tin ấy chính là những lời dạy duy nhất của Đức Thích Ca thuần túy của kinh Pháp Hoa qua câu: ***Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh.***

Vào ngày 28 tháng 4 năm Kiến Trường thứ 5 (1253) vào buổi bình minh Nhật Liên Thánh Nhơn đứng trên đỉnh núi xướng lên Đề Mục nhìn mặt trời mọc dần lên cao, chiếu thẳng vào biển lớn. Ngài tin rằng Ngài đã giác ngộ được lời dạy của Đức Thích Tôn xiển dương tiếng niệm ấy xác tín việc này. Sự kiện đó chính là khai Tông Nhật Liên. Những người hoàng dương kinh Pháp Hoa cho rằng đây chính là bước đầu tiên khai Tông của Thánh Nhơn.

VI.1.6 Kỷ niệm Pháp Nạn Ito

Pháp Hội báo ân khánh tán kỷ niệm Nhật Liên Thánh Nhơn bị đày ra Yton của Đảo Ito, một trong 4 đại pháp nạn (Ito Pháp Nạn Hội; Tùng Diệp Cốc Pháp Nạn Hội; Long Khẩu Pháp Nạn Hội và Tiểu Tùng Nguyên Pháp Nạn Hội) tổ chức vào ngày 12 tháng 5 hằng năm.

Từ nỗi lo sợ của những người có tín ngưỡng niệm Phật, Tiên Chấp Quyền Bắc Điều Thời Lại (Tối Minh tự nhập đạo) tâu trình Lập Chánh An Quốc Luận lên Vua vào ngày 12 tháng 5 năm Văn Ứng nguyên niên (1260) cho nên ngày 27 tháng 8 năm đó thảo am Tùng Diệp Cốc bị đốt trong đêm, và năm sau năm Hoàng Trường nguyên niên Nhật Liên bị đày ra Ito. Thật ra, thọ nạn tại Tùng Diệp Cốc đêm tối ấy là chuyện sân hận riêng tư, nhưng lưu đày đi Ito là chuyện công, bị chính quyền

bất tội. Thánh Nhơn sống an lạc trong lưu đày đến ngày 20 tháng 2 năm Hoằng Trường thứ 3 (1263) được miễn tội. Khoảng thời gian 2 năm dài, Thánh Nhơn tu hành theo kinh Pháp Hoa, lãnh hội được pháp, bắt đầu sáng tác và giáo hoá cho nhiều người tại nơi lưu đày.

Để ghi nhớ và tán thán tâm nguyện từ bi vô biên của Thánh Nhơn trải qua nhiều khó khăn cay đắng, ngày nay chúng ta kỷ niệm 4 Đại Pháp Nạn báo ân cũng như cảm niệm ân đức Thánh Nhơn.

VI.1.7 Lễ Vu Lan Bồn (Uranbone)

Pháp Hội cúng dường tổ tiên tổ chức vào tháng bảy, tháng tám¹⁰, nhân ngày Vu Lan. Chữ Vu Lan gốc từ tiếng Phạn Ullambana (Điều Giám Bà Noa), dịch là đảo huyền, có nghĩa là những linh hồn đọa vào cảnh giới khổ đau đang lãnh thọ những hình phạt bị treo ngược rất khổ sở, trong đó có thể có người thân của mình. Pháp hội Vu Lan có từ lâu để cúng dường hồi hướng cho người mất.

Kinh Vu Lan Bồn kể lại câu chuyện Ngài Mục Kiền Liên thần thông đệ nhất, một trong 10 vị đại đệ tử của Đức Phật. Ngài Mục Kiền Liên muốn đem thức ăn cứu bà Thanh Đề, mẹ Ngài đang bị đọa vào chốn ngạ quỷ khổ sở, nhưng khi bà vừa đưa cơm vào miệng, lửa liền bốc cháy, càng dùng nước dập tắt, lửa càng cháy thêm. Ngài Mục Kiền Liên bạch Thế Tôn mong được chỉ dạy. Đức Thích Tôn bảo hãy cung thỉnh Thánh Tăng

¹⁰ Chú thích của dịch giả: Miền quê của Nhật Bản thường hay cử hành lễ Vu Lan vào tháng 8 dương lịch, nhằm vào tháng 7 âm lịch của Việt Nam.

trong 10 phương lại vào ngày 15 tháng 7 và thành tâm sửa soạn đồ ăn uống cúng dường. Làm được vậy, mẹ ông thoát khỏi đường nợ quý.

Lễ Vu Lan cử hành trong 3 ngày từ ngày 13 đến ngày 15 tháng 7, nhưng tùy theo địa phương, có nơi cũng cử hành vào tháng 8.

Tại gia đình, người ta thiết lập Tinh Linh Bằng (Shooryoodana) đón linh hồn ông bà tổ tiên về. Tại các chùa, người ta tổ chức cúng dường vạn linh trong 3 đời 10 phương thế giới, thiết lập trai đàn Thí Nạ Quỷ Hội v.v... (chấn tế cô hồn).

VI.1.8 Kỷ niệm Tùng Diệp Cốc Pháp Nạn (Matsubagayatsu)

Pháp hội báo ân kỷ niệm ngày mà thảo am của Nhật Liên Thánh Nhơn tại Tùng Diệp Cốc ở Kamakura bị đốt cháy, tổ chức vào ngày 27 tháng 8 hằng năm.

Tối ngày 27 tháng 8 năm Văn Ứng nguyên niên (1260) một số người cực đoan theo tông Niệm Phật đột kích vào đốt thảo am của Nhật Liên, may mắn Thánh Nhơn vượt ra sau núi thoát nạn và tị nạn tại nhà của đàn việt Phú Mộc Thường Nhẫn (Tokijoonin).

Sau đó một tháng, pháp nạn Tùng Diệp Cốc ập đến, bởi những người theo tông Niệm Phật cực đoan tẩu trình Lập Chánh An Quốc Luận, để ám hại Ngài. Thế nhưng là một hành giả hoằng truyền kinh Pháp Hoa, Ngài xem thân mệnh này là

giả tạm, dù gặp hoạn nạn đến đâu cũng nương theo giáo lý Pháp Hoa, xả thân hành đạo, bởi thế Nhật Liên Thánh Nhơn hoan hỷ nhẫn nhục lãnh thọ pháp nạn này để hoằng truyền kinh Pháp Hoa.

VI.1.9 Long Khẩu Pháp Nạn (Ryuukoo Hoonan)

Pháp hội báo ân kỷ niệm ngày Nhật Liên Thánh Nhơn và một số người khác thọ lãnh án chém tại Long Khẩu, một trong bốn đại pháp nạn, cử hành vào ngày 12 tháng 9 hằng năm.

Ngày 12 tháng 9 năm Văn Vĩnh thứ 8 (1271), Mạc Phủ mượn tay Bình Tả Vệ Môn Úy Lại Cương Suất (Heinosaemon no yooyoritsuna) bắt Ngài giam tại Tùng Diệp Cốc, Kamakura sau khi thảo am bị đốt. Năm Văn Vĩnh thứ 5 (1268) trở đi, tình hình xã hội Nhật Bản vô cùng dao động rối ren, bởi quân Mông Cổ nhiều lần xua quân vượt biển vào Nhật. Triều đình không những không nghe lời can ngăn của Thánh Nhơn, mà còn áp chế giam ngục Thánh Nhơn nữa, rõ là làm phước lụy thân! Không những Thánh Nhơn bị chính quyền luận tội mà còn bị Lại Cương dẫn đến pháp trường Long Khẩu để chém đầu. Nhưng thật nhiệm mầu thay, khi vừa lên giàn chém, đột nhiên trời chuyển động, màn đen bao phủ không ai thấy ai, Ngài liền thoát thân chạy vào hang cộp thoát chết. Tuy nhiên, sau đó vẫn bị lưu đày ra Sado. Qua sự kiện đó, người ta nhận thấy rằng, Thánh Nhơn, tuy giống như mọi kẻ phạm phu thọ nạn tử tù, nhưng nhờ thọ trì kinh Pháp Hoa, được sống sót, bởi vậy niềm tin của Ngài đối với kinh Pháp Hoa càng thâm tín hơn.

Năm Văn Vĩnh thứ 8, không phải một mình Thánh Nhơn thọ nạn mà các đệ tử và đàn việt cũng bị giam vào ngục. Ở trong ngục khổ sở gian nan, nhiều người thối tâm, không còn tin kinh Pháp Hoa như trước. Phải nói rằng cuộc đời Nhật Liên, vào năm Văn Vĩnh thứ 8 là thời kỳ chướng ngại nhiều nhất.

VI.1.10 Kỷ niệm Pháp Nạn Sado

Pháp hội kỷ niệm báo ân ngày Nhật Liên Thánh Nhơn bị lưu đày ra Sado tổ chức vào ngày mùng 10 tháng 10 hằng năm.

Pháp nạn Sado có nhiều liên hệ với pháp nạn Long Khẩu cho nên nhiều khi người ta gọi chung là pháp nạn Long Khẩu Tả Độ. Có khi tổ chức chung với pháp nạn Long Khẩu vào ngày 12 tháng 9 hằng năm.

Ngày 12 tháng 9 năm Văn Vĩnh thứ 8 (1271) Nhật Liên Thánh Nhơn bị bắt tại Kamakura. Nửa đêm 12 rạng ngày 13, Ngài tẩu thoát khỏi bị chém đầu tại Long Khẩu chạy đến Tương Mô Quốc, ẩn trong nhà của lục lang Tả Vệ Môn Úy thuộc Thủ Hộ Đại Bồn Gian ở Sado. Khoảng một tháng sau vào ngày 10 tháng 10 Y Trí biết được. Ngày 21 tháng 10 Ngài lánh nạn trong một ngôi chùa ở Việt Hậu Quốc, đến ngày 27 tháng 10 lên thuyền theo gió vượt ra đảo Sado. Ở Sado, Thánh Nhơn chịu nhiều khổ nhọc với tuyết sương giá lạnh tại Trùng Nguyên Tam Muội Đường cho đến tháng 4 năm sau (1272), Ngài chuyển sang Nhất Cốc. Thời gian này tuy rằng bị những người theo pháp môn Niệm Phật cực đoan uy hiếp, mạng sống như ngàn cân treo sợi tóc, nhưng Thánh Nhơn vẫn giáo hoá được nhiều người ở Sado, và biên soạn nhiều tác phẩm như: *Khai*

Mục Sao, Quán Tâm Bốn Tôn Sao, trong những tác phẩm này, Ngài lần lượt phát triển tư tưởng quán tâm, tinh thần giải thoát và hành động dẫn thân tích cực nhập thế của một hành giả tín hành kinh Pháp Hoa.

VI.1.11 Huy nhứt bậc Tông Tổ

Pháp Hội báo ân tưởng niệm kỷ giỗ Nhật Liên Thánh Nhơn vào ngày 13 tháng 10 hằng năm. Pháp hội này còn được gọi là: **Báo Ân Giảng (Hoonkoo) Ngự Mệnh Giảng (Omeikoo)** hay **Ngự Ảnh Cúng (Mieiku)**.

Sanh tiền, Nhật Liên Thánh Nhơn vừa là một bậc tu hành từ bi chân thật quảng đại, vừa là hành giả tín hành kinh Pháp Hoa được mọi người quý trọng kính ngưỡng uy đức. Ngài an tường thị tịch tại nhà của đàn việt Trì Thượng Tả Vệ Môn đại phu Chí Tông Trung thuộc Ikegami, Vũ Tạng Quốc vào ngày 13 tháng 10 năm Hoằng An thứ 5 (1282). Hằng năm, để tưởng niệm và báo đền ân đức của Ngài, suốt đêm đãi dạ (Taiya) ngày 12 tháng 10, người ta thượng di ảnh của Ngài lên và cử hành pháp yếu báo ân. Đến sáng ngày 13 tháng 10 tổ chức Giảng Hội, tưởng niệm và báo ân.

Đặc biệt, tại Chùa Bốn Môn, Ikegami, nơi Thánh Nhơn viên tịch, người ta thắp 10.000 ngọn đèn trong đêm 12 để cúng dường vô cùng trang nghiêm và long trọng. Sáng ngày 13, thỉnh đại hồng chung giống chuông tưởng niệm Thánh Nhơn viên tịch, kỷ niệm thưở Nhật Chiêu, đệ tử của Thánh Nhơn báo hiệu giờ ra đi của Ngài.

VI.1.12 Kỷ niệm pháp nạn Tiểu Tùng Nguyên

Pháp hội báo ân tưởng niệm ngày Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn thọ nạn vì Đông Điều Cảnh Tín tại Tùng Nguyên ở Làng Đông Điều tập kích (bố ráp) tổ chức vào ngày 11 tháng 11 hằng năm.

Vào giờ hội, ngày 11 tháng 11 năm Văn Vĩnh nguyên niên (1264) Nhật Liên Thánh Nhơn cùng một số đệ tử hứa nhận lời thỉnh cầu đến tư gia của đàn việt Công Đẳng Kiết Long (Yoshitaka). Cả đoàn vừa đến Matsubara làng Đông Điều, Nhật Liên bị Cảnh Tín, người thủ hiến Đông Điều cho người vây bắt. Trong số đệ tử của Ngài, có một người đệ tử bị chết, hai người khác bị thương nặng. Thánh Nhơn bị thương nhẹ trên đầu và nơi thân. Nhận được tin dữ, Kiết Long vội vàng đến nơi đưa Thánh Nhơn đến Thiên Tân (Amatsu) an toàn cho đến năm Văn Vĩnh thứ 2 mới trở về Kamakura.

VI.1.13 Pháp Hội Thích Tôn Thành Đạo

Pháp hội kỷ niệm ngày giác ngộ viên mãn của Đức Thích Tôn tổ chức ngày mùng 8 tháng 12 hằng năm. Có nơi gọi là Thành Đạo, có nơi gọi là Phật Đạo, có nơi gọi là ngày khai thị giác ngộ.

Đức Thích Tôn là một vương tử sinh trong hoàng tộc Thích Ca, nhưng liễu ngộ cuộc đời là vô thường lên đường xuất gia tầm đạo. Đầu tiên Ngài tu khổ hạnh của Bà La Môn, sau đó từ bỏ pháp tu khổ hạnh đến sông Ni Liên Thiên tắm gội sạch sẽ, rồi tham thiền nhập định và giác ngộ dưới cội cây Bồ Đề (Tát Bát La) gần thành Già Gia (Gaya). Sau khi giác ngộ Ngài được

tôn xưng là Phật (Giác Giả), đấng Giác Ngộ, bậc Thánh của Tộc Thích Ca, Thế Tôn. Ngài thành đạo năm 30 tuổi (cũng có nhiều thuyết nói khác) quyết định hồng pháp độ sanh khắp mọi nơi, trao truyền chân lý Phật Đà. Phải nói rằng khởi đầu của Phật Giáo là ngày 8 tháng 12 cho nên tất cả các giáo đoàn Phật Giáo đều cử hành nghi thức khánh tán kỷ niệm này.

VI.2 Phật sự trong năm tại các chùa thuộc Nhật Liên Tông

Hằng năm, những tự viện thuộc Nhật Liên Tông cũng cử hành nhiều pháp hội có tính cách truyền thống riêng như:

VI.2.1 Thân Diên Sơn Cửu Viễn Tự

Thân Diên Sơn Cửu Viễn thuộc Huyện Sơn Lê, Quận Nam Cự Ma, Phố Thân Diên.

Lễ chúc đầu năm (Onnentooe)

Lễ chúc mừng đầu năm tổ chức ngày 13 tháng giêng, bởi vì đàn việt Ba Mộc Tỉnh Thật Trưởng (Hagi Isanega) có lần cung thỉnh Nhật Liên Thánh Nhơn quang lâm khi Ngài ở Thân Diên Sơn trước khi Thánh Nhơn vào núi vào tháng giêng năm sau. Cả gia đình đến đánh lễ Nhật Liên Thánh Nhơn, sau đó Nhật Liên Thánh Nhơn cỡi con ngựa ưa thích và dẫn theo hai con ngựa khác.

Lễ Tiết Phân (ngày mồng 3 tháng 2 cũng có khi ngày mồng 4).

Tiết Phân ngày cuối đại hàn (ngày lạnh nhất) và đầu lập xuân, ngày thay đổi từ mùa Đông sang mùa Xuân. Vào ngày này, các nơi đều cử hành nghi thức Truy Na (Tsuina Shiki: lễ rước Thần) cầu nguyện trừ tai và tăng phước. Tại Thân Diên Sơn, lễ hội bắt đầu bằng nghi thức con trai và con gái đi rải đậu¹¹ (*). Toàn quốc nghinh đón bậc thiện nam và người thiện nữ này.

Anh Thiên Bộ Hội (Sakurasenbue: từ ngày mồng 6 đến ngày mồng 8 tháng 4).

Hoa Anh Đào nở khắp nơi. Chư Tăng tại Thân Diên Sơn vân tập lên chánh điện tụng kinh Pháp Hoa cầu nguyện đàn na tín thí, tăng ích phước điền, sở nguyện thành tựu, sở cầu như nguyện.

Kỷ niệm Thích Tôn Giáng Sanh (Đại Hội vào tháng 5, từ ngày mồng 6 tháng 5 đến ngày mồng 8 tháng 5).

Pháp hội kính mừng Phật Đản thường cử hành trễ một tháng. Thiên Đồng âm nhạc tấu khúc trong khi cử hành lễ.

Khai Tịch Hội (Kaibiyakue: Đại Hội vào tháng 6, từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 17 tháng 6).

Pháp hội tưởng niệm ngày Nhật Liên Thánh Nhơn vào núi Minobu, khai sơn Chùa Cửu Viễn, có Thiên Đồng âm nhạc tấu khúc khi cử hành nghi thức.

¹¹ Chú thích của dịch giả: Người ta trong khi rải đậu ra sân hô câu: Oni wa Soto, Fuku wa Uchi (Quỷ nên ra ngoài và phước nên vào nhà).

Kỷ niệm Thánh Nhơn viên tịch (Oeshiki Đại Hội vào tháng 10, bắt đầu ngày 11 tháng 10 đến ngày 13 tháng 10).

Pháp hội húy kỵ Thánh Nhơn viên tịch. Tất cả chư tăng trong chùa đều vân tập chánh điện cử hành nghi thức có Thiên Đồng âm nhạc trời vang. Tối ngày 12 thắp cả vạn ngọn đèn cúng dường và có thuyết pháp cho thính chúng.

Bảy, Năm, Ba lễ cầu nguyện (vào ngày 15 tháng 11 ngày chủ nhật trước hoặc sau đó).

Nghi thức cầu nguyện bình an cho con cái hoặc trưởng thành hoặc còn bé thơ đối với đàn việt, cũng cầu nguyện cho chư tăng an hòa thuận duyên tu hành đối với người xuất gia ở trong chùa.

VI.2.2 Trường Dinh Sơn Bản Môn Tự (Tokyoto Odaku Ikegami)

Lễ cầu an (Shukutooe: từ ngày mồng một tháng giêng đến ngày mồng 3 tháng giêng)

Lễ cầu an đầu năm cho đất nước thanh bình, xã hội thái hòa, gia đình bình an. Ikegami Bản Môn Tự là nơi nhiều người hướng đến khi xuất hành đầu năm. Sau ba hồi chuông trống báo hiệu giao thừa, hàng vạn thiện nam tín nữ các nơi đổ về chùa cầu nguyện gia đình bình an, nhiều lộc, nhiều phước trong năm.

Lễ Quán Phật (Kanbutsue: vào ngày mồng 8 tháng 4)

Nghi thức cử hành mừng Phật Đản vào ngày chủ nhật đầu tiên của tháng 4 còn gọi là lễ ngắm hoa Anh Đào.

Thiên Bộ Hội (Lập giáo khai tông hội: từ ngày 20 tháng 4 đến 29 tháng 4)

Chư Tăng từ những tự viện liên hệ vân tập về tụng trọn bộ Kinh Pháp Hoa cầu nguyện và truy niệm cúng dường.

Lễ cúng chư hương linh (mồng 4 đến mồng 6 tháng 8)

Nghi thức cúng chư hương linh tiên tổ cùng với lễ Vu Lan, có múa lục cúng cúng dường Vu Lan nữa.

Ngự Hội Thức (từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 10)

Chùa nào thuộc Tông Nhật Liên đều cử hành nghi thức tưởng niệm báo ân ngày kỵ giỗ Nhật Liên Thánh Nhơn thật trang nghiêm long trọng nhưng tại Thánh tích viên tịch của Nhật Liên Thánh Nhơn vào đêm 12 người hành hương đến ngồi đầy núi và thấp hàng vạn ngọn đèn cúng dường cho đến 8 giờ sáng ngày 13 nghe tiếng đại hồng chung báo hiệu giờ viên tịch của Ngài Nhật Liên viên tịch.

VI.2.3 Tiểu Thất Sơn Đản Sanh Tự

Tiểu Thất Sơn Đản Sanh thuộc huyện Chiba, Quận An Phòng, Phố Thiên Tân Tiểu Thất.

Đản Sanh Hội (ngày 16 tháng 2)

Nơi này là thánh tích Ngài Nhật Liên sinh ra. Vào ngày 16 tháng 2 hằng năm, chư tăng ở các chùa gần đó vân tập về đây cử hành nghi thức cầu nguyện và khánh chúc đản sanh trước tôn tượng của Thánh Nhơn lúc còn nhỏ.

Lễ cúng thí thực (Umise Gakie: ngày mùng 10 tháng 8)

Ngày 22 tháng 11 năm Nguyên Lộc thứ 16 (1703) Tiểu Thấu bị động đất và sóng thần bao phủ gây tai hại vô kể. Hằng năm vào ngày này, tại đây có tổ chức lễ truy niệm cúng dường cầu nguyện cho linh hồn người chết kia. Người ta làm lồng đèn giấy và tháp bằng giấy thả trôi trên mặt nước (tượng trưng).

Ngự Thức Hội (ngày 11 đến 12 tháng 11)

Pháp hội tưởng niệm ngày Nhật Liên viên tịch. Vào đêm 12 khi trăng vừa lên, cử hành nghi thức báo ân. Trong nghi thức này, có cầu nguyện cho trẻ em, mau ăn, chóng lớn; cầu nguyện cho mọi người sở nguyện đều thành tựu.

VI.2.4 Thiên Quang Sơn Thanh Trìng Tự (Huyện Chiba, Quận An Phòng, Phố Thiên Tân Tiểu Thấu)

Kỷ niệm Lập Giáo khai tông (ngày 27 đến 28 tháng 4)

Nơi đây là thánh tích Nhật Liên Thánh Nhơn tuyên bố lập giáo khai tông vào năm Kiến Trường thứ 5 (1253). Khi mặt trời vừa ló dạng khỏi rừng cây và Tổ Sư đường, nghi thức được cử hành rất trang nghiêm. Từ ngày 27 đàn tín đồ hành hương tham bái cho đến sáng sớm ngày 28, nhìn về hướng mặt trời lên cử hành nghi thức này ngoài trời.

Hư Không Tạng Bồ Tát Thập Tam Nghệ (ngày 13 tháng 9)

Nghi thức cúng dường Bồ Tát Hư Không Tạng vào ngày 13 tháng 9, ngày mà Nhật Liên Thánh Nhơn được sắc phong trí huệ bảo châu.

VI.2.5 Tịch Quang Sơn Long Khẩu Tự (Huyện Thần Nại, Phố Đằng Trạch, Phiến Lại)

Long Khẩu Pháp Nạn (từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 9)

Vào ngày 11 tháng 9 hằng năm tại đây tổ chức nghi thức báo ân tưởng niệm, bởi vì vào năm Văn Vĩnh thứ 8 (1271) Nhật Liên Thánh Nhơn bị tội chém đầu tại Phiến Lại, nơi ngày nay trở thành thánh tích, nhưng khi Thánh Nhơn bị đưa lên pháp trường, có một bà lão mang bánh làm bằng nếp đến cúng dường, thấy vậy rất nhiều thiện nam tín nữ cũng đến cúng dường.

VI.2.6 Hải Quang Sơn Phật Hiện Tự (Huyện Sizuoka, Phố Ito, Đồi Monomigaoka)

Kỷ niệm Pháp Nạn tại Y Đậu (ngày 12 tháng 5)

Vào ngày 12 tháng 5 hằng năm tại đây tổ chức nghi thức báo ân và tưởng niệm bởi vì vào năm Hoằng Trường nguyên niên (1261) Nhật Liên Thánh Nhơn bị lưu đày ra Ito, nơi này trở thành thánh tích.

VI.2.7 Cự Túc Sơn Diệu Hiện Tự (Tokyoto, Khu Thượng Kinh, Teranouchi, Thông Tân Đình, Tây Nhập Diệu Hiện Tự Tiền Đình)

Hội Pháp Hoa Sám Pháp (Hotsuke Senbooe, ngày 16 tháng 6)

Chùa Diệu Hiền được xây dựng từ sắc lệnh của Hậu Đế Hồ Thiên Hoàng bởi vì Thiên Hoàng mở hội Pháp Hoa Sám Pháp cầu nguyện thế giới hòa bình, nhân sanh an lạc, tội chướng tiêu trừ và Thiên Hoàng sớm được giác ngộ.

VI.2.8 Đại Quang Sơn Bản Song Tự (Kyotoshi, Khu Sơn Khoa, Ngự Lang Đại Nham Đình)

Thánh Chánh Công Đại Tế (Seishookoo: Ngày 24 tháng 6 đến 24 tháng 11)

Gia Đăng Thanh Chi (1562-1611) kiến lập Chùa Bản Diệu ở Osaka, sau chùa bị dời đến Kyoto đổi tên Bản Song Tự để xây Thành Kumamoto. Tiếp đó, Lục Điều Môn Lưu ở Kyushuu, một Phật Tử thuần tín và nhiệt tâm kinh Pháp Hoa tổ chức pháp hội kinh Pháp Hoa tại đó, cho nên cử hành nghi thức Thanh Chánh Công tại Chùa Bản Song. Nghi thức này gồm có kỷ niệm ngày sanh, ngày mất, cầu an, giải nạn.

VI.2.9 2.9- Phú Sĩ Sơn Bản Môn Tự (Sizuokaken, Fujimiyashi, Kitayama)

Thùy Tích Đường Tế Lễ (ngày 29 tháng 4)

Nghi thức cầu an cho Bản Hóa Thùy Tích Thiên Chiếu Đại Thần gồm có rước kiệu Thần, thỉnh trống lớn và cầu trọn đạo hiếu.

VI.2.10 Chánh Trung Sơn Pháp Hoa Kinh Tự (Chibaken, Ichikawashi, Nakayama)

Tiết Phân Hội (Hoshi Matsuri = Lễ các ngôi sao: Ngày lập xuân của tháng 2)

Gia đình ông Chiba thờ Ngài Diệu Kiến Bồ Tát. Chư Tăng thuộc Gia Hạnh Sở Nhật Liên Tông tu trong núi thỉnh Bồ Tát về an trí trong Sơn Nội, cử hành nghi thức vải đậu và gia trì cho gia đình được thanh đạt.

Thánh Giáo Điện Phong Nhập (Thờ hình ảnh của Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn, ngày mồng 3 tháng 11)

Đại đàn việt Phú Mộc Thường Nhẫn, xuất gia sau khi Nhật Liên Thánh Nhơn viên tịch, đang thờ những bảo vật của Thánh Nhơn tại đây, đó là những bản viết tay thuộc về Thánh Giáo của Thánh Nhơn mà ông sưu tầm giữ gìn cẩn thận. Chùa này còn lưu giữ những quốc bảo như Lập Chánh An Quốc Luận và Quán Tâm Bồ Tôn Sao tại Thánh Giáo Điện. Có ba tổ chức: Nhật Liên Tông, Pháp Hoa Kinh Tự và Pháp Hoa Hội tạo thành “*tài đoàn pháp nhơn*”¹² (*) lưu giữ Thánh Giáo ấy.

VI.2.11 Diệu Pháp Hoa Sơn Diệu Chiếu Tự (Huyện Nigata, Quận Sado, Phố Sawada)

Bồn Tôn Tế (Bồn Tôn Thi Hiện Hội: ngày mồng 8 tháng 7)

¹² Chú thích của dịch giả: “Tài Đoàn Pháp Nhơn” có nghĩa là một tổ chức Tôn Giáo có tính cách từ thiện xã hội. Tiếng Đức gọi là “gemeinnütziger Verein e.V.”. Tiếng Anh gọi là “Non-profit organisation”.

Nhật Liên Thánh Nhơn bị lưu đày ở Nhất Cốc vào năm Văn Vĩnh thứ 10 (1273), tại đây Ngài vẽ Mạn Trà La Thập Giới khuyến thỉnh lần đầu tiên. Cứ 50 năm tại đây tổ chức một lần pháp hội khánh tán kỷ niệm nghiêm tu của Nhật Liên Tông vào ngày trên.

VI.2.12 Nhật Viên Sơn Diệu Pháp Tự (Tokyoto, Khu Sam Tịnh, Khuật Khuật Nội)

Thiên Bộ Hội (từ ngày 21 tháng 8 đến ngày 23 tháng 8)

Chư Tăng ở các tự viện liên hệ đều vân tập về Diệu Pháp Tự, nơi tổ chức đàn tràng giải nguy cho Tổ Sư nổi tiếng từ lâu, tụng hết trọn bộ Kinh Pháp Hoa cầu nguyện cho Phật sự thành tựu.

VI.2.13 Minh Tinh Sơn Diệu Thuần Tự (Huyện Kanagawa, Phố Asugi, Kaneda)

Ngự Hội Thức (Kỳ Đoan Hội, lễ cầu nguyện các ngôi sao) (ngày 13 tháng 10)

Năm Văn Vĩnh thứ 8 (1271) Nhật Liên Thánh Nhơn thoát khỏi tội bị chém đầu tại Long Khẩu, đến trú tại nhà Y Trí Lục Long Tả Vệ Môn Uý, Tương Mô Quốc nhưng vẫn bị bại lộ, tuy nhiên nhờ Minh Tinh Thiên Tử sa xuống bắt ngờ trên cây mai trong vườn cứu thoát, cho nên lễ hội và nghi thức tưởng niệm được cử hành vào ngày này hằng năm.

VI.2.14 Trinh Tùng Sơn Liên Vĩnh Tự (Phố Sizuoka, Michi Cốc)

Khai Sơn Hội (ngày mồng một tháng giêng)

Nhật Trì Thượng Nhơn, một trong sáu lão tăng được Nhật Liên Thánh Nhơn chọn, đã khai sơn chùa này vào tháng giêng năm Vĩnh Nhân thứ 3 (1295). Ngài là tăng sĩ Nhật Bản đầu tiên ra hải ngoại, đến Trung Hoa truyền đạo. Pháp hội tưởng niệm ngày Ngài mất cũng chính là ngày Ngài ra đi vào ngày này hằng năm.

VI.2.15 Thanh Long Sơn Bổn Giác Tự (Phố Sizuoka, Ikeda)

Tông Tổ Ngự Thức Hội (ngày mồng 3 tháng 11)

Nghi thức Ngự Hội Thức tổ chúc với sự hiện diện chư tăng và khoảng 10 tín đồ ăn mặc như vũ sĩ thời Kamakura diễu hành trên đường.

VI.2.16 Bổn Lập Sơn Huyền Diệu Tự (Huyện Sizuoka, Phố Bát Điền, Thôn Kiến)

Ngự Mệnh Giảng (Omeikoo, từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 11)

Nghi thức cúng dường Thần Quý Tử Mẫu trong ngày lễ Ngự Hội Thức. Những người hành hương tham bái cầu nguyện cho con em của mình được thành đạt.

VI.2.17 Thanh Định Sơn Cửu Xương Tự (Huyện Arawagi, Phố Thường Lục Thái Điền, Tân Túc Đình)

Hư Không Tạng Tôn Đại Tế (ngày mồng 3 tháng 2; ngày mồng 3 tháng 7 và ngày mồng 3 tháng 10)

Thủy Hộ Quang Song (Mito Mitsukumi), người sáng lập Chùa Cửu Xương thiết kế mở trường Tam Muội Đường Đàn Lâm (Sanmaidoo Danrin) để dạy dỗ học sinh. Tại đây có thờ pho tượng Bồ Tát Hư Không Tạng gia hộ Đàn Lâm Sinh trí tuệ sáng suốt, thành tựu học nghiệp. Pháp hội cầu nguyện thăng tiến trên con đường học vấn tổ chức vào những ngày trên hằng năm.

VI.2.18 Thường Tại Sơn Tảo Nguyên Tự (Huyện Chiba, Phố Mậu Nguyên, Mậu Nguyên)

Ngự Đầu Hộ (Otooe: ngày 13 tháng giêng)

Ngài Nhật Hường tu hành và làm Phật sự tại Minobuzan nhiều năm, sau đó khai sơn chùa này. Ngự Đầu Hộ vào ngày này là pháp hội thường niên của Tảo Nguyên Tự.

VI.2.19 Chơn Gian Sơn Hoằng Pháp Tự (Huyện Chiba, Phố Ishikawa, Chơn Gian)

Thủ Nhi Nại Linh Thần Đại Đế (Tegona: từ mồng 8 đến mồng 9 tháng 4, từ ngày mồng 8 đến mồng 9 tháng 10)

Nghi thức Cô Thủ Nhi Nại (Cô Mụ) cầu nguyện cho các sản mẫu sinh nở và nuôi dạy con cái dễ dàng.

VI.2.20 Diệu Cao Sơn Chánh Pháp Tự (Huyện Chiba, Quận Sơn Vũ, Phố Đại Võng Bạch Lý)

Bồi Lạc Cứu (Hoorokukyuu = châm lửa đốt: mùa hạ, ngày thổ)

Quần một bó cây đốt cháy để trên đầu cầu nguyện thân thể bình an, tiêu tai giải nạn, tăng thêm tuổi thọ.

VI.2.21 Kim Đình Sơn Diệu Thành Tự (Huyện Ishikawa, Phố Vũ Trách, Thác Cốc Đình)

Kỵ Hợp Hội (Kigooe: từ ngày 26 đến ngày 27 tháng 7)

Đó là ngày kỵ giỗ Nhật Thừa, tổ thứ hai Nhật Liên Tông. Theo truyền thống ngày hôm sau cử hành nghi thức cúng dường có nhi đồng thổi tù và cúng dường gọi là Kỵ Giảng Đại Hội (Kikoodaie).

VI.2.22 Cụ Túc Sơn Lập Bản Hội (Kyotoshi, Khu Thượng Kinh, Đường Thất Bản Tùng, Trung Lập Mãi Hạ, Nhứt Phiên Đình)

Quý Tử Mẫu Thần Thiên Đoàn Tử Hội (Kishimo Jinsendangoe: ngày mùng 8 tháng 4)

Long Hoa Viện Nhật Thật Thượng Nhơn, vị trụ trì đời thứ 7, khi còn làm Đại Giác Đại Tăng Chánh cầu nguyện Quý Tử Mẫu Thần Thập La Sát Nữ trùng tu Chùa thành tự cho nên tổ chức pháp hội báo ân và cúng Dango (bánh bột gạo). Người hành hương thường cầu nguyện Linh Thứu Viện Nhật Phiên Thượng Nhơn, vị trụ trì đời thứ 20 gia hộ nuôi con khôn lớn.

VI.2.23 Tùng Vĩ Sơn Quang Thắng Tự (Huyện Tả Hạ, Quận Tiểu Thành, Phố Tiểu Thành)

Bồi Lạc Cứu (Hoorokukyuu: thường tổ chức vào ngày Sứ của tháng 7)

Đây là thánh tích kỷ niệm nơi Nhật Thân Thượng Nhơn bị pháp nạn. Người ta đốt đuốc trên đầu cầu nguyện tai qua nạn khỏi, tật bệnh tiêu trừ.

VI.2.24 Tùng Kỳ Sơn Dũng Tuyền Tự (Phố Kyoto, Khu Tả Kinh, Phố Tùng Tùng Kỳ Quật)

Tùng Tùng Kỳ Đề Mục Dũng (ngày 15 đến ngày 16 tháng 10)

Nhờ Nhật Tượng Thượng Nhơn, Pháp Sư Thật Nhân đổi y áo vào năm Vĩnh Nhân thứ hai (1294). Năm Đức Trị nguyên niên (1306) người dân trong thôn Tùng Tùng Kỳ đều tín thọ Kinh Pháp Hoa. Vì vui mừng, mọi người đánh trống, xướng lên Daimoku, nhảy múa điệu nhảy đặc biệt (Bondori) của Tùng Tùng Kỳ, mà ngày nay được truyền tụng điệu múa Bondori này xưa nhất của nước Nhật đó là trống, phách, xướng Daimoku và nhảy múa cùng một nhịp rất đều đặn.

Hơn nữa, đoàn đàn tín đồ thuộc hai chùa Dũng Tuyền và Diệu Viên ở Tùng Tùng Kỳ mang lửa đến 5 Chùa tại Kyoto, đi theo hàng chữ Diệu và chữ Pháp rất nghệ thuật. Vào những đêm trăng mùa hạ ở Kyoto, nhiều người tập dợt nghi thức này.

VI.2.25 Hải Chiếu Sơn Chánh Liên Tự (Phố Osaka, Khu Thử Hoa, Truyền Pháp)

Truyền Pháp Xuyên Thí Ngạ Quỷ (Denbookawa Segaki: từ ngày 24 đến ngày 26 tháng 8)

Chùa này có thờ một tượng Tô Sư vớt lên từ sông. Từ thời Hưởng Bảo, chùa đã tổ chức nghi cúng ngạ quỷ trên sông vào ngày 24 và ngày 25 có múa Bondori, ngày 26 rước kiệu ra sông Điển xướng lên Daimoku, thả những bản Kinh bằng gỗ xuống sông để cúng dường. Nghi thức này là một trong ba nghi thức thí Ngạ Quỷ trên sông ở Nhật.

VI.2.26 Xung Thăng (Okinawa) Pháp Hoa Kinh Tự

Pháp Hoa Kinh Tự là cơ sở bố giáo của Nhật Liên Tông tại Okinawa, Huyện Okinawa, Phố Na Ki, An Lý.

Xung Thăng Banh Hạ (Okinawa Hamauri: tổ chức vào ngày mồng 3 tháng 3 âm lịch)

Nghi thức trừ nguy cho người nữ được truyền lại từ lâu đời ở Okinawa bởi vì người dân ở đây thường bị bệnh nước biển thấm làm hư chân. Hiện tại, kết hợp nghi thức trừ nguy cho nữ giới và cầu siêu cho những nạn nhân chiến tranh.

VI.3 Những việc làm cần mẫn hằng ngày

Sau đây là những công việc hằng ngày đối với niềm tin và sự hành trì, qua ý nghĩa của “Cần Hành”.

VI.3.1 Ý Nghĩa chữ Cần Hành

Cần hành là siêng năng đi trên con đường giải thoát bằng lục độ ba la mật (Rokudo Haramitsu), được dạy như sáu phương pháp hành trì của các Bồ Tát trong Phật Giáo.

Lục Độ nhằm mục đích giáo hóa mọi người sống đúng theo chánh đạo gồm có:

- **Bố thí** (Fuse = cho người khác vật gì đó);
- **Trì giới** (Jikai = giữ gìn bốn phận của mình đối với mọi người);
- **Nhẫn nhục** (Ninniku = nhẫn chịu);
- **Tinh tấn** (Shoojin = nỗ lực);
- **Thiền định** (Zenjoo = làm cho tâm yên tĩnh);
- **Trí tuệ** (dùng mắt trí tuệ để nhìn cho đúng).

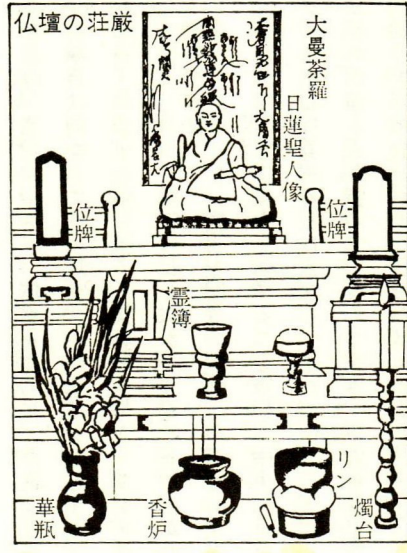
Chữ Cần Hành còn có ý nghĩa giống như chữ tinh tấn vậy. Thật ra, nhận xét một cách đúng đắn chúng ta thấy rằng, con người ai ai cũng nỗ lực và có trách nhiệm với cuộc sống của mình. Cần Hành còn thể hiện trên vấn đề tinh thần nữa, bởi vì trong cuộc sống hằng ngày, con người phải sống sao cho ý nghĩa, siêng năng phù hợp với tinh thần Cần Hành.

VI.3.2 Trang Nghiêm Phật Đàn

Hình Phật được đặt chính giữa bàn thờ để hằng ngày lễ bái cho tăng trưởng niềm tin, bởi vì tín ngưỡng phát lên từ tự tâm cung kính của mỗi người, cho nên phải thờ làm sao thật trang nghiêm thanh tịnh. Hình Ngự Bồ Tôn phải được an trí ngay chính giữa bàn thờ xem như trung tâm lễ bái nguyện cầu.

Với Nhật Liên Tông, Ngự Bản Tôn là Đại Mạn Trà La, thường ở phía trước tôn trí tượng Nhật Liên Thánh Nhơn, xem hình 1.

Bài vị (Ihai) là linh hồn của Tổ Tiên. Có Tổ Tiên ngày trước, mới có mình bây giờ, cho nên phải nói rằng cúng dường Tổ Tiên là bổn phận của người còn sống, bởi vì chúng ta nên biết rằng trong hiện tại của mình có ông bà tiên tổ hiện hữu, ngược lại tiên tổ chính là dòng sinh mệnh của mình đang được tiếp nối và truyền thừa cho thế hệ sau. Chúng ta phải niệm ân Tổ Tiên thật nhiều để khẳng định sự hiện hữu của mình. Đồng thời, đây vừa biểu hiện khai mở năng lực cho tương lai, vừa tiếp nối không để gián đoạn. Cúng dường, thờ tự Tổ Tiên chính là giữ Phật Tánh của ông bà mình. Bài vị (linh vị) cũng an trí trên bàn Phật nhưng thấp hơn Ngự Bản Tôn một bậc.



Hình 1: Trang trí bàn thờ

Linh Bạ (Reiba = quyển gia phả chép việc trong quá khứ) ghi tên tuổi ông bà, pháp danh, tục danh, ngày tháng sanh, ngày tháng mất, tuổi thọ và những người nối dõi v.v.

Phật cụ gồm có:

- Lư Hương (lò hương) để ở giữa,
- Chân đèn (Chức Đài) để hai bên;
- Bình hoa (Hoa Bình) để ở phía trước, hai bên phải trái.
- Cổ bông và bình hoa tùy theo trường hợp để cân xứng nhau hoặc bên trái đặt bình hoa và bên phải là cổ bông.
- Trà, nước, bánh, mứt, trái cây, chuông, hương v.v... những lễ vật cần thiết cũng được bày biện trên bàn thờ ấy.

VI.3.3 Tác pháp việc cần hành

Cần hành nghĩa là mỗi ngày phải thực hiện không thể thiếu, điều quan trọng là phải thường xuyên. Trước khi gia đình dùng cơm nên đến trước Phật Đài làm những công việc sau:

- Giờ quyền gia phải một cách trang nghiêm
- Dâng cúng trà, bánh, nước v.v... cúng dường
- Đốt đèn
- Thắp ba cây nhang (tượng trưng cho cúng dường Tam Bảo Phật Pháp Tăng), cắm ngay thẳng vào lư hương ở giữa.
- Đứng ngay ngắn xá 3 xá hay lạy.

Trường hợp cúng hương, cầm hộp quẹt bên trái đốt hương và bỏ hương vào lư hương ở giữa, quay qua bên trái tắt hộp quẹt.

Khi thắp hương phải dùng ngón tay trỏ và ngón kế của bàn tay phải nhẹ nhàng bốc nhang bột lên và thầm niệm Tam Bảo ba lần như vậy.

Nêu ví dụ để lãnh hội khi cần hành theo thứ tự chung chung như vậy.

Khuyến Thỉnh (Kanjoo)

Trước nhất, thỉnh Đức Thích Tôn, kế tiếp phụng thỉnh chư Phật, chư thiên quang lâm thọ trì kinh Pháp Hoa.

Khai Kinh Kệ (Kaikyooge)

Xưng tán công đức kinh Pháp Hoa, phát khởi tâm nguyện thọ trì.

Đọc Kinh (Dokkyoo)

Tụng những phẩm quan trọng của kinh Pháp Hoa như: Phẩm Phương Tiện, Phẩm Như Lai Thọ Lượng, Phẩm (Kệ Tự Ngã), Như Lai Thần Lực (Kệ), Phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm (Kệ Thế Tôn).

Ngự Diệu Phán (Gomyoohan)

Đọc lời dạy của Tổ, chỉ một đoạn trong Di Văn của Nhật Liên Thánh Nhơn, sau đó vận tưởng (xưng dương tán thán công đức và xướng đề)

Xướng Đề

Chú tâm vào Đề Mục mà tụng. Đây là việc chính.

Bảo Tháp Kệ

Xưng tán công đức thọ trì kinh Pháp Hoa.

Hồi Hướng (Ekoo)

Tịnh tín phát nguyện hồi hướng công đức đến với tất cả mọi người và mọi loài.

Bốn lời nguyện

Đây là bốn lời thệ nguyện cao cả rộng lớn vì chúng sanh.

Xướng Đề Mục

Cuối cùng, xướng Đề Mục ba lần. Đây là phần cuối của căn hành với tâm chân thành.

- Ngồi kiết già trước bàn Phật thật trang nghiêm,
- Hai tay chấp lại thành hình hoa sen búp để ngay ngực.
- Lễ bái thật chậm rãi và thật chí thành.
- Yên lặng đốt hương, thỉnh ba tiếng chuông
- Kê tiếp, khuyến thỉnh, thỉnh một tiếng chuông.
- Hít vào thở ra và đọc Khai Kinh Kê, thỉnh một tiếng chuông
- Cuối phần Khai Kinh Kê gõ 1 tiếng chuông.
- Hít thở bình thường, bắt đầu tụng Kinh.
- Tụng đầu đề (các phẩm) ba lần, thỉnh ba tiếng chuông.
- Tụng Kinh và Xướng Đề, gõ mõ cho đều.
- Tụng Kinh xong, thở bình thường
- Đọc Ngự Diệu Phán thỉnh một tiếng chuông.
- Lấy hơi thở xướng Đề Mục. Không chỉ xướng bằng miệng, phải vận tâm chuyển Đề Mục xuống sát bụng cho đến khi chính mình và Đề Mục là một, mới xướng lên.
- Xướng Đề Mục xong thỉnh một tiếng chuông.
- Xướng chậm lại, đến lần thứ ba thỉnh hai tiếng chuông.
- Xướng Đề Mục xong thở đều
- Xướng Kê Bảo Tháp xong thỉnh hai tiếng chuông
- Tâm yên tĩnh tụng văn hồi hướng, thỉnh ba tiếng chuông (lớn, nhỏ, lớn).
- Tụng chậm rãi Bốn Hoảng Thệ Nguyện.
- Xướng Đề Mục chậm rãi ba lần, thỉnh ba tiếng chuông chậm rãi (lớn, nhỏ, lớn)
- Chấp hai tay lại ngay ngực
- Yên lặng cúi đầu thấp xuống để lạy.

VI.3.4 Cần Hành Thánh Điển

Bản kinh chính của Nhật Liên Tông là kinh Diệu Pháp Liên Hoa, còn gọi là kinh Pháp Hoa, trong đó có tất cả 28 phẩm. Xin giới thiệu một phần những phẩm thường tụng hằng ngày như sau:

(Lược bớt phần dịch Nhật Ngữ)

Dịch theo lối Hán Việt

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Phẩm Phương Tiện, thứ hai

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn xuất định an tường bảo Ngài Xá Lợi Phất rằng: Trí tuệ của chư Phật vô cùng vi diệu, thật là khó hiểu và khó lãnh hội. Tất cả các bậc Thanh Văn, Duyên Giác không thể liễu ngộ được, vì sao?

Bởi vì Phật đã từng thân cận với hàng trăm vạn ức, vô số chư Phật, cùng tu cùng hành trì vô lượng pháp môn, rất dũng mãnh, rất tinh tấn đến nổi tiếng tăm vang lừng, thành tựu trí tuệ vi diệu, mà chưa từng có pháp nào như thế, ý nghĩa cao siêu, thật là khó hiểu, nếu diễn đạt được cũng chỉ là tùy nghi diễn đạt mà thôi.

Này Xá Lợi Phất! từ khi thành Phật đến nay, Ta giáo hóa khắp nơi, gieo trồng biết bao nhiêu nhơn duyên, dùng biết bao nhiêu phương tiện, nói bao nhiêu thí dụ để hướng dẫn chúng sanh viễn ly chấp trước. Vì sao? Vì Như Lai thành tựu tri kiến ba la mật có đầy đủ tất cả mọi phương tiện.

Này Xá Lợi Phất! tri kiến của Như Lai là thành quả đạt được từ thể nhập thiền định giải thoát, pháp chưa từng có,

không giới hạn, vô cùng rộng lớn, vô cùng vi diệu, không thể đo lường, không có gì chướng ngại, không có sợ hãi.

Này Xá Lợi Phất! Như Lai dùng phân biệt, khéo léo trình bày các Pháp bằng những lời nói dịu dàng phù hợp với tâm chúng sanh.

*Xá Lợi Phất! Phật thành tựu phương pháp sử dụng ngôn ngữ vô lượng vô biên, chưa từng có. Tuy nhiên, này Xá Lợi Phất! thôi, không nên nói nữa. Vì sao? Bởi vì Pháp mà Phật thành tựu đệ nhất tối thắng, thật là khó hiểu, thật khó lãnh hội. Chỉ Phật với Phật mới có thể liễu ngộ thật tướng của các Pháp đó là: **Tướng như vậy, tánh như vậy, thể như vậy, lực như vậy, tác như vậy, nhơn như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, trước sau rốt ráo như vậy.***

Dịch theo lối Hán Việt

(Lược bớt phần dịch theo lối văn hiện đại Nhật Ngữ)

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Phẩm Như Lai Thọ Lượng, thứ 16

Từ thành Phật đến nay
Số kiếp Ta trải qua
Vô lượng trăm ngàn vạn
Ức kiếp A Tăng Kỳ
Hoằng pháp và giáo hoá
Vô số ức chúng sanh
Viên mãn thành Phật Đạo
Số kiếp thật vô lượng
Giáo hóa độ chúng sanh
Ta phương tiện Niết Bàn

Nhưng thật không diệt độ
 Vẫn hoằng pháp ở đây
 Qua lại ở chốn này
 Bằng thần lực thần thông
 Nhưng chúng sanh điên đảo
 Gần Ta mà chẳng thấy
 Họ thấy ta diệt độ
 Bèn cúng dường xá lợi
 Than thở và ái mộ
 Tiếc nuôi và khát ngưỡng

Có những người vững tin
 Tâm chất phác chân thật
 Rất mong được gặp Phật
 Chẳng hề tiếc thân mệnh
 Nên Ta và chúng tăng
 Ra khỏi núi Linh Thứu
 Bèn nói với chúng sanh
 Ta vẫn ở, chẳng đi
 Chỉ phương tiện thế thôi
 Tuy diệt nhưng chẳng diệt

Có chúng sanh chỗ khác
 Cung kính, rất dễ thương
 Ta ở lại với họ
 Thuyết bài pháp vô thượng
 Các người lắng nghe đây
 Đừng nói Ta viên tịch
 Bởi Ta thấy chúng sanh
 Trầm luân trong biển khổ

Ta chẳng muốn hiện thân
 Cho họ sanh khát ngưỡng
 Để tâm khởi luyến mộ
 Ta hiện ra nói pháp
 Bằng năng lực thần thông
 Suốt A Tăng kỳ kiếp
 Thường trú núi Linh Thứu
 Và các trụ xứ khác

Kiếp tận, chúng sanh thấy
 Lửa dữ cháy hừng hực
 Ta ở đây an ổn
 Hơn tất cả trời người
 Điện các và vườn tược
 Thật nhiều vật quý báu
 Cây báu nhiều hoa quả

Ở đây ai cũng vui
 Chư Thiên đánh trống trời
 Đạo các loại nhạc cụ
 Trời mưa Mạn Đà La
 Cúng dường Phật, đại chúng
 Đây Tịnh Độ cõi thật

Nơi đó thiêu tất cả
 Lo sợ và khổ não
 Lửa vây quanh như thế
 Theo nghiệp tội chúng sanh
 Thành ác duyên, ác nghiệp
 Quá A Tăng kỳ kiếp

Không nghe tên Tam Bảo

Nếu tu có công đức
 Chất phác cùng chân thật
 Có trí, thấy thân ta
 Đang hoằng dương thuyết pháp
 Vì họ, Ta tuyên bố
 Thọ mạng Phật vô lượng

Thật lâu mới thấy Phật
 Vì họ, nói khó gặp
 Ta biết rõ như thế
 Phóng tuệ quang vô lượng
 Sống thọ vô số kiếp

Với những bậc tu lâu
 Nói người bậc đại trí
 Không nên nghi ngờ nữa
 Dứt tất cả các nghi
 Phật nói thật, không dối
 Như lương y phương tiện
 Chữa bệnh cho cuồng tử
 Vẫn sống, mà nói chết
 Thật ra, chẳng phải dối
 Ta là đấng từ phụ
 Thương cứu người đau khổ
 Vì họ quá điên đảo
 Ta vẫn còn, nói chết
 Vì họ thường gặp ta
 Thường sanh tâm ý lại

Phóng túng theo ngũ dục
Đọa vào các đường ác

Ta biết qua chúng sanh
Biết lúc hành, chẳng hành
Tùy người, độ, không độ
Giáo hóa các pháp môn
Ta thường phải tư duy
Pháp nào cho chúng sanh
Chóng thành vô thượng đạo
Sớm chứng đạt Phật thân.

*(Lược bỏ phần dịch theo lối văn hiện đại Nhật Bản)
Dịch nguyên văn từ tiếng Hán sang tiếng Việt*

***Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Phẩm Như Lai Thần Lực,
thứ 21***

Chư Phật độ thế gian
Dùng đại thần thông lực
Độ chúng sanh an lạc
Hiện vô lượng thần lực
Lưỡi dài đến Phạm Thiên
Thân phóng quang vô số
Độ người cầu Phật Đạo
Thị hiện Pháp hy hữu
Tiếng tăng hắng chư Phật
Tiếng khảy nhẹ móng tay
Khắp mười phương đều nghe
Đất rung động sáu cách

Sau khi Phật diệt độ
 Ai thọ trì Kinh này
 Chư Phật rất hoan hỷ
 Hiện vô lượng thần lực
 Giao phó cho Kinh này
 Tán dương người thọ trì
 Suốt trong vô lượng kiếp
 Mãi mãi, không dừng lại
 Công đức người thọ trì
 Vô biên vô cùng tận
 Như mười phương hư không
 Không hề có ngăn mé
 Người thọ trì Kinh này
 Chắc chắn thấy được Phật
 Cũng thấy Phật Đa Bảo
 Thấy chư Phật phân thân
 Thấy Phật nhóm ngày nay
 Vẫn giáo hoá Bồ Tát

Ai thọ trì Kinh này
 Phật và các phân thân
 Thậm chí Phật Đa Bảo
 Đều hoan hỷ tán dương
 Hiện tại mười phương Phật
 Quá khứ và vị lai
 Thấy cũng đến cúng dường
 Gia hộ khiến vui mừng
 Vào đạo tràng Chư Phật
 Được các pháp bí mật
 Ai thọ trì Kinh này

Không lâu, được như trên

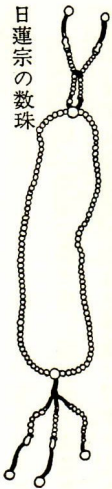
Ai thường trì Kinh này
 Liễu ngộ nghĩa các pháp
 Hiểu danh tự, lý luận
 Giảng nói vô cùng tận
 Như gió qua không trung
 Không chỗ nào ngăn ngại
 Sau khi Phật viên tịch
 Thay Phật giảng thuyết Kinh
 Lần lượt theo nhân duyên
 Giảng nghĩa thật chân thật
 Như ánh sáng nhật nguyệt
 Xua tan đời tăm tối
 Bậc trí đi vào đời
 Trừ tăm tối chúng sanh
 Giáo hóa chư Bồ Tát
 Viên mãn, trụ nhất thừa
 Ai là người có trí
 Lãnh hội công đức này
 Sau khi Phật diệt độ
 Ai thọ trì Kinh này
 Người ấy vào Phật Đạo
 Chắc chắn không nghi ngờ.

VI.3.5 Giải thích Phật cụ

Những Phật cụ SỔ Châu (tràng hạt), Mõ (Mokishoo) và Trống được giải thích dưới đây.

VI.3.5.1 Sổ Châu (tràng hạt)

Sổ châu còn gọi là **Niệm Châu** dùng xua đuổi tà tâm để một lòng niệm Phật. Có nhiều loại Niệm Châu khác nhau, nhưng tựu trung có hai loại gọi là **Trang Sắc Sổ Châu** (*Shoozoku Yuuzuu*), chư Tăng thường sử dụng, và **Cúc Phòng Sổ Châu**, mọi người đều dùng rất phổ thông. **Trang Sắc Sổ Châu** có loại làm bằng thủy tinh gọi là **Bồn Trang Sắc** (*Honshoozoku*) và làm bằng các loại khác gọi là **Bán Trang Sắc**. Người tu có thể dùng cả hai loại **Trang Sắc Sổ Châu** và **Cúc Phòng Sổ Châu** tùy trường hợp cần thiết. Đản tín đồ chỉ sử dụng **Cúc Phòng Sổ Châu**, loại phổ thông, hình 2.



Hình 2: Sổ Châu

Sổ hạt tuy nhiên ít khác nhau, nhưng vẫn lấy từ con số căn bản 1080 như: 108 hạt, 54 hạt, 27 hạt, 21 hạt, 14 hạt v.v... Độ lớn nhỏ tuy có khác nhau, nhưng căn bản là 100 hạt, hẳn nhiên, theo cổ tay lớn nhỏ của mỗi người mà chọn tràng hạt thích hợp. Có nhiều loại làm bằng gỗ, ngà voi, mã não, san hô, thủy tinh, bạch đàn, hắc đàn, hạt bồ đề, hạt mai v.v... đơn giản dễ hiểu giống như đồ trang sức cho mỗi người.

Tràng hạt thường gấp đôi lại mang bên tay trái, đeo nơi cổ tay. Khi chấp hai tay lại, lấy 2 ngón tay trở cho vào 2 bên tràng hạt. Khuyến Thịnh, Xương Đề, Hội Hướng xong, để tràng hạt chỉ một vòng thôi. Cả 2 ngón tay giữa 2 bên tả hữu nằm ngay chỗ

hạt châu lớn, rồi gấp tràng hạt lại chấp tay. Lúc ấy bên đầu có hai tua, cho vào tay mặt và đầu có ba tua cho vào tay trái.

VI.3.5.2 Mõ (Mokishoo)

Mõ là Phật cụ dùng giữ nhịp tụng Kinh. Khi xướng Đề Mục dùng dùi để đánh lên đó. Hầu như các Tông phái khác của Phật Giáo đều dùng Mõ hình con cá (Mokugyo), Nhật Liên Tông cũng vậy tất cả các nghi thức đều sử dụng Mõ. Mõ làm bằng cây dâu hay cây phong, âm thanh nghe rất lớn, hẳn nhiên, chạm khắc đơn giản. Phật cụ này rất đặc biệt của Nhật Liên Tông.

VI.3.5.3 Trống: Thái Cổ (Uchiwa Taiko)

Người ta căng da trên khung gỗ làm trống để đánh lên thành âm thanh hòa với tiếng tụng Kinh và xướng Đề Mục. Đàn Tín Đồ tham dự pháp yếu Ngự Hội Thức thường sắp hàng đi trong phố đánh trống hòa với tiếng xướng Đề Mục thật hùng tráng. Trống và Mõ là Phật cụ đặc biệt của Nhật Liên Tông.

VI.3.6 Khai quang cúng dường (Kaigenkuyoo)

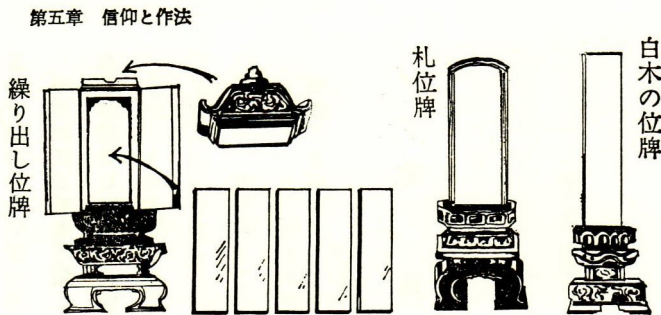
Trong gia đình, mỗi khi sắm sửa đồ thờ cúng mới như: Bàn Thờ Phật, Ngự Bồn Tôn, Bài Vị, Linh Bạ và những Phật cụ khác v.v... nên làm lễ khai quang cúng dường, mà khai quang cúng dường nghĩa là an linh vào trong đó.

Thỉnh Ngự Bồn Tôn an trí trên bàn Phật là sự kiện tâm linh vô cùng quan trọng, nên khai quang cúng dường thật ý nghĩa như thổi vào pho tượng sức sống tâm linh, bởi vì bàn Phật cũng là đạo tràng tâm linh của mình.

Ngự Bồn Tôn, nếu là một Đại Mạn Trà La, được xem như thể công đức của Đức Thích Tôn trong quá khứ. Nếu trên ấy có viết chữ, đó là chơn lý của vũ trụ, là nguồn gốc tâm linh của mỗi người, cho nên cần trọng thọ trì và tuyệt đối trân quý.

Thỉnh Mạn Trà La làm Bồn Tôn an vị tại nhà tốt hơn nên thỉnh ý vị trụ trì chùa gần nhà mình.

Bài Vị để thờ hương linh Tổ Tiên, mà trên bài vị người ta viết pháp danh, ngày và tháng năm mất của Tổ Tiên, một bên viết tục danh cũng như tuổi thọ v.v... Trường hợp gia đình không có bàn thờ Phật, nên đem bài vị đến Chùa thờ và cúng dường tại Vị Bài Đường, hình 3.



Hình 3: Bài vị thờ hương linh Tổ Tiên

Nếu bài vị nhỏ không ghi đủ Pháp hiệu có thể thay Lễ Bài Vị (bài vị lớn hơn) để viết đầy đủ. Bài vị quá nhiều không thể an vị trên bàn Phật, có thể bỏ những bài vị vào trong Lễ Bài Vị. Trong nghi tang lễ Thông Dạ (Tsuya), người ta thường sử dụng

bài vị màu trắng thờ tạm, sau khi xong 49 ngày đổi bài vị khác và mang bài vị màu trắng gửi ở chùa.

Phật Đàn, bài vị và những Phật cụ khác thỉnh ở những tiệm phát hành Phật Đàn, Phật cụ. Khi muốn thờ tự phải lưu ý thật kỹ về khả năng tài chánh của mình, vị trí thờ tự sao cho thật thích hợp, như bài vị quá lớn không thích hợp với Ngự Bồn Tôn quá nhỏ, hẳn cũng không thể đặt một bên những Phật cụ đơn giản khác...

Mong rằng, trước khi thỉnh những đồ thờ mới như Ngự Bồn Tôn, Bài Vị, Phật Đàn v.v... tốt hơn quý vị nên thỉnh ý vị trụ trì trước và thỉnh khai quang cúng dường trước thì hay không gì bằng.

Chương Sáu

Ootani Gyookoo

VII. Những Phật Sự Tâm Đắc

VII.1 Tang Nghi (Nghi lễ chôn cất)

Những Phật-sự cần thiết cho Tang-nghi và ý nghĩa của Nghi-lễ chôn cất.

VII.1.1 Ý nghĩa về nghi lễ mai táng

Chết là nỗi đau lớn nhất trong cuộc đời, mà dù người có quyền lực cao tột đến đâu, kẻ giàu sang đến mấy, không ai thoát khỏi nỗi đớn đau này. Chết luôn luôn bình đẳng với tất cả cho nên mỗi người tự mình đặt câu hỏi phải sống như thế nào và đúng không sai, nếu nói rằng từng giây từng phút con người đang đi dần đến cái chết. Con người đang tồn tại cũng có nghĩa là con người đang chết, chúng ta phải nhận thấy bản chất này để rồi trước sự vĩnh viễn ra đi của ai đó, chúng ta, người còn ở lại phải làm sao đây cho trọn tâm lòng...

Đức Thích Tôn nhận chân khổ đau của nhân sinh, quyết định lên đường xuất gia và khai mở thế giới giác ngộ. Nhật Liên Thánh Nhơn cảm nhận cuộc đời là vô thường, phát nguyện xuất gia học đạo. Ngài lãnh hội giáo lý Phật Đà về tự tánh của con người mà phải nói rằng mục đích của tôn giáo không ngoài việc cứu khổ độ sanh, nhất là đối với vấn đề chết và làm sao khỏi chết. Những ai sống có niềm tin, chắc chắn được chư Phật gia hộ và được bảo hộ trong thế giới chư Phật. Nhật Liên Thánh Nhơn dạy chúng ta câu niệm Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh mà mỗi khi xướng lên, chắc chắn được Đức Thích Tôn gia hộ, mà sự gia hộ chỉ là một đối với cuộc đời này trước và sau khi chết, không có gì thay đổi. Ai có niềm tin

kinh Pháp Hoa, sau khi chết hướng về Linh Sơn Tịnh Độ (Ryozan Joodo) được sống nơi đó với Đức Thích Tôn.

Tang lễ là nghi thức tiếp dẫn tâm thức người mất về cõi Tịnh Độ của Đức Thích Ca, nếu những thân quyến, người còn ở lại nhất tâm cầu nguyện cho người quá vãng siêu độ, an tâm ra đi. Nghi thức tang lễ được cử hành theo thứ tự sau:

VII.1.2 Lâm Chung

Con người ai ai cũng mong được ra đi một cách bình an, chánh niệm nhưng không ai biết bao giờ mình vĩnh viễn ra đi. Ai cũng nghĩ rằng mình chẳng sao cả nhưng nếu lãnh hội bài học sanh tử vô thường thì sự kiện vĩnh viễn ra đi đó khó có thể định trước, tuy nhiên con người phải chấp nhận trong tinh thần có chuẩn bị trước. Xin tường thuật trường hợp thông thường và nghi thức mai táng như sau:

Khi người thân hấp hối, người nhà nên liên lạc thông tri cho bà con quyến thuộc gia đình thân tộc gần xa biết tin. Nếu muốn di chúc điều gì, nên viết lại sẵn nhất là vấn đề sau khi lâm chung. Hơn nữa, điều cần thiết nhất là phải cung thỉnh chư tăng quang lâm tụng kinh cầu siêu hộ niệm lúc lâm chung.

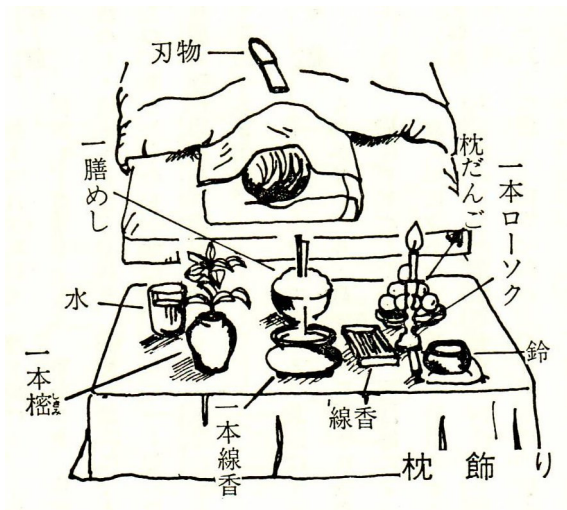
Hẳn nhiên, phải theo xác định của bác sĩ, để biết việc ra đi đã đến lúc hay chưa hoặc còn có thể cứu vãn được. Khi bác sĩ đã xác nhận không thể chữa được nữa, phải cáo phó cho thân bằng quyến thuộc được tin ngày giờ ra đi của người thân đã đến. Chắc chắn, sẽ có nhiều người thân buồn rầu khóc lóc nhưng phải biết điều ấy không cần thiết lắm mà phải hộ niệm cho người thân ra đi một cách an ổn.

VII.1.3 Nước uống lúc cuối cùng

Được Bác sĩ cho biết người thân đã vĩnh viễn ra đi, phải lấy bút lông nhỏ cắt phía trước một ít rồi gói vào trong tờ giấy và cột lại bằng chỉ trắng, đưa cho người trong gia đình lấy nước thấm vào môi người chết, cho người chết uống nước lần cuối.

VII.1.4 An trí

Đắp mền lên trên người mắt và treo tôn tượng Phật Thích Ca Nhập Diệt trên đầu giường người mất, đặt người mất nằm tư thế đang ngủ đầu xoay về hướng Bắc, hai tay đan lại với nhau để trên ngực và lấy miếng vải trắng đậy lên trên mặt, tuy nhiên, an trí bàn thờ hương linh tùy vị trí của căn phòng nhưng không quay về hướng Bắc.



Hình 4: Cách lập bàn thờ hương linh

VII.1.5 Chấm sức (cách lập bàn vong)

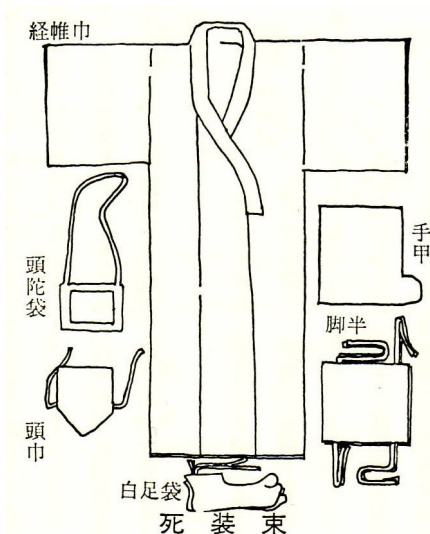
Thiết bàn thờ hương linh để cúng linh như thế này (hình 4): chọn một cái bàn nhỏ, trải khăn bàn trắng, trên bàn đặt bình hoa, lư hương, chân đèn, đèn, hương v.v... trong bình hoa chỉ cắm một cành Shikimi, ngoài ra cắm một đôi đũa thẳng trên giữa chén cơm, và cúng đường bánh, nước. Có một con dao cạo đặt trên tấm vải trắng nếu theo nghi thức cạo tóc. Cúng 10 cái bánh bột hình tròn làm bằng gạo nấu chín. Trên bức tường giữa bàn thờ, có treo một tấm Mạn Trà La, tấm này thường do vị Thầy chủ lễ mang đến, có chuông mõ nữa.

VII.1.6 Dương đánh (Yukan)

Dùng nước ấm lau thân thể người mất, gần đây người ta dùng rượu hoặc cồn để lau rửa, nhét bông vải vào hai lỗ tai, hai lỗ mũi, miệng, hậu môn, cạo râu, nếu là đàn ông và đánh phần nếu là đàn bà. Nếu mất ở bệnh viện, các y tá làm công việc này.

VII.1.7 Tử trang thúc (Shinishoozoku = bó đồ tang cho người chết)

Mặc đồ trang phục cho người mất như áo Kinh Duy Cân (giống áo Kimono của người Nhật), đội mũ tam giác. Bỏ sáu quan tiền vào trong túi Đầu Đà đeo lên cổ, bao tay, đồ bó chân, vớ trắng, giày cỏ treo trên cây gậy. Hai tay chấp lại để lên trên ngực, mang tràng hạt vào. Nhờ chư tăng viết vài câu kinh trên đồ tang của người mất, bây giờ ít thấy viết kinh trên áo người mất mà chỉ mặc đồ thôi. Trường hợp có thể được đương sự nên nhờ chư tăng lo dùm việc này khi còn sanh tiền để chư tăng có đủ thời gian viết lời Kinh vào đó cẩn thận hơn, hình 5.



Hình 5: Đồ trang phục cho người chết

VII.1.8 Tụng Kinh (Makuragyo = đọc Kinh)

Tụng Kinh cầu siêu hộ niệm lúc lâm chung. Chư Tăng đứng ở đầu giường người mất tụng kinh cầu siêu hộ niệm trong chánh niệm. Sau đó, gia đình và nhà quàng thỉnh ý chư Tăng về ngày giờ đưa tiễn hay nơi chôn thiêu, chôn v.v... tất cả quyết định vào lúc này là tiện nhất.

VII.1.9 Nhập liệm (Nookan)

Những người trong gia đình di chuyển thi thể đặt trong quan tài, sau đó có thể đặt thêm những vật mà người mất ưa thích vào trong quan tài, đậy nắp quan tài lại nhưng không đóng đinh, di quan tài đến an trí tại Tế Đàn.

VII.1.10 Thông tri (cáo phó)

Thông báo cho bà con hàng xóm, bạn bè, thân hữu, những người đồng nghiệp, đồng sự trong hãng xưởng biết người thân đã vĩnh viễn ra đi, đặc biệt phải cho mọi người biết sớm thời gian tiễn đưa và nơi mai táng hay hỏa táng.

Gần đây, thường cáo phó qua điện thoại hay điện báo, nhưng theo thông lệ xưa, phải đến từng nhà quen thông tin cáo phó và phải đi hai người.

VII.1.11 Giấy khai tử

Khi người thân mất, trong vòng bảy ngày phải khai báo với chính quyền sở tại. Giấy khai tử phải có chứng nhận của Bác sĩ và giấy điều trị, mỗi loại một tờ, dù ngày chủ nhật hay ngày lễ vẫn có người túc trực nhận hồ sơ. Nếu trường hợp người mất không phải ở địa phương đó, phải nộp hồ sơ cả hai nơi để họ liên hệ với nhau. Nếu không có giấy khai tử, không được phép thiêu hoặc chôn. Tang lễ muốn được chu toàn, nên làm giấy khai tử này sớm.

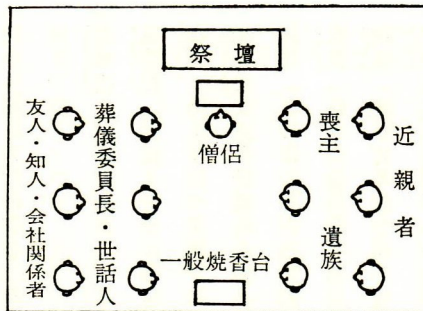
VII.1.12 Chuẩn bị

Trước tiên, họp gia quyến phân chia công việc như liên lạc với nhà quản, đến chính quyền địa phương, viết trưởng liễn, thư ký, lo hướng dẫn, chạy tiếp khách, lo đèn đuốc, điều khiển xe cộ, đi mua sắm v.v... và nhiều việc khác nữa đừng thiếu sót.

VII.1.13 Thông Dạ (Tsuya = đêm trước khi đi thiêu, chôn)

Thông Dạ là đêm tưởng niệm người mất. Trong đêm thông dạ, có chư tăng được tang quyến cung thỉnh quang lâm hộ niệm, bà con thân hữu đến cung điếu. Chư tăng viết pháp hiệu người mất lên bài vị bằng gỗ màu trắng, bây giờ chư tăng viết pháp hiệu trước trên giấy trắng mang đến dán lên bài vị.

Vị trí an tọa trong đêm Thông Dạ như sau: Tăng sĩ ngồi chính giữa bàn thờ, còn tang gia hiếu quyến, thân bằng, quyến thuộc ngồi phía bên mặt từ ngoài, vị trưởng ban tang lễ, những người giúp việc, bạn bè thân hữu v.v...ngồi bên trái. Vì chính yếu là đáp lễ những người đến phúng điếu cho nên toàn thể gia đình tang quyến có mặt phía trước lư hương, hình 6.



Hình 6: Vị trí an tọa trong đêm Thông Dạ

Thiêu hương (hương bột) cúng dường hương linh lần lượt theo thứ tự người thân nhất, gần gũi nhất trong gia đình sau đó người bà con xa. Trước khi đến trước bàn thờ, phải hướng về

Chư Tăng xá vị Đạo Sư một xá. Thiêu hương xong cũng quay lại lễ một lễ mới trở về chỗ ngồi.

Bây giờ người ta mang lư hương đi vòng quanh đến từng chỗ mọi người ngồi yên mà thiêu hương theo thứ tự. Những người đến phúng điếu bình thường được người đến hướng dẫn lần lượt lên đốt hương trong khi cử hành nghi lễ (tụng Kinh).

Khi đốt hương, chấp hai tay lễ một lễ, dùng ngón tay cái và ngón tay trỏ của tay phải nhẹ nhàng bốc nhang lên, cầu hương linh hưởng phước vãng sanh về cõi Tịnh ba lần, chấp hai tay lại, như lúc ban đầu, cúi đầu rồi đi về chỗ ngồi.

Tụng Kinh xong, tăng sĩ an ủi tang gia hiếu quyến, nếu có thời gian, chư tăng thuyết một thời pháp ngắn về ý nghĩa siêu độ hương linh. Thông thường, tụng Kinh, nghe pháp, nhận lời phúng điếu chia buồn, mọi người được mời ở lại dùng chay trong đêm thông dạ ấy (Shojin Ryori = ăn chay).

VII.1.14 Táng nghi (nghi chôn cất)

Nghi thức này rất trang nghiêm tiễn đưa hương linh về cõi an lạc Linh Sơn Tịnh Độ. Chư tăng quang lâm trước bàn thờ đúng giờ quy định với sự hiện diện đông đủ con cháu trong gia đình trước đó. Tang quyến chấp tay mặc niệm, chương trình tang lễ cử hành theo thứ tự như sau:

Đạo tràng kệ (Doojooge)

Chư Tăng tán dương Tam Bảo và trang nghiêm đạo tràng.

Lễ Tam Bảo (Sanboorai)

Chư Tăng lễ bái Phật, Pháp, Tăng

Khuyến thỉnh (Kanjoo)

Chư Tăng cung thỉnh chư Phật, chư Thiên quang giáng đàn tràng

Khai Kinh kệ (Kaigyooe)

Chư Tăng và đại chúng tâm thành xướng lễ và đọc tụng Kinh điển

Đọc Kinh

Chư Tăng và đại chúng tụng những phẩm quan trọng của Kinh Pháp Hoa

Chú tán (Shusan)

Chư Tăng tán thán Kinh Pháp Hoa.

Não bạt (Nyoohachi)

Chư Tăng thỉnh phèn la cúng dường.

Khai quan (Kaikan)

Chư Tăng thuyết linh khuyến hương linh từ bỏ thế giới mê muội, quy hướng thế giới giác ngộ.

Hiển cúng cơm (Kenku)

Chư Tăng cúng cơm cho hương linh

Hiển nước trà (Kensui)

Chư Tăng cúng nước cho hương linh

Dẫn đạo văn (Indoomon)

Chư Tăng hướng dẫn hương linh về cõi Linh Sơn Tịnh Độ của Đức Thích Tôn.

Điều từ

Người tham dự nhắc lại những việc xưa của người mất

Điều điện

Ban tang lễ đọc những điện văn chia buồn.

Đạo Sư thiêu hương, Đạo Sư cúng hương

Đọc Kinh

Chư Tăng và đại chúng cùng đọc những phẩm quan trọng của Kinh Pháp Hoa

Tang chủ thiêu hương

Ban tang lễ hướng dẫn người thân trong gia đình cúng hương trong khi tụng Kinh.

Ngự Diệu Bản (Gomyoohan)

Chư Tăng và đại chúng cùng tụng đọc một đoạn văn di ngôn của Nhật Liên Thánh Nhơn.

Xướng Đê (Shoodai)

Chư Tăng và đại chúng cùng xướng Đê.

Bảo Tháp kệ (Hootooge)

Chư Tăng và đại chúng cùng xung tán thọ trì Kinh Pháp Hoa.

Hồi hương (Ekoo)

Chư Tăng hồi hương công đức đến hương linh.

Bốn nguyện (Shisei)

Chư Tăng và đại chúng xướng lên 4 lời thệ nguyện cứu độ chúng sanh.

Ba Quy y (Sangi)

Chư Tăng đọc quy y Tam Bảo.

Phụng Tống (Busoo)

Chư Tăng cung thỉnh chư Phật chư Thiên hồi quy bản vị.

Khi tụng Kinh, nếu đại chúng biết những Kinh chư tăng đang tụng có thể hòa theo. Khi xướng Daimoku, mọi người nên tham gia, một lòng chí thành cầu nguyện hương linh vãng sanh Linh Sơn.

Khi nghi thức hoàn mãn, mọi người chấp hai tay lại và hồi hương bẻ mạt.

Hơn nữa, Tang Nghi và Cáo Biệt Thức trên cơ bản là hai nghi lễ khác nhau. Tang Nghi là tiễn đưa người mất về Linh Sơn Tịnh Độ, còn Cáo Biệt Thức là nghi thức chia tay với

người quá cố. Thường thường, hai lễ này làm chung; nhưng đúng hơn nên cử hành riêng biệt.

VII.1.15 Lễ di quan (Shutsukan)

Cung thỉnh chư Tăng hồi quy bản vị, lễ di quan bắt đầu. Trước nhất, mở nắp quan tài cho thân nhân nhìn mặt lần cuối, những người thân trong gia đình đi nhiều theo chiều thuận quanh quan tài, để bát cơm cúng, bánh, hoa tươi vào trong áo quan, đập nắp quan tài lại, đóng đinh chắc kỹ. Thỉnh chư tăng quang lâm tụng Kinh cung tiễn hương linh về nơi giải thoát giác ngộ. Đóng nắp quan tài lại, bà con thân hữu đến phúng điệu bái biệt, trước giờ di quan, người đại diện tang quyến nói lời cảm niệm và tường thuật chương trình di quan, có khi nghi thức cảm tạ này để sau cùng. Ban tang lễ bắt đầu dùng tay chuyển quan tài ra linh xa. Tang chủ mang bài vị đi đầu, tiếp theo là di ảnh người quá cố từ từ ra khỏi nhà. Xe chư Tăng đi đầu tiếp theo là xe Tang, xe chở tang quyến ban tang lễ, xe chở bà con thân hữu.

VII.1.16 Trà Tỳ (Dabi = lễ hoả thiêu)

Hỏa thiêu còn gọi là Trà Tỳ. Đến nơi hoả táng, tang quyến đánh lễ quan tài lần cuối, đặt quan tài vào bên trong trong khi chư tăng vẫn tiếp tục tụng Kinh và mọi người đốt hương tưởng niệm. Có khi cửa lò không đóng để mọi người có thể thấy áo quan bên trong, nhưng phần nhiều đều đóng cửa kín.

Tụng Kinh, đốt hương xong, tang quyến ngồi ở phòng bên chờ hỏa táng xong vào nhật cốt (tuỳ theo mỗi nơi không giống nhau). Tại phòng đợi mọi người dùng trà bánh và nhắc

lại những chuyện cuộc đời dễ thương dễ mến của người quá vãng. Nhân lúc này tang quyến đến thỉnh ý Chư Tăng những vấn đề còn lo lắng nghi ngờ, hoặc những vấn đề liên quan đến các lễ cúng tuần thất (chyuinki: từ sơ thất cho đến 49 ngày), lễ bái nhật hoặc lễ chôn cốt v.v....

Khi được báo quan tài thiêu xong, người nhà đến nhận cốt, nên dọn dẹp phòng cho ngăn nắp, tất cả tang quyến đến trước lò thiêu. Cửa lò mở, người ta đưa những mảnh xương còn sót lại ra và dồn lại đưa cho thân nhân từ từ bỏ vào hộp đựng cốt.

Chư Tăng bắt đầu tụng kinh thâm nhật cốt, mỗi lần hai người trong tang quyến dùng đũa gấp cốt xương như xương đầu, xương cổ v.v... đặt vào bình theo sự hướng dẫn của nhân viên hỏa táng.

Bình đựng cốt đặt trong một hộp gỗ màu trắng được bọc bằng vải trắng. Nếu muốn chia cốt ra thành nhiều phần phải cho biết trước và thực hiện trong lúc này là thuận tiện nhất.

Sau khi bỏ cốt vào hủ, mọi người lên xe về nhà. Khi đi về nhà, phải đi đường khác với lúc đến.

VII.1.17 Tụng Kinh khi mang cốt về

Về đến nhà đặt hủ cốt, bài vị và di ảnh lên trên một bàn nhỏ trải vải trắng. Thắp đèn lên, thắp nhang và cúng dường cơm nước cho hương linh.

Chư Tăng ngồi trước bàn thờ tụng Kinh lễ an vị cốt và thuyết linh về xá lợi. Hơn nữa, lúc này gia đình rất bận rộn vì có thể cúng sơ thất hương linh luôn.

VII.1.18 Bữa cơm đạm bạc (Shoojin Otoshi)

Tụng Kinh an cốt xong, dùng bữa cơm đạm bạc, bây giờ nhân bữa cơm này tạ lễ luôn, còn ngày xưa bữa cơm tạ lễ này thường tổ chức vào ngày tuần 49 ngày. Bây giờ, sau khi thiêu xong, tang quyến mời dùng cơm để nói lời cảm tạ ân đức bà con, thân hữu đến chia buồn phúng điếu.

VII.1.19 Thu Dọn

Tang quyến ghi nhận lời thưa trình của những người giúp đỡ như tổ chức, ghi tên tuổi những người đi đám, thu chi tiền bạc v.v... nhân cơ hội này, tang quyến viết thư cảm ơn và nói lời chân thành cảm tạ đến tất cả những người gửi thư đến, cảm ơn những người có trách nhiệm, cảm ơn những người thân quen đến chia buồn, giúp đỡ cho tang lễ được thành tựu viên mãn. Riêng chư Tăng được cảm tạ vào một ngày khác.

VII.1.20 Pháp Hiệu

Theo lời dạy của Nhật Liên Thánh Nhơn, những người có lòng tin Kinh Pháp Hoa được nhận pháp hiệu, tên đệ tử Phật, cũng gọi là giới danh (Kaimyoo), pháp danh (Hoomyoo). Từ xưa đa phần nhận pháp danh khi còn sống nhưng bây giờ pháp hiệu đặt cho hương linh khi lâm chung.

Pháp hiệu có Viện hiệu, Đạo hiệu, Nhật hiệu, Vị hiệu. Điều này để tôn xưng cái Đức dày và sâu xa đối với vấn đề niềm tin, hình 7.

O	Viện hiệu
O	
Viện	
O	Đạo hiệu
O	
Nhật	
O	Nhật hiệu
Tín Sĩ	Vị hiệu

Hình 7: Pháp hiệu

Vị hiệu xin đơn cử như sau:

- Thủy tử (mới sanh ra chết ngay hay chết khi còn trong trứng nước)
- Anh tử, Anh nữ (mới sanh ra chết lúc 1 tuổi)
- Hải tử, Hải nữ (con trai con gái chết lúc 2, 3 tuổi)
- Đồng tử, Đồng nữ (con trai con gái chết lúc 4 đến 14 tuổi)
- Tín sĩ, Tín nữ (con trai con gái chết lúc 15 tuổi trở lên)
- Cư sĩ, Đại Tỷ (những người trưởng thành cả nam lẫn nữ. Đặc biệt, những người thâm tín, có tâm phụng sự xã hội, Tông Môn, chùa viện)
- Đại Cư sĩ (Đặc biệt, dành riêng cho người nam, những người đóng góp đặc biệt cho Chùa, cho Tông Môn và cho xã hội. Đa phần, những người thâm tín Tam bảo, thay vì Viện hiệu trở thành Viện Điện)

Trên đây là xác định Vị hiệu của Tông Môn. Ngoài ra, còn dùng những từ như: Thanh Tín Sĩ, Thanh Tín Nữ, Thanh Đại Tỷ.

Pháp hiệu dành cho những người tín ngưỡng, người nhơn đức, có tâm đối với xã hội, Tông Môn và Tự Viện, công hiến nhiều. Ngoài ra, dùng pháp hiệu cho Tiên Tổ, cũng như người phối ngẫu của vị Trụ Trì, ghi vào sổ hương linh tại Chùa lưu lại nhiều đời.

Tốt hơn, những người tín thành Kinh Pháp Hoa nên nhận Pháp Hiệu khi còn sanh tiền, hoặc khi người thân vừa hấp hối, gia đình nên thỉnh ý chư Tăng xin pháp hiệu trước hoặc chọn pháp hiệu mà người thân thích vẫn hay hơn.

Tuần tự của một lễ tang đã được giới thiệu ở trên, hẳn nhiên không phải lễ tang nào cũng giống như thế mà còn tùy tập quán địa phương, tùy thời gian, tùy hoàn cảnh xã hội, tùy điều kiện của gia đình, mà nghi thức tổ chức có thể khác nhau. Gần đây, tang lễ đa phần gia đình giao cho công ty mai táng lo tất cả mọi việc, nhẹ gánh nặng cho tang gia. Tất cả những việc vừa nêu trên, nhà quàn có thể tuần tự lo theo ý của tang chủ muốn.

Dù hình thức thế nào đi nữa, nếu tâm hồn điên đảo, chỉ dựa vào vật chất, không khởi bị khổ tâm. Vấn đề tối cần thiết là cử hành một tang lễ thế nào cầu nguyện cho hương linh người ra đi được nhẹ nhàng an lạc, phải cẩn thận đừng quên phần nghi lễ chánh, chỉ chú trọng hình thức bề ngoài thôi thật là không phải!

VII.2 Ý nghĩa của tán thán công đức (Truy Thiện Pháp Yếu)

Truy Thiện Pháp Yếu (Tsuizenhooyoo) là tán dương công đức Tổ Tiên. Mỗi người tự trong thâm tâm của mình khởi lòng tưởng niệm, cảm tạ ân đức Tổ Tiên, cầu nguyện và hồi hướng đến ông bà Tổ Tiên. Không đơn thuần là việc bình thường mà là phụng sự lễ bái Tiên Tổ, xác nhận sự tồn tại của đời sống tâm linh nơi chính mỗi người, hầu trưởng dưỡng đời sống tâm linh trở nên phong phú, xuất phát từ tâm thức của mình khởi lên tấm lòng báo đáp ân đức cha mẹ nhiều đời. Thật sự, những gì con cháu làm được ngày hôm nay không chỉ là xây dựng tương lai cho mình, mà còn chứng minh tấm lòng tri ân chơn thật của mình đối với Tổ Tiên bao đời qua.

Có nhiều nghi thức truy niệm khác nhau như:

- Tuần 49 ngày (Chuuinki Hooyoo),
- Cúng giáp năm (Nenkai Hooyoo),
- Lễ cúng nguyệt kỳ (Gatsuki Hooyoo),
- Cúng mở cửa mã (Bozen Hooyoo),
- Cúng thí thực nạp quỹ (Segaki Hooyoo) v.v...

Ở đây chỉ giới thiệu sơ lược về lễ cúng 7 tuần thất (tuần 49 ngày) và cúng lễ Giáp năm.

VII.2.1 Tuần thất 49 ngày (Chuuinki Hooyoo)

Trung âm còn gọi là Trung Hữu (chuuu) đó là lễ 49 ngày. Kể từ ngày lâm chung, mỗi bảy ngày làm lễ Truy niệm cúng dường đến lần thứ bảy là 49 ngày chính là ngày ky. Nghi cúng

lần thứ bảy gọi là Trung Âm kỵ pháp yếu. Ngày ấy tang quyến kính thỉnh bà con thân hữu xa gần đến hộ niệm pháp hội.

- Tuần Sơ thất: kể từ ngày mất cho đến ngày thứ 7
- Tuần Nhị thất: kể từ ngày mất cho đến ngày thứ 14
- Tuần Tam thất: kể từ ngày mất cho đến ngày thứ 21
- Tuần Tứ thất: kể từ ngày mất cho đến ngày thứ 28
- Tuần Ngũ thất: kể từ ngày mất cho đến ngày thứ 35
- Tuần Lục thất: kể từ ngày mất cho đến ngày thứ 42
- Tuần Thất thất: kể từ ngày mất cho đến ngày thứ 49

Cứ mỗi bảy ngày đều làm tháp Tốt Đồ Ba (Sotooba), 49 ngày làm 49 viên bánh nhỏ chiêu đãi bà con thân hữu.

Tùy từng nơi mà gọi khác nhau như Đãi Dạ Tham (Taiyamairi), tổ chức vào đêm trước. Ví dụ như Đãi Dạ Tham của thất đầu tiên vào đêm thứ 6 kể từ ngày lâm chung.

VII.2.2 Tuần Bách Nhật (Hyatsura Nichiki Hooyoo = lễ 100 ngày)

Ngày kỵ tiếp theo là bách nhật, tổ chức vào ngày thứ 100 kể từ khi người thân vĩnh viễn ra đi. Ngày ấy tang quyến cũng mời bà con thân hữu đến hộ niệm, bởi vì sau lễ Trung Âm kỵ (49 ngày), không khí u buồn tưởng nhớ vẫn còn mãnh liệt nhưng đến cúng 100 ngày không khí u buồn giảm nhiều trở nên dễ chịu hơn. Những buồn thương trong gia đình đã trôi qua, nước mắt đến hồi ngưng chảy cho nên lễ 100 ngày còn gọi là Tốt Khú Kỵ (Sotsukoki = kỵ giỗ ngày hết khóc), cũng có nơi gọi là Xuất Khô Kỵ (ngày kỵ ra khỏi niềm đau).

VII.2.3 Cúng giáp năm (Nenkaihooyoo = lễ giáp năm)

Cúng giáp năm còn gọi là Niên Kỵ pháp yếu là nghi thức truy niệm một năm trôi qua của người xuất gia.

Kê từ khi người thân vĩnh viễn ra đi được một năm sau gọi là cúng giáp năm, sau ba năm gọi là cúng 3 năm, sau bảy năm gọi là thất hồi kỵ (giỗ 7 năm), rồi thập tam hồi kỵ (giỗ 13 năm), thập thất hồi kỵ (giỗ 17 năm), nhị thập tam hồi kỵ (giỗ lần 23 năm), nhị thập thất hồi kỵ (giỗ lần 27 năm), tam thập tam hồi kỵ (giỗ lần 33 năm), tam thập thất hồi kỵ (giỗ lần 37 năm), ngũ thập hồi kỵ (giỗ lần 50 năm).

Trước 50 lần giỗ, có nhiều địa phương tính giỗ theo năm khác nhau như: giỗ lần thứ 21, giỗ lần thứ 25, giỗ lần thứ 30, giỗ lần thứ 43, giỗ lần thứ 47 v.v... Trên 50 lần giỗ gọi là viễn kỵ (onki = giỗ xa).

- Cúng giáp năm (mất sau 1 năm)
- Cúng giỗ 3 năm (mất sau 3 năm)
- Cúng giỗ 7 năm (mất sau 7 năm)
- Giỗ lần thứ 13 (mất sau 13 năm)
- Giỗ lần thứ 17 (mất sau 17 năm)
- Giỗ lần thứ 23 (mất sau 23 năm)
- Giỗ lần thứ 26 (mất sau 27 năm)
- Giỗ lần thứ 33 (mất sau 33 năm)
- Giỗ lần thứ 37 (mất sau 37 năm)
- Giỗ lần thứ 50 (mất sau 50 năm)

Thật sự, chính cuộc sống giữ gìn truyền thống của Tổ Tiên của chúng ta không những kế thừa sự nghiệp cha ông lưu truyền cho mình mà chính mình còn khai mở và chuyển giao

truyền thống Tổ Tiên cho thế hệ tương lai. Ngoài ra, thực hành sinh hoạt tin ngưỡng chân chánh là công hiến cho xã hội thuần phong mỹ tục dân tộc. Nhân những ngày cha mẹ qua đời, lễ cúng giáp năm, gia đình nên làm lễ truy niệm cúng dường để làm gương cho con cháu, phụng thờ, nhớ ơn, niệm ân, cảm tạ ân đức Tổ Tiên.

Hơn nữa, không phải đợi đến lúc thực hành lễ Truy niệm cúng dường ngày mất và lễ giáp năm mới niệm ân mà lúc nào cũng phải hướng tâm, hướng ý, hướng nguyện đến ông bà cha mẹ Tổ Tiên, tùy từng hoàn cảnh mà tổ chức tưởng niệm tri ân khác nhau.

VII.2.4 Mai Cốt (Maikotsu = chôn cốt)

Chôn di cốt ở mộ gọi là Mai Cốt được thực hiện thông thường sau 49 ngày, 100 ngày hay giáp năm. Tùy từng hoàn cảnh gia đình mà hình thức Mộ có khác nhau. Thật ra, không có hạn định phải chôn cốt vào thời gian nào, nhưng dường như không ai muốn để cốt trong nhà quá lâu. Nếu không có khả năng làm mộ, gia đình liên hệ với Thầy Trụ Trì xin đất chùa để chôn càng sớm càng tốt. Khi chôn cốt, gia đình thỉnh chư Tăng tụng Kinh trước khi hạ huyết và hồi hướng tại Mộ luôn¹³. Những người làm bia mộ thường lo luôn việc chôn cốt, hẳn nhiên gia đình đã liên lạc trước với họ để mở nắp hầm mộ. Chôn xong, hộp gỗ màu trắng bên ngoài giao lại cho nơi hoá

¹³ Chú thích của dịch giả: Ở Nhật ngày nay hầu như sau khi chết, tất cả đều thiêu. Thiêu xong để cốt tại nhà hay Chùa cho tới 1 năm sau mới đem chôn trong ngôi mộ gia đình trong vườn chùa. Mỗi gia đình chôn cốt chung một ngôi mộ. Có thể để được 10 đến 10 hũ cốt.

táng, nộp giấy chứng nhận chôn cốt cho người quản lý Mộ Địa (đa phần là Chùa).

VII.2.5 Tốt Đồ Ba cúng dường (Sotooba Kuyoo)

Tiếng Phạn Tốt Đồ Ba là Stupa có nghĩa là: trứng (cái mã cao), linh miếu, phương phần (cái mã). Ở Nhật, chỉ cho cái tháp an trí xá lợi Phật. Để tán dương ân đức cao dày của Đức Thích Tôn, người ta làm một cái tháp hình dáng Tháp nhọn để cúng dường theo phong tục của người Ấn sau khi Đức Thích Tôn diệt độ.

Khi cử hành nghi thức Truy niệm, người ta cũng làm Tháp để cầu nguyện hồi hướng phước lành lên Tổ Tiên người đã khuất. Khi tổ chức pháp hội, người ta khắc chữ lên Tháp gỗ thay cho tháp thờ xá lợi của Phật. Tháp này có 5 vòng (từ dưới đất trở lên biểu hiện cho: đất, nước, lửa, gió, không khí). Đề Mục được viết bên trên thường là chữ Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Pháp danh người mất viết bên dưới để cúng dường.

Để khuyến khích việc làm tháp cúng dường, thỉnh thoảng trong Kinh Pháp Hoa, chúng ta vẫn thấy những câu kinh tán thán công đức xây dựng Tháp như phụng trì cúng dường và hồi hướng công đức lên Đức Thế Tôn, thế cho nên không nhất thiết hạn định thời gian nào, không phải chờ đến lúc lễ giáp năm mới thực hiện việc xây tháp cúng dường, mà tùy tâm nguyện của mình lúc nào muốn xây dựng Tháp để cúng dường hương linh của Tổ Tiên đều tốt cả.

Muốn cử hành nghi thức cúng dường Tháp, gia đình nên liên hệ và thỉnh ý chư Tăng cho biết pháp danh của Tổ Tiên, số

lượng, tên thí chủ và pháp hội tổ chức vào ngày tháng năm nào trước, nếu không liên lạc trước về những việc này, chờ đến khi cử hành pháp lễ mới nhờ cậy, có thể sinh ra trở ngại và trễ nãi. Nếu cử hành pháp sự không được thực hiện như dự định, thật là đáng ngại vô cùng, phiền đến những người tham dự lễ phải chờ đợi thật không nên, cần phải chú ý cẩn trọng.

Chương Thứ Bảy

Watanabe Hooyoo

VIII. Hình thức cầu nguyện

VIII.1 Đàn gia (Danka) và Tín đồ (Shinto)

Phật Giáo Nhật Bản thường dùng chữ Đàn Tín Đồ (Danshinto). Đàn Tín Đồ là Đàn Gia và Tín Đồ. Tại sao có sự phân chia như vậy? Như chúng ta biết, thời đại Giang Hộ (Edo) xác nhận chế độ Đàn Gia như giấy cư trú và sổ hộ tịch của mỗi gia đình thời bấy giờ vậy. Thời Edo Mạc Phủ đề xướng việc Tông Môn Nhơn Biệt Trưởng (Shunmonnin Betsuchoo: quyển sổ riêng biệt về Tôn Giáo phái của mỗi người). Thời Giang Hộ Mạc Phủ cấm xây thêm tự viện mới như hình thức ngăn cản vấn đề tin các giáo nghĩa khác, mà chỉ theo tông chỉ của giáo phái mình, ngoài ra không được chấp nhận, cho nên sanh ra vấn đề Đàn Gia trong các chùa.

Thật kỳ lạ, niềm tin của một cá nhân không được phép tách khỏi niềm tin của truyền thống gia đình. Thời xưa, nông nghiệp vẫn là nghề chính, nhiều tự viện gắn liền với những vấn đề liên quan như đất đai, vườn tược chẳng hạn.

Chính vì thế hình thành vấn đề Đàn Gia, kế thừa sự nghiệp, niềm tin, tín ngưỡng của Tổ Tiên để lại.

Ngày nay, niềm tin có nhiều thay đổi về hình thức, người ta quen gọi là tín đồ, có thể nói rất thịnh hành. Thế giới bây giờ cũng thay đổi nhiều, ngay tại Hoa Kỳ ba phần tư dân số sống trong thành phố, chỉ còn một phần tư ở nông thôn mà thôi. Ở Nhật, phong trào đô thị hóa ngày càng phát triển mạnh mẽ, niềm tin, tín ngưỡng, hoạt động Phật sự có thể nói rằng cũng phải thay đổi theo.

Tóm lại, dù tín ngưỡng Phật Giáo Nhật Bản thuộc truyền thống gia đình, nhưng thực tế niềm tin của từng cá nhân cũng từ từ thay đổi.

VIII.2 Lễ xuất gia và lễ nhập đạo

Để trở thành tăng sĩ bắt buộc phải thông qua lễ xuống tóc (xuất gia). Chữ “**Độ**” trong “**Đắc Độ**” là: “**Độ Điệp**” (*dochoo*) giấy chứng nhận xuất gia. **Đắc Độ Thức** trực dịch là nghi thức trở thành tăng sĩ. Với Nhật Liên Tông, nghi thức xuất gia được cử hành cũng gọi là **sur tǎng** (*Shisoo*), Nhật Liên Thánh Nhơn được cử hành lễ xuất gia tại chùa Thanh Trùng. Ngày giờ xuất gia phải định trước để cử hành lễ **Độ Điệp** này.

Mỗi lần tổ chức thọ giới có khoảng 100 người từ thiếu niên 11 tuổi đến trung niên hay tráng niên phát nguyện xuất gia nhận Độ Điệp. Trước khi nhận Độ Điệp, không được mặc áo cà sa (*Kesa*) và pháp y (*Hooe*), đầu vẫn còn để tóc xanh, chỉ mặc áo trắng. Nghi thức thọ giới chỉ là khế cơ mà thôi, khi về lại tự viện mới thật sự tu hành và tham học tại các trường giáo dục liên hệ với Tông Môn của mình. Khi được công nhận lãnh hội giáo lý rồi, trước tiên được hứa khả là người tu hành của Tín Hành Đạo Tràng (*Shingyoodoojoo*), sau đó được công nhận là Tăng Giai (giai cấp của Tăng Sĩ), chính thức là tăng sĩ Nhật Liên Tông.

VIII.3 Lễ Quy Y (Kiseishiki)

Nghi thức dành cho đàn tín đồ lập thế nguyện. Như trước đã nói thế nguyện nhập đạo từ niềm tin của mỗi người, nhưng cũng có thể kế thừa truyền thống niềm tin của cha mẹ. Rất ít trường hợp cử hành theo nghi thức khác. Chùa Bồn Phật ở huyện Fukuoka là tự viện đầu tiên mỗi tháng hoặc tùy lúc cử hành lễ quy y cho người mới vào đạo.

Lễ xuất gia có giới sư và hai vị A Xà Lê phụ giúp lễ. Nghi thức đặc độ theo thứ tự như sau:

- Bạch Đức Bồn Sư (hoặc Bồn Tôn),
- Nghe lời xướng giáo huấn của Tổ Nhật Liên.
- Cạo tóc (phải mặc áo trắng để xác nhận thế nguyện xuất gia thọ giới)
- Đọc Kinh Pháp Hoa.
- Thọ nhận những di văn của Nhật Liên Thánh Nhơn.
- Nhận pháp y, pháp danh, tràng hạt v.v...
- Tạ ơn dưỡng dục của mẹ cha. Phát nguyện trước cha mẹ từ nay trở đi sống trong giáo lý Kinh Pháp Hoa bằng ý chí chơn thật để báo ân này.

Nghi thức này thật nghiêm túc từ khi thế nguyện tu hành trên con đường Phật đạo. Có một đoạn văn trong lời bạch Phật như sau:

Nay có Thiện Nam Tử tên là..... hiện đang ở tại nước Nhật Bản phát Bồ Đề Tâm, trên cầu giác ngộ, dưới hóa độ chúng sanh, xin nguyện tinh tấn, xa lìa trần lụy của thế gian, chấp nhận thanh quy Tòng Lâm, vui cùng tinh sương tuệ nguyện, không dám biếng lười, tâm nguyện thiết tha, bởi nhờ đời trước

đã gieo nhân tốt, nay được thuận duyên, để rồi ngày hôm nay trở thành Sa Di, xuất gia tu học, cởi bỏ áo đời, mặc y thanh tịnh giải thoát, mong được thọ nhận tam quy giới của Bồ Môn Pháp Hoa, xin đổi tục danh thành Pháp danh là.....

Những người đang sống bình thường trong xã hội, nhưng có niềm tin Kinh Pháp Hoa, muốn phát nguyện đi trên con đường giải thoát nhưng không xuất gia cũng có buổi lễ bạch Phật theo như tuần tự sau:

- Bạch Đức Bồ Tôn tâm nguyện của mình.
- Nhận pháp môn hành trì.

Những chùa khác cũng có lễ xuất gia như thế, nếu đến Âu Châu tham dự nghi thức phát nguyện xuất gia của giáo sĩ trong tu viện cũng tương tự như vậy. Liên tưởng đến hình ảnh xuất gia của Nhật Liên Thánh Nhơn cách đây 700 năm trước tại Chùa Thanh Trùng quý nghe lời bạch Phật của Giới Sư, mà không khỏi rung rung giọt lệ. Lời phát nguyện rất quan trọng với niềm tin, không thể khác được.

VIII.4 Lời hứa hẹn và tư tưởng tự nhiên

Theo Thiên Chúa Giáo, nghi lễ dành cho những người mới vào đạo là tẩy lễ, theo Phật Giáo là trở thành Đàn Gia. Tuy nhiên, không nhất thiết phải thực hiện, bởi vì cũng có rất nhiều người không thực hiện vẫn là Đàn Gia. Nhưng riêng tôi (tác giả), hình thức quan trọng nhất là lễ kết hôn.

Ở Nhật, nghi lễ kết hôn xưa nay theo truyền thống nhưng dù theo nghi thức cử hành trước bàn thờ Tổ Tiên, nghi thức

Thần Đạo hay nghi thức Phật Giáo, điều quan trọng vẫn là niềm tin giữa vợ chồng, nối kết tình thâm giữa hai người một cách tự nhiên.

Ngược lại, theo nghi lễ Thiên Chúa Giáo, Âu Châu là một sự hứa hẹn trước Chúa. Cô dâu được cha mình dẫn đến gặp mẹ chồng và nói lời giao ước để trở thành con của nhà chồng.

Xã hội Nhật Bản biến cải từ đời sống nông thôn đến đời sống đô thị, cho nên hình thức kết hôn ngày càng tiến về phương diện chú trọng đến sự hứa hẹn của đôi bên.

Nghi lễ Phật Giáo nguyên thủy dựa vào tư tưởng tự nhiên chi phối xã hội, nên hình thức kết hôn như là thọ nhận có tính cách tập quán mà thôi. Nhưng những lễ nghi căn bản của Phật Giáo được nhận thức rõ ràng là chú trọng vấn đề cầu nguyện, xuất phát từ lời thệ ước ấy.

VIII.5 Việc thọ trì tin thực hành là căn bản

Khi tìm hiểu ý nghĩa tu hành, chúng ta nhận thấy Phật Pháp giúp cho ta ý thức để tạo công đức thiện căn. Có người chọn pháp khát thực, còn Nhật Liên Tông chọn pháp môn cầu nguyện. Giới hạn của cuộc sống hoàn toàn tùy thuộc vào sự phát nguyện của mình.

Khi mặt trời mới vừa ló dạng khỏi cánh rừng trên núi Thanh Trùng, chúng tôi một đoàn người hướng về biển đông vừa đi vừa xướng Đề Mục như hình ảnh Nhật Liên Thánh Nhơn còn đầu dây và bắt đầu cầu nguyện. Dĩ nhiên, có rất

hiều phương pháp cầu nguyện, nhưng hình thức sau có thể biểu hiện rõ ràng tâm nguyện của mình:

- Xướng lên Đề Mục
- Vừa đi vừa tụng Kinh
- Tham bái Thân Diên Sơn, thánh tích đầu tiên của Nhật Liên Thánh Nhon
- Tại thánh địa hay phố xá xướng lên Đề Mục và đánh trống theo nhịp
- Tắm nước lạnh vào mùa đông hoặc bơi vào thác nước cầu nguyện để gội rửa thân tâm

Ngoài ra, còn nhiều hình thức khác nữa nhưng theo giáo huấn của Nhật Liên Thánh Nhon, niềm tin vào sự gia hộ của Kinh Pháp Hoa hàm chứa tất cả giáo huấn đó cho nên gọi là ***Đản Tín Vô Giải*** (Tanshin Muge = chỉ tin chứ không cần giải thích). Hãy tin, không cần trí thức. Lại nữa ***Dĩ Tín Đãi Huệ*** (Ishin Daie = Dùng niềm tin thay thế cho trí tuệ). Chỉ cần tin thuần thành và tụng đọc thấu đáo vạn quyển Kinh sẽ có trí tuệ Phật. Nếu xướng lên Đề Mục từ tận đáy lòng và tin tưởng sự gia hộ của Kinh Pháp Hoa nghĩa là chúng ta đang đọc tụng kinh điển. Thế nhưng, đã mấy ai tin tưởng điều này, bởi vì không thể hiểu được nhiệm mầu này cho đến khi nào chính mình gặp nạn mới cảm nhận được. Như giữa mùa đông lạnh lẽo, giữa mùa hè nóng bức, con người phải làm sao cho thân tâm thích hợp, không phải chạy trốn. Cũng vậy trong cuộc sống hằng ngày chúng ta không rời khỏi tâm mà làm sao cho tâm an ổn là quý rồi. Nếu tự sống xa rời với những sinh hoạt bình thường, chính chúng ta không tồn tại trong niềm an ổn được.

VIII.6 Giảng giải Đề Mục và múa theo Đề Mục

Gần đây, người ta thường đề cập đến chủ nghĩa Nhật Liên dường như ẩn chứa khuynh hướng nào đó thuộc chủ nghĩa quốc gia tạo ảnh hưởng đến sự cải cách tôn giáo từ thời Minh Trị. Cũng có quan niệm cho rằng đã qua rồi những việc như thế, Nhật Liên Tông chỉ đề cập đến vấn đề tín ngưỡng mà thôi.

Thật vậy để nghiên cứu vấn đề này, chúng ta cần phải đào sâu thêm những hình thái tín ngưỡng vừa phát hiện gần đây như những người cùng niềm tin Kinh Pháp Hoa ở nhiều địa phương khác nhau chọn một ngày nhất định tập trung lại cùng đọc tụng Kinh Pháp Hoa và giảng giải và xướng lên Đề Mục.

Như chương thứ nhất đề cập, thờ Nhật Liên còn sanh tiền, việc giảng dạy thường tổ chức ở từng địa phương hoặc tín đồ tề tựu tại một nơi nào đó để nghe giảng như Đại Sư Giảng (Thiên Thai), Bát Nhật Giảng v.v... Sau khi Nhật Liên qua đời, việc hoằng pháp vẫn còn tiếp tục như giảng trong ngày 13 để kỷ niệm ngày Ngài ra đi. Có nhiều buổi giảng khác nhau về tư tưởng Nhật Liên, nhưng cho đến bây giờ vẫn còn giữ buổi giảng về Đề Mục giảng vào ngày 13, ngày viên tịch của Nhật Liên, duy trì cả hàng trăm năm nay, trở thành truyền thống lịch sử. Ở huyện Chiba và một số địa phương khác vẫn còn giảng và kết tập những bài giảng về Đề Mục. Không còn giới hạn phạm vi nào, mà tùy duyên khai mở nhiều nơi để tăng trưởng niềm tin và lãnh thọ giáo pháp. Những lần gặp nhau trong tinh thần đó, những người cùng chung tín ngưỡng Pháp Hoa cùng xướng lên Đề Mục, tụng đọc Kinh Pháp Hoa, để củng cố niềm tin và

tưởng niệm Ngài Nhật Liên lúc sanh tiền. Những địa phương như Chiba, Thẳng Phở, Aomori, Kyoto, Matsugazaki v.v... vẫn còn giữ truyền thống này trong đời sống người dân.

VIII.7 Tham bái những thánh tích (Reiseki)

Ngày nay, hầu hết mọi người có thể nghĩ đến những chuyến du lịch đây đó rất dễ dàng thực hiện, nhưng ngày xưa không phải là việc đơn giản. Thánh tích Nhật Liên, như trong chương thứ nhất đề cập, là những nơi Ngài hoằng dương giáo pháp và thọ nạn trong suốt cuộc đời hành đạo của Ngài. Là Đàn Tín Đồ của Nhật Liên Tông, ai ai cũng mong có một lần tham bái để được cộng thông với Đàn Tín Đồ của Nhật Liên Tông.

Có một câu chuyện vui về bến Ngừ Trạch (Kajikazawa) như vậy, một thanh niên ở phố Giang Hộ trên đường đi tham bái Thân Diên Sơn về gặp một cô gái vốn quen thân ngày xưa đang đi với một người đàn ông. Nếu người đàn ông đó nhận ra anh, có thể giết anh ngay, cho nên anh vùng bỏ chạy trốn để thoát. Vì chạy nhanh, anh rơi xuống sông nghĩ rằng đời mình đến đây là hết, nhưng may mắn cho anh vẫn còn sống vì rơi ngay trên một miếng cây đang trôi trên sông. “Khúc gỗ”¹⁴ là Daimoku đồng âm với “đã cứu mình”.

Trên đây là một câu chuyện vui ngày xưa, mà chắc chắn thời đó việc hành hương chẳng đơn giản, nhưng thời này không

¹⁴ Chú thích của dịch giả: Miếng gỗ tiếng Nhật gọi là zaimoku. Còn Đề Mục gọi là Daimoku. Hai chữ này có nghĩa hoàn toàn khác nhau; nhưng đọc trại một chút thì sẽ ra chuyện vui trên.

còn đi bộ nữa. Ai muốn đến Thân Diên Sơn việc đơn giản hơn nhiều, có thể đi bằng xe điện hay xe đạp, nhưng phải đi xe lửa đến Giáp Phủ, xuống xe đi dọc theo sông Phú Sĩ, gặp ngay bến Ngừ Trạch, xuống thuyền qua sông Phú Sĩ, đến bến Đại Giả Sơn (Oonosan) gần Chùa Bản Viễn (Honnonji) lên bờ, tiếp đó đi bộ một khoảng gặp Minobuzan.

Bây giờ người ta làm cầu treo, ai muốn đi tận cùng Minobuzan cũng được. Như muốn đến trấn thủ của Minobuza thuộc Thất Diên Sơn (Shichimenzan), phải đi bộ trên con đường ngoằn ngoèo chạy phía sau đường dây điện, rất khó đi, nhưng nếu thật tâm muốn đi vẫn có thể đến được, hoặc giả leo lên trên nguồn Akayawa nắm dây thừng trắng đi bộ dần xuống thác nước cũng được, tất nhiên với một con đường khó đi như thế, dù người thành thạo đi núi cũng không phải dễ thở, nhưng hằng ngày có những bà lão 80 tuổi đi bộ chậm chậm trên con đường đó vừa đi vừa xướng lên Đề Mục bước từng nấc dốc bên cạnh những đoàn người đi thành hàng, từng đoàn, từng đoàn vừa đi vừa đánh trống hành hương lên núi. Nhìn hình ảnh đó không ai không cảm động và trong lòng tràn dâng niềm tôn kính đến vô cùng.

Tham bái Thân Diên Sơn để tham dự những thời khóa tụng buổi sáng, dù không đi được đến đó đi nữa, hành giả chỉ cần đi lên con đường dốc có thể vừa đi vừa nghe tiếng tụng kinh, tiếng xướng Đề Mục, tiếng trống của từng đoàn người vào dịp trời đông, khí trời lạnh lẽo, cũng có thể cảm được linh khí của núi rừng, để tẩy sạch trần tâm. Phải nói rằng đây là hình

ảnh tẩy rửa trần tâm vi diệu nhất trong khi hành hương tham bái những thánh tích của Nhật Liên Thánh Nhơn.

VIII.8 Việc tu hành đánh trống xướng đề mục

Vừa đánh trống vừa đi vừa xướng Đề Mục gọi là Kịch Cỗ Xướng Đề (Kiyatsuku Shoodai). Pháp môn này thường được hành trì khi mùa đông đến. Từng đoàn tăng sĩ, tín đồ, người già, người trẻ, kẻ nam, người nữ vừa đi vừa đánh trống, vừa xướng đề mục, gọi là tu hành xướng đề. Hẳn nhiên, không phải chỉ tu hành vào mùa đông, mà tùy người, tùy lúc hành trì. Hiện tại, ở Nhật vì phương tiện giao thông quá nhiều cho nên thật là tiếc không còn thấy hình ảnh người tu hành vừa đi bộ vừa đánh trống vừa xướng Đề Mục như truyền thống của Nhật Liên Tông nữa.

Hằng năm, thường khai hội đầu tiên tại Ikegami Honmonji (thuộc khu Oda, Tokyo) sau đó đến những địa phương khác cũng tiếp theo khai hội và đã trở thành truyền thống lâu đời. Ngày nay, pháp môn này của Nhật Liên Tông vẫn được hành trì rộng rãi, như ở Nhật Bản Sơn Diệu Giác Tự, chư tăng và tín đồ đều hành trì, tuy có lúc chỉ một người, nhưng nhiều khi thật là đông đảo, mọi người cùng đi, cùng đánh trống, cùng xướng Đề Mục lưu giữ truyền thống xưa. Ngay cả, Sơn Chủ Đẳng Tỉnh Nhật Đạt của Nhật Bản Sơn Diệu Giác Tự chủ

trương hành trì pháp môn này thật thường xuyên và nghiêm nhặt vẫn còn tiếp tục cho đến ngày nay¹⁵.

Ngày 13 tháng 10 năm Chiêu Hòa thứ 56, ngày giỗ Nhật Liên Thánh Nhơn lần thứ 700, những chư tăng trẻ thuộc tăng đoàn Nhật Liên Tông thanh niên hội phát tâm khởi hành từ Bắc Hokkaido đi một vòng xuống Nam Naki thuộc Okinawa vừa đi, vừa đánh trống, vừa xướng Daimoku, cuối cùng gặp nhau tại Ikegami Honmonji, Thánh Địa Nhật Liên Thánh Nhơn viên tịch thật là trang nghiêm và cảm động. Ai có mặt trong ngày đó, chắc chắn không bao giờ quên kỷ niệm này.

VIII.9 Tu tắm nước lạnh

Nhật Tượng Thượng Nhơn (Nichizoo Shoonin), đệ tử thuộc thế hệ cháu của Nhật Liên Thánh Nhơn hoằng truyền Kinh Pháp Hoa tại Đế Kinh (Kyoto) muốn rèn luyện thân tâm thanh tịnh, phát nguyện tụng Kinh Pháp Hoa và ngâm mình trong biển lạnh Kamakura vào mùa đông trong vòng 100 ngày. Từ đó, Nhật Liên Tông phát khởi truyền thống tu tắm nước lạnh truyền đến bây giờ, gọi là Đại Hoang Hành (Daiaragyoo),

¹⁵ Chú thích của dịch giả: Nhật Liên Tông ở Nhật hiện có 3 phái đó là

- Nhật Liên Chánh Tông (Nichiren Shoshu),
- Lập Chánh Giáo Thành Hội (Rissokoseikai) và
- Sáng Giá Học Hội (Sokagakkai)

Ngài Đăng Tinh Nhật Đạt thuộc phái Lập Chánh Giáo Thành Hội. Đặc biệt phái Sáng Giá Học Hội có nhiều nghị viên trong Quốc Hội Nhật Bản thuộc Đảng Công Minh.

một trong những pháp môn tu đặc biệt của Nhật Liên Tông. Mỗi mùa đông về, họ tắm nước lạnh để đo lường khả năng chịu đựng thử thách cầu nguyện thân tâm thanh tịnh, bằng chứng trong truyện ký của Trung Giang Đằng Thụ, có kể về pháp tu của Ngài Cận Giang Thánh Nhơn (Oumi Seijin).

Thật ra, Nhật Liên Tông, không đặt pháp tu tắm nước lạnh cho hàng tín đồ, với họ chỉ chú trọng pháp tu xướng Đề Mục, nhưng khi họ nghĩ đến những hành giả tắm nước lạnh giữa mùa đông lạnh lẽo, sẽ đông mảnh hơn và ý thức làm sao thật sự có sức mạnh nội tâm để vượt qua những thử thách cuộc đời.

Trong núi cũng có nhiều hành giả ngâm mình giữa thác nước lạnh, như đã trình bày, ai vào Thất Diên Sơn thường thấy có nhiều người đeo dây thừng trắng ngâm mình trong thác nước lạnh. Pháp tu tắm nước lạnh đại loại như thế, nhưng với Tín Đồ Nhật Liên Tông, không bắt buộc. Xin ngưng đề cập pháp tu tự phát ấy tại đây bởi vì pháp tu tắm nước lạnh không phải là độc nhất, mà sức khỏe của thân mới là điều cần phải chú ý.

VIII.10 Xướng Đề và đọc Kinh

Như đã giới thiệu qua về những pháp tu truyền thống được thực hành của Nhật Liên Tông. Thấy vậy, có thể nhiều người trong chúng ta cảm nhận rằng duyên tu như thế đối với mình còn xa vời lắm, nhưng thật sự nhất tâm cầu nguyện nơi Kinh Pháp Hoa và chí thành xướng tụng Đề Mục cũng là pháp tu “hình thức cầu nguyện“ xin nói rõ ý nghĩa như sau.

Thật ra, Nhật Liên Thánh Nhơn không đặt “hình thức cầu nguyện” nào nhất định, mà với Ngài, hoàng dương Kinh Pháp Hoa để cứu độ chúng sanh trong đời mạt pháp là cần thiết và quan trọng nhất. Chính lời Dự Ngôn trong Kinh Pháp Hoa dự đoán những pháp nạn không những xua tan tất cả những phê phán, dị nghị của thiên hạ mà còn là cơ sở tăng trưởng niềm tin Kinh Pháp Hoa.

Nhật Liên Thánh Nhơn viên tịch, những đệ tử của Ngài vẫn kế thừa tinh thần đó, có nhiều người gặp nạn như Nhật Thân Thượng Nhơn (Nitsushin Shonin: 1407-1488) dù bị nạn, nhưng mỗi ngày vẫn thuyết pháp liên tục trong phố Nhứt Điều Lệ Kiều (Modoribashi) ở Kyoto, dù bị Túc Lợi Mạc Phủ bắt và đóng đinh sâu đến 15 centimètre giam vào trong củi rộng với chỉ 1 mét 35 centimètre, dù bị hành hạ đặt nồi đồng chấy đỏ lên đầu, nhưng tâm không thoái chuyển, vẫn tiếp tục hoàng dương giảng thuyết Kinh Pháp Hoa. Thật quá bi hùng!

Nhớ lại những giai đoạn lịch sử như thế, chư tăng và tín đồ Nhật Liên Tông lòng dạ phải luôn luôn tinh tấn hành trì Kinh Pháp Hoa, vì thế vào thời đại Edo, Nhật Chương ở Chùa Diệu Giác tụng 36.000 bộ Kinh Pháp Hoa, Nhật Huyền ở Kỳ Châu Bốn Cửa Tự Kyoto, Nhật Xuân ở Diệu Hiển Tự, Nhật Thuyên ở Việt Hậu Cao Điền Thường Hiển Tự v.v... vị nào cũng đọc tụng cả ngàn, vạn bộ Kinh Pháp Hoa. Không chỉ chư tăng thọ trì, mà tín đồ cũng tinh tấn hành trì như Đức Xuyên Quang Song (Thủy Hộ Huỳnh Môn) chép Kinh Pháp Hoa, như Đức Xuyên Gia Khang nhập thất hành trì xướng đề vạn lần cùng cầu nguyện cho Dưỡng Châu Viện (yooyunin), thân mẫu

của mình. Nếu xướng vạn biến Đề Mục tương đương với tụng một bộ Pháp Hoa gồm 8 quyển, công đức giống nhau, cho nên phải hành trì xướng Daimoku liên tục trong cuộc sống này.

VIII.11 Xướng Đề và nhắm mắt để tư duy

Hành trì xướng Đề Mục cũng là tu sáu Ba La Mật như Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định và Trí Tuệ, bởi vì khi tu sáu Ba La Mật người ta không phân thành sáu hạng mục riêng lẻ, giống vậy chỉ cần hành Đề Mục bao gồm toàn bộ trong đó. Tuy nhiên, không chỉ đơn thuần là xướng Đề Mục, mà phải phát tâm đồng mãnh hành trì mới được.

Thời trước, chư Tăng nỗ lực tinh tấn phát nguyện hành trì nghiêm mật và truyền lưu đến ngày hôm nay. Thời bây giờ chúng ta chỉ hành trì Xướng Đề theo truyền thống Nhật Liên Tông mà thôi. Xướng Đề Hành là xướng Đề Mục chứng đắc an lạc thanh tịnh thâm sâu trong tâm mỗi người, thể nhập Phật Tánh (Butsu Shoo) (tức là tánh chất để thành Phật Đà), mà Đức Thích Ca chỉ dạy cho chúng ta. Thang Xuyên Nhật Thuần từng hành trì rất công phu và nghiêm mật. Việc hành trì từng giai đoạn đại loại như dưới đây.

- **Lễ bái:** biểu hiện tâm tôn kính trước Đức Phật
- **Đạo tràng quán:** quán thấy giác ngộ tại đạo tràng này
- **Bổn Môn tam quy:**

Nam Mô Cửu Viễn Thật Thành Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam Mô Bình Đẳng Đại Huệ Nhứt Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh

Nam Mô Bổn Hoá Thượng Hạnh Cao Tổ Nhật Liên Thánh Nhơn Đại Bồ Tát (mỗi xướng mỗi lay).

- **Tịnh tâm hành:** ngồi trong tư thế pháp giới định ấn (Hotsukai Joojin); điều hòa hơi thở nhẹ nhàng bình an và giữ tâm không tán loạn
- **Chánh xướng Hạnh:** đối tư thế ngồi qua ấn hiệp chương, thúc mõ 6 tiếng tụng: Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, xướng lên thật cung kính, hòa hợp với tiếng trống.
- **Thâm Tín Hạnh:** đối lại tư thế pháp giới định ấn. Điều hòa hơi thở ra vào, ngồi yên lặng tưởng đến lợi lạc vi diệu.
- **Kỳ Nguyện Hạnh:** cầu nguyện đức Đức Thích Ca gia bị
- **Tứ Hoảng Thệ Nguyện:** phát nguyện với chư Phật và thệ nguyện cứu tất cả chúng sanh
- **Thọ Trì:** kể từ thân này cho đến thân thành Phật, xin hết lòng gìn giữ rồi xướng 3 lần: Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh
- **Lễ bái:** đánh lễ Phật lay xuống với tấm lòng niệm ân vô kể

Theo sự nghiên cứu và tìm hiểu của Túc Nguyên, Thang Xuyên Thượng Nhơn từng nỗ lực hành trì Xướng Đề Hành, Nhật Chánh Thượng Nhơn (1623-1668) cũng nghiêm mật hành trì xướng Đề Mục trong một am tranh, Bổn Diệu Nhật Lâm Thượng Nhơn (1793-1823) nhập thất hành trì tại Thân Diên Sơn trong căn phòng chu vi độ 1m80 như một cái hang, bây giờ vẫn còn, để cắt đứt tạp nhiễm thế gian. Những sự hành trì của tiền nhân vẫn còn truyền lại cho đến ngày nay.

VIII.12 Cầu nguyện cho Đại Hoang Hạnh

Gần đây, nhiều người rất quan tâm đến pháp tu Nhật Liên Tông Đại Hoang Hạnh (Nichirensu Daiaragyoo) của chư tăng Nhật Liên Tông qua sách vở, hình ảnh, và truyền hình v.v...

cũng có tín đồ Nhật Liên Tông tắm nước lạnh, như đã tường thuật ở trên, nhưng Nhật Liên Tông Đại Hoang Hạnh là pháp tu của những ai mang hạnh nguyện đặc biệt như làm trụ trì, một chức vị trong các tự viện của Nhật Liên Tông hoặc chư tăng đảm đương Phật sự Giáo Hội, hoặc chư tăng mô phạm.

Tu pháp Đại Hoang Hạnh như ý nghĩa của danh từ nghĩa là từ mùng 1 tháng 11 đến ngày 10 tháng 2 năm sau, đúng 100 ngày, thêm hai ngày xuất hạnh nữa, phải giữ bụng đói, mỗi ngày chỉ được phép dùng cháo 2 lần, từ sáng sớm đến tối mịt hầu như không ngủ, chỉ đọc Kinh và tắm nước lạnh vào buổi sáng. Mỗi ngày theo thời khoá biểu, từ 3 giờ sáng tắm nước lạnh lần thứ nhất cho đến 11 giờ khuya phải tắm cho đủ 7 lần nước lạnh và tụng một bộ Pháp Hoa (một bộ gồm có 8 quyển tụng hết).

Những hành giả hành trì hạnh tu Đại Hoang Hạnh chia làm nhiều thời kỳ. Lần đầu gọi là sơ hạnh, lần hai là tái hạnh, lần thứ ba là tam hạnh, lần thứ tư là tái tái hạnh và lần thứ năm là ngũ hạnh. Người hoàn thành viên mãn ngũ hạnh gọi nhập hạnh, về sau gọi là Tham Lung. Người này chỉ đạo và hướng dẫn cho người mới vào, còn gọi là Truyền Chủ, Truyền Sư hay gọi là Phó Truyền Sư.

Hiện tại Nhật Liên Tông Gia Hạnh Sở (Kegyoosho) (thông thường gọi là Đại Hoang Hạnh Đường) đặt trong núi Chùa Pháp Hoa Kinh thuộc phố Ichigawashi, Huyện Chiba. Nhật Tượng Thượng Nhon (Nichizoo), đệ tử thế hệ cháu của Nhật Liên Thánh Nhon (Nhật Tượng là đệ tử của Nhật Băng Thượng Nhon, là cao đệ của Ngài Nhật Liên) nhận di chúc của

Nhật Liên phát nguyện đến Đông Kinh (Tokyo) khai giáo vào năm Chánh Ứng thứ 4 (1291) bắt đầu từ tháng 10 mỗi đêm ở bên bờ biển Kamakura giá lạnh, ngồi thân trần tụng 100 quyển Tự Ngã Kệ (Jigake) luyện tập chịu đựng nhằn nại cầu nguyện, từ đó trong tông môn truyền pháp tu nghiêm khắc này đến nay. Có thể nói rằng kể tục hành trì đó, ngày nay pháp tu Đại Hoang Hạnh là một việc đáng ghi nhớ.

Ưu Đà Na Nhật Huy Hoà Thượng (Udana Nichiki Washoo), một bậc học ưu thời kỳ Edo hướng dẫn thực hành với mục đích qua việc hành trì đó để kỳ đảo. Bây giờ, mỗi năm có 200 vị nhập hạnh tu Daiaragyoo của Nhật Liên Tông, mà đó là hạnh nguyện của những thanh niên tăng sĩ làm tăng trưởng niềm tin của mình nên thể hiện như vậy.

VIII.13 Việc cầu nguyện và việc Thần bí

Thần bí thuộc phương diện tín ngưỡng, mà ngay trong những truyện ký của Nhật Liên Thánh Nhơn cũng có thuật lại những việc thần bí, phải chăng từ niềm tin Kinh Pháp Hoa phát sanh thần bí hay ngược lại thần bí không thể chấp nhận ở đây!

Phẩm Như Lai Thọ Lượng, phẩm thứ 16 của Kinh Pháp Hoa đề cập đến “*Như Lai bí mật thân thông lực*”. Phẩm Như Lai Thần Lực, phẩm thứ 21 cũng cho rằng: “*Thần lực của chư Phật vô lượng vô biên, bất khả tư nghì*”. Tụng những phẩm kinh này, chúng ta hiểu được công đức tán thán năng lực thần thông vô lượng vô biên của Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn. Tín đồ Nhật Liên Tông ngay cả những người không thuộc Nhật Liên Tông có lòng tin Kinh Pháp Hoa, tụng đọc kinh Pháp Hoa,

cầu nguyện cho gia đình được an lạc hạnh phúc, đều được linh nghiệm, bởi vậy mới nói rằng Kinh Pháp Hoa rất thần bí, vượt khỏi nhận thức và lý luận thông thường, mà trí hiểu biết của con người không thể lãnh hội được, chỉ giao cảm và thể nghiệm trực tiếp với thực tại tâm linh tuyệt đối bên trong mỗi con người. Thật tình mà nói, trong kiếp nhân sinh hữu hạn này chúng ta chỉ có thể hiểu và nắm bắt được ở mức độ giới hạn kinh nghiệm nào đó mà thôi. Chúng ta phủ lên khổ đau bằng những bó rom mềm mại, để cảm rằng vượt qua khỏi bằng thể nghiệm vô cùng lạ thường, nhưng thật tế theo ngôn ngữ thần bí, đó chỉ là che đậy mà thôi. Sự thật thần bí không phải đơn giản và tầm thường như vậy.

Hằng ngày sống và sinh hoạt trong xã hội, chúng ta phải vượt qua muôn ngàn khó nhọc, dấn lên vô vàn kinh nghiệm đau thương. Dù cuộc sống không trọn vẹn như ý mà chỉ là những gì có tính cách thời gian, nhưng rất cần thiết. Đi tìm hạnh phúc thật sự giữa thay đổi vô thường nhanh chóng, chắc chắn chỉ nhận ra giới hạn của mình trong cuộc sống mà thôi, tuy nhiên thử hỏi giới hạn đó thật sự có phải là cuộc sống hay không, sao mà vô cùng ảm đạm! Bởi vì dù phải trả giá đắt bằng sự hy sinh, con người cũng phải mạnh dạn mà sống trong đời này, và cứ đi như người không lý tưởng, chẳng có dấu hiệu gì quan ngại với cuộc đời này cả.

Dù với tất cả hiện tượng, chúng ta có thể thấy rõ ràng như nhìn món đồ đang cầm trên tay, chúng ta vẫn cảm nhận cuộc sống của từng cá nhân trong đời là bất khả tư nghì. Khi bị khôn đốn mê hoặc, tự nhiên chúng ta được một sức mạnh nào đó giải

nguy, đó là thần bí, chúng ta niệm ân thần bí như niệm ân con đường an lạc giải thoát, mà chúng ta phát tâm đi trên đó.

Người bệnh nhờ niềm tin mà khỏi bệnh, người tuyệt vọng nhờ niềm tin được cứu sống là những thí dụ có liên quan đến vấn đề thần bí, thế nhưng qua những việc bất khả tư nghì như thế, chúng ta chỉ biết giương tròn đôi mắt ngạc nhiên và cảm niệm, hẵn nhiên vô cùng hoan hỷ với kiếp nhân sinh, chúng ta đang sống bởi vì chính mình nhận được năng lực Thần Thông từ Đức Như Lai dành cho những người sống với niềm tin.

Chương Tám

Ootani Gyookoo

IX. Tiếp xúc với các tự viện

IX.1 Tham bái Thánh tích

Vì sự nghiệp hoằng dương Kinh Pháp Hoa, Nhật Liên Thánh Nhơn phải chịu “Nhẫn Thắng sự khó nhẫn” khi sinh mạng của Ngài dồn dập bị đe dọa đến suốt cuộc đời. Ngày nay vì kính tín và ngưỡng mộ Thánh Nhơn, chúng ta phát nguyện tham bái những thánh tích liên quan đến cuộc đời kham nhẫn của Ngài, để cảm nhận ân đức giáo dưỡng cao dày của Thánh Nhơn dành cho nhân loại.

Ngày ấy, Nhật Liên Thánh Nhơn từng chọn Kinh Pháp Hoa, do Đức Thích Tôn thuyết giảng làm lý tưởng sống, ngày nay mọi người tiếp tục duy trì hạnh nguyện cao cả ấy của Ngài. Tham bái Thánh tích vừa đối diện với Nhật Liên Thánh Nhơn, vừa đối thoại với tâm mình, vừa tiếp cận với hơi thở của Thánh Nhơn, vừa thở hơi thở của chính mình. Khi người hành hương tham bái nhận thấy hình ảnh Thánh Nhơn hiện hữu nơi lòng mình, khi ấy chắc chắn niềm tin và kính tín Thánh Nhơn hẳn tăng thêm gấp bội.

Thánh tích của Nhật Liên Thánh Nhơn được những bậc tiền bối hữu công ra công gìn giữ cho nên còn tồn tại đến ngày hôm nay, mà nơi đó khắc ghi tâm lòng nhiệt thành của con người đối với lịch sử tín ngưỡng tùy thời đại. Ngày nay chúng ta phải có bổn phận kế thừa ngọn tuệ đăng truyền thống và tiếp tục xiển dương hộ trì gìn giữ để tăng trưởng niềm tin của chính mình. Thật không ngoa chút nào khi nói rằng có thể tiếp tục truyền thừa cho hậu thế.

Những thánh tích của Nhật Liên Thánh Nhơn có trong toàn cõi nước Nhật. Tại mỗi địa phương, tùy theo cách truyền thừa, còn có nhiều đặc điểm phong phú riêng. Xin giới thiệu về Tổ Sơn, thánh tích và các tự viện tại các Đô, Phủ, Huyện v.v....

IX.1.1 Đông Kinh Đô (Tokyoto)

Trường Dinh Sơn Chùa Bản Môn

(Odaku Ikegami - đi xe điện tuyến đường Ikegami, đến trạm Ikegami xuống xe)

Thánh tích tự viện gồm:

- Thánh tích viên tịch của Nhật Liên Thánh Nhơn
- Tượng Tổ Sư mà Nhật Trì, một trong 6 lão sư và Nhật Pháp trung lão (Nitsuboo) phát nguyện tạo lập.
- Tóc của Diệu Liên Ni, thân mẫu của Nhật Liên Thánh Nhơn được kết thành cái phật tử (Hotsusu)

Nhật Viên Sơn Chùa Diệu Pháp

(Sam Tịnh Khu - Khuật khuật nội. Đi xe điện tuyến đường Chuō đến trạm Takaenji xuống xe)

- Ngôi tự viện nổi tiếng nhờ phò trừ nguy khốn cho Tổ Sư.
- Tượng của Tổ Sư – khi Nhật Liên Thánh Nhơn bị pháp nạn tại Ito, Nhật Băng niệm ân Tổ Sư, lấy gỗ nhẹ khắc tượng. Tương truyền, tượng này về sau chính Tổ Sư khai nhãn (khai quang).

IX.1.2 Huyện Kanagawa

Trường Hưng Sơn chùa Diệu Bản

(Kamakura Oomachi, đi xe lửa tuyến đường Yokotsuka đến trạm Kamakura xuống xe)

Duyên do lập chùa

Tự viện này vốn là ngôi nhà của đàn việt Tỉ Xí Đại Học Tam Lang Năng Bồn cúng dường Nhật Liên Thánh Nhơn làm Chùa. Nơi đây còn gọi là: “***Đạo tràng giảng pháp Tam Đại Bí Pháp đầu tiên***”. Năm Chiêu Hoà thứ 15 tự viện này vào chế độ lưỡng sơn nhưt chủ nghĩa là vị Quản Thủ của Diệu Bồn Tự kiêm luôn quản thủ Chùa Bồn Môn, Ikegami nữa.

Tịch Quang Sơn chùa Long Khẩu

(Mizayawashi, Phiến Lại, đi xe điện đến trạm Enodenenoshima xuống xe)

Thánh tích tự viện

Thánh tích Nhật Liên Thánh Nhơn bị pháp nạn tại Long Khẩu. Sau khi Nhật Liên Thánh Nhơn viên tịch, Nhật Pháp tạo lập một nơi gọi là “Phu Bì Đường” ngay nơi pháp trường, đến năm Minh Trị (Meiji) thứ 19, 8 chùa ở Phiến Lại và Yêu Việt thay phiên, mỗi năm một Chùa, giữ gìn.

Diệu Nghiêm chùa Bồn Giác

(Kamakura Chisamachi, đi tuyến xe Yokotsuka, đến trạm Kamakura xuống xe)

Duyên do lập chùa

Tự viện này đặt trên nền cũ Di Đường (Ebisudoo), nơi Nhật Liên Thánh Nhơn được an trí sau khi bị đày ở đảo Sado trở về. Sau này Nhật Viện Nhứt Thừa Viện kiến lập thành một tự viện đến đời Cửu Viễn Tự Hành Học Viện Nhật Triều, trụ trì¹⁶ thứ 11 của Thân Diên Sơn phân chia linh cốt của Thánh Nhơn ở Minobu, đem về phụng thờ gọi là Đông Thân Diên (Higashi Minobu).

Pháp Hoa Sơn chùa Bôn Hưng

(Yokohamashi, Hộ Trùng Khu, Thượng Phạm Đình Điền.
Đi xe đường Yokotsuka, đến trạm Hộ Trùng xuống xe)

Duyên do lập chùa

Tự viện này là nơi Nhật Liên Thánh Nhơn nghỉ ngơi không được phép thuyết pháp tại Kamakura. Thiên Mục (Tenmoku), do một đệ tử Ngài sáng lập đặt tên là Hưu Tức Sơn, về sau Huyền Diệu A Xà Lê Nhật Thập (Nichijuu) đổi thành Pháp Hoa Sơn, đến năm Vạn Trị thứ 3 (1660) di chuyển đến nơi bây giờ.

Minh Tinh Sơn chùa Diệu Thuần

(Hậu Mộc Thị, Kim Điền, đi xe tuyến đường Odakyu đến trạm Bôn Hậu Mộc xuống xe)

Duyên do tự viện

¹⁶ Ghi chú của dịch giả: Ở Nhật thường hay gọi vị sư Trụ Trì là Trụ Chức; chứ không gọi như các chùa Việt Nam của chúng ta.

Tự viện liên hệ với Pháp Nạn Long Khẩu Tả Độ, là nhà của Bồ Gian lục lang Tả Vệ Môn Trọng Liên (Shigetsura), nơi Thánh Nhơn tạm trú, về sau Nhật Thiện xây dựng thành tự viện. Trong tự viện này có chỗ ngôi sao giáng.

IX.1.3 Huyện Chiba

Tiểu Thấu Sơn Đản Sanh Tự

(Quận An Phòng, Thiên Tân Tiểu Thấu Đỉnh. Đi xe lửa tuyến Ngoại Phòng đến trạm An Phòng Tiểu Thấu xuống xe)

Thánh tích tự viện

Tự viện là thánh tích Nhật Liên Thánh Nhơn đản sinh. Trong tự viện này, có thờ Diệu Liên Ni, Tô Sanh Diên Thọ, thân mẫu của Thánh Nhơn, do Nhật Gia (Nichike) đệ tử của Ngài kiến tạo đã từng bị hỏa hoạn, phải dời đến nơi khác và trùng tu lại nhiều lần. Gần tự viện có mộ của cha mẹ Nhật Liên Thánh Nhơn gọi là lưỡng thân các Diệu Liên Tự.

Thiên Quang Sơn chùa Thanh Trìng

(Quận An Phòng, Thiên Tân Tiểu Thấu Đỉnh, đi xe tuyến đường Ngoại phòng đến trạm An phòng Thiểm Tây xuống xe)

Thánh tích tự viện

- Tự viện là thánh địa Nhật Liên Thánh Nhơn xuất gia đắc độ và lập giáo khai tông. Tự viện này vốn thuộc Tông Thiên Thai, đến thời Đức Xuyên (Tokugawa) đổi thành Chon Ngôn Tông, năm Chiêu Hòa thứ 24 quy thuộc vào Nhật Liên Tông.

- Rừng cây là Thánh Địa lập giáo khai tông.
- Có ngôi mộ của Thiện Đạo Ngự Phòng, bổn sư Nhật Liên.

Tiểu Tùng Nguyên Sơn chùa Kính Nhẫn

(Phổ Áp Xuyên, Quảng Trường, đi xe lửa tuyến đường Ngoại Phòng, hay Nội Phòng, đến trạm An Phòng Áp Xuyên xuống xe)

Thánh tích tự viện

- Tự viện là thánh tích Nhật Liên Thánh Nhơn bị pháp nạn tại Tiểu Tùng Nguyên.
- Trong pháp nạn có 2 người bị giết là Công Đẳng Kiết Long và Kính Nhẫn Phòng, Nhật Long, con của Kiết Long kiến tạo tự viện này để phụng thờ, còn gọi là Diệu Long Sơn Kính Nhẫn Tự, về sau đổi thành Tiểu Tùng Nguyên Sơn.

Trung Chánh Sơn – Pháp Hoa Kinh Tự

(Ichigawashi Nakayama, đi xe lửa tuyến đường Tổng Vũ đến trạm Hạ Tổng Trung Sơn hay tuyến đường Kinh Thành đến trạm Trung Sơn thì xuống xe)

Thánh tích tự viện

Tại Tùng Diệp Cốc Nhật Liên Thánh Nhơn bị pháp nạn chạy đến lánh nạn tại Hạ Tổng, về sau, đàn việt Phú Mộc Thường Nhẫn (Tokijoonin) niệm ân Thánh Nhơn kiến lập thành Pháp Hoa đường tại đây. Giống vậy đàn việt Đại Điền Thừa Minh cúng dường nhà để xây chùa gọi là Chánh Trung Sơn Bổn Diệu Tự, về sau cả hai chùa hợp lại thành Chánh Trung Sơn Pháp Hoa Kinh Tự.

Chơn Gian Sơn chùa Hoằng Pháp

(Ichigawashi, Chơn Gian, đi tuyến xe Tổng Vũ đến trạm Ichigawa xuống xe).

Duyên do lập chùa

Tự viện vốn thuộc Tông Thiên Thai. Năm Thiên Bình thứ 9 (737) Hành Cơ Bồ Tát xây dựng chùa này, gọi là Cầu Pháp Tự về sau Hoằng Pháp Đại Sư Không Hải chuyển sang Chơn Ngôn Tông rồi biến thành Thiên Thai Tông.

Phú Mộc Thường Nhẫn và Nhật Đảnh (Nichichoo) luận đàm về Phật Pháp với Liễu Tánh, trụ trì Chùa Hoằng Pháp cảm hóa được Liễu Tánh quy hướng và đổi sang Nhật Liên Tông.

Nhờ Thường Nhẫn và Nhật Đảnh, chùa thuộc Nhật Liên Tông.

Trường Cốc Sơn chùa Bản Thổ

(Phố Tùng Hộ, Bình Hạ, lấy tuyến xe Thường Bàn đến trạm Bắc Tiểu Kim xuống xe)

Duyên do lập chùa

Âm Sơn Thổ Tả, thủ hiến Hạ Tổng quy y với Nhật Liên Thánh Nhơn, kiến lập Pháp Hoa Đường, thỉnh Nhật Băng khai sơn đầu tiên tại đây. Nơi đây là quê hương sinh ra Nhật Băng, Nhật Tượng, Nhật Luân. Trong vườn rộng có nhiều cây cổ thụ, gần đây còn gọi là Chùa Ajisai, vì đến mùa hoa anh đào nở người người về đây hành hương không ngớt.

Quảng Vinh Sơn chùa Diệu Giác

(Phổ Thắng Bồ, Hưng Tân, dùng tuyến xe Ngoại Phòng đến trạm Hưng Tân xuống xe).

Duyên do lập chùa

Nhật Liên Thánh Nhơn cầu nguyện cho tả cửu gian binh khô Thủ Trọng Trinh, thủ hiến của Hưng Tân khỏi bệnh đậu mùa, quy y Tam Bảo với Thánh Nhơn, sau đó xuất gia gọi là Nhật Viên, khai sơn Chùa Diệu Giác. Ngài có hai người con trai đó là Nhật Bảo, trung lão tăng và Nhật Gia. Tại chùa này có khắc hình Tổ Sư bố đại để thờ.

Chánh Đông Sơn chùa Nhật Bản

(Quận Hương Thủ, Phố Đa Cổ, Nam Trung. Dùng tuyến xe Tổng Vũ và khi đến trạm Bát Nhựt Thị Trường xuống xe)

Duyên do lập chùa

Tự viện là đất của Nhật Tả Ôn Thê, vị trụ trì thứ 3 Trung Sơn Pháp Hoa Kinh Tự, và của Thường Tu Viện Nhật Thường (Nichijoo, vị khai Tổ của Trung Sơn Pháp Hoa Kinh Tự, người thứ 4 giáo hóa ở Phạn Cao Đàn Lâm thay thế Nhật Viên, đời thứ 15 người tập trung các học tăng lại mở Đàn Lâm này. Năm Khánh Trường thứ 3 (1598) trở thành Trung Thôn Đàn Lâm.

Diệu Cao Sơn chùa Chánh Pháp

(Quận Sơn Vũ, phố Đại Vĩng Bạch Lý, Tiểu Tây. Dùng tuyến xe Ngoại Phòng, đến trạm Đại Vĩng xuống xe).

Duyên do lập chùa

Nguyên Năng Chứng Thủ Dận Kế thủ hiến Tiểu Tây cúng dường cải gia vi tự tỉnh Nhật Ý, đời trụ trì thứ 9 của Chùa Bồn Thổ ở Bình Hạ quang lâm khai sơn. Đến Nhật Ngô, đời thứ 7 thay thế tập hợp những học tăng mở thành Đàn Lâm (trường dạy học). Năm Thiên Chánh thứ 8 (1580) bắt đầu gọi là Tiểu Tây Đàn Lâm.

Trường Sùng Sơn chùa Diệu Hưng

(Phó Chiba, Giả Cung, dùng tuyến xe Tổng Vũ Bồn, đến trạm Chiba thì xuống xe)

Duyên do lập chùa

Tăng Cốc Tứ Lang Tả Vệ Môn Trực Tú (Đạo Sùng), con của đàn việt Tăng Cốc Giáo Tín kiến lập chùa này tỉnh Ngải Đại Thọ A Xà Lê Nhật Hợp khai sơn. Ngải đã từng rời Đại phòng Bồn Hành Tự thay thế Trung Diệu Viện Nhật Quán (phái bất thọ bất thí), Ngải tập hợp những học đồ khai mở Đàn Lâm tại đây. Năm Khánh Trường nguyên niên (1596) bắt đầu gọi là Giả Lữ Đàn Lâm.

Đái Tại Sơn chùa Thao Nguyên

(Phó Mậu Nguyên, Mậu Nguyên, dùng tuyến xe Ngoại Phòng đến trạm Mậu Nguyên xuống xe).

Duyên do lập chùa

Sau khi lập giáo khai tông, Nhật Liên Thánh Nhơn bắt đầu giáo hóa cho Tế Đăng Viễn Giang Thủ Kiêm Võng, một

đại gia giàu có nhiều đất đai. Năm Kiến Trị thứ 2 (1276), Nhật Hưởng (Nikoo), một trong sáu vị lão tăng nhận lời giáo huấn của Thánh Nhơn kiến lập tự viện đầu tiên gọi là Thường Lạc Sơn Diệu Cao Tự về sau đổi thành Thảo Nguyên Tự. Đây là thánh trường đầu tiên xướng lên Đề Mục, còn gọi là Đông Thân Diên (Higashi Minobu).

IX.1.4 Huyện Arawagi

Thanh Định Sơn chùa Cửu Xương

(Phó Thường Lạc Thái Điền, Tân Túc Định. Dùng tuyến xe Thủy Quận đến trạm Thường Lạc Thái Điền xuống xe).

Duyên do lập chùa

Thủy Hộ Quang Song kiến lập tự viện này hồi hướng cho thân mẫu, Cửu Xương Viện Thanh Định phụ nhơn, cung thỉnh Thiền Na Viện Nhật Trung đến khai sơn. Quang Song nỗ lực trong Phật sự giáo dục học đồ, mở trường dạy học gọi là Cửu Xương Đàn Lâm, về sau chỉnh trang thành Tam Muội Đường Đàn Lâm.

IX.1.5 Huyện Bằng Mộc

Khai Bồn Sơn chùa Diệu Hiển

(Phó Tả Giả, Khuất Mễ Định, dùng tuyến xe Lưỡng Mao, đến trạm Tả Giả xuống xe)

Duyên do lập chùa

Nhờ quy y với trung lão tăng Thiên Mục (Tenmoku), Thành Chủ Đường Trạch Gia Tả Giả và Nhược Điền Bộ Nguyên Ngũ Lang Quang Thạnh cùng sáng lập chùa này. Sơn hiệu và Tự hiệu mang ý nghĩa biểu minh những chữ ***Bổn Quốc Thổ Diệu Nhứt Thời Khai Hiển***. Thiên Mục lãnh thọ sự truyền thừa của Nhật Hương, nên ở đây phụng an Tổ sư Thiên Mục Nguyên Mãn.

IX.1.6 Huyện Fukushima

Bảo Quang Sơn chùa Diệu Quốc

(Phố Hội Tân Nhược Tùng, Nhứt Kỳ Đình, dùng tuyến xe Bàn Việt Tây, đến trạm Hội Tân Nhược Tùng xuống xe).

Duyên do lập chùa

Tự viện này là nơi Hiển Bổn Pháp Hoa Tông Tổ Huyền Diệu A Xà Lê Nhật Thập sinh ra và viên tịch. Nhật Thân, đệ tử của Nhật Thập sáng lập một am tranh trước miếu để dạy học, về sau thành Diệu Quốc Tự.

IX.1.7 Huyện Cung Thành

Minh Quang Sơn chùa Hiếu Thắng

(Phố Sendai, Đông Cửu Phiến Đình, dùng xe Shinkansen Tohoku đến trạm Sendai xuống xe)

Duyên do lập chùa

Năm Vĩnh Nhân thứ 3 (1295). Trung lão tăng Nhứt Thừa A Xà Lê Nhật Môn khai sáng gọi là Quang Minh Sơn Đại Tiên

Tự. Về sau Y Đạt Trung Tông, phiên chủ của Sendai quy y với Thất Hiếu Thắng Viện Tú Ngạn Nhật Tấn nên đổi tên thành Thiện Thắng Tự. Sau khi Hiếu Thắng Viện viên tịch, Cương Tông, con thừa tự của Ngài, vì hồi hướng cho mẹ nên đổi hiệu chùa thành Hiếu Thắng Tự. Tự viện này đời đời được gia đình phiên chủ Y Đạt ngoại hộ phát triển. Hơn nữa, trong lịch sử phát triển tông môn, Nhật Triều (Nitsuchoo) biên soạn tác phẩm “*Bổn Hóa Biệt Đầu Phật Tổ Thống Ký*” tại đây. Năm Hưởng Bảo thứ 5 (1730) Hiếu Thắng Tự xây thêm phần trưng thất.

IX.1.8 Huyện Yamanashi

Thân Diên Sơn chùa Cứu Viễn (Minobuzan Kuonji)

(Quận Nam Cự Ma, phố Thân Diên, dùng xe tuyến đường Minobu đến trạm Minobu xuống xe).

Tự viện này là Tổ Sơn - Tổng Bổn Sơn của Nhật Liên Tông, nơi (Thê Thần) Nhật Liên Thánh Nhơn lưu trú, hành trì và hoằng hóa Kinh Pháp Hoa suốt 9 năm trường từ năm Văn Vĩnh thứ 11 (1274) cho đến Hoằng An năm thứ 50 (1282). Ngày 13 tháng 10 năm Hoằng An thứ 5, theo di huấn của Thánh Nhơn, di cốt của Thánh Nhơn được mang về đây để phụng thờ sau khi viên tịch tại nhà của Tông Trung tại Vũ Tạng Quốc Ikegami. Trên đỉnh núi là An Phòng Thiểu Thấu, linh địa an trí Tư Thân Các và Áo Chi Viện, song thân (cha mẹ) của Thánh Nhơn. Tại đó, cũng có thờ Thủ Hộ Thần Thất Diện Thiên Nữ cho những người tin Kinh Pháp Hoa ở Thất Diện Sơn.

Có hơn 30 căn phòng trên núi đầy đủ tiện nghi dành cho chư Tăng và chư Thiện Nam, Tín Nữ ở các nơi về đây hành hương.

Đại Già Sơn chùa Bồn Viễn (Honnonji)

(Quận Nam Cự Ma, phố Thân Diên, dùng tuyến xe Thân Diên đi đến trạm Thân Diên xuống xe)

Duyên do lập chùa

Tâm Tánh Viện Nhật Viễn (Shinshoojin Nichion), đời thứ 22 của Thân Diên Sơn khó chịu trước sự xử phạt của Đức Xuyên Gia Khang, một người đã quy y và từng bao che Nhật Viễn trong phòng với nhiều người khác. Tuy nhiên Nhật Viễn tự nhận hình phạt, bị lưu đày đến Đại Già. Ngài lập một cốc nhỏ ở đó, về sau có Kỷ Y Lại Tuyên và Thủy Hộ Lại Phòng, hai người con của những người bị bắt nghe lời cha xây dựng Chùa Bồn Viễn, cung thỉnh ngài Nhật Viễn đến khai sơn.

Tiểu Thất Sơn chùa Diệu Pháp

(Quận Nam Cự Ma, Tăng Ôn Đình, dùng tuyến xe Thân Diên, đến trạm Ngừ Trạch xuống xe)

Duyên do lập tự

Thiên Trí Pháp Ấn thuộc Chơn Ngôn Tông luận đàm Phật Pháp bị Nhật Liên Thánh Nhơn bẻ gãy cho nên đổi y phục xin làm đệ tử của Thánh Nhơn và đổi tên Thiện Trí Pháp Ấn thành Mạch Tiên A Xà Lê Nhật Truyền, từ đó Trung Lão Tăng có thêm một người nữa.

IX.1.9 Huyện Sizuoka

Trình Tùng Sơn chùa Liên Vĩnh

(Sizuokashi, Đạp Cốc, dùng tuyến xe Tokaido Shinkansen đến trạm Sizuoka xuống xe)

Duyên do lập chùa

Tự viện này do lục lão tăng Nhật Trì khai sáng. Nhật Trì phát tâm hoằng dương Phật Pháp nơi hải ngoại, lên thuyền sang Trung Hoa, những người ở lại đời chùa đến nơi bây giờ, thánh trường của Thành Tuấn phủ Trấn Hộ.

Thanh Long Sơn chùa Bồn Giác

(Sizuokashi, Đạp Cốc, dùng xe Tokaido Shinkansen đến trạm Sizuoka xuống xe)

Duyên do lập chùa

Tự viện này do trung lão tăng Nhật Vị khai sáng. Khi Tokugawa nhận ấn trạng từ nhà Tướng Quân, có đến 15 vạn thạch (để chỉ cho lúa gạo). Được Tả Đại Thần Tây Viên tự gia cho phép mặc pháp y cao nhất của Tông môn.

Long Thủy Sơn chùa Hải Trường

(Kyomizushi, Thôn Tùng Nam, dùng tuyến xe Tokaidohonzen đến trạm Kyomizu xuống xe)

Duyên do lập chùa

Từ Chúng, vị trụ trì chùa này đàm luận Phật Pháp với trung lão tăng Nhật Vị sau đó chuyển sang Nhật Liên Tông.

Chùa này có thờ tượng Tổ Sư do Nhật Pháp tạc, gọi là Nguyệt Mãn Tổ Sư, tượng này do Nhật Liên Thánh Nhơn khai nhãn.

Bồn Lập Sơn chùa Huyền Diệu

(Bát Điền Thị, Kiến Phụ, dùng tuyến xe Tokaidosen đến trạm Bát Điền xuống xe)

Duyên do lập chùa

Chùa này do Huyền Diệu A Xà Lê Nhật Thập khai sáng. Lúc còn ở trong phủ Viễn Châu, Nhật Thập đàm luận Phật Pháp với Nhật Tông, có một chủ nhơn phòng bên cạnh nghe được xin quy y với Nhật Thập.

Diên Kiêm Sơn chùa Diệu Lập

(Phó Hồ Tây, Kiệt Mỹ, dùng tuyến xe Tokaidohonsen đi đến trạm Thửu Tân xuống xe)

Duyên do lập chùa

Chùa này do Huyền Diệu A Xà Lê Nhật Thập khai sáng. Tả Nguyên Tường Khánh và Nội Đẳng Kim Bình nghe Nhật Thập thuyết pháp trên đường Ngài đi du hành, xin cung thỉnh Nhật Thập về Hồ Tây để được quy y.

Phú Sĩ Sơn chùa Bồn Môn

(Phó Phú Sĩ Cung, Bắc Sơn Trọng Tu, dùng tuyến xe Thân Diên đến trạm Phú Sĩ Cung xuống xe)

Thánh Tích tự viện

Chùa do lục lão tăng Nhật Hưng (Nitsukoo) khai sáng. Nhờ phát nguyện của Thạch Xuyên Tôn Tam Lang Năng Trung, Hương Chủ Trọng Tu và nhờ năng lực của đàn việt Nam Điều Thời Quang và Tiểu Tuyên Pháp Hoa, đệ tử Thánh Nhơn giảng chúng mới kiến lập chùa. Nhật Hưng mở nơi đây Trọng Tu Đàm Sở (Dansho) để làm nơi giáo dục cho môn đồ.

Nham Bồn Sơn chùa Thật Tướng

(Phổ Phú Sĩ, Nham Bồn, dùng tuyến xe Tokaidohonsen đến trạm Phú Sĩ xuống xe)

Thánh tích tự viện

Tại đây, Nhật liên Thánh Nhơn biên soạn Lập Chánh An Quốc Luận, được cho vào kinh tạng của Chùa Thật Tướng phần “Tất Cả Kinh” để nghiên cứu. Lúc đó, tự viện này thuộc Thiên Thai Mật Giáo, nhưng Trí Hải Pháp Ấn, người đứng đầu quy y với Nhật Liên, cho nên chùa này đổi thành tự viện của Nhật Liên Tông.

Phú Sĩ Sơn chùa Cửu Viễn

(Phổ Phú Sĩ Cung, Tiểu Tuyên, dùng tuyến xe Minobu đi đến trạm Fujimiya xuống xe)

Duyên do lập chùa

Chùa này do Nhật Hương (Nichigoo) khai sáng qua sự hỗ trợ của Tiểu Tuyên Pháp Hoa. Nhật Hương nhận sự giáo dưỡng từ Nhật Hưng và Nhật Mục (Nichimoku). Sau khi Nhật Mục viên tịch, có sự tranh giành kế thừa Chùa Đại Thạch với Nhật

Đạo, cho nên Nhật Hương đi Phòng Châu khai sơn Chùa Diệu Bối.

Hải Quang Sơn chùa Phật Hiện

(Phổ Y Đông, Vật Kiến Khuru, dùng tuyến xe Ito đến trạm Ito xuống xe)

Thánh tích tự viện

Lúc Nhật Liên Thánh Nhơn lưu đày ra Ito, tại đây bệnh thương hàn hoành hành dữ dội, bát lang Tả Vệ Môn, thủ hiến Y Đông được Thánh Nhơn cầu nguyện hết bệnh, vì đó quy y với Thánh Nhơn, vì thế Thánh Nhơn có nhân duyên an ổn lưu lại Tỳ Sa Môn Đường, ngày nay ở đây vẫn còn dấu tích của Thánh Nhơn. Về sau Nhật Chiêu khai sơn và sáng lập chùa này.

Đại Thành Sơn chùa Bản Lập (Honryuji)

(Quận Điền Phương, Phi Sơn Đình, lấy xe lửa Ito Hakone, đến trạm Phi Sơn xuống xe)

Duyên do lập chùa

Khi bị lưu đày đến Ito, Nhật Liên Thánh Nhơn đáp lời thỉnh mời của Tả Vệ Môn Thái Lang Nghĩa Cửu, một người địa phương thuộc gia đình Giang Xuyên, đời thứ 23, chôn tại đây một bộ Kinh Pháp Hoa cầu nguyện hoàng dương đạo pháp. Sau đó, gia đình Giang Xuyên và dân làng mỗi người một tay kiến lập chỗ thờ tự này. Đến năm Vĩnh Chánh thứ 3 (1506) Viên Minh Viện Nhật Trường thờ tượng Tổ Sư do Nhật Pháp điêu khắc tại đây.

Đông Quang Sơn chùa Thật Thành (Jitsujoji)

(Quận Điền Phương, phố Trung Y Đậu, Liễu Lại, dùng tuyến xe lửa Ito Hakone đến trạm Tu Thiện tự xuống xe)

Duyên do lập chùa

Chùa do Nhật Tôn, đệ tử của Nhật Hương sáng lập, bởi vì khi hoàng pháp thuyết giảng tại Trọng Tu Đàm Sở, có lần Nhật Tôn bị lạc đề và mở mắt ra thấy Nhật Hưng, người đang đi thuyết pháp khắp toàn quốc. Nhật Tôn phát nguyện thành lập 36 cơ sở tự viện. Trước tiên, Nhật Tôn lập chùa Thật Thành này, nhưng Nhật Tôn phải chờ sự chấp thuận của Nhật Hưng suốt 12 năm trường, thân chỉ còn da bọc xương, không lìa chí nguyện. Ở chùa này, có thờ tượng “***Tổ Sư bị đóng trong hòm***”.

Kinh Vương Sơn chùa Diệu Pháp Hoa

(Phố Tam Đảo, Ngọc Trạch, dùng tuyến xe Tokaido Shinkansen đến trạm Tam Đảo xuống)

Duyên do lập chùa

Tự viện này do lục lão tăng Nhật Chiêu sáng lập. Đầu tiên là cốc của Nhật Chiêu thời Kamakura, về sau sửa lại thành chùa. Đến thời kỳ Giang Hộ được trưởng tử Kỷ Tĩnh Lại Tuyên, thứ nữ Thủy Hộ cùng với Lại Phòng hộ trì đắc lực nên mới phát triển.

IX.1.10 Huyện Ishikawa

Kim Vinh Sơn chùa Diệu Thành (Myoojooji)

(Phó Vũ Trách, Thác Cốc Đình, lấy tuyến xe Năng Chứng đến trạm Thử Thản xuống xe)

Duyên do lập chùa

Sau khi Nhật Liên Thánh Nhơn từ Kyoto hoằng pháp trở về, Nhật Tượng theo về. Trên đường đi luận đàm Phật Pháp với Năng Chứng tự Mãn Tạng thuộc Thạch Động Sơn Thiên Bình và nhận vị này làm đệ tử. Sau đó Mãn Tạng đổi tên thành Nhật Thừa sáng lập Chùa Diệu Thành. Nhờ gia đình Phiên Chủ Tiền Điền hết lòng hộ trì, Chùa phát triển nhanh. Đường tháp già lam bây giờ là di sản văn hóa quan trọng của quốc gia.

IX.1.11 Huyện Nigata

Pháp Vương Sơn chùa Diệu Pháp

(Quận Tam Đảo, thôn Hòa Đảo, dùng tuyến xe Việt Hậu đến trạm Diệu Pháp Tự xuống xe)

Duyên do lập chùa

Chùa này được Phong Gian Tín Nông Thủ Tín Chiêu hộ trì. Nhật Thành, đệ tử của Nhật Chiêu chuyển từ Kamakura về đây cho nên trên danh nghĩa, Nhật Chiêu khai sơn Chùa Diệu Pháp. Về sau, chùa đổi thành Tân Thổ Pháp Hoa Tự (hay Ngọc Trạch Diệu Pháp Hoa Tự), một cứ điểm quan trọng của phái Nhật Chiêu.

Trùng Nguyên Sơn chùa Căn Bản

(Quận Tả Độ, thôn Tân Huệ, dùng xe Bus đi trong đảo tuyến phía nam, đến trước Căn Bản tự xuống xe)

Thánh tích tự viện

Đây là thánh tích lưu trú của Nhật Liên Thánh Nhơn khi bị lưu đày ở Sado từ ngày mồng 1 tháng 11 năm Văn Vĩnh thứ 8 (1271) đến tháng 4 năm Văn Vĩnh thứ 9. Ở đây, Ngài trước tác nhiều tác phẩm trong thời gian này, tiêu biểu là “***Khai Mục Sao***”. Trung Nguyên Tam Muội Đường được xây dựng vào thời đó.

Diệu Pháp Hoa Sơn chùa Diệu Chiêu

(Quận Sado, phố Tả Hòa Điền, đi xe Bus trong đảo, tuyến đường Tương Xuyên, đến Trường Mộc xuống xe)

Thánh tích tự viện

Đây là thánh tích khi Nhật Liên Thánh Nhơn bị lưu đày nơi Sado từ mồng 7 tháng 4 năm Văn Vĩnh thứ 9 (1272). Nhật Liên Thánh Nhơn chuyển từ Trung Nguyên Tam Muội Đường đến Nhứt Cốc (Ichinosawa), nơi mà một tín đồ mới vào đạo cúng dường. Ở đây Thánh Nhơn sáng tác những giáo nghĩa thư quan trọng như: “***Quán Tâm Bốn Tôn Sao***” và vẽ hình Đại Mạn Trà La. Sau khi Thánh Nhơn rời đảo, Học Thức Phòng (Nhứt vị A Xà Lê Nhật Tịnh) thay đổi cốc này thành A Di Đà Đường, về sau đổi thành Pháp Hoa Đường, sau cùng gọi là Diệu Chiêu Tự.

Liên Hoa Vương Sơn chùa Diệu Tuyên

(Quận Sado, phố Chợ Giã, dùng xe Bus đi trong đảo, tuyến phía Nam, đến Trúc Điền Kiêu xuống)

Duyên do lập chùa

Chùa do A Phật Phòng Nhật Đắc và Thiên Nhật Ni, vợ ông ta kiến lập. Lúc đầu A Nhật Phòng rất xem thường Nhật Liên Thánh Nhơn, khi Ngài bị đày ra Sado, nhưng về sau ngược lại cả hai vợ chồng ông được giáo hóa, từ một con người tín pháp môn niệm Phật trở thành tín đồ nhiệt tâm của Ngài. Cả hai người phụng sự đời sống cho Nhật Liên. Sau khi Thánh Nhơn trở về lại Thân Diên Sơn, A Phật Phòng tuy tuổi đã lớn nhưng có ba lần đến thăm viếng Thánh Nhơn. Năm 90 tuổi (1278) vào năm Hoằng An nguyên niên A Phật Phòng xuất gia đổi tên thành Nhật Đắc. Tháng 3 năm Hoằng An thứ 2, Ngài viên tịch. Viễn Đăng Đăng Cửu Lang Thạnh Cương, con của A Phật Phòng đem cốt cha mình về chôn ở Thân Diên Sơn. Hòa Tịch Phòng Nhựt Mãn, cháu của Đăng Cửu Lang là học trò của Nhật Hưng. Căn nhà xưa biến thành chùa, đổi thành Liên Hoa Vương Sơn Diệu Tuyên Tự.

IX.1.12 Phủ Kyoto

Cụ Túc Sơn chùa Diệu Hiển

(Phố Kyoto, khu Thượng Kinh, tự tự nội, Thông Tân Đình, dùng tuyến xe Tokaido Shinkansen đến trạm Kyoto xuống xe)

Thánh tích tự viện

Chùa do Nhật Tượng sáng lập. Nhật Tượng nhận nhiệm vụ quan trọng của Nhật Liên Thánh Nhơn đến Đố Đô khai giáo. Với chủ trương “***Tam Điểm Tam Xứ***”. Nhật Tượng được Hậu

Đề Hồ Thiên Hoàng sắc phong cấp đất lập chùa tại Phòng Kim Tiểu Lộ và khai sơn Chùa Diệu Hiển. Sau đó, di chuyển về Tứ Điều Tiết Tấu (Shijoo Kushige), bởi vì đây nằm trong Tứ Điều Phường Môn cho nên lấy Chùa Diệu Hiển làm trung tâm, tạo nên thế lực của giáo đoàn, về sau xưng là Tứ Điều Môn Lưu.

Duệ Xương Sơn chùa Bồn Pháp

(Phố Kyoto, khu Thượng Kinh, Tiểu Xuyên Thông, dùng tuyến xe Tokaido Shinkansen, đến ga Kyoto xuống xe)

Duyên do lập chùa

Cửu Viễn Thành Viện Nhật Thân nhận được ngoại hộ của dân chúng tại Kyoto, trước tiên Bồn A Di Bồn Quang xây dựng Đông Đổng Viện Lăng Tiểu Lộ. Nhật Thân viết “**Lập Chánh Trị Quốc Luận**” và thuyết giảng trên quan điểm “**bất thọ bất thữ**” và “**cường nghĩa chiết phục**”, hẳn nhiên, Ngài thọ không biết bao nhiêu chuyện bách hại. Những di văn của Nhật Liên Thánh Nhơn, những tài liệu văn hóa hầu như được lưu lại tại nhà Bồn A Di trở thành những tác phẩm nghệ thuật.

Cụ Túc Sơn chùa Diệu Giác

(Phố Kyoto, khu Thượng Kinh, Tân Đỉnh Thông, dùng tuyến xe Tokaido Shinkansen đến trạm Kyoto xuống xe).

Duyên do lập chùa

Băng Nguyên (Roogen), một đệ tử tại gia của Long Hoa Viện Nhật Thật, ngoại hộ cho Tiểu Giả Diệu Giác Ni, nhưng ông rất ngưỡng vọng Nhật Tượng cho nên sáng lập tự viện này

và thỉnh Ngài đến khai sơn. Chùa thuộc Tứ Điều Đại Cung, nhưng đến năm Văn Minh thứ 15 (1483) dưới lệnh của Túc Lợi Nghĩa Thượng di chuyển đến Thất Đinh Tây Nhị Điều Nam Tiêu Lộ Y Sách.

Tiếp đó, năm Thiên Văn thứ 5 (1536) chùa bị hỏa thiêu trong pháp nạn Thiên Văn và được trùng tu phục hưng năm Thiên Văn thứ 17, sau đó đổi thành Chùa Bồn Năng vào năm Thiên Chánh thứ 10 (1582) nhưng bị cháy một lần nữa mới dời đến nơi này như bây giờ.

Cụ Túc Sơn chùa Lập Bồn

(Phố Kyoto, khu Thượng Kinh, Thất Điều Sam Thông, dùng tuyến xe Tokaido Shinkansen đến trạm Kyoto xuống xe)

Duyên do lập chùa

Chùa Diệu Hiển thuộc Sơn Môn của Tỷ Duệ Sơn do Huyền Thức Nhật Thật kiến lập vào thời Ứng Vĩnh, về sau bị áp lực bắt buộc đổi tên thành Diệu Bồn Tự vì Nguyệt Minh, vị chủ chùa bỏ chạy đi ty nạn tại Đan Ba Quốc Trí Kiến. Lúc ấy, Diệu Quang Phòng xây dựng Chùa Bồn Ứng tại nền đất cũ Tứ Điều Tiết Tấu, cho nên Nguyệt Minh ở nhà tạm tại phòng của Cụ Viên, đệ tử của mình, thế nhưng Cụ Viên lại cũng bỏ Chùa Bồn Ứng ra đi, cho nên đồ chúng tóm thâu vào Tỷ Duệ Sơn. Từ đó, chính phủ Nha Lý Thập thỉnh mời Huyền Thức Nhật Thật về trở lại đổi tên chùa là Lập Bồn Tự. Tại Chùa Diệu Hiển, thờ Nhật Tượng là khai Tổ, còn Nhật Thật chỉ là người kiến lập mà thôi. Nhật Lễ (Nitsusei), trụ trì đời thứ 4 của Diệu Hiển Tự tự phong mình là đời thứ 2 của Lập Bồn Tự (từ Sơ Tổ là Nhật

Liên Thánh Nhơn thì đây là đời thứ 7). Tại Chùa Lập Bản các công chức quy y rất đông. Lúc bấy giờ Diệu Giác Tự xem như sánh cùng Diệu Hiền Tự, nên thường gọi là “**Long Hoa Tam Cự Túc Sơn**”.

Quảng Bồ Sơn chùa Bản Mãn

(Phố Kyoto, khu Thượng Kinh, Tự Đình, dùng tuyến xe Tokaido Shinkansen đến trạm Kyoto xuống xe)

Duyên do lập chùa

Ngọc Đồng Diệu Viện Nhật Tú sáng lập chùa này vào năm Ứng Vĩnh thứ 17 (1410). Đầu tiên chùa ở tại Tân Đình Thông Kim Xuất Xuyên Tân Tại Gia Đình, về sau đổi thành Quảng Tuyên Lưu Bồ Sơn Bản Nguyên Mãn Túc Tự. Quan Bạch Cận Vệ Thượng Thông thay Nhật Trọng dời đến địa điểm bây giờ vào năm Thiên Văn thứ 8 (1539). Chùa có Nhật Trọng (Nichijuu), đời thứ 12, Nhật Càng (Nichiken), đời thứ 13, Nhật Viễn (Nichion), đời thứ 14 tất cả đều cống hiến cho Minobuzan. Tại Cửu Viễn Tự, pháp đăng vẫn còn tiếp tục truyền thừa cho đến đời thứ 20, đời thứ 21 và đời thứ 22, cho nên được tôn xưng là “**Thân Diên Sơn Trung Hưng Tam Sư**”.

Văn Pháp Sơn chùa Đảnh Diệu

(Phố Kyoto, khu Tả Kinh, Nhân Vương Môn, Thông Đại Cúc Đình, dùng tuyến xe Tokaido Shinkansen xuống trạm Kyoto)

Duyên do lập chùa

Diệu Quốc Viện Nhật Chúc, đệ tử đời thứ 6 của Trung Sơn Pháp Hoa Kinh Tự Nhật Tát nhờ ngoại hộ của Thổ Tá Quốc Thủ Hộ Tế Xuyên Trị Bộ Thiếu Phụ Thắng Ích kiến lập Chùa này. Đến Phật Tâm Viện Nhật Quang (Nichikoo) đời thứ 3 hiến cúng cho Trung Sơn Pháp Hoa Kinh Tự đời thứ 12, mà do nhân duyên này Trung Sơn Pháp Hoa Tự đời thứ 12 trở thành thành là quản thủ của ba Chùa, vì ở Kyoto còn hai Chùa nữa đó là Chùa Bản Pháp, Chùa Giới Diệu Quốc. Ngài thành lập ban quản lý luân phiên chăm sóc Trung Sơn Pháp Hoa Kinh Tự.

Pháp Kính Sơn chùa Diệu Tuyền

(Phố Kyoto, khu Tả Kinh, Đông Đại Lộ, Nhị Điều Hạ, dùng tuyến xe Tokaido Shinkansen đến trạm Kyoto xuống xe)

Duyên do lập chùa

Chùa do Viên Giáo Viện Nhật Ý, trụ trì đời thứ 12 của Thân Diên Sơn Cửu Viễn Tự khai sáng vào năm Văn Minh thứ 9 (1477). Nhật Ý an trí chơn cốt Nhật Liên Thánh Nhơn tại đây và cung thỉnh Thất Diện Minh Thần đến Thân Diên Sơn ở Kyoto cho Chùa được gọi là Kanseiminobu.

Đại Quang Sơn chùa Bản Song

(Phố Kyoto, khu Đông Sơn, Khoa Ngự Lục Đại Nham Đình, dùng tuyến xe Tokaido, đến trạm Kyoto xuống xe)

Thánh tích tự viện

Thảo am, Nhật Liên Thánh Nhơn xây dựng tại Kamakura Matsubagayatsu được Nhật Tịnh (Nichijoo), trụ trì đời thứ 4 dời về Kyoto xây dựng thành Chùa, được Hoàng Thất hộ trì cho nên phát triển rất mạnh. Đầu tiên có tên Chùa Bản Quốc, về sau đổi thành Chùa Bản Song, có lẽ vì Chùa được Thủy Hộ Quang Song hộ trì. Thời kỳ Văn Lục, Chùa được xây dựng thành trường học về sau trở thành Đàn Lâm của Cầu Pháp Viện. Chùa được gọi là Tự Bảo (Chùa quý) bởi vì ở đây có thờ 3 linh bảo của Nhật Liên Thánh Nhơn đó là:

- ***Tượng Phật Thích Ca*** mà Ngài Nhật Liên hay mang theo,
- Bản chánh “***Lập Chánh An Quốc Luận***” do Thánh Nhơn viết và
- Tờ “***Xá Miễn Trạng***” xá tội lưu đày của Thánh Nhơn.

IX.1.13 Huyện Tư Hạ

Thôn Vân Ngự Sở chùa Đoan Long

(Phố Cận Giang Bát Phan, Cung Nội Đình, lấy tuyến xe Tokaidohonsen, đến trạm Cận Giang Bát Phan xuống xe)

Duyên do lập chùa

Đoan Long Viện Diệu Huệ Nhật Tú, thân mẫu của Phong Thần Tú Thứ được Hậu Dương Thành Thiên Hoàng sắc phong cho đất đai, hiệu Chùa và 1.000 thạch (đồng thóc ngày xưa) và Tú Thứ xây Chùa cho thân mẫu. Tại đây, bà được ban cà sa màu tím, dấu hiệu hoa cúc. Chùa được sắc phong được hộ trì như một Ni Cung.

IX.1.14 Phủ Osaka

Quảng Phổ Sơn chùa Diệu Quốc

(Phố Giới, Tài Mộc Đình, lấy tuyến xe Phấn Hòa đến trạm Diệu Quốc Tự Tiên xuống xe)

Duyên do lập chùa

Được Tế Xuyên Gia Gia Thần Tam Hảo Chi Khang và Du Ốc Y Đạt Thường Ngôn, thân phụ của mình hộ trì đặc biệt, Ngài Phật Tâm Viện Nhật Quang khai sáng chùa Diệu Quốc vào năm Văn Lục thứ 11 (1568). Nhật Quang mở trường dạy học tại đây (Tam Quang Thắng Hội) và kiến lập một đạo tràng tu học rất hưng thịnh.

IX.1.15 Huyện Hòa Ca Sơn

Bạch Vân Sơn chùa Báo Ân

(Phố Hoà Ca Sơn, Chơn Sa Đình, lấy Nanhaisen đến trạm Hoà Ca Sơn xuống xe)

Duyên do lập chùa

Niệm ân phu nhơn Dao Lâm Viện (con gái của Gia Đăng Thanh Chánh), Kỷ Châu Phiên Tổ Đức Xuyên Lại Tuyên cùng Quang Trinh, con của ông kiến lập Chùa Báo Ân cung thỉnh Đại Tăng Đồ Nhật Thuận, em thứ hai của Quang Trinh về khai sơn. Nhờ sự hộ trì tận tâm của gia đình Kỷ Châu, Chùa này phát triển mạnh.

IX.1.16 Huyện Hiroshima

Tự Xương Sơn chùa Quốc Tiên

(Phố Hiroshima, Sơn Căn Đình, lấy xe Sơn Dương Shinkansen đến trạm Hiroshima xuống xe)

Duyên do lập chùa

Nhật Tượng có buổi pháp luận với Hiếu Nhẫn thuộc Thiên Thai Tông và đối y tại chùa này. Trước đây, chùa gọi là Tự Xương Sơn Hiếu Nhẫn Tự; nhưng sau đó Thiên Giả thủ hiến Hiroshima quy y Nhật Liên Tông đổi hiệu chùa là Quốc Tiên Tự.

IX.1.17 Huyện Tá Hạ

Tùng Vĩ Sơn chùa Quang Thắng

(Quân Tiểu Thành, Phố Tiểu Thành, lấy tuyến xe Đường Tân đến trạm Tiểu Thành xuống xe)

Duyên do lập chùa

Thời Nhật Cao là vị trụ trì đời thứ hai của Trung Sơn Pháp Hoa Kinh Tự, có Nhật Nghiệm xin làm y chỉ. Lúc đó nhờ ngoại hộ vững mạnh của Đại Ngẫu Thủ Bình Duệ Trinh, Hạ Tổng Quốc Chiba, Chùa Quang Thắng được thành lập nhưng phải đến thời Nhật Hữu, vị trụ trì đời thứ 3 của Pháp Hoa Kinh Tự, Chùa Quang Thắng mới được xem là thành trì đầu tiên của Nhật Liên Tông tại Kyushuu. Vào thời Thất Đình, Cửu Viễn Thành Viện Nhật Thân được tuyển chọn vào chức Tổng Đạo Sư của Kyushuu, được cúng Chùa Quang Thắng làm nơi hoằng

pháp. Thế nhưng Nhật Thân lại là người phá bỏ Môn Lưu phải rời khỏi Chùa Quang Thắng, về sau chịu không biết bao nhiêu khổ nạn khi làm Phật sự, cuối cùng Nhật Tuân trở lại với môn lưu, được tôn xưng là Tổ của Quang Thắng Tự Trung Hưng.

IX.2 Những ngôi Chùa thuộc về tín ngưỡng của bình dân

Những Chùa thuộc Nhật Liên Tông gìn giữ được truyền thống pháp đăng cho đến ngày hôm nay, phải nói rằng nhờ sự nỗ lực hy sinh không tiếc thân mạng của những vị Trụ Trì các Chùa và niềm tin vững chắc của tín đồ qua nhiều thời đại. Người dân mộc mạc đến chùa chỉ một lòng thành kính cầu nguyện trước đấng Thích Tôn, trước Diệu Kiến Đại Bồ Tát, trước Quý Tử Mẫu Thần, Thất Diện Đại Minh Thần, Ma Lợi Thiên (Marashiten), Thanh Chánh Công (Seishookoo) v.v... mong được sở nguyện thành tựu cho nên những ngôi chùa thuộc Nhật Liên Tông vừa đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng cầu nguyện đó của tín đồ, vừa giới thiệu tông phái Nhật Liên với mọi người.

IX.2.1 Đông Kinh Đô

Thủ Hựu chùa Đệ Thích Thiên Đê Kinh

(Khu Khát Sức, Thủ Hựu, lấy tuyến xe Kinh Thành đến trạm Thủ Hựu xuống xe)

Thiền Na Viện Nhựt Trung (Nichichyu) khai sáng chùa này vào năm Khoan Vĩnh thứ 6 (1629), thật ra, Đê Kinh Viện

Nhật Vinh mới là người khai sơn đất đai này. Tại chùa có thờ tượng Đệ Thích Thiên, tương truyền rằng do chính Ngài Nhật Liên khắc vào một ngày Canh Thân, được gọi là ngày hữu duyên cho sở nguyện thành tựu. Có một bức họa “*Con Cọp*” của họa sĩ Matsutake danh tiếng, mà nơi treo bức họa đó gọi là chỗ “*Ghét con trai*” có rất nhiều người đến đánh lễ.

Nhật Hạng Tổ Sư chùa Bản Giác

(Khu Đài Đông, Tùng Cốc, lấy tuyến xe Yamate đến trạm Ueno thì xuống xe).

Thượng Hạnh Viện Nhật Giác khai sơn chùa vào năm Thiên Chánh thứ 18 (1580). Vệ Bình Quan Căn Noãn khai khẩn đất đai. Ở đây có phụng thờ Nhật Hạng Nguyên Mãn Tổ Sư, tương truyền rằng do lục lão tăng Nhật Băng khắc có hình dáng giống Ngài Nhật Liên, thế nhưng mọi người đều tin cho rằng Nhật Hạng Tổ Sư.

Ma Lợi Chi chùa Thiên Đức Đại

(Khu Đài Đông, Thượng Giả, lấy xe Yamate đến trạm Ngự Đồ Đình xuống xe)

Từ Quang Viện Nhật Di khai sơn chùa này. Ở đây có thờ tượng Khai Vận Đại Ma Lợi Thiên. Chùa nằm bên cạnh đường phố buôn bán tại Ueno cho nên rất tiện việc thiện nam tín nữ đến đây cầu nguyện sở nguyện thành tựu.

Tạp Ty Cốc Quỷ Tử Mẫu Thân - Pháp Minh Tự

(Khu Phong Đảo, Minami Ikebukuro, lấy xe Yamate đến trạm Ikebukuro xuống xe)

Chùa vốn thuộc Chon Ngôn Tông, được Hoàng Pháp Đại Sư Không Hải sáng lập nhưng đến năm Văn Ứng nguyên niên (1260) Chùa chuyển sang Nhật Liên Tông. Đến thời Đức Xuyên tướng quân Gia Quang thứ 3, Chùa nhận được Châu ấn và nhờ gia đình tướng quân hộ trì, Chùa phát triển nhanh chóng. Đến năm Khoan Văn thứ 6 (1666) phu nhân của Thiển Giả cúng một Quỷ Tử Mẫu Thần Đường cho chùa, nên mọi người gọi thân thiện là Tạp Ty Cốc (Zooshigaya) Quỷ Tử Mẫu Thần. Chính quyền công nhận Quỷ Tử Mẫu Đường là một trong những cơ sở văn hoá hàng đầu.

IX.2.2 Huyện Kanagawa (Thần Nại Xuyên)

Đài Tự (Kokedera) Diệu Pháp Tự

(Phố Kamakura, Đại Đình, lấy tuyến xe Yokotsuka đến trạm Kamakura xuống xe)

Sau khi Nhật Liên Thánh Nhơn khai tông lập giáo tại Chùa Thanh Trùng, năm Kiến Trường thứ 5 (1253) Ngài hướng đến Kamakura bắt đầu chương trình giao hảo và hoằng pháp tại thảo am ở Tùng Diệp Cốc. Năm Trinh Hòa nguyên niên (1335) Nhật Tịnh, đời thứ 4 dời về Kyoto, kiến lập Bản Quốc Tự (Bản Song Tự). Về sau, Đại Tháp Cung Hộ Lương Thân Vương Tử Nhật Duệ, đệ tử của Nhật Tịnh trùng tu lấy hiệu là Lăng Nghiêm Sơn Diệu Pháp Tự. Chung quanh chùa, cây cối bao phủ một màu xanh tươi thắm tạo phong cảnh chùa thật cổ kính. Sau chánh điện là núi, trong núi có di tích Thảo Am đầy rong

rêu, thế cho nên chính phủ thành phố Kamakura xác chứng chùa này là nơi lưu dấu tích lịch sử. Rất nhiều người đến đây chiêm bái và ngoạn cảnh. Chùa cũng được gọi là Đài Tự.

Hải Đường Tự (Kaidooji) Quang Tắc Tự

(Phố Kamakura, Trường Cốc, lấy tuyến xe Yokotsuka đến trạm Kamakura xuống xe)

Đây là thánh tích Nhật Liên Thánh Nhơn phụng tiến “***Lập Chánh An Quốc Luận***”. Năm Văn Ứng nguyên niên (1260) Nhật Liên Thánh Nhơn thượng trình Lập Chánh An Quốc Luận cho Bắc Điều Thời Lại (Hoojoo Tokiyori). Túc Cốc Quang Tắc (Yadoya Mitsunori) là người trung gian cực khổ lo việc này, về sau ông cải gia vi tự cung thỉnh Nhật Băng đến khai sơn. Về sau, Quang Tắc xuất gia có đạo hiệu là Nhật Tục, trở thành trụ trì đời thứ 3 của chùa này. Năm Văn Vĩnh thứ 8 (1271) Nhật Liên Tông gặp phải pháp nạn, Nhật Băng được Quang Tắc dấu trong nhà của mình. Trong vườn Chùa toàn cây cổ thụ Hải Đường, đến mùa hoa nở mọi người rất thích đến hành hương chiêm bái.

IX.2.3 Huyện Yamanashi (Sơn Lê)

Thất Diện Sơn Kinh Thận Viện

(Quận Nam Cự Ma, Thân Diên Đình, lấy tuyến xe Thân Diên, đến trạm Thân Diên xuống xe)

Thất Diện Sơn có Tảo Xuyên Đình, cao 1982 mét là đất đai thuộc sở hữu của Cửu Viễn Tự, mà trụ sở đặt tại Thân Diên Sơn. Trên đỉnh núi có Kinh Thận Viện. ***Thất Diện Đại Minh***

Thần (Mặt Pháp Vật Trán Thủ Thất Diện Đại Minh Thần) trấn thủ trên Thân Diên Sơn. Thời Kiến Trị năm thứ 3 (1277) Nhật Liên thuyết pháp tại đây, Thất Diện Thiên Thần biến thành một cô gái tuyệt đẹp đến nghe. Từ đó, tại Thân Diên Sơn mọi người nói với nhau rằng có Thần Thủ Hộ đến tham dự pháp hội. Năm Vĩnh Nhân thứ 5 (1297) Ba Mộc Tinh Thất Trưởng với Nhật Bằng leo lên Thất Diện Sơn gặp được Thất Diện Sơn Thiên Nữ. Chuyện ấy cho đến bây giờ vẫn còn nhiều người rất tin. Mannokata, người vợ thứ của Đức Xuyên Gia Khang đi tham bái lần đầu tiên cũng gặp cô gái ấy cho nên xin bãi bỏ việc cấm người nữ không được đi lễ. Từ đó, nhiều người tập trung tại đây tín thành cầu nguyện Thất Diện Đại Minh Thần oai quang gia hộ. Mọi người từ khắp nước Nhật hầu như đều về đây cầu nguyện. Vào mùa Xuân hay mùa Thu vào dịp lễ Bĩ Ngạn, đứng trên đỉnh núi, thấy bầu trời xanh trong thật tuyệt. Nếu giữa trưa từ trên đỉnh núi Phú Sĩ đi xuống, có thể thấy được vàng hào quang sáng rực không gì đẹp bằng.

IX.2.4 Phủ Kyoto

Trĩ Trĩ Phong Nghệ Thuật Thôn - Thường Chiêu Tự - Quang Duyệt Tự

(Khu Bắc, Trĩ Trĩ Phong, Bắc Trĩ Trĩ Phong Đỉnh, Khu Bắc, Trĩ Trĩ Phong, Quang Duyệt Đỉnh, dùng tuyến xe Tokaido Shinkansen; đến trạm Kyoto xuống xe).

Chùa thuộc gia tộc Bôn A Di Quang Duyệt rất nổi tiếng về đồ gốm Bôn A Di Quang Duyệt đại biểu nghệ thuật từ thời Đào Sơn đến thời kỳ đầu Giang Hộ. Gia tộc Bôn A Di có

truyền thống đời đời tín tâm Kinh Pháp Hoa. Đến thời trung hưng của Bản A Di có Bản Quang, đời thứ 6 (tức Bản A Di Tả Vệ Môn Tam Lang Thanh Tín) quy y với Cửu Viễn Thành Viện Nhật Thân, Tổ khai sơn Bản Pháp Tự cho nên cả gia tộc đều ngoại hộ cho Bản Pháp Tự. Năm Nguyên Hòa nguyên niên (1615) Quang Duyệt dùng lý tưởng của Kinh Pháp Hoa kiến lập nơi đây thành một thôn nghệ thuật. Gia tộc xây dựng Trí Trí Phòng Đàn Lâm Thường Chiếu Tự, Diệu Tú Tự hồi hướng cho thân mẫu của Quang Duyệt. Gia tộc trùng tu chùa Quang Duyệt, Am Tri Túc hồi hướng cho Tiên Tổ của Bản A Di gia, Tất cả tổng cộng có 4 cơ sở tạo thành trung tâm tín ngưỡng Kinh Pháp Hoa.

Về sau, những công việc như làm đao, kiếm, đá mài, làm bóng, vẽ thư họa, viết thư pháp lên đồ gốm và một số lãnh vực khác đi vào hoạt động nghệ thuật. Chư Tăng và tín đồ thành một khối đi vào sinh hoạt tín ngưỡng. Mộ của Quang Duyệt và cả gia tộc đều được chôn cất nghiêm trang tại Chùa Quang Duyệt. Phía bắc sườn núi có những vườn trà mênh mông cả 7 liếp và có cả trà thất nữa. Đến mùa lá vàng, chùa này như một bức tranh mỹ thuật tuyệt vời.

IX.2.5 Phủ Osaka

Năng Thế Diệu Kiến - Chơn Như Tự

(Quận Phong Năng, Phố Năng Thế, dùng tuyến xe Sơn Âm Bản Tuyến đến trạm Quy Cương xuống xe).

Tịch Chiếu Viện Nhật Càn là đời thứ 21 của Thân Diên Sơn khai sơn chùa này. Năng Thế Lại Thứ quy y với Nhật Càn

cúng dường đất để xây dựng Chùa Chơn Như. Chùa Chơn Như ở Năng Thế là nơi cầu nguyện linh hiển nổi tiếng, đặc biệt Nhật Càn đặt pháp hiệu cho Lại Thứ là Diệu Kiến Đại Bồ Tát. Sự linh nghiệm ngày càng lan xa đến các địa phương Quan Tây cho nên có rất nhiều người tin và lặn lội đến đây cầu nguyện.

IX.2.6 Huyện Ishigawa (Thạch Xuyên)

Nhẫn Giả Tự (Ninjadera) - Diệu Lập Tự

(Phó Kanezawa, Giả Đình, lấy tuyến xe Bắc Lục Bồn Tuyên đến trạm Kanezawa xuống xe).

Tiền Điền Lợi Gia phiên chủ của Gia Hạ kiến lập thành Kanezawa. Sau này Lợi Thường, đời phiên chủ thứ 3 dời về nơi hiện tại và đổi thành Chùa, nơi cầu nguyện của gia đình Tiền Điền. Thành này được xây 7 tầng chung quanh, hành lang rất rộng dài và nhiều, đi bộ có thể bị lạc. Có nhiều phòng đẹp để ngắm hoa Anh Đào, được bố trí như cách phòng vệ. Qua nhiều năm, đây là nơi bí mật, nhưng gần đây đã mở cửa cho mọi người tham quan gọi là Nhẫn Giả Tự cho nên có rất nhiều người hành hương chiêm bái.

IX.2.7 Huyện Fukuoka (Phước Cường)

Tượng Đông ở Hataka - Nhật Liên Thánh Nhơn Đông Tượng Hộ Trì Giáo Hội

(Phó Fukuoka, khu Hakata, công viên phía Đông, lấy xe tuyến đường Kagoshimahonsen đến trạm Hakata xuống xe).

Thế Tinh Viện Nhật Quán khai sơn và sáng lập cơ sở này vào năm Minh Trị thứ 37 (1904) nhân kỷ niệm ngày Nhật Liên Thánh Nhơn tạo một tượng đồng trong trung tâm thành phố Fukuoka, tại công viên phía Đông. Hình dáng pho tượng đồng như lúc Nhật Liên Thánh Nhơn cầm trên tay tác phẩm “**Lập Chánh An Quốc Luận**” với chiều cao tổng cộng là 22 mét, đối lại với vấn đề quân Mông Cổ đến Nhật. Ngày nay, có rất nhiều người đến đây tham bái.

IX.2.8 Huyện Kumamoto (Hùng Bôn)

Thanh Chánh Công - Bồn Diệu Tự

(Phổ Kumamoto, Hoa Viên, lấy tuyến xe Kagoshimahonsen đến trạm Kumamoto xuống xe)

Năm Thiên Chánh thứ 13 (1558) Gia Đẳng Thanh Chánh (Kato Kyomasa) muốn hồi hướng Thanh Trung, thân phụ của ông cho nên kiến lập Đoan Long Viện tại thành Osaka. Năm Thiên Chánh thứ 16, được Phì Hậu, lãnh chủ ở đó sắc phong cho nên xây dựng trở thành thành Kumamoto vào năm Khánh Trường thứ 5 (1600). Sau đó dời vào trong thành đổi hiệu là Chùa Bồn Diệu. Năm Khánh Trường thứ 19, Chùa bị hoả hoạn, lúc Nhật Giáo đang trụ trì cho nên Ngài và Trung Quảng, Quốc Chủ cho chuyên về nơi Miếu Trung Vĩ Sơn tại Thanh Chánh. Thời kỳ Giang Hộ, có rất nhiều người sùng tín Thanh Chánh Công, đến nơi này cầu nguyện phước thọ tăng long.

Chương Chín

Watanabe Hooyoo

X. Những người sống với Kinh Pháp Hoa

Với đại chúng Nhật Bản, Nhật Liên Thánh Nhơn như một thước đo Phật Giáo định sẵn từ thời Phật Giáo Kamakura, xuất hiện sau *Pháp Nhiên (Honen) Thượng Nhơn, Thân Loan (Shinran) Thánh Nhơn, Đạo Nguyên (Dogen) Thiền Sư*, nhưng Thánh Nhơn lại là Tông Tổ của một Tông Phái Phật Giáo đến mức hoàn hảo, như được định trước dành cho phong thổ Nhật Bản.

Cả Tịnh Độ Tông của Ngài Pháp Nhiên Thượng Nhơn, hay Tịnh Độ Chơn Tông của Ngài Thân Loan Thánh Nhơn đều hướng đến lý tưởng phủ nhận hiện thế cuộc đời này qua tư tưởng yếm ly uế độ (xa lìa cõi trước) và vui cầu Tịnh Độ.

Còn Đạo Nguyên Thiền Sư của Tào Động Tông chủ trương chiến thắng mình bằng giác ngộ, dốc lòng kiểm tra hành động hằng ngày và đặc biệt có đôi mắt nhìn đời vô cùng nghiêm khắc.

Trái lại, Nhật Liên Thánh Nhơn thấy được thật tế của hiện thực xã hội, thân phận con người trong đời mạt pháp vô cùng khổ đau và uế trước, thay vì những tông phái kia chỉ cứu độ từng cá nhân, Nhật Liên chủ trương cứu độ toàn thể xã hội, bởi vì nếu nhìn nhận xã hội không đúng, lòng từ bi trang trải cho đời cũng bị giới hạn. Nếu tư duy đến từng cá nhân, chúng ta cũng phải nghĩ đến cuối cùng làm sao cho họ được ấm no đầy đủ, nhưng nếu tư duy về sinh hoạt hằng ngày của họ như tín ngưỡng, tôn giáo, tông phái họ đang theo đuổi, cuối cùng cũng đi đến mục đích làm cho họ ấm no, nhưng khác ở vấn đề nghĩ

đến toàn thể xã hội, bầu nhiệt huyết của chúng ta nung nấu hơn, mãnh liệt hơn. Nếu không vậy, Nhật Bản không có được tinh thần như hiện tại ngày hôm nay được.

Nhật Liên Thánh Nhơn có những tín đồ học trực tiếp với Ngài như: Phú Mộc Thường Nhẫn (Toki Yoojin: sau này xuất gia đổi tên là Nhật Thường), Tứ Điều Kim Ngô (Sanenaga), Nam Điều Thời Quang, mẹ của ông v.v... Thánh Nhơn có ba người thời Kamakura Mạc Phủ cúng dường nhà làm chùa: Trung Sơn Pháp Hoa Kinh Tự (thuộc Huyện Chiba, phố Ishigawashi) hiện tại là nhà của Phú Mộc Thường Nhẫn cải gia vi tự thành Chùa Pháp Hoa. Đại Điền, bạn của Phú Mộc cúng dường nhà của mình thành lập Chùa Bản Diệu. Tăng Cốc Pháp Liên, một người bạn khác ở gần đó cúng nhà biến thành Chùa Pháp Liên tại Chiba, vốn là võ sĩ, được Nhật Liên Thánh Nhơn giáo hóa chuyển tâm quay về với đạo.

Phú Mộc Thường Nhẫn nhận được thư của Nhật Liên Thánh Nhơn gửi tâm liên tình ngộ, niềm tin của ông rực sáng. Tín Điều Kim Ngô là người nhận được nhiều lá thư nhất, những lá thư cùng một đề tài nhất quán. Chủ Quân Giang Mã phát khởi niềm tin mãnh liệt ngay khi Ngài gặp khó khăn cho nên những tác phẩm như Khai Mục Sao, Nhật Liên tín nhiệm ủy thác cho ông, không những Thánh Nhơn tin tưởng ông mà còn có cảm tình đặc biệt với ông nữa, bởi vì tác phẩm tư liệu của Nhật Liên Thánh Nhơn được xem là đồ cấm thời đó, cho nên phải tẩu tán khi gặp nguy cơ, ngày nay tại nhà của Trì Thượng Tông Trung vẫn còn dấu tích giấu sách, tại Chùa Bản Môn ở

Ikegami và tại Đại Phường Bồn Hành Tự (Daiboo Hongyooji) vẫn còn nơi giữ sách.

Nhật Liên Thánh Nhơn còn dạy đệ tử phải hiệp lực lại với nhau, hoằng dương và quảng bá giáo pháp rộng rãi như Trì Thượng Tông Trung rất thân với Nhật Bằng thượng nhơn, đảm đương việc xây dựng như là một võ sĩ. Ba Bồn Tỉnh một lãnh chủ Nam Điều hiệp lực với gia đình Phú Sĩ Đại Thạch, lãnh chủ của Hara và những đệ tử quy y với Nhật Liên Thánh Nhơn, phát tâm xây dựng Mật Pháp Vạn Niên ở Thân Diên Sơn.

A Phật Phòng Nhật Đắc (Nitsutoku) tuổi đã 80 đến quy y với Nhật Liên Thánh Nhơn, lúc lưu đày tại đảo Sado và giúp Ngài thoát nạn xử trảm. Mộ của ông chôn tại Thân Diên Sơn, ngày nay vẫn còn. Những đệ tử quy y với Nhật Liên Thánh Nhơn đều thọ nạn trong tình thế bị áp đảo. Tuy nhiên, niềm hy vọng của họ không bao giờ mất, niềm tin của họ là mãnh liệt không bao giờ bị lung lay.

Nhật Liên Thánh Nhơn viên tịch, các đệ tử cũng như những đệ tôn tiếp tục sao chép “*Lập Chánh An Quốc Luận*” làm bản “*Thân Trọng*” (điều trần) với những người trong chính quyền, để được chấp nhận niềm tin Kinh Pháp Hoa. Dĩ nhiên, rất nhiều người khởi niềm tin với Kinh Pháp Hoa và đặt hy vọng vào đó, như Ngô Trường Hưng, chủ quán rượu Yanagi, nhờ Nhật Tượng Bồ Tát giáo hóa ở kinh thành Kyoto, quy y trở thành nhân vật rất thân tín và đảm đương nhiều công việc lúc bấy giờ, thế nhưng tiếc thay, những câu chuyện như thế vẫn còn truyền lại một cách phiến diện.

Có một sự phân biệt rất lớn như vậy, kinh đô là nơi có hoàng cung dành cho Thiên Hoàng và những doanh thự của vương gia công thần, còn thương nhân, công nhân đa phần ở nơi hạ Kinh, Nhật Liên Tông, lúc bấy giờ được giai cấp thương nhân và công nhân gọi là Pháp Hoa Tông, về sau những người sống trong phố thị cảm nhận rằng đây là một tôn giáo thực hiện lý tưởng cao đẹp cho mọi người, cho nên quy y và dời nhà về gần chùa như có cả hàng ngàn căn nhà bán trà xây dựng ở trước và sau Chùa Bản Pháp.

Bồn Quang, ông nội của ông Bồn A Di Quang Duyệt (Honnamikooetsu). là người sáng kiến xây dựng Chùa Bản Pháp. Gia đình của Bồn A Di có 3 nghề đó là mài kiếm, mài dao và làm nghề sửa chữa các dụng cụ, tương truyền mài kiếm sáng như gương. Tướng Quân Túc Lợi Nghĩa Giáo đến mài kiếm, ông trao kiếm lộn vỏ cho nên Bồn Quang bị tống ngục. Lúc đó, trong ngục thất có Nhật Thân thượng nhơn (Nabekamuri) bị nhiều người khinh chê xem thường, nhưng khi Bồn Quang vừa gặp Thượng Nhơn liền nhận ra Ngài là một vị Tăng lữ phi thường, lúc nào cũng chọn Kinh Pháp Hoa làm lý tưởng sống cho mình. Bồn Quang rất cảm kích tấm lòng cao thượng của vị Tăng, người chỉ cho mình đường đi và lẽ sống đầy hy vọng vào tương lai sáng lạn cho nên ông quy y với Ngài. Gia đình ông trở thành gia đình tín ngưỡng Kinh Pháp Hoa. Từ từ mọi người đều tin Kinh Pháp Hoa theo Bồn A Di Quang Duyệt, nhờ lòng tin Kinh Pháp Hoa, những ước mơ và hy vọng của họ được nuôi lớn để trở thành hiện thực là những quán trà, những doanh nghiệp, những hãng xưởng công nghiệp tạo dựng

nền kinh tế vững mạnh tại Kyoto như Hậu Đẳng, Bình Điền v.v...

Tiếp nhận niềm tin Kinh Pháp Hoa mãnh liệt từ thân mẫu của mình, Bồn A Di Quang Duyệt thành lập làng Pháp Hoa tại Lạc Bắc Trĩ Tử Phong (Rakuhokutaka) làm đồ nghệ thuật công nghệ. Ngày nay người ta cho rằng Chùa Thường Tịch Quang (Jooyatsukooji) Chùa Quang Duyệt là những nơi làm đồ nghệ thuật ngày đó. Quang Duyệt không những chỉ mài dao, mài kiếm, mà ngày nay còn làm những chén trà và in sách vở v.v... được nhiều người biết như quyển “*Sa Nga Dã Danh Nguyệt Kĩ*” của Tuần Na Sanh, được Giác Sáng Liễu Dĩ (Suminokura Ryooi) hỗ trợ vẽ viết thành “*Sa Nga Bản*” được in tại đó; những bức hội họa trừu tượng vẽ trên sách “*Tân Cổ Kim Hòa Ca Tập*” gồm có “*Tú Tiết Cẩm Phong*” trang trí trang nhã linh động được in xuất bản thành sách tại đó rất nổi tiếng, mà tương truyền rằng, tác phẩm đó dùng làm mẫu kẻ tên Chùa cũng như cổng Chùa tại Ikegami Honmonji, Tổ Sư Đường của Chùa Trung Sơn Pháp Hoa Kinh Tự, đa phần ngày nay vẫn còn tồn tại; những di văn của Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn như: *Pháp Hoa Đề Mục Sao, Lập Chánh An Quốc Luận, như thuyết tu hành sao v.v...* cũng được in tại đó nay vẫn còn.

Quang Phủ, cháu của Quang Duyệt nhờ gia đình Tiền Điền tài trợ tu bổ lại những lá thư và những sách vở do chính Thánh Nhơn viết, đang giữ lại tại Chùa Trung Sơn Pháp Hoa Kinh Tự, cách đây 340 năm về trước, khoảng giỗ kỵ lần thứ 350 của Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn. Điều ấy chứng tỏ rằng cả một gia đình đều có niềm tin sâu sắc. Tính của Quang Duyệt rất

ngay thẳng cương trực. Ông giao du với những bậc trí thức có đời sống văn hoá cao, Kiệt Xuyên Anh Trị trong tác phẩm **“Cung Bồn Vũ Tạng”** nói rằng: **“Trước Vũ Tạng, có Kiệt Giả Thái Phu, người so gậy đòn tỳ bà rất giỏi và rất nhẹ, dù để tay lên phím đàn sợi tơ vẫn không chùng xuống. Nghệ thuật chơi đàn của Vũ Tạng vô cùng siêu việt đến nỗi những du nữ (những người đàn bà chơi đàn) thưở ấy rất ưa thích và mến mộ”**.

Kiệt Giả Thái Phu và Quang Duyệt là đại biểu Chùa Tường Chiếu làm cho người ta thức tỉnh trong giấc mộng lâu dài. Gia đình Tiền Điền cũng giúp đỡ rất nhiều như vợ của ông, một tín đồ nhiệt tâm giúp cho Chùa Thọ Phước Viện. Thọ Phước Viện, vốn là Chùa Diệu Thành ở Thác Cốc Năng Chứng chuyên qua Tông Nhật Liên. Hiện tại chùa Diệu Thành là một trong những ngôi chùa Nhật Liên Tông còn sót lại với Thất Đường Già Lam thật u nhã. Tại Thọ Phước Viện, có những tờ Kinh Pháp Hoa viết bằng máu và tại Tự Xương Viện, Hiroshimaban cũng có bản kinh viết giống như thế. Như vậy, những người nữ có lòng tin cũng có không ít ảnh hưởng như Dưỡng Châu Viện (Yoojunin), vợ kế của Tokugawa Gia Khang còn gọi là Omannokata, mà người viết tiểu thuyết Omannokata là Kiệt Ốc Tín Nữ, đời thứ hai của Omannokata, con của Dưỡng Châu Viện Phu Nhon Dưỡng Châu Viện Omannokata tôn kính Nhật Viễn Thượng Nhon, đời thứ 22 của Thân Diên Sơn Cửu Viễn Tự quy y được truyền rằng chính bà giải hoà việc Gia Khang (chồng bà) hiểu lầm Pháp Hoa Tông. Phú Sĩ Xuyên, người bạn thân của bà xây công Đại Dã Sơn Bồn Viễn Tự của Minobu, xây Chùa Liên Vĩnh cúng dường lục lão tăng

Nhật Trì tại Sizuoka Kutsunoya, sau này Nhật Trì thượng nhơn lên Bắc Hải Đạo đi Trung Hoa truyền giáo. Bà là người giải phóng người nữ về vấn đề không được phép lễ bái tại Thất Diện Sơn, dù lên đến núi. Tất cả những việc như thế thật công đức không ít, còn truyền đến nay.

Gọi là ba nhà Tokugawa gồm có Kỷ Xuyên Phiên, phiên chủ đầu tiên; Thủy Hộ phiên, con cái của Phu Nhơn Dương Châu Viện và Quang Song, cháu của Phu Nhơn thuộc Thủy Hộ Huỳnh Môn, người thích gọi một cách bình dân.

Nhật Liên Tông, đời Giang Hộ gọi là phiên, thường thường hộ trì cho những chùa lớn, hầu hết các phu nhơn đều chăm lo việc này mà trên truyền hình hay phim trường thường chiếu vấn đề này. Về già, Quang Song đổi chỗ ở từ Thủy Hộ đến Tây Sơn Trang, nằm về phía bắc cách 10 cây số (thuộc phò Thường Lục Thái Điền), làm một cái cốc nhỏ, nằm bên kia đồi phía Nam gọi là Am Ma Ha Diễn (Makaenan = giáo pháp Đại Thừa), cung thỉnh Nhật Thừa thượng nhơn (Nichijoo), đệ tử của Cao Tăng Nguyên Chính thượng nhơn từ Kyoto đến giảng dạy. Mỗi ngày thọ học, tín kính Kinh Pháp Hoa và tiếp nhận quảng học đa văn tri thức ấy, mà ngày nay vẫn còn truyền lại tại hang Chùa Diệu Pháp tại Tokyo. Đến thời kỳ Edo, kinh tế phát triển, việc tổ chức xã hội có nhiều thay đổi lớn như quyền hạn về kinh tế, quyền hạn giao lưu trong xã hội dần dần thay đổi sang phạm vi rộng lớn hơn.

Trong bối cảnh như thế, một số địa phương ở nông thôn, ở những thị trấn nhỏ nhứt định phải có hiện hữu tôn giáo sinh hoạt trong phạm vi hoạt động mở rộng không còn như xưa nữa,

như có lần Linh Thứ Viện Nhật Thảm thượng nhơn (Ryoojuin Nitsushin) thuyết pháp có đến 20.000 người tham dự nghe giảng. Đây là một thay đổi vô cùng to lớn.

Nhật Thảm Thượng Nhơn sinh ra đã mồ côi mẹ cho nên suốt cuộc đời, Ngài luôn luôn niệm ân sanh thành vô lượng của mẹ. Thượng Nhơn viết Mạn Trà La Bản Tôn bây giờ vẫn còn gìn giữ tại địa phương Kanazawa một cách cẩn trọng. Nhật Thảm thượng nhơn thuyết pháp, có rất nhiều người nghe, trong số đó có Bình Điền Chánh Trùng (Hirate Masazumi) mỗi ngày đều ghi chép những lời giảng thành sách, ngày nay tác phẩm ấy vẫn còn truyền lại tại nhà của Bình Điền gọi là: **Tứ Quốc Tân Kỳ Đại Giả Nguyên**. Những kỷ vật còn giữ lại là minh chứng, chắc chắn vẫn còn những dấu tích lịch sử chứa đựng rất nhiều hành trạng bị chôn vùi chưa tìm được.

Bây giờ, trên bực đá phía trước Chùa Bản Môn ở Ikegami thuộc Kyoto vẫn còn lưu lại tên tuổi cúng dường của Gia Đẳng Thanh Chánh, một võ tướng được Thái Các Tú Kiệt giáo dục và hướng dẫn. Ngôi nhà thờ tượng Nhật Liên Thánh Nhơn cũng do Thanh Chánh xây cất cúng dường. Tương truyền rằng, Thanh Chánh không ngớt xướng Đệ Mục cùng với cờ bay nơi chiến trường. Tại Kumamoto, có Thanh Chánh Công Đường, trung tâm của Chùa Bản Diệu, bởi vì có rất nhiều người kính ngưỡng Thanh Chánh Công. Trước chùa Cửu Viễn tại Minobuzan có bực thang cao 278 nấc, tương truyền rằng đá này, được Nhân Tạng dùng thuyền chở từ Sado về đây xây dựng nên.

Nhật Liên Tông vào thời Giang Hộ sinh hoạt như một tôn giáo đại chúng nhưng vẫn khó phát huy được, cho nên bắt đầu

từ thời Giang Hộ tìm cách phát triển về mọi địa phương. Nhờ Phật sự diễn giảng bộc phát mạnh tại các tự viện duy trì được cư sĩ tín đồ còn sót lại, thế nhưng không dừng lại tại đó mà những người tại gia (đối lại với người xuất gia, sinh sống trong xã hội, có niềm tin như bao người khác) tự thân họ cũng đi vận động xiển dương tín ngưỡng. Phải nói rằng họ là những người có khí chất vững chắc niềm tin đối với Kinh Pháp Hoa.

Thời kỳ đầu của Giang Hộ, Nhật Liên Tông tuân giữ pháp bất thọ bất thí là quy luật nghiêm ngặt như: Nhật Áo thượng nhơn, Nhật Giảng thượng nhơn, Nhật Thụ thượng nhơn v.v... họ là những người cùng quan điểm giữ vững lập trường cố hữu, tuy bị đàn áp đến nỗi phải tẩu tán, nhưng không sờn chí nguyện thuần túy tín ngưỡng, mà tinh thần ấy được truyền lại cho đến ngày nay.

Sau chiến tranh (1945), do chủ trương bất thọ bất thí, tâm trạng của thanh niên như rồng tuếch, họ nổi điên đốt phá những mộ địa ở khu Đài Đông thuộc Tokyo, phá hoại những tháp bằng gỗ năm tầng. Chùa Cảm Ứng thuộc Thiên Thai Tông đổi thành Nhật Liên Tông, những kỷ niệm tháp 5 tầng không còn nữa, còn chẳng chỉ trên văn bia Chùa Pháp Hoa ở khu Meguro, Tokyo mà thôi. Có một việc tuy xa xưa rồi, nhưng thiết nghĩ cũng nên nhắc lại tại Wakayama có ngôi chùa thuộc Tông Thiên Thai, thế nhưng hỏi đến, vị Sư Trụ Trì bình thản trả lời : ***“Chùa này thuộc Nhật Liên Tông đấy chứ! thật ra chỉ có tâm báng để đó là Thiên Thai Tông mà thôi...”*** Thật vĩ đại!. Thật ra, chùa này ngày xưa cũng thuộc Nhật Liên Tông, nơi lưu dấu

bước chân Nhật Liên Thánh Nhơn. Những nơi như vậy bây giờ còn không phải là ít.

Có một câu chuyện xảy ra hằng bao nhiêu năm về trước như vậy, một người mang tượng Nhật Liên Thánh Nhơn nhỏ vừa tầm tay thật trân quý. Gia đình đó tu theo pháp môn bất thọ bất thí. Đeo tượng Nhật Liên vào cổ đi hành hương tham lễ, nhưng nghe tiếng người hay tiếng động của bàn chân lạ lập tức cất tượng này vào ngực. Những câu chuyện thuộc loại như thế thật đúng là của Nhật Liên Tông.

Chùa Thiên Thai Tông một thời như vậy, mà nhiều người lớn tuổi còn nhắc lại như chuyện tẩu tán dưới đất; sau thế chiến có nhiều cuộc nghiên cứu được đề cập đến. Ông Phán Bồn Hạnh Nam (Nhật Thâm) Viện Trưởng Viện Đại Học Lập Chánh thuộc gia đình có niềm tin bất thọ bất thí, bởi vì Phán Bồn Hoà Bình, cụ thân sinh của Thầy, thời trước sau Minh Trị nổi tiếng chấp bút viết về phái bất thọ bất thí. Hạnh Nam xuất gia với Pháp Chủ Nhật Viên, đời thứ 84 của Thân Diên Sơn Cửu Viễn Tự với pháp hiệu là Nhật Thâm. Thật vậy, niềm tin của họ thật mãnh liệt tạo nên những tín điều chánh nghĩa. Họ không sống vì lợi ích riêng tư nhỏ hẹp, nhưng thái độ của họ không thông thoáng, không hề thấy trong nguồn mạch luân lưu miên viễn của Nhật Liên Tông.

Sau thời Minh Trị Duy Tân (1868) chủ nghĩa Nhật Liên sống dậy trở thành lý tưởng vô cùng hấp dẫn, mà bên trong có Điền Trung Thành Trí Học (Áp Chi Trợ) vận động ngầm Quốc Trụ Hội bằng biên tập tạp chí “**Độc Cổ**”, nói về những người chết vì đạo.

Những người tại gia như: **Công Đẳng Kiệt Long, Tứ Điều Kim Ngô, Trì Thương Huynh Đệ, Nhiệt Nguyên Thần Tứ Lang (Atsuhara Jinjiro), Tá Cửu Giang Trọng Trinh, Lượng Ốc Thái Bình Vệ, Phong Giang Lục Tả Vệ Môn, Tuần Hà Ốc Thất Bình Vệ...** là những người thuộc phái bất thọ bất thí.

Thật ra, không chỉ có những người đại biểu như thế mà còn rất nhiều người có khí chất Pháp Hoa ảnh hưởng khắp nơi từ nông thôn đến thành thị nữa như chuyện “**Phú Ngọc 36 cảnh**” của Xích Phú Xi, ai cũng biết **Khát Sức Bắc Trai** họa một người điên. Cuộc đời của ông có đến 90 lần bị áp chế vào tù ra khám, nhưng tác phẩm hội họa của ông thật là tuyệt vời, bởi vì Ông thường đến cầu nguyện Bồ Tát Diệu Kiến, Chùa Pháp Tánh Liễu Đảo. Hiện nay, nơi ông ở thuộc khu Meguro. Vào một đêm nọ thời Minh Trị Duy Tân (1868) chợ Giang Hộ làng Tây Long Thanh bị cháy, Thắng Tiểu Kiệt, cha của ông, người có niềm tin cầu nguyện Bồ Tát Diệu Kiến đến cứu độ, tự nhiên có thuyền Thắng Hải đến cứu, trong lúc dùng nước dập tắt lửa, ông cầu nguyện cho mọi người được tai qua nạn khỏi. Về sau, hai mẹ con Trạch Khoan họa bức tranh “**Cha Con Con Trĩ**”. Như vậy, những người bình dân ảnh hưởng khí chất Pháp Hoa không ít.

Có thể nói việc vận động tín ngưỡng của người tại gia bắt đầu khởi sắc sau thời Giang Hộ, hiện tại có bốn tác phẩm:

- “**Chiêu Hoà Định Bản Nhật Liên Thánh Nhơn Di Văn**”, là một văn bản rất xác thật, cơ sở căn bản cho những ai nghiên cứu về Tôn Giáo của Nhật Liên Thánh Nhơn.

- “**Nhật Liên Thánh Nhơn Ngự Di Văn**” được biên tập thành một quyển (bản thảo), vào thời chiến tranh Nhật Nga (1904), dựa theo bản biên tập cuối đời Mạc Phủ.
- “**Cao Tổ Di Văn Lục**” (tổng cộng 30 quyển) của Tiểu Xuyên Thái Đường cuối thời Minh Trị.
- “**Truyện về Nhật Liên Đại sĩ Chơn Thật truyện**” của Bác Sĩ Đông Y, Tiểu Xuyên Thái Đường viết và họa. Nguyên do ông rất thích sưu tầm sách, một hôm đến gian hàng sách cổ tại Nihonbashi tìm mua sách, tác phẩm “**Nhật Liên Thánh Nhơn Ngự Di Văn Tập**” vừa đập vào mắt ông, ông thính liên, ông nghiên cứu không ngừng về Nhật Liên Thánh Nhơn vừa viết vừa họa tranh tác phẩm trên và “**Cao Tổ Di Văn Lục**”.

Như vậy, chúng ta không thể kiểm hết được những gì có trong tay sắp xếp theo thứ tự thời gian như **Ngự Di Văn Tập**, chỉ có “**Cao Tổ Di Văn Lục**” được phát hành mà thôi.

Tiểu Xuyên Thái Đường nghiên cứu và biên soạn về cuộc đời Nhật Liên Thánh Nhơn, qua từng giai đoạn thời đại, từ con người xuất phát từ niềm tin trong phần dự ngôn trong Kinh Pháp Hoa, phát triển niềm tin, tạo thành phương pháp sống cầu nguyện cứu độ.

Một hôm tôi vào tiệm bánh mì, thấy ngay một bức tượng treo trên tiệm gọi là “**Giang Xuyên Đán Am (Tanan) - Ông Tổ bánh mì**”. Tiệm bánh mì này ngon nổi tiếng, có bằng khen treo trên ngạch cửa. Giang Xuyên Đán Am dòng dõi danh gia nổi tiếng của Y Đâu Quốc Phỉ Sơn thuộc Thái Lang Tả Vệ Môn, người chế ra ngọn đèn phẫn xạ đầu tiên ở Nhật, được đưa vào trong các lớp học. Ông là người năng nổ, nhiệt tình, từng đi bộ hàng tuần trong núi để tư duy cách làm bánh mì, một món ăn

thực dụng cho mọi người, không ai không ngưỡng mộ ông Tô Bán Mì này. Ông xây dựng những trạm hải đăng ở bến cảng Tokyo, đặt súng thần công đại pháo bằng đồng để đối phó thuyền của người ngoại quốc. Tuy nhiên, công đức của Tô Tiên ông còn lớn hơn nhiều, bởi vì từ thời Thất Đinh, xây dựng Chùa Bản Lập (Honryuji), đời đời hộ trì và kiên định niềm kính tín Tam Bảo.

Tiên Đường Chủ thuộc gia tộc Giang Xuyên là một giáo sư Anh ngữ, Đại Học Đông Kinh cùng với người anh Yamada Tam Lang, một học sĩ Nhật Bản, Tiến Sĩ Luật, Viện Trưởng thành lập “**Pháp Hoa Hội**”, một đoàn thể tín ngưỡng tại gia của Nhật Liên Tông, kể từ thời Taisho (Đại Chánh). Tiểu Lâm Nhất Lang, một nhà luân lý học có niềm tin Kinh Pháp Hoa tiếp tục giảng về “**Pháp Hoa Kinh Giảng Nghĩa**” và xuất bản tạp chí Pháp Hoa. Từ đó cho đến nay, Yamada Tam Lang vẫn là người lãnh đạo cùng với phu nhân là Shigeko, một luật sư, sống cuộc đời thật ý nghĩa, có niềm tin Kinh Pháp Hoa mãnh liệt.

Năm Chiêu Hoà thứ 6, ngày kỷ 650 năm của Nhật Liên Thánh Nhơn, họ tổ chức pháp hội thật trang trọng để dâng tảo “**Lập Chánh Đại Sư**”. Lúc ấy, hình ảnh Nhật Liên Thánh Nhơn được truyền tụng rất nhiều tại Huyện Chiba. Chùa Trung Sơn Pháp Hoa Kinh được ông Yamada Tam Lang xây thêm Thánh Giáo Điện (Shoogyooden) và luôn luôn giữ gìn Thánh Tích, đầu tiên ông kêu gọi họ trở thành những thành viên của Hội Pháp Hoa, kế tiếp ông thành lập tổ chức Thánh Giáo Hộ Trì. Sau này, nhờ Gia Hạ Tiên Điền tài trợ, ông tu bổ lại Thánh tích vốn tu bổ từ thời Bản A Di Quang Bồ. Công đức của Yamada

Tam Lang, người đứng ra lo cho việc kiến thiết Thánh Giáo Điện không lường.

Thành viên trong Hội Pháp Hoa là những gia đình có niềm tin Kinh Pháp Hoa đến giao lưu, trao đổi với nhau cùng tích cực hoạt động với ông Yamada, trong số đó có ông Gia Trị Thời Thứ Lang đảm nhận phương diện hoạt động xã hội. Gia Trị người có ý chí, theo ngành y, du học ở Đức và giao hảo tốt với Bắc Lý Thử Tam Lang. Về nước, họ phát nguyện chữa bệnh cho những người bình dân. Trong thời gian ấy, các ông tiếp xúc và giao thiệp với Giới Lợi Ngạn cùng những người vận động cho chủ nghĩa xã hội. Có lúc ông cùng với phu nhân Toki, một người thuần tín hỗ trợ những nhà nghiên cứu di văn của Nhật Liên Thánh Nhơn. Ông chính là người đem hết sức lực phụ giúp để biên thành “***Chiêu Hoà Định Bản Nhật Liên Thánh Nhơn Di Văn***” nghiên cứu Nhật Liên Giáo Học của Đại Học Lập Chánh.

Ngoài ra, có Thị Nguyên Cầu, Kiệt Thôn Hiếu Nhất Lang... dưới sự hướng dẫn của Cửu Bảo Điền Chánh Văn, phát nguyện sống trọn đời kính tín. Nói đến Nhật Liên Tông, nhiều người liên tưởng đến Tôn Giáo canh tân, với những tín đồ hiến dâng kiến thức lẫn trí thức để cống hiến cho xã hội như Điền Trung Trí Học, đề cập trước đây, phát tâm thuyết giảng cho tín đồ Kinh Pháp Hoa tại Hạ Đình, Tokyo, rồi đến Osaka, cuối cùng là khắp nước Nhật, đồng thời qua ngôn luận, ảnh hưởng tạo dấu ấn to lớn cho những người trí thức.

Giữa thời Minh Trị, Cao Sơn Xư Nguu (Takagama Chiyogyuu) vừa là một nhà bình luận về văn minh của thanh

niên, vừa là nhà văn viết tiểu thuyết, tác giả của tác phẩm **“Long Khẩu Nhập Đạo”** một thời có ảnh hưởng rất lớn, chính ông thay đổi quan điểm từ chủ nghĩa Nhật Bản qua chủ nghĩa Nhật Liên. Có thể nói đây là thời đại biến chuyển của những người sống theo tinh thần Kinh Pháp Hoa, sống với lý tưởng Nhật Liên Thánh Nhơn vô cùng to lớn. Tác phẩm ông viết như: **“Hãy cùng đi đến với Nhật Liên Thánh Nhơn”** hay **“Huống Hậu Lục”** rất đặc biệt, được mọi người quan tâm và chú trọng. Thật ra, động lực thúc đẩy ông phát khởi niềm tin chính tác phẩm **“Hành giả Nhật Liên của Kinh Pháp Hoa”** của Tỳ Kỳ Chánh Trị (Anezaki Usasaharu).

Tỳ Kỳ là giáo sư chủ nhiệm đầu tiên của phân khoa Tôn Giáo học, thuộc Đại Học Đông Kinh Đế Quốc. Giáo sư từng du học ở Đức, tại Đức ông nhận được thư của Xu Ngưu và chấp nhận làm giáo thọ hướng dẫn theo thỉnh cầu của bạn. Ông viết một tác phẩm bằng Anh ngữ là **“Dự Ngôn Giả Nhật Liên”**, về sau đổi thành **“Hành giả Nhật Liên của Kinh Pháp Hoa”**.

Thi sĩ Cung Trạch Hiền Trị, tác giả của **“Mua Nimomakezu”** là người gõ cửa Quốc Trụ Hội của Tanaka. Gia đình Cung Trạch thuần tín Tịnh Độ Chơn Tông, nhưng ông có cơ duyên được nghe Đảo Địa Đại Đăng, vị đại sư Tịnh Độ Chơn Tông giảng về Kinh Pháp Hoa nhiều lần. Nhờ lưu tâm đến Kinh Pháp Hoa ông ta chuyển sang phụng kính Nhật Liên Thánh Nhơn. Hiền Trị từng là hội viên Quốc Trụ Hội, muốn cống hiến trụ sở chính của mình cho sinh hoạt tín ngưỡng tại đó. Sau này, còn muốn phát triển canh tân kỹ thuật khoa học nông nghiệp, Hiền Trị về vùng Nham Thủ trồng hoa. Ở đó, ông vừa

là một nhà khoa học hướng dẫn nông dân làm việc, vừa là nhà văn sáng tác những tác phẩm văn học theo Kinh Pháp Hoa và sống cuộc sống độc lập đầy đủ với những ngày còn lại trong đời. Ông mất tuổi còn rất trẻ chỉ vừa 37 mà thôi, tuy nhiên cuộc sống của ông thật ý nghĩa, đơn giản và tự chế. Những tác phẩm văn học Kinh Pháp Hoa của ông được biên soạn từ tấm lòng nhiệt tâm, nhiệt thành, từ tư tưởng Pháp Hoa uyên áo và từ cuộc đời chuẩn mực của ông, rất được nhiều người ưa chuộng, ái mộ và thích đọc.

Rất nhiều thành phần, rất nhiều tín đồ khỏe cơ thể nhập tín ngưỡng Pháp Hoa, Thân Diên Sơn trở thành Tổng Bổn Sơn của Nhật Liên Tông, nơi mà các giáo đoàn của các tông phái Nhật quy tụ về.

Như trước đã trình bày, vấn đề “*vận động chủ nghĩa Phật Giáo tại gia*” xuất phát từ những quan niệm mới về con người, về Tông Đoàn được nhiều người lưu tâm, điển hình thời Minh Trị Duy Tân có một cuộc cách mạng canh tân rất lớn. Thực trạng Phật Giáo Nhật Bản ngày nay cho thấy hoạt động Phật sự của Nhật Liên Tông và các tông Pháp Hoa ngày càng thâm nhập vào cuộc sống người dân nhiều nhất. Nếu không có niềm tin của người dân làm ngoại duyên, những cuộc vận động canh tân Tôn Giáo khó có thể thực hiện được. Điều này cũng có nghĩa là niềm tin của người dân là một dạng năng lượng tiềm năng đang hùng hực lửa.

Thế nhưng, về ảnh hưởng với giới trí thức, phải nói rằng, Nhật Liên Tông không thể bắt kịp các tông khác như Tịnh Độ Chơn Tông (Bổn Nguyên Tự) và Thiên Tông (Tào Động Tông,

Lâm Tế Tông), về số lượng học giả chư Tăng, các tông khác cũng nhiều hơn, nhưng trong phạm vi tương đối nào đó, Chư Tăng thuộc Nhật Liên Tông, hành trì nhiệt tâm hơn và hoạt động hoằng pháp rộng rãi hơn và mạnh mẽ hơn. Tại sao? Bởi vì trước khi tân chính phủ Minh Trị thành lập, Nishi Honganji (Tịnh Độ Chơn Tông, Bản Nguyên Tự Phái) và Higashi Honganji (Tịnh Độ Chơn Tông Đại Cốc Phái) thâm nhận quan quân rất nhiều và rất sớm cho nên đến thời kỳ Minh Trị, cả hai Tông ấy tức tốc gọi những tăng sĩ trẻ sang Âu Châu du học, do vậy đến năm Minh Trị thứ 8 (1876) có Đào Địa Mặc Lôi (Mokurai) đề nghị chính phủ mới bằng tâm thư nội dung: “*liên quan về tự do tín giáo*”.

Thử ấy, Thần Đạo vẫn là quốc giáo cho nên trên thực tế chính sách Tôn Giáo của tân chính phủ khó thực hiện, chẳng làm cho tân chính phủ lưu tâm. Y Đằng Bác Văn, tìn đồ Thần Đạo đang thuyết phục Thiên Hoàng lấy hiến pháp các nước theo chủ nghĩa đế quốc áp dụng cho nước Nhật cho nên dù Đào Địa Mặc Lôi đề xướng bằng bạch thư đi nữa, tân chính phủ vẫn không thể thay đổi chính sách về Thần Đạo quốc giáo hoá ấy được.

Trước bối cảnh như vậy, Tịnh Độ Tông thành lập Thất Đế Quốc Đại Học thành lập khoa Triết học Ấn Độ, khoa Phạn Văn, xác định viễn cảnh tương lai của Nhật Bản và phương pháp thực hiện lần lượt như thế nào. Phải nói rằng, các nhà chính trị, nhà giáo dục, nhà thương nghiệp v.v... của Nhật Bản ngày nay thành tựu được đều từ ảnh hưởng đó.

Còn Nhật Liên Tông thì sao? Nhật Liên Tông và các tông phái khác đều bị chính sách của tân chính phủ Minh Trị chi phối, những thanh niên **Tăng như Tân Cư Nhật Tát** (*Arai Nitsusatsu*), **Kiết Xuyên Nhật Giám** (*Kichikawa Nitsukan*), **Tam Thôn Nhật Tu** (*Mimura Nitsushuu*) phải nỗ lực vận động hết sức mới xây dựng Tông Đoàn của mình. Thanh niên Tăng **Tanaka Trí Học** (*Áp Chi Trợ*) đổ mồ hôi, sôi nước mắt mới có thể duy trì, phát triển và vận động Quốc Trụ Hội, vận động Lập Chánh An Quốc Hội.

Phải nói rằng thời cận đại, Nhật Liên Tông nỗ lực nhiều lắm mới đạt được kết quả, tuy nhiên nhờ vậy tín ngưỡng Pháp Hoa đi vào mọi tầng lớp xã hội thật dễ dàng, thật đáng khâm phục. Thật tế, trong bối cảnh như vậy, mỗi người, mỗi cá nhân tăng sĩ cố gắng biến thể tùy duyên hết mình để hoằng pháp và phát triển, có thể đưa ra một thí dụ về việc tùy duyên biến dạng của một tăng sĩ, đó là **Thầy Chi Nhị Bốn Hạ**, trụ trì Chùa Thừa Giáo, còn gọi là **Gia Đăng Văn Nhã**.

Thời chiến tranh Nhật Nga (1904) Ngài nỗ lực một mình (dĩ nhiên có sự yểm trợ của tín đồ tại gia nữa) thành lập “**Linh Lương Các Bản**” xuất bản “**Nhật Liên Thánh Nhơn Ngự Di Văn**” và tác phẩm “**Chiêu Hoà Định Bản Nhật Liên Thánh Nhơn Di Văn**” gồm 4 quyển (Đại Học Lập Chánh, Nhật Liên giáo học, nghiên cứu sơ biên, Thân Diên Sơn Cửu Viễn Tự San, Chiêu Hoà năm 27 - năm 34), độc quyền phát hành “Nhật Liên Thánh Nhơn Di Văn” và những quyển sách có uy tín cao. Không rõ Gia Đăng Văn Nhã phát hành một mình hay nhiều người khác, thật tế, Gia Đăng Văn Nhã là người của thời đại,

dù sống giữa thời Minh Trị nhưng ông có thể thành lập hội diễn giảng và xuất bản “*Nhật Tông Tân báo*”. Thưở ấy, Thầy là người Tăng sĩ mặc âu phục đầu tiên, cu rùa mang tâm nguyện nghiên cứu giáo học của Nhật Liên Tông, tạo một động cơ thúc đẩy việc nghiên cứu tiếp tục mãi về sau. Văn Hùng và Văn Huy, hai người con trai của Văn Nhã về Thổ Quang tiếp tục làm công việc nghiên cứu của ông. Mỗi Phu, Hội Trưởng Hội Lâm Thời Hành Chánh Điều Tra cho biết: “*Gia Đẳng Văn Huy có nhơn duyên rất là sâu dày*”.

Gia Đẳng Văn Huy cũng là học Tăng muốn cải cách, nhưng rất thương bà cụ *Đặng Mỹ*, thân mẫu của mình hiện đang ở Thổ Quang. Bà cụ ước mơ thành lập một học viện dành cho người nữ (gọi là học viên Quát) tại phố Kawazaki. Về già, bà cụ có viết tự truyện về Thổ Quang rất mạch lạc. Bà là vị hiệu trưởng đầu tiên của Học Viện dành cho người nữ, hẳn nhiên, *Gia Đẳng Văn Huy*, con trai bà là giáo thọ do Đại Học Lập Chánh sắp đặt. Sau chiến tranh kết thúc năm Chiêu Hoà thứ 20 (1945), Văn Huy không tự hại mình, được nhiều môn nhân ngưỡng mộ, trong số đó có *Son Nội Nhiêu Văn* (nguyên ông này làm tại Lập Chánh Đại Học, Học Viên Lý sự trưởng).

Trong lịch sử, các vị Tổng Lý Đại Thần (Thủ Tướng), *Thạch Kiều Trạng Sơn* là vị thủ tướng làm việc trong thời gian ngắn nhất, nhưng rất đặc biệt, ai cũng còn nhớ trong ký ức không quên. Thật là bất tư nghì, Thạch Kiều sinh ra và lớn lên tại quê hương của Gia Đẳng. Thân sinh của Thạch Kiều là Sam Điền Nhật Bồ thuộc Thân Diên Sơn đời thứ 81. Lúc còn nhỏ thường ra phía sau Thân Diên Sơn đánh lễ *Vọng Nguyệt Nhật*

Khiêm (*Nisugen*.) Pháp Chủ đời thứ 83. Năm 17 tuổi, ông phát tâm chép “**Khai Mục Sao**” của Nhật Liên Thánh Nhơn, dấu mực đen còn loang trên nét bút ngoằn ngoèo của ông, thể nhưng cuối cùng Thạch Kiêu chọn cuộc đời nhà kinh tế. Phải nói rằng căn bản tinh thần của ông là niềm kính tín tư tưởng của Nhật Liên Thánh Nhơn.

Vũ Kiến Thái Lang, Hội Trưởng Y Học của Nhật Bản trong thời gian rất lâu về già đưa ra chương trình dự phòng y học về trường y của Nhật Bản nhưng thực tế, ông rất kính tín Nhật Liên Thánh Nhơn, bởi vì trong ông lúc nào cũng sống theo quan điểm của Nhật Liên Thánh Nhơn “**Chúng ta là cội trụ vững chắc của Nhật Bản; chúng ta là con mắt sáng suốt của Nhật Bản; chúng ta là con thuyền to lớn của Nhật Bản**” cư mang nguyện ước vĩ đại, tuy nhiên ông thực hiện được ít nhiều công hiến cho xã hội, như một sứ mệnh mà ai cũng phải có trách nhiệm.

Còn muốn giới thiệu nhiều nhân vật nữa nhưng đến đây tôi xin dừng bút. Một khi chúng ta nhìn thấy được, như trình bày ban đầu, những người cùng sống với Nhật Liên Tông là những người chánh nghĩa, hành động chính đáng. Bây giờ trong môi trường của xã hội vô cùng phức tạp, chúng ta phải xác định rằng sống như thế nào để cùng mọi người tìm thấy hạnh phúc thật sự.

Hơn nữa, xin ghi thêm vào đây một số vị nổi tiếng như: Đại Cửu Bảo Sam Tả Vệ Môn, Đại Cương Việt Tiên Thủ, Độc Sơn Nhân, Thập Phần Xá Nhứt Cửu, Những họa sĩ thuộc phái Thủ Dã, Gian Cung Lâm Tạng, Anh Nhất Điệp, Tỉnh Nguyên

Tây Hạc, Viễn Sơn Kim Tứ Lang, Bảo Tịnh Kỳ Giác, Cúc Trì Dung Trai, Tùy Vĩnh Đàn Chánh Cửu Tú, Vĩ Hình Quang Lân, Xuyên Thượng Bất Bạch, Đằng Đường Cao Hồ, Phục Bộ Lam Tuyết, Tiểu Giả Tự Thập Nội ...

(Trong chương này phần kính ngữ, xin được lược bớt.
Xin độc giả vui lòng rộng lượng dung thứ)

Chương cuối

XI. Nhật Liên Tông ngày nay và tương lai

Watanabe Hooyoo

Tam Du Đình Kim Mã Sư Tượng, nhân viên Đài Truyền Hình thuyết minh lễ kỷ niệm 700 năm Khai Tông Lập Giáo của Nhật Liên Thánh Nhơn cứ nhắc đi nhắc lại hoài câu chuyện hơn 30 năm về trước của mình khi còn nhỏ, với tên là Tiểu Kim Mã, hằng ngày từ sáng sớm bị mẹ đánh thức dậy trong lúc còn ngái ngủ theo mẹ, một tín đồ thuần tín Kinh Pháp Hoa, tham bái tại Minobuzan, cho đến bây giờ trong đầu vẫn còn nhớ những việc ấy như mới ngày nào hôm qua.

Ông Vũ Kiến Thái Lang phát biểu rằng: “*Tôn giáo rất quan trọng đối với xã hội, xét cho cùng, từ nay trở đi nước Nhật phải hết lòng ủng hộ Tôn Giáo*”. Thật ra, ông Vũ Kiến nghiên cứu rất kỹ về Tôn Giáo, mỗi tháng vào ngày mùng một, ông và gia đình đều đến Chùa Diệu Pháp ở Ikegami Bồn Môn Tự và Chùa ĐỀ Kinh tham bái.

Thủ Tướng Thạch Kiều Trạm Sơn ảnh hưởng tinh thần “*chẳng tiếc thân mạng*” của Kinh Pháp Hoa, quyết tâm tận lực vận động cho hòa bình thế giới. Dù tuổi già, bị té ngã, chân đứng không vững nhưng vẫn đi bộ 500 thước ngoài biên giới để hội đàm với nhà lãnh đạo Trung Cộng, thật rất cảm động như chuyện phim, ít thấy ở đời thường.

Ông Thượng Nguyên Chuyên Lục, Viện Trưởng Đại Học Nhất Kiều từ thưở còn ấu thơ, mỗi ngày đều đến Chùa Bồn Pháp ở Tokyo tụng Kinh Pháp Hoa. Về sau, được biết ông rất

siêng nghiên cứu Kinh Pháp Hoa. Về già, muốn nghiên cứu về Nhật Liên Thánh Nhơn, ông xem hằng trăm hình màu trên quyển “*Nhật Liên Đại Thánh Nhơn Ngự Chơn Tích*” do Lập Chánh An Quốc Hội phát hành. Lúc nào trình bày về Nhật Liên, ông đều rất nhiệt tình, có lần bị trúng gió rất đáng ngại, nhưng ông vẫn tận tâm nghiên cứu thật kỹ từng nét bút nhỏ của Nhật Liên Thánh Nhơn như không có gì xảy ra. Ông có một thái độ rất cẩn trọng trong nghiên cứu từ tư tưởng đến giáo nghĩa của Nhật Liên Thánh Nhơn.

Ông là một diễn viên kịch nghệ dân gian rất giỏi, đặc biệt rất nổi tiếng về phường chèo, thế nhưng, những người bạn của ông rất vui khi kể về ông rằng lúc nào cũng vậy trước khi lên diễn xuất, ông đều cúi đầu sát ngực và cầu nguyện bằng Đề Mục, cầu nguyện chư Phật mẫu nhiệm gia hộ cho ông diễn xuất thành công.

Năm rồi, đài truyền hình Nhật Bản (NHK = Nippon Hosho Kyoku) giới thiệu sinh hoạt hằng ngày của ông Thổ Quang Mãn Phu, hội trưởng điều hành hành chánh, ông ta trả lời phỏng vấn một cách thẳng thắn rằng trước khi tường trình công việc, ông thường đánh trống và cầu nguyện Kinh Pháp Hoa.

Rõ ràng, lời dạy Kinh Pháp Hoa ảnh hưởng đến từng ngõ ngách cuộc đời. Ai có niềm tin với Nhật Liên Thánh Nhơn, người đó có thể dẫn thân vào cuộc đời bằng đôi mắt dung dị dễ thương và sẵn sàng chấp nhận.

Những tôn giáo mới xuất hiện, trên phương diện hình thức, chúng ta có thể chấp nhận, nhưng về phương diện ảnh hưởng tôn giáo với xã hội, trước tiên chúng ta buộc tôn giáo đó phải buông bỏ hình thức, đừng để tín đồ tin một cách mù quáng, tạo cho tôn giáo ấy có sức mạnh tâm linh, được nhiều người tôn kính, ai ai cũng sẽ biết đến. Dù thế nào đi nữa, thật tế giữa thể nghiệm tâm linh và lịch sử con người, bất cứ ai, cũng chọn niềm tin tôn giáo đặt vào chỗ quan trọng nhất. Nhưng thế thì tôn giáo là gì?

Thật ra, trả lời cho câu hỏi này không có đáp số cuối cùng, bởi vì câu hỏi vĩnh viễn có thể là một câu đó, có thể là một đề tài vì sao, vì cuộc sống của mỗi cá nhân con người là gì, không ai trả lời được, bởi mình có phải là một vật chất đâu, và như thế vẫn còn nhiều câu hỏi nữa liên tục nêu lên tiếp theo.

Thế nhưng, dù đang đứng, đang làm việc vất vả hoặc đang hướng về đâu đi nữa, chúng ta vẫn không thể giải quyết và giải thích được những vấn đề xã hội, bởi vì cuộc sống của chúng ta vô cùng giới hạn và rất đơn thuần, thanh niên là thanh niên, tráng niên là tráng niên, lão niên vẫn là những vấn đề lão niên, mỗi lãnh vực đều có bức bách riêng biệt.

Thật ra, sinh hoạt xã hội chẳng qua là những vấn đề nghề nghiệp, kiến thức, tri thức trong xã hội v.v... trong khi đó, cuộc sống của mỗi con người đều mang tính đặc thù riêng biệt khó mà giải thích rõ vấn đề này.

Những ví dụ nêu trên, ít nhiều cũng làm sáng tỏ phần nào. Tuy nhiên, nếu nghĩ sai cho rằng tôn giáo như đối tượng vô tri hoang tưởng thì ngay đó, con người đã vô tri hoang tưởng rồi.

Thời đại bây giờ, mỗi một chúng ta là con người quốc tế, chúng ta phải tự xác định niềm tin tôn giáo của mình. Tuy nhiên nhiều người sẽ suy nghĩ rằng chùa nào, tôn giáo nào mới có thể là nơi nương tựa?

Có thể tác phẩm này dành cho những người như thế, nhưng hơn nữa vẫn là sách hướng dẫn cho những ai đang đặt niềm tin nơi Nhật Liên Tông. Phải nói rằng tác phẩm này được viết ra vì mục đích tôn giáo hóa gia đình, vì những người muốn học hỏi nghi lễ Nhật Liên Tông.

Với ý nghĩa như vậy, xin tha thiết nguyện cầu mọi người đều hướng về tương lai, bước những bước vững chãi tìm cầu an lạc từ Kinh Pháp Hoa, lấy Kinh Pháp Hoa làm kim chỉ nam cho cuộc sống. Xin cầu nguyện mọi người cùng nắm tay chung lòng tinh tấn sẽ gặp nhau trong tương lai nơi Nhật Liên Tông.

Cuối cùng, xin giới thiệu một vài cơ quan hoằng pháp của Nhật Liên Tông.

Xin quay số điện thoại để được nghe thuyết giảng, nếu quay điện thoại đúng số vùng và đúng số điện thoại như dưới đây có thể nghe thuyết pháp trong vòng ba mươi phút. Đề tài thay đổi hằng tuần.

Địa phương Kanto: Tel: 03 - 3540 - 2104

Địa phương Kansei: Tel: 06 - 575 - 2104

Thân Diên Sơn Cửu Viễn Tự: Tel: 05566 - 2 - 2030

Ngoài ra, xin hỏi thêm các chùa địa phương về việc “Thuyết giảng bằng điện thoại”.

Nhật Liên Tông Tông Vụ Viện Hộ Pháp Truyền Đạo Bộ:
Tel: 03 – 3751 – 7181.

Phát hành định kỳ mỗi tháng ba lần: Báo Nhật Liên Tông.
Tạp chí “Chánh Pháp” mỗi năm ba kỳ.

XII. Những sách cần tham khảo thêm

Muốn biết rõ Tông Nhật Liên, phải tham khảo một số sách, đa phần là những sách liên hệ với Nhật Liên Tông, đặc biệt làm sao dễ hiểu, chúng tôi giới thiệu một số sách có thể có trong tay dễ dàng để tham khảo như sau:

XII.1 Kinh Pháp Hoa

XII.1.1 Kinh Pháp Hoa của Phẩm Bồ Hạng Nam

Kinh Pháp Hoa của Phẩm Bồ Hạng Nam do Nham Bồ Dung dịch và chú “Pháp Hoa Kinh” gồm 3 quyển, Chiêu Hòa năm thứ 42, Văn Khố Nham Ba, “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh” dưới câu văn dịch chữ Hán, có tiếng Sanskrit từ nguyên điển đến khẩu ngữ được thu lục lại.

Khi mở xem thì đoạn bên trên phía bên phải là Hán dịch và đoạn bên dưới phía bên trái có kèm tiếng Sanskrit nguyên điển và ngay cả sắp đặt cho khẩu ngữ nữa. Dưới câu văn dịch chữ Hán còn dịch ra bằng khẩu ngữ tiếng Sanscrit nữa, rất dễ dàng đối chiếu.

XII.1.2 Pháp Hoa Kinh Phổ Cập Biên

Pháp Hoa Kinh Phổ Cập Biên “Chơn Huấn lưỡng độc Diệu Pháp Liên Hoa Kinh tịnh khai kết”. Đại Chánh năm thứ 13, Bình Lạc Tự thơ điểm. Bắt đầu vào Kinh Pháp Hoa có Kinh Vô Lượng Nghĩa một quyển và Kinh Diệu Pháp Liên Hoa 8 quyển. Phần kết của Kinh Pháp Hoa có Kinh Quán Phổ Hiền

một quyển. Cộng chung tất cả là 10 quyển (Đây gọi chung là Pháp Hoa tam bộ kinh). Những phần trên dịch ra chữ Hán và phần dưới viết lại câu văn trên.

XII.1.3 Watanabe Bảo Dương biên “Kinh - Nhật Liên Tông”

Watanabe Bảo Dương biên “Kinh - Nhật Liên Tông” Chiêu Hoà năm thứ 58, Giảng Đàm Xã. Đàn Tín đồ của Nhật Liên Tông hằng ngày tụng đọc những phẩm quan trọng của Kinh Pháp Hoa và kèm theo giải thích. Phần trên là Hán dịch. Phần dưới là viết theo lối văn dịch khẩu ngữ. Ngoài ra, còn có những lời dạy của Nhật Liên Tông, lịch sử Nhật Liên Tông, có giải thích những Phật sự cơ bản của Nhật Liên Tông nữa.

XII.1.4 Mậu Điền Tĩnh Giáo Hưởng “Pháp Hoa Kinh nhập môn”

Mậu Điền Tĩnh Giáo Hưởng “Pháp Hoa Kinh nhập môn” Chiêu Hòa năm thứ 51, Đại Tạng xuất bản. Lấy Bốn Môn Thọ Lượng phẩm làm trung tâm, giải thích những lời dạy của Kinh Pháp Hoa. Do biên tập những bài giảng thuộc văn hóa giảng tọa, giải thích nội dung Kinh Pháp Hoa để người đọc hiểu dễ dàng.

XII.2 Nhật Liên Thánh Nhơn Di văn

XII.2.1 “Chiêu Hòa Định Bản Nhật Liên Thánh Nhơn Di Văn”

Lập Chánh Đại Học Nhật Liên giáo học nghiên cứu sở biên “Chiêu Hòa Định Bản Nhật Liên Thánh Nhơn Di Văn”

gồm 4 quyển – Chiêu Hòa năm thứ 27 đến năm thứ 34, Thân Diên Sơn Cửu Viễn Tự (Bình Thành năm thứ 3 tái bản lần thứ 2 có cải chính bổ sung).

Hiện tại được biết tất cả những biên niên thể, những di văn của Nhật Liên Thánh Nhơn được sưu lục lại. Dưới “Nhật Liên Thánh Nhơn Ngự Di Văn” có bút tích và bản viết gốc những tài liệu văn chương. Phải nói Nhật Liên Thánh Nhơn Di Văn Tập được đánh giá rất cao về niềm tin và học thuật. Do Nhật Liên Thánh Nhơn lý giải cơ bản Văn Hiến xuất bản.

XII.2.2 Suất Mộc Chánh Hưởng Hiệu Chú “Nhật Liên Văn Tập”

Suất Mộc Chánh Hưởng Hiệu Chú “Nhật Liên Văn Tập” Chiêu Hòa năm thứ 40, do Iwaba văn khố xuất bản.

Lấy từ trong Nhật Liên Thánh Nhơn di văn gồm 3 bộ lớn như: Lập Chánh An Quốc Luận, Khai Mục Sao, Quán Tâm Bản Tôn Sao. Viết về đời Ngài gồm 45 loại được sưu tập lại. Dưới những câu văn bằng chữ Hán đều có viết ghi chú tiếng Nhật. Những cước chú chủ yếu giải thích câu văn.

XII.3 Nhật Liên Thánh Nhơn truyện

XII.3.1 Kubota Chánh văn “Nhật Liên - cuộc đời và tư tưởng”

Kubota Chánh văn “Nhật Liên - cuộc đời và tư tưởng” Chiêu Hòa năm thứ 42, Giảng Đàm Xã xuất bản.

Giải thích về cuộc đời của Nhật Liên Thánh Nhơn thật bình dị. Cuối quyển có đề: “Nhật Liên sống trong hiện tại” do nhà văn Miyazawa Hiền Trị và Tam Lương, sáng lập Hội Pháp Hoa Yamada luận về thế giới niềm tin. Giải thích những lời dạy của Nhật Liên Thánh Nhơn theo hiện đại.

XII.3.2 Cao Mộc Phong “Nhật Liên – Hành trạng và tư tưởng”

Cao Mộc Phong “Nhật Liên – Hành trạng và tư tưởng”. Chiêu Hòa năm thứ 45, Bình Luận xã xuất bản.

Xuất phát từ cái nhìn rất thoáng về lịch sử Phật Giáo Nhật Bản, luận cứ về cuộc đời của Nhật Liên Thánh Nhơn, đây là tư liệu xác thật, súc tích. Có tượng của Nhật Liên được khắc nổi.

XII.4 Những lời dạy của Nhật Liên Thánh Nhơn

XII.4.1 Mậu Điền Tinh Giáo Hường “Nhật Liên Tông Nhập môn”

Mậu Điền Tinh Giáo Hường “Nhật Liên Tông Nhập môn” Chiêu Hòa năm thứ 42, Giáo Dục Tân Trào Xã xuất bản.

Luận về những điểm chính yếu về giáo huấn Nhật Liên Thánh Nhơn, sáng tỏ bản chất tôn giáo của Nhật Liên Thánh Nhơn, đây là tùy bút được viết lại qua việc tọa đàm văn học về lời dạy của Nhật Liên Thánh Nhơn, thu góp tất cả những thi văn nữa.

XII.4.2 Mật Điền Tỉnh Giáo Hưởng “Quán về Kinh Pháp Hoa của Nhật Liên”

Mật Điền Tỉnh Giáo Hưởng “Quán về Kinh Pháp Hoa của Nhật Liên”. Chiêu Hòa năm thứ 55, Giáo Thành Xã xuất bản, đây là công việc biên tập những diễn giảng “Nhật Liên Nghiên Cứu Hội”, giải thích có cơ sở về những giáo nghĩa của Nhật Liên Thánh Nhơn như: Thành Phật, Nguyên Tội, Bốn Tôn, Nhứt Niệm Tam Thiên, Diệu Pháp Ngũ Tự, Tam Đại Bí Pháp v.v...

XII.5 Những môn đệ của Nhật Liên Thánh Nhơn

XII.5.1 Mizayaki Anh Tu: “Nhật Liên và Những Đệ Tử”

Mizayaki Anh Tu: “Nhật Liên và Những Đệ Tử” Chiêu Hòa năm thứ 46, Mainichi Shinbun Xã xuất bản.

Cuộc đời Nhật Liên Thánh Nhơn và những khuynh hướng hoạt động của đệ tử được giải thích rất chân thật. Trong đây sử dụng nhiều tư liệu quý giá liên hệ đến Nhật Liên Tông. Cuối quyển ghi lại đầy đủ từ đầu đến cuối niên biểu của Nhật Liên Tông.

XII.5.2 Mizayaki Anh Tu: “Những Đệ Tử của Nhật Liên Thánh Nhơn - Lục Lão Tăng Lược Truyện”

Mizayaki Anh Tu: “Những Đệ Tử của Nhật Liên Thánh Nhơn - Lục Lão Tăng Lược Truyện”. Chiêu Hòa năm thứ 58, Nhật Liên Tông Tân Văn Xã xuất bản. Lược truyện của Cao đệ

lục Lão Tăng của Nhật Liên Thánh Nhơn gồm có: Nhật Chiêu, Nhật Băng, Nhật Hưng, Nhật Hương, Nhật Đảnh và Nhật Trì. Giới thiệu nơi sanh, tu học, hoạt động trong thời gian làm đệ tử của Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn căn cứ trên sự thật lịch sử .

XII.6 Lịch sử Nhật Liên Tông

XII.6.1 Trung Mao Hiểu “Lịch Sử Nhật Liên Tông”

Trung Mao Hiểu “Lịch Sử Nhật Liên Tông” Chiêu Hòa năm thứ 55, Giáo Dục Xã xuất bản.

Giải thích dễ hiểu về lịch sử giáo đoàn sau khi Nhật Liên Thánh Nhơn viên tịch cũng như về Nhật Liên. Về lịch sử Nhật Liên Tông, giới thiệu và triển khai của Đông Quốc Nhật Liên Tông. Sự phát triển đến Kyoto của Nhật Liên Tông. Sự hoạt động của giáo đoàn Nhật Liên qua Nhật Thân. Nhật Liên Tông là Phật Giáo bình dân đó là những đề tài chính mà Nhật Liên giáo đoàn trải qua 700 năm hoàng hóa.

XII.7 Nhật Liên Tông tự viện

XII.7.1 “Liên hệ Bốn Sơn của Nhật Liên Tông”

Nakano Dung Đạo biên “Liên hệ Bốn Sơn của Nhật Liên Tông”, Chiêu Hoà năm 46, giới thiệu về Bốn Sơn Hội Sự Vụ Cục. Tổ Sơn, Thánh tích Tự Viện, duyên do lập chùa và thu lục những tự viện của Nhật Liên Tông. Nguyên do, chùa báu, những Phật sự trong năm v.v... như là loại sách hướng dẫn tham bái các thánh tích.

XII.8 Nghi lễ của Nhật Liên Tông

XII.8.1 “Tông Định Nhật Liên Tông Pháp Yếu Thức”

Ishigawa Nhật Chương và Cao Kiều Huyền Thịnh biên “Tông Định Nhật Liên Tông Pháp Yếu Thức” Chiêu Hoà năm thứ 26, Nhật Liên Tông Tông vụ viện.

Sai định (Sajoo), Thức văn (Shikimon), hành quĩ tác pháp (Gyooki Sakuhoo), Yếu Văn Tập (Yoomonshuu) Thơ thức v.v... làm thành một tập lớn. Đây là văn hiến cơ bản cần biết về những nghi lễ pháp yếu của Nhật Liên Tông.

XII.8.2 “Tân biên Nhật Liên Tông Tín Hành Yếu Điển”

Mizayaki Anh Tu “Tân biên Nhật Liên Tông Tín Hành Yếu Điển” Chiêu Hoà năm thứ 42 Bình Lạc tự thư điểm.

Bắt đầu việc đọc tụng những phẩm quan trọng của Kinh Pháp Hoa hằng ngày. Rồi yếu văn nghi, pháp yếu thức, hồi hướng văn, tác pháp v.v... biên tập và giải thích về những việc này.

XII.9 Sách giảng có tính cách chung chung về Nhật Liên Tông

XII.9.1 “Nhật Liên Tông Độc Bản”

Lập Chánh Đại Học Nhật Liên Tông Giáo Học Nghiên Cứu Sở biên “Nhật Liên Tông Độc Bản” Chiêu Hoà năm 36, Bình Lạc tự thư điểm.

Giải thích từ cuộc đời Đức Phật ở Ấn Độ rồi Trung Quốc, Nhật Bản là 3 quốc gia Phật Giáo, cuộc đời của Nhật Liên và những lời dạy của Nhật Liên, triển khai về Nhật Liên giáo đoàn v.v... trong phạm vi rộng rãi nhưng vẫn xoay quanh trung tâm Nhật Liên Tông. Đây cũng là văn hiến căn bản lý giải bên trên có tính cách học thuật đối với Nhật Liên Tông.

XII.9.2 “Giảng toạ Nhật Liên”

Phản Bản Nhật Thâm giám tu “Giảng toạ Nhật Liên” gồm 5 quyển Chiêu Hoà năm thứ 47, Xuân Thu Xã xuất bản.

Nhật Liên Thánh Nhơn cũng như Nhật Liên Tông được giải thích một cách tổng quát.

Quyển 1: Nhật Liên và Kinh Pháp Hoa;

Quyển 2: Nhật Liên cuộc đời và tư tưởng;

Quyển 3: Lịch sử và tín ngưỡng Nhật Liên;

Quyển 4: Nhật Bản cận đại và Nhật Bản chủ nghĩa;

Quyển 5: Nhật Liên Ngũ lục.

XII.9.3 “Nhật Liên Tông của chúng ta”

Watanabe Bảo Dương biên “Nhật Liên Tông của chúng ta” Chiêu Hoà năm thứ 55, sáng tác xuất bản xã.

Nhật Liên Tông, Nhật Liên Thánh Nhơn và lời dạy của Nhật Liên Thánh Nhơn, lịch sử của Nhật Liên Thánh Nhơn, Tổ chức Nhật Liên Tông, hành trì và nghi lễ v.v... giới thiệu một cách dễ hiểu về Nhật Liên Tông trong giới hạn rộng. Đây là sách nhập môn tìm hiểu Nhật Liên Tông.

XII.10 Từ Điển

XII.10.1 “Nhật Liên Tông Sự Điển”

Nhật Liên Tông biên “Nhật Liên Tông Sự Điển” Chiêu Hoà năm thứ 56, Nhật Liên Tông Tông Vụ Viện xuất bản.

Tổng hợp tự điển của Nhật Liên Tông, giáo học, lịch sử, tổ chức, cơ cấu, truyền giáo, xã hội, pháp tu, nghi thức, văn học, thơ họa, kiến trúc v.v... Đây gồm những tập hợp các phần thuộc ngữ nghĩa, liên hệ đến Nhật Liên Tông. Nhật Liên Thánh Nhơn xuất bản nhân ngày kỷ lần thứ 700. Đây là văn hiến cần thiết để hiểu rõ về Nhật Liên Tông.

XII.10.2 “Nhật Liên Từ Điển”

Myzayaki Anh Tu biên “Nhật Liên Từ Điển” Chiêu Hoà năm thứ 53, Đông Kinh Đường xuất bản.

Lấy Nhật Liên Thánh Nhơn làm chính và tập lục gồm những ngữ từ liên quan đến Nhật Liên giáo đoàn, giải thích về cuộc đời của Nhật Liên Thánh Nhơn, ghi lại năm tháng của Nhật Liên Tông và đồ hình hệ phổ môn hạ ở phần cuối. Phần phụ bản có bản đồ di tích của Nhật Liên Thánh Nhơn. Đây là văn hiến căn bản để hiểu rõ về giáo đoàn Nhật Liên cũng như Nhật Liên Thánh Nhơn.

XII.11 Những sách tham khảo chính

Khi viết sách này chúng tôi (tác giả) chủ yếu tham khảo những sách, văn hiến như sau (chỉ giới thiệu tên sách mà thôi):

- Vọng Nguyệt Hoan Hậu Tha “Nhật Liên Thánh Nhơn Ngữ Di Văn Giảng Nghĩa” gồm 19 quyển. Long Ngâm Xã.
- Thanh Thủy Long Sơn Tha “Nhật Liên Thánh Nhơn Di Văn” toàn tập giảng nghĩa gồm 28 quyển 32 sách. Bình Lạc tự thơ điểm.
- Lập Chánh Đại Học Nhật Liên Giáo Học Nghiên Cứu Sở biên “Nhật Liên giáo đoàn toàn sử” quyển thượng do Bình Lạc tự thơ điểm xuất bản.
- Phần Luân Tuyên Kinh “Trí Tuệ Kinh Pháp Hoa” của Anh Giáo Thành xuất bản xã.
- Tiền Điều Tín Thứ “Nhật Trì Thượng Nhơn đi thuyền qua Đại Lục” Thành Văn Đường Tân Quang Xã.
- Thất Trụ Nhất Diệu “Hành Học Viện Nhật Triều Thượng Nhơn” Thân Diên giáo báo xã.
- Điền Trung Hương Bồ “Điền Trung Trí Học” Chơn Thế Giới xã.
- Lý Kiến Ngạn Hùng Giám Tu “Điền Trung Trí Học”. Cẩm Chánh xã.
- Mục Giả Nội Khoan Thanh “Tân Cư Nhật Tát” Minh Trị Phật Giáo Nghiên Cứu Hội.
- Trung Giả Giáo Đốc biên “Cận đại Nhật Liên giáo đoàn tư tưởng gia” quốc thơ san hành hội.
- Thạch Xuyên Giáo Trương tha “Nhật Liên Tông hành sự tập” Thượng hạ, Vitaka.
- Thành Xuyên Văn Nhã biên trú “Nhật Liên Tông Tín Đồ Thủ Trưởng” Cộng Vinh thơ phòng.

- Nhật Liên Tông tự viện Đại Giám biên tập Ủy Viên Hội biên “Nhật Liên Tông Tự Viện Đại Giám” Trì Thượng Bản Môn tự.
- Hộ Điền Hoát Hiếu “Giới danh của Nhật Liên Tông, lý luận và thật tế” Sơn Hỷ Phòng Phật thơ lâm.
- Vọng Nguyệt Lương Quang “Thứ Dân Phật Giáo và tín ngưỡng Pháp Hoa” Thế Giới Thánh Địa san hành hiệp hội.
- Thị Xuyên Trí Khang “Con đường bước đi của Nhật Liên Thánh Nhơn” Thủy Thơ phòng.
- Cung Xuyên Liễu Đốc Tha Giám Tu “Thất Diện Sơn” Kamakura xuất bản.
- Phật Giáo văn hoá nghiên cứu hội biên “Những việc Phật sự” Hikarinokuni.
- Trung Vĩ Nhiêu biên “Nhật Liên Thánh Nhơn sự tích sự điển” Hùng Sơn Các xuất bản.
- Đăng Tỉnh Chánh Hùng Tha “Phật Giáo tang tế đại sự điển” Hùng Sơn Các xuất bản.
- Đăng Tỉnh Chánh Hùng biên “Phật Giáo nghi lễ tự điển” Đông Kinh Đường xuất bản.
- Okayaki Hộ Trì Giám Tu “Phật cụ đại sự điển” Liêm Thương Tân Thơ.

Tụng Kinh kèm theo đĩa CD bằng tiếng Nhật gồm¹⁷:

- Khai Kinh Kệ
- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Phương Tiện phẩm đệ nhị
- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Như Lai Thọ Lượng phẩm đệ thập lục
- Văn hồi hương

¹⁷ Ghi chú của dịch giả: Thay vì nghe CD bằng tiếng Nhật, những Phật Tử Việt Nam có thể làm quen với cách tụng Kinh theo lối phiên âm Hán Việt và Hán Nhật. Quý vị nào cần tra nghĩa của Kinh văn thì vào bên trong sách để tìm hiểu thêm.

Khai Kinh Kệ

Phật Pháp cao siêu rất nhiệm mầu
 Trăm ngàn muôn kiếp dễ hay đâu
 Con nay nghe thấy chuyên trì tụng
 Nguyên tỏ Như Lai nghĩa nhiệm mầu

Vời vợi cao thâm Pháp Đại Thừa
 Thấy rõ, nghe thông, ngộ Bồ Đề
 Pháp, Báo hai thân đều chứng đạt
 Ứng thân văn, tướng, chẳng còn mê

Công đức vô biên hiện ở đâu!
 Tự tại viên dung nghĩa thẳm sâu
 Trí tuệ vượt qua tội, không tội
 Tín như bất tín cũng đều nhau.
 Luôn luôn gặp Phật lúc sanh ra
 Chư Phật mười phương thật nhiệm mầu.

<i>Diệu</i>	<i>Pháp</i>	<i>Liên</i>	<i>Hoa Kinh (Âm Hán Việt)</i>
MYO	HOO	REN	GE KYOO
<i>Phương</i>	<i>Tiện</i>	<i>phẩm đệ</i>	<i>nhị</i>
HOO	BEN	BON DA	NI (Âm Hán Nhật)
<i>Nhĩ</i>	<i>thời</i>	<i>Thế</i>	<i>Tôn</i>
NI	JI	SE	SON
<i>Tông</i>	<i>Tam</i>	<i>Muội</i>	
YUU	SAN	MAI	
<i>An</i>	<i>tường</i>	<i>nhĩ</i>	<i>khởi</i>

AN	YOO	NI	KI
<i>Cáo</i>	<i>Xá</i>	<i>Lợi</i>	<i>Phát</i>
GOO	SHA	RI	HOTSU
<i>Chư</i>	<i>Phật</i>	<i>trí</i>	<i>huệ</i>
SHO	BUTSU	CHI	E
<i>Thậm</i>	<i>thâm</i>	<i>vô</i>	<i>lượng</i>
JIN	JIN	MU	RYOO
<i>Kì</i>	<i>trí</i>	<i>huệ</i>	<i>môn</i>
GO	CHI	E	MON
<i>Nan</i>	<i>Giải</i>	<i>nan</i>	<i>nhập</i>
NAN	GE	NAN	NYUU
<i>Nhứt</i>	<i>thiết</i>	<i>Thanh</i>	<i>Văn</i>
ITSU	SAI	SHOO	MON
<i>Bích</i>	<i>Chi</i>	<i>Phật</i>	
HYAKU	SHI	BUTSU	
<i>Sở</i>	<i>bất</i>	<i>năng</i>	<i>tri</i>
SHO	BU	NOO	CHI 000#
<i>Sở</i>	<i>đĩ</i>	<i>giã</i>	<i>hà</i>
SHO	I	SHA	GA
<i>Phật</i>	<i>tăng</i>	<i>thân</i>	<i>cận</i>
BUTSE	ZOO	SHIN	GON
<i>Bách</i>	<i>thiên</i>	<i>vạn</i>	<i>ức</i>
HYAKU	SEN	MAN	NOKU
<i>Vô</i>	<i>số</i>	<i>chư</i>	<i>Phật</i>
MU	SHU	SHO	BUTSU
<i>Tận</i>	<i>hành</i>	<i>chư</i>	<i>Phật</i>
JIN	GYOO	SHO	BUTSU
<i>Vô</i>	<i>Lượng</i>	<i>đạo</i>	<i>pháp</i>
MU	RYOO	DOO	HOO

Dũng	mãnh	tin	tấn		
YU	MYOO	SHOO	JIN		
Danh	xung	phổ	văn		
MYOO	SHOO	FU	MON		
Thành	tự	thâm	thâm		
YOO	YUU	JIN	JIN		
Vị	tằng	hữu	pháp		
MI	ZOO	U	HOO		
Tùy	nghi	sở	thuyết		
ZUI	GI	SHO	SETSU		
Ý	thú	nan	giải		
I	SHU	NAN	GE		
Xá	Lợi	Phát			
SHA	RI	HOTSU			
Ngô	Tòng	thành	Phật	dĩ	lai
GO	YUU	YOO	BUTSU	CHI	LAI
Chủng	chủng	nhon	duyên		
SHU	YUU	IN	NEN		
Chủng	chủng	thí	du		
SHU	YUU	HI	YU		
Quảng	diễn	ngôn	giáo		
KOO	EN	GON	KYOO		
Vô	số	phương	tiện		
MU	SHU	HOO	BEN		
Dẫn	đạo	chúng	san		
IN	DOO	SHU	YOO		
Linh	li	chư	trước		
RYO	RI	SHO	YAKU		

<i>Sở</i>	<i>dĩ</i>	<i>giả</i>	<i>hà</i>		
SHO	I	SHA	GA		
<i>Như</i>	<i>Lai</i>	<i>phương</i>	<i>tiện</i>		
NYO	LAI	HOO	BEN		
<i>Tri</i>	<i>kiến</i>	<i>Ba</i>	<i>La</i>	<i>Mật</i>	
CHI	KEN	HA	RA	MITSU	
<i>Giai</i>	<i>dĩ</i>	<i>cụ</i>	<i>túc</i>		
KAI	I	GU	SOKU		
<i>Xá</i>	<i>Lợi</i>	<i>Phát</i>			
SHA	RI	HOTSU			
<i>Như</i>	<i>Lai</i>	<i>tri</i>	<i>kiến</i>		
NYO	RAI	CHI	KEN		
<i>Quảng</i>	<i>đại</i>	<i>thâm</i>	<i>viễn</i>		
KOO	DAI	JIN	NON		
<i>Vô</i>	<i>lượng</i>	<i>vô</i>	<i>ngại</i>		
MU	RYOO	MU	GE		
<i>Lục</i>	<i>vô</i>	<i>sở</i>	<i>úy</i>		
RIKI	MU	SHO	I		
<i>Thiền</i>	<i>Định</i>	<i>giải</i>	<i>thoát</i>	<i>Tam</i>	<i>Muội</i>
ZEN	YOO	GE	DATSU	SAM	MAI
<i>Thâm</i>	<i>nhập</i>	<i>vô</i>	<i>tế</i>		
JIN	NYUU	MU	SAI		
<i>Thành</i>	<i>tự</i>	<i>nhứt</i>	<i>thiết</i>		
YOO	YUU	ITSU	SAI		
<i>Vị</i>	<i>tăng</i>	<i>hữu</i>	<i>pháp</i>		
MI	ZOO	U	HOO		
<i>Xá</i>	<i>Lợi</i>	<i>Phát</i>			
SHA	RI	HOTSU			

<i>Như Lai</i>	<i>năng</i>	<i>chủng chủng</i>	<i>phân biệt</i>
NYO RAI	NOO	SHU YUU	BUN BETSU
<i>Xảo</i>	<i>thuyết</i>	<i>chư</i>	<i>pháp</i>
GYOO	SETSU	SHO	HOO
<i>Ngôn</i>	<i>từ</i>	<i>nhu</i>	<i>nhuyễn</i>
GON	JI	NYUU	NAN
<i>Duyệt</i>	<i>khả</i>	<i>chúng</i>	<i>tâm</i>
ETSU	KA	SHU	SHIN
<i>Xá</i>	<i>Lợi</i>	<i>Phát</i>	
SHA	RI	HOTSU	
<i>Thủ</i>	<i>yếu</i>	<i>ngôn</i>	<i>chi</i>
SHU	YOO	GON	SHI
<i>Vô</i>	<i>lượng</i>	<i>vô</i>	<i>biên</i>
MU	RYOO	MU	HEN
<i>Vị</i>	<i>tăng</i>	<i>hữu</i>	<i>pháp</i>
MI	ZOO	U	HOO
<i>Phật</i>	<i>tất</i>	<i>thành</i>	<i>tự</i>
BUTSU	SHITSU	YOO	YUU
<i>Chỉ</i>	<i>Xá</i>	<i>Lợi</i>	<i>Phát</i>
SHI	SHA	RI	HOTSU
<i>Bất</i>	<i>tu</i>	<i>phục</i>	<i>thuyết</i>
BU	SHU	BU	SETSU
<i>Sở</i>	<i>đĩ</i>	<i>giả</i>	<i>hà</i>
SHO	I	SHA	GA
<i>Phật</i>	<i>sở</i>	<i>thành</i>	<i>tự</i>
BUTSU	SHO	YOO	YUU
<i>Đệ</i>	<i>nhứt</i>	<i>hy</i>	<i>hữu</i>
DAI	ICHI	KE	U

<i>Nan</i>	<i>giải</i>	<i>chi</i>	<i>pháp</i>
NAN	GE	SHI	HOO
<i>Duy</i>	<i>Phật</i>	<i>tả</i>	<i>Phật</i>
YUI	BUTSU	YO	BUTSU
<i>Nãi</i>	<i>năng</i>	<i>cứu</i>	<i>tận</i>
NAI	NOO	KU	JIN
<i>Chư</i>	<i>Pháp</i>	<i>thật</i>	<i>trưởng</i>
SHO	HOO	JITSU	SOO

(từ đây trở xuống tụng 3 lần)

(Ika sankai yomu)

<i>Sở</i>	<i>vị</i>	<i>chư</i>	<i>pháp</i>		
SHO	I	SHO	HOO		
<i>Như</i>	<i>thị</i>	<i>tướng</i>			
NYO	ZE	SOO			
<i>Như</i>	<i>thị</i>	<i>tánh</i>			
NYO	ZE	SHOO			
<i>Như</i>	<i>thị</i>	<i>thể</i>			
NYO	ZE	TAI			
<i>Như</i>	<i>thị</i>	<i>lục</i>			
NYO	ZE	RIKI			
<i>Như</i>	<i>thị</i>	<i>tác</i>			
NYO	ZE	SA			
<i>Như</i>	<i>thị</i>	<i>nhơn</i>			
NYO	ZE	IN			
<i>Như</i>	<i>thị</i>	<i>duyên</i>			
NYO	ZE	EN			
<i>Như</i>	<i>thị</i>	<i>quả</i>			
NYO	ZE	KA			
<i>Như</i>	<i>thị</i>	<i>báo</i>			
NYO	ZE	HOO			
<i>Như thị</i>	<i>bổn</i>	<i>mạt</i>	<i>cứu</i>	<i>cánh</i>	<i>đẳng</i>
NYO ZE	HON	MATSU	KU	KYOO	TOO

<i>Diệu</i>	<i>Pháp</i>	<i>Liên</i>	<i>Hoa</i>	<i>Kinh</i>	
MYO	HOO	REN	GE	KYOO	
<i>Như Lai</i>	<i>Thọ</i>	<i>Lượng</i>	<i>phẩm</i>	<i>đệ thập</i>	<i>lục</i>
NYO RAI	YU	RYOO	HON	DAI YUU	ROKU
<i>Tự</i>	<i>ngã</i>	<i>đắc</i>	<i>Phật</i>	<i>Lai</i>	
JI	GA	TOKU	BUTSU	RAI	
<i>Sở</i>	<i>kinh</i>	<i>chư</i>	<i>kiếp</i>	<i>số</i>	
SHO	KYOO	SHO	KOTSU	SHU	
<i>Vô</i>	<i>lượng</i>	<i>bách</i>	<i>thiên</i>	<i>vạn</i>	
MU	RYOO	HYAKU	SEN	MAN	
<i>Úc</i>	<i>tải</i>	<i>A</i>	<i>Tăng</i>	<i>Kỳ</i>	
OKU	SAI	A	SOO	GI	
<i>Thường</i>	<i>thuyết</i>	<i>pháp</i>	<i>giáo</i>	<i>hoá</i>	
YOO	SETSU	BOO	KYOO	KE	
<i>Vô</i>	<i>số</i>	<i>ức</i>	<i>chúng</i>	<i>sanh</i>	
MU	SU	OKU	SHU	YOO	
<i>Linh</i>	<i>nhập</i>	<i>ư</i>	<i>Phật</i>	<i>đạo</i>	
RYO	NYUU	O	BUTSU	DOO	
<i>Nhĩ</i>	<i>lai</i>	<i>vô</i>	<i>lượng</i>	<i>kiếp</i>	
NI	RAI	MU	RYOO	KOO	
<i>Vì</i>	<i>độ</i>	<i>chúng</i>	<i>sanh</i>	<i>cổ</i>	
I	DO	SHU	JOO	KO	
<i>Phương</i>	<i>tiện</i>	<i>hiện</i>	<i>Niết</i>	<i>Bàn</i>	
HOO	BEN	GEN	NE	HAN	
<i>Nhi</i>	<i>thật</i>	<i>bất</i>	<i>diệt</i>	<i>độ</i>	
NI	JITSU	FU	METSU	DO	
<i>Thường</i>	<i>trụ</i>	<i>thử</i>	<i>thuyết</i>	<i>pháp</i>	
JOO	YUU	SHI	SETSU	BOO	

<i>Ngã</i>	<i>thường</i>	<i>trụ</i>	<i>ư</i>	<i>thử</i>
GA	YOO	YUU	O	SHI
<i>Dĩ</i>	<i>chư</i>	<i>thần</i>	<i>thông</i>	<i>lực</i>
I	SHO	JIN	ZUU	RIKI
<i>Linh</i>	<i>điên</i>	<i>đảo</i>	<i>chúng</i>	<i>sanh</i>
RYOO	TEN	DOO	SHO	YOO
<i>Duy</i>	<i>cận</i>	<i>nhi</i>	<i>bất</i>	<i>kiến</i>
SUI	GON	NI	FU	KEN
<i>Chúng</i>	<i>kiến</i>	<i>ngã</i>	<i>diệt</i>	<i>độ</i>
SHU	KEN	GA	METSU	DO
<i>Quảng</i>	<i>cung</i>	<i>dường</i>	<i>xá</i>	<i>lợi</i>
KOO	KU	YOO	SHA	RI
<i>Hoặc</i>	<i>giai</i>	<i>hoài</i>	<i>luyện</i>	<i>mộ</i>
GEN	KAI	E	REN	HO
<i>Nhi</i>	<i>sanh</i>	<i>khát</i>	<i>ngưỡng</i>	<i>tâm</i>
NI	SHOO	KATSU	GOO	SHIN
<i>Chúng</i>	<i>sanh</i>	<i>khải</i>	<i>tín</i>	<i>phục</i>
SHU	YOO	KI	SHIN	BUKU
<i>Chất</i>	<i>trực</i>	<i>ý</i>	<i>nhu</i>	<i>nhuyển</i>
SHICHI	JIKI	I	NYUU	NAN
<i>Nhất</i>	<i>tâm</i>	<i>dục</i>	<i>kiến</i>	<i>Phật</i>
ITSU	SHIN	YOKU	KEN	BUTSU
<i>Bất</i>	<i>tự</i>	<i>tích</i>	<i>thân</i>	<i>mệnh</i>
BU	JI	SHAKU	SHIN	MYOO
<i>Thời</i>	<i>ngã</i>	<i>cập</i>	<i>chúng</i>	<i>Tăng</i>
JI	GA	KYUU	SHU	SOO
<i>Cụ xuất</i>		<i>Linh</i>	<i>Thứ</i>	<i>Sơn</i>
KU SHYUTSU		RYOO	YUU	SEN

<i>Ngã</i>	<i>thời</i>	<i>ngữ</i>	<i>chúng</i>	<i>sanh</i>
GA	JI	GO	SHU	YOO
<i>Thường</i>	<i>tại</i>	<i>thử</i>	<i>bất</i>	<i>diệt</i>
YOO	ZAI	SHI	BU	METSU
<i>Dĩ</i>	<i>phương</i>	<i>tiện</i>	<i>lực</i>	<i>cố</i>
I	HOO	BEN	RIKI	KO
<i>Hiện</i>	<i>hữu</i>	<i>diệt</i>	<i>bất</i>	<i>diệt</i>
GEN	U	METSU	BU	METSU
<i>Dư</i>	<i>quốc</i>	<i>hữu</i>	<i>chúng</i>	<i>sanh</i>
YO	KOFU	U	SHU	YOO
<i>Cung</i>	<i>kính</i>	<i>tín</i>	<i>lạc</i>	<i>giả</i>
KU	GYOO	SHIN	GYOO	SHA
<i>Ngã</i>	<i>phục</i>	<i>ư</i>	<i>bỉ</i>	<i>trung</i>
GA	BU	O	HI	CHUU
<i>Vị</i>	<i>thuyết</i>	<i>vô</i>	<i>thượng</i>	<i>pháp</i>
I	SETSU	MU	YOO	HOO
<i>Nhữ</i>	<i>đẳng</i>	<i>bất</i>	<i>văn</i>	<i>thử</i>
NYO	TOO	BU	MON	SHI
<i>Đản</i>	<i>vị</i>	<i>ngã</i>	<i>diệt</i>	<i>độ</i>
TAN	NI	GA	METSU	DO
<i>Ngã</i>	<i>kiến</i>	<i>chư</i>	<i>chúng</i>	<i>sanh</i>
GA	KEN	SHO	SHU	YOO
<i>Một</i>	<i>tại</i>	<i>ư</i>	<i>khổ</i>	<i>hải</i>
MOTSU	ZAI	O	KU	KAI
<i>Cố</i>	<i>bất</i>	<i>vi</i>	<i>hiện</i>	<i>thân</i>
KO	BU	I	GEN	SHIN
<i>Linh</i>	<i>kỳ</i>	<i>sanh</i>	<i>khát</i>	<i>ngưỡng</i>
RYO	GO	SHOO	KATSU	GOO

<i>Nhon</i>	<i>kỳ</i>	<i>tâm</i>	<i>luyện</i>	<i>mộ</i>
IN	GO	SHIN	REN	BO
<i>Nãi</i>	<i>xuất</i>	<i>vi</i>	<i>thuyết</i>	<i>pháp</i>
NAI	SHUTSU	I	SETSU	BOO
<i>Thần</i>	<i>thông</i>	<i>lục</i>	<i>như</i>	<i>thị</i>
JIN	ZUU	RIKI	NYO	ZE
<i>Ư</i>	<i>A</i>	<i>Tăng</i>	<i>Kỳ</i>	<i>Kiếp</i>
O	A	SOO	GI	KOO
<i>Thường</i>	<i>tại</i>	<i>Linh</i>	<i>Thứ</i>	<i>Sơn</i>
YOO	ZAI	RYOO	YUU	SEN
<i>Cập</i>	<i>du</i>	<i>chư</i>	<i>trụ</i>	<i>xứ</i>
GYUU	YO	SHO	YUU	SHO
<i>Chúng</i>	<i>sanh</i>	<i>kiến</i>	<i>kiếp</i>	<i>tận</i>
SHU	JOO	KEN	KOO	JIN
<i>Đại</i>	<i>hỏa</i>	<i>sở</i>	<i>thiên</i>	<i>thời</i>
DAI	KA	SHO	SHO	JI
<i>Ngã</i>	<i>thử</i>	<i>độ</i>	<i>an</i>	<i>ổn</i>
GA	SHI	DO	AN	NON
<i>Thiên</i>	<i>nhon</i>	<i>thường</i>	<i>sung</i>	<i>mãn</i>
TEN	NIN	JOO	JUU	MAN
<i>Viên</i>	<i>lâm</i>	<i>chư</i>	<i>đường</i>	<i>các</i>
ON	RIN	SHO	DOO	KAKU
<i>Chúng</i>	<i>chúng</i>	<i>bảo</i>	<i>trang</i>	<i>nghiêm</i>
SHUU	YUU	HOO	SHOO	GON
<i>Bảo</i>	<i>thọ</i>	<i>đa</i>	<i>hoa</i>	<i>quả</i>
HOO	YUO	TA	KE	KA
<i>Chúng</i>	<i>sanh</i>	<i>sở</i>	<i>du</i>	<i>lạc</i>
SHU	YOO	SHO	YU	RAKU

<i>Chư</i>	<i>thiên</i>	<i>kích</i>	<i>thiên</i>	<i>cổ</i>
SHO	TEN	KYAKU	TEN	KU
<i>Thường</i>	<i>tác</i>	<i>chúng</i>	<i>kỹ</i>	<i>nhạc</i>
YOO	SA	SHU	GI	GAKU
<i>Vũ</i>	<i>Mạn</i>	<i>Đà</i>	<i>la</i>	<i>hoa</i>
U	MAN	DA	RA	KE
<i>Tán</i>	<i>Phật</i>	<i>cập</i>	<i>đại</i>	<i>chúng</i>
SAN	BUTSU	GYUU	DAI	SHU
<i>Ngã</i>	<i>Tịnh</i>	<i>Độ</i>	<i>bất</i>	<i>hủy</i>
GA	YOO	DO	BU	KI
<i>Nhi</i>	<i>chúng</i>	<i>kiến</i>	<i>thieu</i>	<i>tận</i>
NI	SHU	KEN	SHO	JIN
<i>Ưu</i>	<i>bố</i>	<i>chư</i>	<i>khổ</i>	<i>nã</i>
U	BU	SHO	KU	NOO
<i>Như</i>	<i>thị</i>	<i>tất</i>	<i>sung</i>	<i>mãn</i>
NYO	ZE	SHITSU	YUU	MAN
<i>Thị</i>	<i>chư</i>	<i>tội</i>	<i>chúng</i>	<i>sanh</i>
ZE	SHO	ZAI	SHU	YOO
<i>Dĩ</i>	<i>ác</i>	<i>nghiệp</i>	<i>nhơn</i>	<i>duyên</i>
I	AKU	GOO	IN	NEN
<i>Quá</i>	<i>A</i>	<i>tăng</i>	<i>kỳ</i>	<i>kiếp</i>
KA	A	SOO	GI	KO
<i>Bất</i>	<i>văn</i>	<i>Tam</i>	<i>Bảo</i>	<i>danh</i>
BU	MON	SAN	BOO	MYOO
<i>Chư</i>	<i>hữu</i>	<i>tu</i>	<i>công</i>	<i>đức</i>
SHO	U	SHU	KU	DOKU
<i>Nhu</i>	<i>hoà</i>	<i>chất</i>	<i>trực</i>	<i>giả</i>
NYUU	WA	SHICHI	JIKI	SHA

Tắc	<i>giai</i>	<i>kiến</i>	<i>ngã</i>	<i>thân</i>
SOTSU	KAI	KEN	GA	SHIN
Tại	<i>thử</i>	<i>nhi</i>	<i>thuyết</i>	<i>pháp</i>
ZAI	SHI	NI	SETSU	BOO
Hoặc	<i>thời</i>	<i>vi</i>	<i>thử</i>	<i>chúng</i>
WAKU	JI	I	SHI	SHU
Thuyết	<i>Phật</i>	<i>thọ</i>	<i>vô</i>	<i>lượng</i>
SETSU	BUTSU	YU	MU	RYOO
Cửu	<i>nãi</i>	<i>kiến</i>	<i>Phật</i>	<i>giả</i>
KU	NAI	KEN	BUTSU	SHA
Vì	<i>thuyết</i>	<i>Phật</i>	<i>nan</i>	<i>trực</i>
I	SETSU	BUTSU	NAN	CHI
Ngã	<i>trí</i>	<i>lục</i>	<i>như</i>	<i>thị</i>
GA	CHI	RIKI	NYO	ZE
Huệ	<i>quang</i>	<i>chiếu</i>	<i>vô</i>	<i>lượng</i>
E	KOO	SHOO	MU	RYOO
Thọ	<i>mệnh</i>	<i>vô</i>	<i>số</i>	<i>kiếp</i>
YUU	MYOO	MU	SHU	KOO
Cửu	<i>tu</i>	<i>nghiệp</i>	<i>sở</i>	<i>đức</i>
KU	SHU	GOO	SHO	TOKU
Nhữ	<i>đẳng</i>	<i>hữu</i>	<i>trí</i>	<i>giả</i>
NYO	TO	U	CHI	SHA
Vật	<i>ư</i>	<i>thử</i>	<i>sanh</i>	<i>nghi</i>
MOTSU	TO	SHI	SHOO	GI
Đương	<i>đoạn</i>	<i>lệnh</i>	<i>vĩnh</i>	<i>tận</i>
TOO	DAN	RYOO	YOO	JIN
Phật	<i>ngữ</i>	<i>thật</i>	<i>bất</i>	<i>hư</i>
BUTSU	GO	JITSU	BU	KO

<i>Như</i>	<i>y</i>	<i>thiện</i>	<i>phương</i>	<i>tiện</i>
NYO	I	ZEN	HOO	BEN
<i>Vi</i>	<i>trị</i>	<i>cuông</i>	<i>tử</i>	<i>cố</i>
I	JI	OO	SHI	KO
<i>Thật</i>	<i>tại</i>	<i>nhì</i>	<i>ngôn</i>	<i>tử</i>
JITSU	ZAI	NI	GON	SHI
<i>Vô</i>	<i>năng</i>	<i>thuyết</i>	<i>hư</i>	<i>vọng</i>
MU	NOO	SETSU	KO	MOO
<i>Ngã</i>	<i>diệt</i>	<i>vi</i>	<i>thế</i>	<i>phụ</i>
GA	YAKU	I	SE	BU
<i>Cứu</i>	<i>chư</i>	<i>khổ</i>	<i>hoạn</i>	<i>giả</i>
KU	SHO	KU	GEN	SHA
<i>Vị</i>	<i>phàm</i>	<i>phu</i>	<i>điên</i>	<i>đảo</i>
I	BON	BU	TEN	TOO
<i>Thật</i>	<i>tại</i>	<i>nhì</i>	<i>ngôn</i>	<i>diệt</i>
JITSU	ZAI	NI	GON	METSU
<i>Dĩ</i>	<i>thường</i>	<i>kiến</i>	<i>ngã</i>	<i>cố</i>
I	JOO	KEN	GA	KO
<i>Nhi</i>	<i>sanh</i>	<i>kiêu</i>	<i>tứ</i>	<i>tâm</i>
NI	SHOO	KYOO	SHI	SHIN
<i>Phóng</i>	<i>dật</i>	<i>trước</i>	<i>ngũ</i>	<i>dục</i>
HOO	ITSU	YAKU	GO	YOKU
<i>Đọa</i>	<i>ư</i>	<i>ác</i>	<i>đạo</i>	<i>trung</i>
DA	O	AKU	DOO	CHUU
<i>Ngã</i>	<i>thường</i>	<i>tri</i>	<i>chúng</i>	<i>sanh</i>
GA	YOO	CHI	SHU	YOO
<i>Hành</i>	<i>đạo</i>	<i>bất</i>	<i>hành</i>	<i>đạo</i>
GYOO	DOO	BU	GYOO	DOO

<i>Tùy</i>	<i>ưng</i>	<i>sở</i>	<i>khả</i>	<i>độ</i>
ZUI	OO	SHO	KA	DO
<i>Vị</i>	<i>thuyết</i>	<i>chứng</i>	<i>chứng</i>	<i>pháp</i>
I	SETSU	SHU	YU	HOO
<i>Mỗi</i>	<i>tự</i>	<i>tác</i>	<i>thị</i>	<i>niệm</i>
MAI	JI	SA	ZE	NEN
<i>Dĩ</i>	<i>hà</i>	<i>linh</i>	<i>chúng</i>	<i>sanh</i>
I	GA	RYOO	SHU	YOO
<i>Đắc</i>	<i>nhập</i>	<i>vô</i>	<i>thượng</i>	<i>đạo</i>
TOKU	NYUU	MU	YOO	DOO
<i>Tốc</i>	<i>thành</i>	<i>tự</i>	<i>Phật</i>	<i>thân</i>
SOKU	JOO	JU	BUTSU	SHIN

Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh
(câu này tụng 10 đến 30 lần)

NA MU MYO HOO REN GE KYOO
(zippen kara sanzippen hodo tonaeru)

Văn hồi hương

Chúng con thành tâm cung kính đánh lễ

Nam Mô Cửu Viễn Thật Thành Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni
Phật,

Nam Mô Nhứt Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh,

Nam mô Mạt Pháp Đại Tôn Sư Cao Tổ Nhật Liên Đại Bồ
Tát,

Đại từ đại bi quang lâm chiếu giám, tri kiến chiếu lâm

Chư lịch đại Tông Môn, Chư Pháp Huân Công, Chư Tiên
Sư hồi hương Chư Thiên Thần, Chư Địa Thần, Chư Thiệן Thần
Hộ Pháp, Chư Thiệן Thần hộ trì pháp lạc.

Ngưỡng nguyện:

Trời cao lồng lộng, biển rộng bao la đều hướng về Diệu
Pháp cao xa, Vạn niên đấng đấng, mạt pháp mông mênh, cùng
xin được Đạo Sư gia hộ.

Trời quang, đất tịnh,
quốc thái, dân an,
mùa màng thêm tươi tốt,
cuộc sống mãi mãi ấm no,
cháu con vui vầy đông đảo,
nhà cửa khang trang thịnh vượng.

Chúng con thiết tha mong muốn
tâm thành một lòng sám hối
từ xưa vốn tạo tội lỗi
sáu căn tạo nghiệp vô cùng,
tội chướng nay mong tiêu diệt

xin không hủy báng pháp mầu
 xin vui trong cùng quốc độ,
 xin làm người dân không giảm.

Gia đình chúng con:
 siêng năng tụng kinh hành trì,
 cầu cho bẫy nạn qua đi.

Lại nguyện:
 hương linh Tiên Tổ đời đời,
 và nguyện những người vừa thác
 tất cả đều vào biển pháp

Hương linh những kẻ có hình,
 hương linh những kẻ vô hình
 cả hai đều ngồi toà sen báu,
 cả hai thành tựu thân Phật.
 nguyện nhờ từ lực Diệu Pháp
 gia hộ tức thân thành Phật.

Nguyện đem công đức vô biên
 hồi hướng tất cả mọi miền
 chúng con cùng với chúng sanh
 thầy đều trọn thành Phật Đạo.

Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh (3 lần).

XIII. Lời cuối

Ngày phi thuyền Suptonic và Atrice bay khỏi địa cầu, lao vào vũ trụ, ai ai cũng trầm trồ ngạc nhiên, khen ngợi thời đại khoa học như một giấc mơ. Mọi người cảm tưởng rằng chẳng bao lâu nữa lịch sử đến lúc nhân loại sẽ chinh phục vũ trụ một cách dễ dàng.

Thế nhưng, khi Apolo thứ 15 từ vũ trụ bay trở lại địa cầu, phi hành gia James Awin chụp được bề phẳng trên mặt trăng, NASA chấm dứt cảm nghĩ của những nhà truyền giáo rằng nơi đó có vị Thần hiện hữu. Bây giờ, ông thành lập một tổ chức tôn giáo gọi là High Flight Foundation ở Colorado Spring đi khắp nơi khắp nơi trên thế giới. (Lập Hoa Long “Từ Vũ Trụ đã trở về” Trung Ương Công Luận Xã).

Cũng vậy, Nhật Bản đến thời kỳ thành trường cao độ, có khuynh hướng thay đổi cách nhìn truyền thống, do vậy truyền thống tâm linh cũng cần phải nhìn lại một cách thông thoáng hơn. Tác phẩm này được thành hình trong bối cảnh đó.

Cho đến bây giờ, phải nói rằng, hình thức tôn giáo quá cũ kỹ. Việc truyền đạt cho thế hệ kế tiếp không còn giới hạn trong trách nhiệm của chùa nữa, như Giới Ốc Thái Nhất cho rằng: ***khi xã hội được công nghiệp hóa, mọi người ai ai cũng cần nhu cầu làm giàu trí thức, cho nên hoạt động tôn giáo phải được đưa vào những sinh hoạt xã hội, đánh thức lòng nhiệt thành của mỗi người.***

Nhật Liên Tông xuất hiện từ thời Kamakura với tông chỉ của Nhật Liên Thánh Nhơn, thọ nhận có hệ thống pháp môn xướng Đề Mục. Nhật Liên Thánh Nhơn có 6 vị đệ tử, gọi là lục lão tăng, mà ngày nay xem như sáu vị đại biểu đưa Nhật Liên Tông trở thành một tông phái phát triển rộng rãi và ý nghĩa, mà chúng ta cần phải xếp tất cả sáu lão tăng này vào hệ phổ Nhật Liên Tông.

Tác phẩm này dành cho những ai cư mang niềm tin nơi Nhật Liên Tông, ước vọng mang lại cho họ điều gì đó cần thiết và hữu hiệu, nếu giúp được gì cho ai đó tăng trưởng niềm tin, canh tân Nhật Liên Tông, phải nói rằng bút giả không còn niềm vui nào hơn.

Đánh máy tác phẩm, phát hành tác phẩm đều nhờ vào quý vị ở ban biên tập của nhà xuất bản Đại Pháp Luân, đặc biệt ông **Tiểu Sơn Hoàng Lợi** chịu khó, chịu nhọc hỗ trợ không ít. Một lần nữa, nơi đây bút giả xin hết lòng đa tạ tất cả.

Thêm nữa, xin cảm niệm công đức trợ lực giúp đỡ của ba anh em nghiên cứu sinh ở Viện Nghiên Cứu thuộc Đại Học Lập Chánh là: **Tự Vĩ Anh Trí**, **Quan Hộ Hiểu Hải** và **A Bộ Thái Tôn**.

Chân thành cảm tạ!

Tác giả: Watanabe Hooyoo (Độ Biên Bảo Dương) và
Ootani Gyookoo (Am Cốc Hành Hưởng)

XIV. Tiểu Sử Tác Giả

XIV.1 Wanatabe Hooyoo,

Wanatabe Hooyoo sinh vào năm Chiêu Hoà thứ 8 (1933) tại Tokyo. Tốt nghiệp phân khoa Tông học, Phật Giáo Học bộ của Lập Chánh Đại Học. Đồng Đại Học Viện đã tốt nghiệp Tiến Sĩ khoá trình. Hiện tại: Giáo Thọ của Đại Học Lập Chánh, Văn Học Tiến Sĩ.

Sách đã xuất bản:

- Lời dạy của Ngài Nhật Liên (Hùng Sơn Các)
- Kinh - Nhật Liên Tông (Giảng Đàm Xã)
- Kinh Pháp Hoa - Sự cứu giúp trong quá khứ (NHK xuất bản)
- Chúng ta là con của Phật (Trung Ương Công Luận Tân Xã)

XIV.2 Ootani Gyookoo,

Ootani Gyookoo sinh vào năm Chiêu Hoà thứ 24 (1949) tại Tokyo. Tốt nghiệp phân khoa Tông Học, Phật Giáo Học bộ của Lập Chánh Đại Học. Đồng Đại Học Viện tốt nghiệp Tiến Sĩ khoá trình. Hiện tại: Giáo Thọ của Đại Học Lập Chánh (Tiến Sĩ Văn Học).

Sách đã xuất bản:

- Nhật Liên Thánh Nhơn giáo học nghiên cứu cơ bản (Sơn Hỷ Phòng Phật thơ lâm)
- Nhật Liên Thánh Nhơn giáo học cơ bản (Sơn Hỷ Phòng Phật thơ lâm)

- Tấm lòng của Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn (Nhật Liên Tông Tân Văn Xã)
- Ai cũng có thể hiểu Kinh Pháp Hoa (Đại Pháp Luân Các)

Nhà Xuất Bản

Phát hành lần đầu tiên vào ngày 10 tháng 4 năm Bình
Thành thứ 15 (2003).

Trước tác: Watanabe Hooyoo
Ootani Gyokoo

Phát hành: Ishihara Oomichi
Ấn loát: Tam Hiệp Mỹ Thuật ấn loát Châu Thức Hội Xã

Chế bản: Châu Thức Hội Xã
Việt Hậu Đường Chế Bản
Tokyoto Shibuyaku Higashi 2-5-36
Building Oomizu

Phát hành tại: HỮU HẠN HỘI XÃ
Đại Pháp Luân Các
Tel.: 03 - 5466 - 1401
ISBN4 - 8046 - 6014 - 3 C0315